

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LIU DƯƠNG MINH

(Liu Yangming)

HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC
VÀ VIỆT NAM TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2023

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐÔNG NAM Á HỌC

Hà Nội-2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LƯU DƯƠNG MINH

(Liu Yangming)

HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC
VÀ VIỆT NAM TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2023

Chuyên ngành: Đông Nam Á học

Mã số: 9310608.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐÔNG NAM Á HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS.TS. Bùi Thành Nam

2. TS. Hoàng Huệ Anh

Hà Nội-2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS. Bùi Thành Nam và TS. Hoàng Huệ Anh. Các số liệu trong luận án là trung thực, chính xác, đảm bảo tính khách quan khoa học và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

Hà Nội, ngày.... tháng năm 2026

Tác giả luận án

LƯU DƯƠNG MINH

(Liu Yangming)

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến PGS.TS. Bùi Thành Nam và TS. Hoàng Huệ Anh, người Thầy giáo, Cô giáo hướng dẫn, người đã tận tình chỉ bảo, đóng góp những ý kiến khoa học và khách quan để tôi có thể hoàn thành luận án.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thầy cô giáo Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội là nơi đã đào tạo và tạo điều kiện giúp đỡ cho tôi trong suốt quá trình học tập nghiên cứu.

Xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Lãnh đạo và các thầy cô giáo của khoa Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Cao đẳng Nghề Cơ Điện Văn Nam đã tạo điều kiện để tôi có đủ tư liệu cho luận án này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân và bạn bè đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ để tôi có thể hoàn thiện được luận án này.

Tác giả luận án

LƯU DƯƠNG MINH

(Liu Yangming)

MỤC LỤC

Trang

Danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt	i
Danh mục các bảng	iii
Danh mục các biểu đồ	iv
Danh mục các hình	v
MỞ ĐẦU	1
Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	8
1.1.1. Những công trình nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	8
1.1.2. Những công trình nghiên cứu thực trạng hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	15
1.1.3. Những công trình nghiên cứu về triển vọng và giải pháp thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	22
1.2. Một số nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	32
Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN VỀ HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM NĂM 2013-2023	34
2.1. Cơ sở lý luận về hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	34
2.1.1. Những khái niệm liên quan đến hợp tác giáo dục nghề nghiệp	34
2.1.2. Các lý thuyết nghiên cứu	45
2.2. Cơ sở thực tiễn hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	52
2.2.1. Bối cảnh hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam	52
2.2.2. Chủ trương đường lối của Trung Quốc và Việt Nam về việc tăng cường hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa hai nước	56
2.2.3. Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của Trung Quốc và Việt Nam	64
2.2.4. Tình hình giáo dục nghề nghiệp ở Trung Quốc và Việt Nam	67
2.3. Vai trò ý nghĩa hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	81

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	84
Tiểu kết chương 2	93
Chương 3 THỰC TRẠNG HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023	94
3.1. Thành tựu trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023	94
3.1.1. Về số lượng du học sinh Việt Nam ở Trung Quốc	94
3.1.2. Các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023	104
3.2. Một số trường hợp tiêu biểu về loại hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023	120
3.2.1. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường - doanh nghiệp ...	120
3.2.2. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường - doanh nghiệp	128
3.2.3. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường	132
Tiểu kết chương 3	140
Chương 4 ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM	142
4.1. Đánh giá về kết quả hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023	142
4.1.1. Những kết quả và nguyên nhân trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023	142
4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023	150
4.2. Bối cảnh hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay	157
4.3. Triển vọng hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	160
4.4. Giải pháp thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam trong tương lai	165
4.4.1. Tăng cường và đổi mới phương thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam	165
4.4.2. Nâng cao khả năng quốc tế hóa của giáo viên và sinh viên hai nước	168
4.4.3. Cân đối nguồn lực và trình độ phát triển giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam	168

<i>4.4.4. Tăng cường quản lý hoạt động hợp tác giáo dục nghề nghiệp và thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài giữa Trung Quốc và Việt Nam</i>	<i>170</i>
<i>4.4.5. Tăng cường chiều sâu hợp tác giáo dục nghề nghiệp trong các ngành, lĩnh vực liên quan đến các dự án BRI và thông qua tổ chức ASEAN</i>	<i>172</i>
<i>4.4.6. Một số giải pháp đối với Việt Nam</i>	<i>174</i>
Tiêu kết chương 4	179
KẾT LUẬN	181
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	184
TÀI LIỆU THAM KHẢO	185
PHỤ LỤC	198

Danh mục các ký hiệu và chữ viết tắt

Từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
ACMECS	Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong Economic Cooperation Strategy	Tổ chức Chiến lược Hợp tác Kinh tế Ayeyawady-Chao Phraya-Mekong
ADB	Asian Development Bank	Ngân hàng Phát triển châu Á
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
B6	Vocational Training Quality Index	Chỉ số Chất lượng đào tạo nghề
BRI	the Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai và Con đường
CAECW	China-ASEAN Education Cooperation Week	Tuần lễ hợp tác giáo dục ASEAN-Trung Quốc
CATTC	China-ASEAN Technology Transfer Center	Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc-ASEAN
DMP	Digital Management Platform	nền tảng quản trị số
DHS	International Students	Du học sinh
FDI	Foreign Direct Investment	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
G20	Group of Twenty	Nhóm các nền kinh tế lớn G20
GCI	Global Competitiveness Index	Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu
GDNN	Vocational Education and Training	Giáo dục nghề nghiệp
GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm trong nước
HDI	Human Development Index	Chỉ số phát triển con người
HTQT	International Conference The 7th International	Hội thảo Quốc tế
ICOT	Conference on Orange Technology	Hội nghị Học thuật Quốc tế về Công nghệ Cam lần thứ bảy
ILO	International Labour Organization	Tổ chức Lao động Quốc tế
LMS	Learning Management System	Hệ thống đào tạo trực tuyến
ODA	Official Development Assistance	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức
OER	Open Educational Resources	Tài nguyên Giáo dục mở
PCI	Provincial Competitiveness Index	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PLC	Programmable Logic Controller	Hệ thống điều khiển lập trình
RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership	Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực

SEAMEO	Southeast Asian Ministers of Education Organization	Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục Đông Nam Á
SGAVE	Sino-German Advanced Vocational Education Cooperation Project	Dự án hợp tác GDNN Tiên tiến Trung-Đức
TFP	Total Factor Productivity	Năng suất nhân tố tổng hợp
TVET	Technical and Vocational Education and Training	Giáo dục và Đào tạo Kỹ thuật và Nghề nghiệp
USAID	United States Agency for International Development	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VCCI	Vietnam Chamber of Commerce and Industry	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WEF	World Economic Forum	Diễn đàn Kinh tế Thế giới
WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

Danh mục các bảng

Trang

Bảng 2.1. Các quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam tính đến năm 2024	62
Bảng 2.2. Những cuộc gặp cấp cao của lãnh đạo hai đảng, hai nhà nước và chính phủ giai đoạn 2008-2023	62
Bảng 2.3. Những chính sách và thành tựu về việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN giai đoạn 2013-2023	73
Bảng 3.1. Số lượng, thứ hạng và tỷ lệ sinh viên Việt Nam học tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2023	95
Bảng 3.2. Số lượng du học sinh Việt Nam học cao đẳng và đại học tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2018	97
Bảng 3.3. Du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp ở Trung Quốc	98
Bảng 3.4. Du học sinh ngắn hạn và du học sinh không cấp bằng của Việt Nam đến Trung Quốc	101
Bảng 3.5. Số lượng học bổng chính phủ Trung Quốc cấp cho sinh viên Việt Nam giai đoạn 2013-2018	103

Danh mục các biểu đồ

Trang

Biểu đồ 3.1. Số lượng sinh viên Việt Nam tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2020 ...	95
Biểu đồ 3.2. Thứ bậc và tỷ lệ sinh viên Việt Nam học tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2018	96
Biểu đồ 3.3. Tổng số và tỷ lệ du học sinh hệ cao đẳng so với tổng số du học sinh Việt Nam đến Trung Quốc giai đoạn 2013-2018	98
Biểu đồ 3.4. Tổng số du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2018	99
Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp so với tổng số du học sinh Việt Nam đến Trung Quốc	99
Biểu đồ 3.6. Thứ hạng du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp trong số du học sinh đến Trung Quốc từ các quốc gia Châu Á	100
Biểu đồ 3.7. Tổng số, du học sinh Việt Nam không cấp bằng so với tổng số du học sinh Việt Nam đến Trung Quốc giai đoạn 2013-2018	101
Biểu đồ 3.8. Số lượng, thứ hạng du học sinh ngắn hạn Việt Nam đến Trung Quốc so với tổng số du học sinh ngắn hạn đến Trung Quốc giai đoạn 2013-2018	102
Biểu đồ 3.9. Số suất học bổng cho Việt Nam, số lượng và tỷ lệ du học sinh Việt Nam được cấp bằng nhận học bổng của Trung Quốc	103
Biểu đồ 4.1. Chỉ số quyền lực mềm của Trung Quốc giai đoạn 2015-2025	146

Danh mục các hình

Trang

Hình 3.1. Tiêu chuẩn tuyển sinh và loại hình bằng được cấp cho sinh viên tham gia chương trình hợp tác giáo dục nghề nghiệp	124
Hình 3.2. Biểu của Học viện Thợ lành nghề hiện đại Trung Quốc-ASEAN	138
Hình 4.1. Các trình độ GDNN trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam	154

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đã đang trở thành xu thế tất yếu. Chính vì vậy, hợp tác trong giáo dục giữa các quốc gia trở thành vấn đề quan trọng mà các quốc gia cần quan tâm. Nghiên cứu sinh lựa chọn nghiên cứu “Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2023” xuất phát từ những lý do sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ mối quan hệ hợp tác giáo dục của Trung Quốc và Việt Nam. Trung Quốc và Việt Nam là hai nước láng giềng có quan hệ lâu đời. Do đặc điểm lịch sử và địa lý, nền giáo dục của hai nước có nhiều ảnh hưởng và giao lưu qua lại. Kể từ năm 1991, sau khi bình thường hóa quan hệ, Chính phủ hai nước đã hết sức chú trọng thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác song phương. Năm 2008, hai nước thiết lập quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt-Trung trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch và khoa học kỹ thuật nhằm đưa các lĩnh vực hợp tác này phát triển lên tầm cao mới. Từ đó đến nay, ngành giáo dục hai nước đã và đang có nhiều chính sách phối hợp chia sẻ kinh nghiệm đổi mới giáo dục từ bậc phổ thông đến đại học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ cho phát triển kinh tế-xã hội.

Thứ hai, vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trong phát triển kinh tế đất nước, là nơi cung ứng nhân lực lao động qua đào tạo cho thị trường lao động. Giáo dục bao gồm các bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Ở cả Trung Quốc lẫn Việt Nam đang diễn ra tình trạng “thừa thầy thiếu thợ” và sự mất cân đối về cơ cấu lao động qua đào tạo giữa GDNN và giáo dục đại học hiện nay. Thị trường lao động của hai nước đang thiếu trầm trọng nguồn lực lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, thợ lành nghề có trình độ cao đẳng, trung cấp nghề, trong khi lại dư thừa lượng lớn lao động có trình độ đại học trở lên,

phản ánh tình trạng mất cân bằng về cơ cấu giáo dục giữa giáo dục nghề chuyên nghiệp và giáo dục đại học theo hướng hàn lâm. Trước tình trạng đó, Chính phủ hai nước đều có nhiều chính sách nhằm nâng cao vị trí GDNN trong đột phá chiến lược về nguồn nhân lực. Cụ thể, ở Trung Quốc, năm 2019, Quốc vụ viện đã công bố “*Kế hoạch thực hiện cải cách GDNN quốc gia*” (Tên gọi khác là *20 điều GDNN*), thể hiện sự đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực GDNN. Kế hoạch của cuộc cải cách này nhằm hướng đến nâng cao vị thế của lĩnh vực GDNN, với nỗ lực xóa bỏ định kiến GDNN là “sự lựa chọn thứ hai” trong mục tiêu học tập [105]. Ở Việt Nam, việc đổi mới, phát triển GDNN đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tạo đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là yêu cầu cấp thiết, là vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay. Đặc biệt, “*Chỉ thị số 21-CT/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” [2] của Ban Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu đến năm 2030 thu hút 50-55% học sinh trung học vào hệ thống GDNN. Đồng thời, yêu cầu đưa nội dung phát triển GDNN vào trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của ngành, địa phương. Điều này cho thấy cả hai quốc gia đều quan tâm đến GDNN. Thực trạng đó đặt ra nhu cầu cần hợp tác GDNN giữa các quốc gia với nhau để thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra.

Thứ ba, giai đoạn năm 2013 đến năm 2023, cả Trung Quốc và Việt Nam đều đã có những sự điều chỉnh trong chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động giáo dục nói chung, trong đó có GDNN. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, Trung Quốc thực thi chiến lược “Khoa giáo hưng quốc”, trong đó đã nhấn mạnh, cần phải đưa giáo dục vào vị trí ưu tiên chiến lược phát triển, dốc sức phát triển sự nghiệp giáo dục để đặt nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ nhân tài kiểu mới [17]. Từ đó, sự nghiệp khoa học giáo dục phát triển như vũ bão và đạt được những thành quả quan trọng, sự nghiệp giáo dục phát triển nhanh chóng, hệ thống giáo dục quốc dân có quy mô lớn nhất thế giới đã được xây dựng, đã tạo nên cơ sở và động lực vững

chắc cho việc đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nâng cao sức mạnh tổng hợp và sức cạnh tranh quốc tế.

Đến năm 2013, Trung Quốc đề ra Sáng kiến “Vành đai và Con đường (BRI)” trong đó có nhiều chính sách về hợp tác giáo dục với Việt Nam. Cũng trong thời gian này, Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 *Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo* [1] và tiến hành nhiều hoạt động hợp tác giáo dục nói chung, trong đó có hợp tác GDNN với Trung Quốc. Đến giai đoạn giữa năm 2019 đến năm 2022, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, hoạt động hợp tác GDNN và các hoạt động hợp tác giáo dục khác bị gián đoạn nhưng hai chính phủ và các địa phương đã thực hiện nhiều chính sách, giải pháp để thúc đẩy các hoạt động hợp tác của hai bên.

Từ thực tế đó, tác giả chọn vấn đề “**Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2023**” làm đề tài luận án Tiến sĩ ngành Đông Nam Á học.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013 đến 2023.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Hợp tác GDNN giữa Trường – Trường, Trường – Doanh nghiệp; Trường – Trường – Doanh nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Phạm vi thời gian: Từ năm 2013 đến năm 2023, vì trong giai đoạn này hai quốc gia Trung Quốc và Việt Nam đều đã có những chính sách lớn về đổi mới giáo dục nói chung, trong đó có GDNN.

Phạm vi không gian: Sự hợp tác GDNN trong phạm vi giữa Trung Quốc và Việt Nam giữa các trường cao đẳng Trung Quốc, cũng như các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam với một số tỉnh thuộc miền Bắc Việt Nam như: Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nghệ An.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam, đồng thời nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2013-2023. Trên cơ sở đó, luận án dự báo triển vọng và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy mối quan hệ này trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, tổng quan các tài liệu liên đến hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam.

Thứ hai, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2023.

Thứ ba, đánh giá thực trạng hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2023.

Thứ tư, dự báo triển vọng và đề xuất giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

4. Giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu

- Hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nào?

- Trong thực tiễn đã có các dự án và mô hình hợp tác GDNN nào và hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng GDNN và chất lượng nguồn nhân lực trong thực tiễn ra sao?

- Thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc với một số tỉnh thuộc miền Bắc Việt Nam là gì?

- Triển vọng và giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam như thế nào?

5. Phương pháp luận, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận án tiếp cận trên cơ sở sử dụng lý thuyết quan hệ quốc tế như: chủ nghĩa

tự do, chủ nghĩa kiến tạo và khu vực học để lý giải hoạt động hợp tác GDNN Trung Quốc - Việt Nam trong giai đoạn 2013-2023.

5.2. Cách tiếp cận

Luận án cũng sử dụng cách tiếp cận hệ thống và lý thuyết khu vực học trong nghiên cứu hoạt động hợp tác GDNN Trung Quốc - Việt Nam trong giai đoạn 2013-2023. Việt Nam là một quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, là đối tác quan trọng có mối quan hệ hợp tác đa phương và mang tầm chiến lược của Trung Quốc trong khu vực, trong đó có hoạt động hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN nói riêng.

Ngoài ra, luận án cũng tiếp cận nội dung nghiên cứu trên cơ sở cách tiếp cận liên ngành, đa ngành: khoa học giáo dục, khoa học chính sách, lịch sử, địa lý...

5.3. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu sau đây đã được sử dụng trong đề tài nghiên cứu này:

Phỏng vấn sâu: Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu đối với các chủ thể liên quan đến hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, trong giai đoạn 2013-2023. Đối tượng phỏng vấn là một số doanh nghiệp thuộc khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam, nhằm tìm hiểu chính sách, hình thức hợp tác, những kết quả hợp tác GDNN, cũng như những thuận lợi và khó khăn trong hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2013-2023.

Nghiên cứu trường hợp: Lựa chọn các dự án hợp tác GDNN mang tính tiêu biểu và các trường hợp hợp tác thực tế giữa hai bên để phân tích sâu. Qua các nghiên cứu điển hình có thể hiểu rõ hơn về thiết kế và vận hành của các cơ chế hợp tác, làm rõ các yếu tố thành công và các vấn đề tồn tại.

Nghiên cứu so sánh: So sánh về mô hình hợp tác GDNN giữa Trung Quốc với một số tỉnh thuộc miền Bắc Việt Nam và sự hợp tác tương tự ở các quốc gia hoặc khu vực khác. Thông qua phân tích so sánh có thể tìm ra những điểm mạnh và điểm yếu của các cơ chế hợp tác khác nhau, có những bài học kinh nghiệm tham

khảo cho sự hợp tác giữa các tỉnh Trung Quốc với một số tỉnh thuộc miền Bắc Việt Nam.

Phỏng vấn chuyên gia: Tiến hành phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia trong lĩnh vực liên quan để tìm hiểu quan điểm, kinh nghiệm và ý kiến của họ đối với hợp tác GDNN giữa các tỉnh Trung Quốc với một số tỉnh thuộc miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Nghiên cứu sinh đã thực hiện các cuộc phỏng vấn chuyên gia thuộc cấp cơ sở GDNN là cán bộ quản lý, giảng viên thuộc các cơ sở GDNN của Trung Quốc và Việt Nam, thông qua các cuộc phỏng vấn chuyên gia đưa ra những ý kiến và quan điểm chuyên môn đáng tin cậy, sẽ cung cấp các tài liệu tham khảo có giá trị cho nghiên cứu.

6. Đóng góp của luận án

Trên cơ sở kế thừa các công trình khoa học và những công bố quốc tế, luận án có những đóng góp chủ yếu sau:

Về lý luận: Luận án nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận về hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam, làm rõ tính tất yếu khách quan của hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam nhằm phát triển GDNN và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Về thực tiễn: Luận án nghiên cứu làm rõ những bài học kinh nghiệm về hợp tác giáo dục giữa một số quốc gia trên thế giới, nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, từ đó có những dự báo về triển vọng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam. Đồng thời đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam. Luận án có thể là tài liệu tham khảo cho các nhà chức trách đề xuất giải pháp phát triển hoạt động hợp tác GDNN giữa hai bên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương. Cụ thể:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013-2023

Chương 3: Thực trạng hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

Chương 4: Đánh giá triển vọng và giải pháp thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Chương 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và quá trình hội nhập khu vực sâu rộng, hợp tác GDNN giữa các quốc gia đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tăng cường liên kết chuỗi giá trị khu vực. Trong giai đoạn 2013-2023, hoạt động hợp tác GDNN giữa Việt Nam - Trung Quốc ghi nhận sự gia tăng cả về quy mô và hình thức hợp tác GDNN. Nghiên cứu tổng quan các công trình liên quan đến cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của hoạt động hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc, thực trạng hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc, triển vọng và giải pháp tăng cường hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc, từ đó chỉ ra những khoảng trống nghiên cứu về hoạt động hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc làm căn cứ cho luận án hệ thống hóa cơ sở lý thuyết và thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc, nghiên cứu, đánh giá thực trạng hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2013-2023, phân tích triển vọng và đề xuất giải pháp phát triển hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn mới hiện nay là rất cần thiết.

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

**** Những công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh***

Nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam có một số công trình tiêu biểu như sau: “*Vocational education and training for development: A policy in need of a theory?*” (Giáo dục nghề nghiệp để phát triển: Chính sách cần lý thuyết?) [46]; “*Vocational Education Theory*” (Lý thuyết giáo dục nghề nghiệp) [36]; “*International transfer of vocational education and training: a literature review*” (Chuyển giao quốc tế giáo dục và đào tạo nghề: tổng quan tài liệu) [41]; ...

Tác giả Simon McGrath với bài viết “*Vocational education and training for development: A policy in need of a theory?*” (Giáo dục nghề nghiệp để phát triển: Chính sách cần lý luận?) [46] cho rằng, trong thời gian qua, các quốc gia đều rất quan tâm đến giáo dục và đào tạo nghề trong cộng đồng chính sách quốc tế. Tuy nhiên, sự gia tăng mối quan tâm về chính sách và chương trình GDNN trong phát triển lại trái ngược với tình trạng tranh luận học thuật. Trong bài viết này, tác giả lập luận rằng cách tiếp cận hiện nay đối với GDNN dựa trên một mô hình phát triển lỗi thời, trong khi những phê phán mang tính học thuật về GDNN ở các nước đang phát triển rõ ràng đã lỗi thời từ lâu. Ngược lại, tác giả bài viết còn xem xét ý nghĩa của các xu hướng gần đây đối với GDNN trong tư duy về phát triển thông qua việc khám phá ba cách tiếp cận lý thuyết cụ thể: nhân quyền, năng lực và phát triển con người tổng hợp.

Các tác giả Doty, Charles R.; Weissman, Rae Doty C.R. với bài viết “*Vocational Education Theory*” (Lý thuyết giáo dục nghề nghiệp) [36] đã tổng hợp các tài liệu về mục đích, hệ thống phân phối và triết lý GDNN dẫn đến nhận định rằng trách nhiệm của GDNN là giúp các cá nhân phát triển cả kiến thức và kỹ năng khái quát lẫn cụ thể, như thói quen làm việc, khả năng tự hiện thực hóa, tính linh hoạt, thái độ tích cực, trách nhiệm, tự nhận thức, kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề cũng như kỹ năng làm việc.

Bài viết “*International transfer of vocational education and training: a literature review*” (Chuyển giao quốc tế giáo dục và đào tạo nghề: tổng quan tài liệu) của Junmin Li, Matthias Pilz [41] là một công trình đồ sộ trình bày những phát hiện có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu GDNN từ lĩnh vực kinh tế chính trị so sánh, nghiên cứu giáo dục so sánh và quản lý nguồn nhân lực quốc tế. Công trình khám phá những khác biệt và tương đồng trong nghiên cứu về chuyển giao chính sách giữa các lĩnh vực này. Đồng thời, các tác giả cho rằng việc chuyển giao hệ thống GDNN hiện đang là một chủ đề quan trọng trong các cuộc tranh luận quốc tế. Các lý do đưa ra cho việc chuyển giao chính sách trong lĩnh vực GDNN rất phức tạp và bao gồm các khía cạnh như giảm thất nghiệp (thanh niên), giảm nghèo, trang

bị cho công nhân lành nghề và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, đáng ngạc nhiên là có rất ít nghiên cứu gần đây khám phá các vấn đề như tính khả thi, thành công đạt được, các vấn đề gặp phải và tác động lâu dài. Các học giả thường tập trung vào cơ sở lý thuyết của việc chuyển giao đào tạo, hoặc về các tùy chọn chuyển giao ở mức độ trừu tượng trung gian hơn. Đây là một công trình quan trọng, cung cấp cho luận án khung lý thuyết về GDNN.

Cuốn sách “*China’s higher education reform and internationalisation*” (*Cải cách và quốc tế hóa giáo dục Trung Quốc*) [42] của tác giả Jannette Ryan chủ biên và các đồng tác giả đã tập hợp các bài viết của nhiều học giả quốc tế chuyên nghiên cứu về giáo dục Trung Quốc. Cuốn sách này chính là sản phẩm của hội thảo, tổ chức tại đại học Oxford năm 2009, nội dung chủ yếu trong cuốn sách xoay quanh sự giao lưu hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và quốc tế, cải cách giáo dục đại học Trung Quốc, quốc tế hóa giáo dục và lưu học sinh Trung Quốc.

** Những công trình nghiên cứu bằng tiếng Trung Quốc*

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc quan tâm đến việc vận dụng các cơ sở lý luận về quan hệ giáo dục giữa các quốc gia để nghiên cứu lý luận về GDNN và thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam. Trong đó có một số công trình tiêu biểu như sau: “*教育国际交流与合作史*” (*Lịch sử hợp tác và giao lưu quốc tế giáo dục*) [66]; “*70 年中国教育的对外开放: 中国国际教育发展报告*” (*70 năm mở cửa giáo dục Trung Quốc: Báo cáo phát triển giáo dục quốc tế Trung Quốc*) [54]; “*中越高等教育合作探究*” (*Nghiên cứu hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam*) [60]; “*中国与越南现代教育合作回顾与展望*” (*Hợp tác giáo dục hiện nay giữa Trung Quốc và Việt Nam: Tổng quan và triển vọng*) [61]...

Ở cấp độ chiến lược thượng tầng và chính sách vĩ mô, Viện Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế của Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh trong cuốn sách “*70 年中国教育的对外开放: 中国国际教育发展报告*” (*70 năm mở cửa giáo dục Trung Quốc: Báo cáo phát triển giáo dục quốc tế Trung Quốc*) [54] đã hệ thống hóa tiến trình lịch sử mở cửa giáo dục đối ngoại của Trung Quốc với các quốc gia trên thế giới, trong đó

có Việt Nam. Báo cáo bao gồm những nội dung như du học nước ngoài, du học Trung Quốc, hợp tác đào tạo Trung Quốc với nước ngoài, hoạt động giáo dục ở nước ngoài, giao lưu nhân dân Trung-Việt, hợp tác quốc tế song phương và đa phương, hành động giáo dục trong BRI... Báo cáo này bám sát yêu cầu chiến lược “mở ra cục diện mới cho giáo dục đối ngoại” được nêu trong “Giáo dục hiện đại hóa Trung Quốc 2035” do Trung ương Đảng và Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành. Từ đó, báo cáo phân tích tình hình, nhiệm vụ và xu hướng phát triển của giáo dục quốc tế của Trung Quốc trong thời đại mới. Trong đó, nhóm biên soạn có đề cập đến việc vào tháng 7 năm 2016 Bộ Giáo dục Trung Quốc đã đưa ra văn kiện “Thúc đẩy hành động hợp tác giáo dục xây dựng BRI”, được coi là căn cứ quan trọng của hành động giáo dục BRI trong giáo dục quốc tế của Trung Quốc. Dựa trên văn kiện này, Trung Quốc triển khai kế hoạch thúc đẩy hợp tác đào tạo theo “Con đường Tơ lụa”. Nhà nước sẽ phát huy vai trò định hướng của chính phủ và vai trò dẫn dắt của ngành nghề, thúc đẩy sự hợp tác sâu rộng giữa các trường đại học, cao đẳng với các doanh nghiệp trong ngành, qua đó tăng cường kết nối giữa giáo dục và sản xuất. Trung Quốc sẽ khuyến khích giáo dục nghề chất lượng cao đồng hành cùng doanh nghiệp ra nước ngoài, thử nghiệm các hình thức hợp tác đào tạo đa dạng tại nước ngoài, nhằm đào tạo lực lượng lao động cần thiết cho công cuộc xây dựng BRI. Đồng thời, hai bên sẽ cùng bàn bạc và xây dựng khung trình độ GDNN khu vực, tiến tới thống nhất tiêu chuẩn nghề nghiệp tại thị trường lao động. Ngoài ra, sẽ nghiên cứu thiết lập chuẩn phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên tại các quốc gia dọc tuyến, thúc đẩy lưu chuyển giáo viên.

Li Cuixia, Pei Shiyang (Lý Thúy Hạ, Bùi Thị Oanh) trong bài viết “*RCEP 背景下中越职业教育合作研究*” (Nghiên cứu hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam trong bối cảnh RCEP) [57] đã tiến hành nghiên cứu hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam trong bối cảnh RCEP, cho rằng RCEP không chỉ là một hiệp định hợp tác kinh tế mà còn bao gồm cả hợp tác về văn hóa, giáo dục và đào tạo nhân lực, trong đó GDNN sẽ trở thành lực lượng hỗ trợ quan trọng cho hợp tác khu vực. Hai tác giả nhận định Việt Nam đã đề ra mục tiêu đầy

tham vọng là “đến năm 2030 đạt trình độ giáo dục nghề của một số quốc gia G20, đến năm 2045 đạt trình độ tiên tiến trên thế giới”, qua đó tạo nền tảng chính sách cho hợp tác Trung-Việt. Mặc dù hợp tác GDNN Trung-Việt bắt đầu sớm, nhưng chiều sâu và phạm vi vẫn còn hạn chế, hiện tại chủ yếu tập trung vào các hoạt động như trao đổi lưu học sinh, đào tạo giảng viên, và một số dự án nông nghiệp. Hợp tác còn ở mức độ thấp, thiếu cơ chế đối đẳng và công nhận trình độ, chưa đáp ứng yêu cầu cao hơn của chuỗi ngành nghề trong khuôn khổ RCEP. Hai tác giả đề xuất rằng hợp tác GDNN Trung-Việt cần phải vượt ra khỏi mô hình “nhỏ và phân tán” hiện nay, tận dụng cơ hội từ RCEP và các chiến lược phát triển quốc gia, chuyển từ “cấp độ trường học” sang mô hình hợp tác hệ thống nhiều tầng lớp bao gồm “cơ chế quốc gia + liên kết doanh nghiệp + điều phối khu vực”, từ đó cùng nhau xây dựng cộng đồng chia sẻ tương lai trong GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Các công trình nêu trên cung cấp cho luận án cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác GDNN ở các góc độ tiếp cận khác nhau để làm tường minh hơn các quan điểm chính sách về GDNN của Chính phủ Trung Quốc và Việt Nam.

Năm 2019, Bộ Giáo dục Cộng hòa nhân dân Trung Hoa công bố bài báo “*新中国 70 年职业教育改革发展历程*” (*Quá trình 70 năm đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc mới*) [109] là một bài báo quan trọng để tìm hiểu về GDNN ở Trung Quốc. Trong “*Rèn luyện những nghệ nhân vĩ đại và đặt nền móng cho Trung Quốc*”¹ Có xác định Trung Quốc không thể đạt được sự phát triển kinh tế nếu không có hàng triệu thợ thủ công lành nghề, và tiến bộ xã hội không thể đạt được nếu không có hàng trăm triệu công nhân chất lượng cao. GDNN, với tư cách là cái nôi của thợ thủ công và là nơi phát triển nhân tài kỹ thuật, tay nghề, đã vang lên bài ca hào hùng củng cố đất nước bằng kỹ năng và phục hưng đất nước thông qua GDNN sau 70 năm không ngừng theo đuổi.

** Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam*

¹ 锻造大国工匠，奠基中国制造

Quan tâm nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam có các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *“Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc”* [21]; *“Lịch sử giáo dục Việt Nam trước tháng 8 năm 1945”* [19]; *“Nhìn lại 60 năm quan hệ ngoại giao và hợp tác giáo dục Việt-Trung”* [7]; *“Hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam-Trung Quốc những năm gần đây: Thực trạng, vấn đề và triển vọng”* [8]; Kỷ yếu hội thảo *“Việt Nam-Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai”* [27]; *“Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc trên đà phát triển”* [22]...

Tác giả Vũ Minh Tuấn với bài viết *“Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc”* [21], mang tính tổng quát về tình hình hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc. Bài viết này đã giới thiệu một cách tổng quan về tình hình giáo dục Trung Quốc từ những năm đầu thế kỷ XX và hệ thống giáo dục Trung Quốc, và khái quát quan hệ hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đến năm 2005. Cho đến nay, bài viết này vẫn được sử dụng như một tài liệu tham khảo tiêu biểu cho quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc.

Cuốn sách *“Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo”* [26] của Vụ Hợp tác Quốc tế (Bộ Giáo dục và Đào tạo) giới thiệu về tình hình giáo dục của các quốc gia trên thế giới, chủ yếu là các quốc gia có hợp tác giáo dục với Việt Nam do các lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các chuyên viên Vụ Hợp tác Quốc tế của Bộ Giáo dục và Đào tạo viết và đăng tải. Các bài viết đã giới thiệu một cái nhìn tổng quan về tình hình giáo dục tại nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có bài viết của tác giả Vũ Minh Tuấn viết về tình hình nền giáo dục Trung Quốc và tổng quan tình hình hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc (tr. 248-260) từ năm 1950 đến năm 2002.

Tác giả Nguyễn Đăng Tiến với cuốn sách *“Lịch sử giáo dục Việt Nam trước tháng 8 năm 1945”* [19] đã tóm lược lịch sử của giáo dục Việt Nam từ năm 939 cho đến năm 1945, trong đó cũng nhắc đến lịch sử giáo dục Việt Nam chịu ảnh hưởng

của giáo dục Trung Quốc thời phong kiến, và mối tương quan của nền giáo dục Việt Nam với Trung Quốc qua các thời kỳ. Mặc dù cuốn sách chỉ tập trung chủ yếu vào giới thiệu lịch sử giáo dục Việt Nam và ảnh hưởng của giáo dục Trung Quốc tới giáo dục Việt Nam từ xưa cho đến năm trước tháng 8 năm 1945 nhưng cũng đưa lại những gợi mở hữu ích khi nghiên cứu về quan hệ hợp tác giáo dục nói chung, hợp tác GDNN nói riêng giữa Việt Nam và Trung Quốc hiện nay.

Cuốn sách *“Quá trình cải cách giáo dục ở Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thời kỳ 1978-2003”* [3] của tác giả Nguyễn Văn Căn đã khái quát những diễn biến cụ thể của quá trình phát triển và cải cách giáo dục ở Trung Quốc, qua đó làm rõ những thành tựu cơ bản và những hạn chế chủ yếu của sự nghiệp giáo dục đối với các cấp, các ngành học, các khu vực, các địa phương ở Trung Quốc trong thời kỳ 1978-2003. Đồng thời cuốn sách cũng hệ thống hoá quá trình phát triển và cải cách giáo dục ở Trung Quốc từ năm 1978 đến năm 2003 thông qua việc sưu tầm, tập hợp và hệ thống một cách toàn diện và tương đối đầy đủ các nguồn tài liệu như các luật, chỉ thị, nghị quyết, chính sách giáo dục của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa trong thời kỳ 1978-2003 đối với các cấp, các ngành học, các khu vực, các địa phương qua từng giai đoạn trên chặng đường 25 năm cải cách phát triển của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Trọng tâm của cuốn sách là thời kỳ 1978-2003 nhưng phần đầu có trình bày khái quát về tình hình giáo dục ở Trung Quốc từ năm 1949 đến năm 1978. Trên cơ sở nghiên cứu những thành tựu và hạn chế của giáo dục Trung Quốc, cuốn sách gợi mở một số bài học tham khảo cho những người quan tâm đến giáo dục Trung Quốc và giáo dục Việt Nam.

Cuốn kỷ yếu hội thảo *“Việt Nam - Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai”* [27] đã trình bày những vấn đề chung của quan hệ hai nước Việt Nam - Trung Quốc qua các bài phát biểu của các đại biểu trong hội thảo. Các bài viết nghiên cứu về các mối quan hệ của hai nước như: quan hệ chính trị - ngoại giao, quan hệ kinh tế, quan hệ khoa học - giáo dục - văn hóa... nhằm tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển, hướng tới tương lai.

Trong luận án “*Quan hệ giao lưu và hợp tác giáo dục giữa Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn từ 1950 đến nay*” [9] tác giả Vũ Minh Hải đã nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận cho việc phân tích lịch sử quan hệ song phương, đặc biệt là quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước. Bên cạnh đó, thông qua cách tiếp cận lịch sử và liên ngành, luận án tập trung phân tích chuyên sâu các lĩnh vực hợp tác giáo dục, đặc biệt là hợp tác giáo dục đại học Việt Nam - Trung Quốc. Công trình cũng góp phần hệ thống hóa các chủ trương, biện pháp và quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện, hiệu quả và tác động đa diện của quan hệ hợp tác giáo dục của hai nước Việt Nam và Trung Quốc từ 1950 đến nay. Công trình đã nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận về quan hệ giao lưu và hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc bao gồm: Chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa kiến tạo.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu thực trạng hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

**** Những công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh***

Các tác giả Ning Yan và Mingyu Xu trong công trình “*A Study of China-ASEAN Higher Education Exchange & Cooperation in the Background of China-ASEAN Strategic Partnership*” [53] (Nghiên cứu về trao đổi và hợp tác giáo dục đại học Trung Quốc – ASEAN trong bối cảnh quan hệ đối tác chiến lược Trung Quốc – ASEAN) đã chỉ ra rằng: An ninh chính trị, hợp tác kinh tế thương mại và giao lưu nhân dân là ba trụ cột của Quan hệ Đối tác Chiến lược ASEAN-Trung Quốc, trong đó giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nhân tài và hỗ trợ trí tuệ, cũng như kết nối con người từ các nền văn hóa khác nhau, tăng cường hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Do đó, việc đánh giá việc xây dựng, thực hiện và phát triển các chính sách quốc gia liên quan, thu thập và phân tích một số trường hợp điển hình về hợp tác giáo dục đại học, từ đó đưa ra các khuyến nghị theo góc nhìn phát triển bền vững trong bối cảnh hợp tác chiến lược giữa Trung Quốc và ASEAN xây dựng Khuôn khổ 3+X Trung Quốc-ASEAN và triển khai Tầm nhìn 2030 của Quan hệ Đối tác Chiến lược Trung Quốc-ASEAN.

Công trình nghiên cứu trên sử dụng phương pháp đối sánh để so sánh chính sách hợp tác GDNN của Trung Quốc với một quốc gia nào đó, qua đó thấy được chính sách GDNN của chính phủ Trung Quốc với một số quốc gia trên thế giới.

Trực tiếp nghiên cứu thực trạng hợp tác GDNN ở Việt Nam có một số công trình tiêu biểu sau: “*Diagnosis of Vocational Education and Training (TVET) in Vietnam for building further cooperation between EU, Finland and Viet Nam*” (Phân tích, đánh giá hệ thống giáo dục và đào tạo nghề nghiệp (TVET) tại Việt Nam nhằm thúc đẩy hợp tác sâu rộng hơn giữa Liên minh châu Âu, Phần Lan và Việt Nam) [48]. Trong báo cáo này, tác giả Sanna Nummela và Pauliina Holm cho rằng ở Việt Nam có một số lượng lớn thanh thiếu niên và thanh niên. Nhóm tuổi được coi là nguồn lực quan trọng đối với thị trường lao động, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các quốc gia khác. Báo cáo còn chỉ ra sự kế thừa từ một kết quả nghiên cứu khác về trình độ chuyên môn của thanh niên Việt Nam, có một tỷ lệ lớn thanh niên làm việc mà không có kỹ năng hoặc bằng cấp cần thiết. Nhu cầu đào tạo nâng cao và đào tạo lại kỹ năng đã được thừa nhận và vai trò của các đối tác nước ngoài, cả với tư cách là nhà cung cấp nội dung và từ góc độ tài chính, đều được coi là quan trọng. Báo cáo đã chỉ rõ tầm nhìn phát triển GDNN ở Việt Nam tầm nhìn đến 2045 “Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của một nước phát triển; trở thành quốc gia phát triển hàng đầu về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo” [25, tr.4]. Để đạt được mục tiêu trong phát triển GDNN tầm nhìn đến 2045, Việt Nam cần những nỗ lực lớn trong phát triển chất lượng GDNN, đồng thời tăng cường hợp tác GDNN nhằm hiện đại hóa, nâng cao chất lượng GDNN của Việt Nam tiệm cận với trình độ GDNN của khu vực và quốc tế. Những thông tin của báo cáo này cung cấp cho luận án tình hình, thực trạng của GDNN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trong cuốn sách “*China’s higher education reform and internationalisation*” (Cải cách và quốc tế hóa giáo dục đại học Trung Quốc) [42] của tác giả Jannette Ryan chủ biên và các tác giả khác có bài viết của 2 tác giả Anthony Welch và Cai

Hongxing với tiêu đề: *“Enter the Dragon: The internationalisation of China’s higher education system”* (Bước vào kỷ nguyên Rồng: Quốc tế hóa hệ thống giáo dục đại học Trung Quốc) (tr. 9-33), chứng minh quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học của Trung Quốc không chỉ có từ thời hiện đại mà nó đã bắt đầu từ thời cổ đại, điển hình là những tư tưởng của Khổng Tử từ 2000 năm trước đã được truyền bá sang Triều Tiên và Việt Nam. Thời kỳ giao lưu học thuật rầm rộ nhất là vào triều đại nhà Đường, khi đất nước Trung Hoa ở vào thời điểm hưng thịnh nhất. Bài viết cũng nhắc đến những nhân vật nổi tiếng của Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho giáo như: Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Lê Quý Đôn, Phạm Quý Thích và Phan Huy Chú. Bài viết còn nhắc đến Văn Miếu Quốc Tử Giám được xem như trường đại học đầu tiên của Việt Nam và đưa giáo dục nho học, chế độ khoa cử vào hệ thống giáo dục Việt Nam.

** Những công trình nghiên cứu bằng tiếng Trung Quốc*

Bàn về thực trạng hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam cũng được các nhà học giả Trung Quốc quan tâm nghiên cứu và làm rõ, như các công trình sau: *“‘一带一路’高等教育国别比较研究I”* (Nghiên cứu so sánh giáo dục đại học giữa các quốc gia dọc theo Sáng kiến “Vành đai và Con đường” I) [58]; *“越南职业教育发展与中越职业教育合作展望”* (Phát triển giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và triển vọng hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung-Việt) [64]; *“新中国 70 年职业教育改革发展历程”* (Lịch trình 70 năm đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc mới) [109]; *“中国与越南现代教育合作回顾与展望”* (Hợp tác giáo dục hiện nay giữa Trung Quốc và Việt Nam: Tổng quan và triển vọng) [61]; *“中越高等教育合作探究”* (Nghiên cứu hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam) [60]...

Xét từ góc độ hợp tác khu vực và con đường thực tiễn, Liu Jin, Zhang Liwei (Lưu Tiến, Trương Lợi Vĩ) trong cuốn sách *“‘一带一路’高等教育国别比较研究I”* (Nghiên cứu so sánh giáo dục đại học giữa các quốc gia dọc theo Sáng kiến “Vành đai và Con đường” I) [58] đã giới thiệu hiện trạng và xu hướng phát triển giáo dục

đại học của các quốc gia dọc tuyến BRI tính đến năm 2019. Cuốn sách trình bày chi tiết về tổng quan phát triển giáo dục đại học Việt Nam, giao lưu và hợp tác giáo dục đại học Trung-Việt, cũng như sự phát triển của giáo dục đại học Trung-Việt trong khuôn khổ BRI. Các tác giả cho rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa, giáo dục đại học Việt Nam ngày càng mở cửa và bắt đầu tận dụng các kinh nghiệm và nguồn lực giáo dục tiên tiến từ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu giáo dục đại học đang gia tăng trong nước. Thực tế chứng minh rằng, mô hình hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và các nước ngoài đã bước đầu mang lại hiệu quả, các nhân tài được đào tạo thông qua các dự án hợp tác giáo dục đã tham gia phục vụ xã hội và thể hiện được ưu thế trong thực tiễn. Với trình độ nghiên cứu hiện tại của Việt Nam, BRI có thể mang lại nhiều cơ hội hợp tác hơn nữa với Trung Quốc và các quốc gia liên quan, qua đó giúp Việt Nam nâng cao năng lực sản xuất thành quả học thuật. Hiện nay, Việt Nam đang rất cần nguồn nhân lực công nghệ cao để thực hiện công cuộc hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước. Tuy nhiên, chất lượng sinh viên tốt nghiệp đại học vẫn còn thấp hơn kỳ vọng. Do không đáp ứng được yêu cầu của ngành nghề, nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp rơi vào tình trạng thất nghiệp hoặc việc làm không ổn định. Việt Nam kỳ vọng thông qua cơ chế hợp tác BRI có thể nâng cao chất lượng sinh viên.

Wang Tingguan (Vương Đình Quán) trong bài viết “*越南职业教育发展与中越职业教育合作展望*” (*Phát triển giáo dục nghề nghiệp Việt Nam và triển vọng hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung-Việt*) [64] cho rằng những năm gần đây Chính phủ Việt Nam hết sức coi trọng phát triển GDNN, liên tục tăng cường hỗ trợ chính sách, đầu tư tài chính và cải cách thể chế, chất lượng GDNN từng bước được nâng cao. Cùng với việc đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam không ngừng mở rộng, như BYD, Huawei và các doanh nghiệp Trung Quốc khác, nhu cầu về nhân lực kỹ năng nghề tại địa phương gia tăng mạnh. Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo nghề hiện tại của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Do đó, GDNN là điểm đột phá quan trọng trong hợp tác Trung-Việt. Hợp tác GDNN giữa hai nước vẫn đang ở giai đoạn khởi đầu. Hiện nay, số lượng cơ sở GDNN của Trung Quốc thực sự tham gia sâu vào hợp tác Trung-Việt vẫn còn ít. Trong bối cảnh doanh

ngành Trung Quốc “đi ra nước ngoài”, các cơ sở GDNN của Trung Quốc cần đẩy nhanh tiến độ “ra biển lớn”, trở thành lực lượng quan trọng hỗ trợ cho sự phát triển ở nước ngoài của doanh nghiệp Trung Quốc. Tác giả đề xuất nên tận dụng khuôn khổ hợp tác GDNN sâu rộng được nêu trong “Tuyên bố chung Trung Quốc và Việt Nam năm 2023”, thúc đẩy cơ quan giáo dục hai nước thiết lập cơ chế giao lưu và hợp tác thường kỳ. Trong tương lai, cần lấy nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp làm định hướng, lấy xây dựng thể chế làm bảo đảm, lấy hợp tác giữa các trường học làm điểm tựa, từ đó đưa hợp tác GDNN Trung-Việt đi vào chiều sâu trong quan hệ hợp tác GDNN.

Zhou Lihong, Wang Zhongyu (Chu Hồng Lợi, Vương Chung Ngọc) trong bài viết “‘一带一路’视角下的越南职业教育研究” (*Nghiên cứu về giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam dưới góc nhìn “Vành đai và Con đường”*) [68] đã nghiên cứu một cách hệ thống con đường hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam từ góc nhìn chính trị-kinh tế vĩ mô, nhấn mạnh vai trò của Việt Nam trong chiến lược “ra biển” của giáo dục nghề Trung Quốc; mối liên hệ giữa dịch chuyển chuỗi ngành sản xuất và dịch vụ giáo dục; cũng như cấu trúc hợp tác ba chiều từ doanh nghiệp, sinh viên đến hệ thống trường học. Bài viết đề cập rằng Việt Nam là “cầu nối then chốt” trong quá trình GDNN của Trung Quốc “ra biển”. Tuy nhiên, hệ thống GDNN Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu ở trình độ đào tạo sơ cấp, phát triển không đồng đều. Từ đó, bài viết cũng đưa ra các kiến nghị đối với hợp tác GDNN Trung-Việt.

Trong bài viết “*新中国 70 年职业教育改革发展历程*” (*Lịch trình 70 năm đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc mới*) [109] của Bộ Giáo dục Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa khẳng định Trung Quốc đã thành lập hệ thống GDNN lớn nhất thế giới. Tính đến năm 2018, Trung Quốc có 11.700 trường nghề cao đẳng với 26.855 triệu sinh viên theo học. Kết quả của các số liệu đó là cuộc tìm kiếm kéo dài 70 năm cho ngành GDNN của Trung Quốc. Trong năm 2019, Quốc vụ viện quyết định mở rộng tuyển sinh 1 triệu người vào các trường nghề cao đẳng cao hơn. Các trường nghề cao đẳng mở cửa đón cựu chiến binh, người lao động bị sa

thải, người lao động nhập cư, nông dân chuyên nghiệp mới và các nhóm khác để tiếp thêm sức mạnh mới cho nền kinh tế đội ngũ nhân lực kỹ thuật và tay nghề cao.

Trong bài viết “*职业教育校企合作中工业文化对接的新动向*” (*Xu hướng mới của kết nối văn hóa công nghiệp trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa nhà trường và doanh nghiệp*) [67] của Yu Zuguang (Du Tổ Quang) đã phân tích được mối liên hệ giữa trường nghề và văn hóa doanh nghiệp công nghiệp là một hướng đi quan trọng thúc đẩy hơn nữa mô hình đào tạo hợp tác GDNN giữa trường nghề và doanh nghiệp. Tác giả còn cho rằng việc đưa văn hóa công nghiệp vào hợp tác nhà trường - doanh nghiệp phải coi việc cung cấp, xây dựng văn hóa các trường nghề là nhiệm vụ cơ bản, với nguyên tắc cùng có lợi. Đó là: hướng tới sinh viên, cung cấp hướng dẫn lập kế hoạch nghiệp vụ cho sinh viên thông qua hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp, thiết lập văn hóa công nghiệp. Các khóa học cơ bản tăng cường giáo dục giá trị, đưa văn hóa công nghiệp vào xây dựng chuyên nghiệp và cải tiến cách giảng dạy, đồng thời giúp sinh viên tiếp nhận hoàn toàn văn hóa công nghiệp thông qua thực tập tại phòng; Tập trung vào công việc giáo dục con người, tăng cường xây dựng đội ngũ giảng viên song năng², tạo bầu không khí văn hóa công nghiệp tốt trong trường học và tổ chức nhiều hoạt động khác nhau. Bài viết trên của tác giả cho thấy xu hướng GDNN của Trung Quốc, và các quốc gia tiến hành hợp tác GDNN với Trung Quốc cần lưu ý vấn đề này.

Trong cuốn sách “*越南高等教育发展研究*” (*Nghiên cứu phát triển giáo dục đại học Việt Nam*) [55] của tác giả Chen Li (Trần Lập) được xuất bản bằng tiếng Trung, dưới góc độ của một học giả Trung Quốc bàn về giáo dục đại học Việt Nam, tác giả đã giới thiệu cho độc giả Trung Quốc một cái nhìn tổng thể về giáo dục Việt Nam từ thời kỳ đồ đá, giai đoạn Bắc thuộc và sau khi giành được độc lập. Mặc dù nội dung cuốn sách không nhắc đến quá trình hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam, nhưng lại là sử liệu quý, giới thiệu sự phát triển của giáo dục đại học Việt Nam.

² Giảng viên song năng là người vừa có năng lực sư phạm để giảng dạy lý thuyết, vừa có kỹ năng nghề nghiệp thực tiễn, có thể đảm nhiệm đồng thời việc giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn thực hành trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Trong bài viết “*中越高等教育合作探究*” (Nghiên cứu hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam) [60], tác giả Ma Jinfang (Mã Cẩm Phương) đã nghiên cứu, phân tích lịch sử và thực trạng hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam từ 1950 đến 2018. Đồng thời, bài viết cũng đã phân tích và đánh giá những vấn đề tồn tại và thách thức trong hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay.

**Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam*

Nghiên cứu về hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam nói riêng, các học giả Việt Nam quan tâm nghiên cứu phân tích hiện trạng tình hình hợp tác giáo dục giữa hai nước, thể hiện qua một số công trình tiêu biểu như sau: “*Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc*” [21]; “*Nhìn lại 60 năm quan hệ ngoại giao và hợp tác giáo dục Việt-Trung*” [7]; “*Hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam-Trung Quốc những năm gần đây: Thực trạng, vấn đề và triển vọng*” [8]; “*Kỷ yếu hội thảo: Việt Nam-Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai*” [27]; “*Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc trên đà phát triển*” [22]...

Tác giả Vũ Minh Tuấn với bài viết “*Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc*” [21] đã khái quát quan hệ hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đến năm 2005, đồng thời đi sâu nghiên cứu về tình hình hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc đến năm 2005. Công trình này là tài liệu tham khảo tiêu biểu cho quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc, có giá trị tham khảo hữu ích cho luận án của nghiên cứu sinh.

Trong cuốn *Kỷ yếu hội thảo: “Việt Nam-Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai”* [27], bên cạnh việc nghiên cứu, phân tích và làm rõ những vấn đề chung của quan hệ hai nước Việt Nam-Trung Quốc trong các quan hệ chính trị-ngoại giao, quan hệ kinh tế, quan hệ khoa học-giáo dục-văn hóa... để tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển, hướng tới tương lai. Trong đó,

công trình đã làm rõ hiện trạng hợp tác giáo dục giữa hai quốc gia Việt Nam và Trung Quốc.

Ở cấp độ rộng hơn, những năm gần đây các trường đại học của hai nước đã tăng cường phối hợp tổ chức nhiều diễn đàn giáo dục, với sự góp mặt của các bộ, ban, ngành và lãnh đạo các trường đại học. Hai bên cùng trao đổi kinh nghiệm phát triển giáo dục, bàn thảo các chương trình hợp tác, phương hướng hợp tác nhằm đưa sự giao lưu giáo dục giữa các trường đại học Việt Nam và Trung Quốc đi vào chiều sâu.

Trong luận án “*Quan hệ giao lưu và hợp tác giáo dục giữa Việt Nam-Trung Quốc giai đoạn từ 1950 đến nay*” [9] của tác giả Vũ Minh Hải đã tập trung nghiên cứu và làm rõ quá trình vận động và phát triển của quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc, thông qua việc phân tích và đánh giá các sự kiện diễn ra trong quan hệ hai nước một cách khách quan, luận án đã khắc họa một bức tranh chân thực, toàn diện về quan hệ hai nước trên các lĩnh vực giáo dục từ năm 1950 đến năm 2018 với những thành tựu quan trọng đóng góp cho phát triển nguồn nhân lực phát triển kinh tế-xã hội.

Hầu hết các công trình nghiên cứu về thực trạng hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam đều tập trung vào các chủ trương, chính sách, tuyên bố chung,... giữa hai nước và tập trung phân tích hiện trạng hợp tác giáo dục đại học hai nước. Tuy vậy, các công trình này cũng không đi sâu vào phân tích chủ trương, chiến lược, thực trạng hợp tác GDNN của hai nước, và đây cũng là nội dung mà nhiệm vụ luận án của nghiên cứu sinh cần đi sâu nghiên cứu, phân tích và làm sáng tỏ.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về triển vọng và giải pháp thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

**** Những công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh***

Những công trình tiêu biểu bằng tiếng Anh, nghiên cứu triển vọng và giải pháp của GDNN ở Trung Quốc bao gồm: “*Issues and Problems in the Current Development of Vocational Education in China*” (Các giải pháp và vấn đề trong sự phát triển giáo dục nghề nghiệp hiện nay ở Trung Quốc) [52]; “*Understanding Chinese national vocational education reform: a critical policy analysis*” (Tìm hiểu

cải cách giáo dục nghề nghiệp nhà nước Trung Quốc: một phân tích chính sách quan trọng) [49]; “*Higher vocational education in China: A preliminary critical review of developments and issues in Liaoning province*” (Giáo dục cao đẳng nghề ở Trung Quốc: Đánh giá phê bình sơ bộ về những phát triển và vấn đề ở tỉnh Liêu Ninh) [38]; “*The Economic Phenomenon Behind the Education in China, and the Development Prospects and Suggestions for Vocational Education in China*” (Hiện tượng kinh tế đằng sau giáo dục ở Trung Quốc, triển vọng phát triển và đề xuất về giáo dục nghề nghiệp ở Trung Quốc) [45]; “*Exploring the Prospect of Vocational Education in the Context of One Belt One Road Strategic*” (Khám phá triển vọng giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh Sáng kiến “Vành đai và Con đường”) [39]...

Tác giả Weiping Shi với bài viết “*Issues and Problems in the Current Development of Vocational Education in China*” (Các giải pháp và vấn đề trong sự phát triển giáo dục nghề nghiệp hiện nay ở Trung Quốc) [52], đã cho rằng, GDNN Trung Quốc hiện đang trong thời kỳ phát triển tốt nhất trong lịch sử. Bài viết này bàn về một số thách thức ở các khía cạnh khác nhau mà GDNN ở Trung Quốc phải đối mặt khi phát triển, chẳng hạn như quy mô so với chất lượng, mục tiêu phát triển, hệ thống GDNN suốt đời và tạo ra các tổ chức kiểu mẫu; và đưa ra một số khuyến nghị chính sách.

Các tác giả Siyu Liu và Ian Hardy với bài viết “*Understanding Chinese national vocational education reform: a critical policy analysis*” (Tìm hiểu cải cách giáo dục nghề nghiệp nhà nước Trung Quốc: một phân tích chính sách quan trọng) [49] là một tài liệu quan trọng để xem xét bản chất của những cải cách chính sách gần đây ở Trung Quốc liên quan đến GDNN. Ở đó, các tác giả đã trình bày các vấn đề chính đặc trưng cho “*Kế hoạch thực hiện cải cách GDNN quốc gia*” do Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ban hành năm 2019 và những vấn đề này đã phát sinh như thế nào so với những cải cách trước đó. Những cải cách trước đây liên quan đến các chính sách, luật pháp và quy định của Trung Quốc đối với hệ thống GDNN trình độ cao đẳng kể từ khi “mở cửa” vào năm 1978. Nghiên cứu cho thấy chính sách GDNN ở Trung Quốc bị chi phối mạnh mẽ bởi “logic kinh tế” trong

bối cảnh tân tự do toàn cầu hóa, ngay cả khi nó thể hiện nhiều “đặc sắc Trung Quốc” khác nhau, và việc phát triển GDNN được coi là một giải pháp để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của Trung Quốc.

Các tác giả GR Durden, G. Yang với bài viết “*Higher vocational education in China: A preliminary critical review of developments and issues in Liaoning province*” (Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng ở Trung Quốc: Đánh giá phê bình sơ bộ về những phát triển và vấn đề ở tỉnh Liêu Ninh) [38], đã phân tích thực trạng của thị trường lao động ở tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc sau khi Chính phủ Trung Quốc ban hành chính sách giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng. Bài viết đã phân tích hệ thống giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng ở Liêu Ninh trong giai đoạn 1997-2003, đóng góp tích cực, tuy nhỏ nhưng đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế tỉnh trong giai đoạn này. Tuy nhiên, các tác giả cũng đề cập đến một số hạn chế đối với hiệu quả hoạt động của hệ thống giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng có thể hạn chế tăng trưởng kinh tế liên tục. Những hạn chế này tồn tại dưới dạng định hướng thị trường ở mức độ thấp; sự thiếu hụt các nguồn lực cả về trí tuệ và thể chất, bắt nguồn từ việc thiếu đầu tư tài chính thường xuyên; mức độ hiệu quả chi phí tổng thể tương đối thấp và hình ảnh kém về nhận thức của người dân nói chung đối với giá trị của thống giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng như một lộ trình giáo dục bậc đại học.

Tác giả Rui Gan với bài viết “*The Economic Phenomenon Behind the Education in China, and the Development Prospects and Suggestions for Vocational Education in China*” (Hiện tượng kinh tế đằng sau giáo dục ở Trung Quốc, triển vọng phát triển và đề xuất về giáo dục nghề nghiệp ở Trung Quốc) [45], đã phân tích hệ thống giáo dục và thực trạng hiện nay ở Trung Quốc. Tác giả bài viết chỉ ra rằng nền giáo dục thiên về thi cử với nội dung chính là thi tuyển sinh đại học dẫn đến khan hiếm nguồn lực giáo dục chất lượng cao và phân bổ nguồn lực giáo dục không công bằng. Nó cũng dẫn đến hiện tượng kinh tế, trong đó phụ huynh, trường học, học sinh và các chuỗi ngành liên quan đến giáo dục khác đang tham gia vào một cuộc cạnh tranh khốc liệt để giành lấy các cơ hội giáo dục. Ngoài ra, bài

viết này cũng chỉ ra ý nghĩa chiến lược của GDNN đối với việc phát triển nhân tài trong tương lai của Trung Quốc, bên cạnh việc hỗ trợ chính sách quốc gia cho GDNN. Tóm lại, sự phát triển của GDNN trong tương lai rất tươi sáng và có ý nghĩa to lớn đối với hệ thống giáo dục Trung Quốc.

Hội nghị quốc tế lần thứ 3 năm 2017 về Kinh tế, Khoa học xã hội, Nghệ thuật, Giáo dục và Kỹ thuật quản lý có bài viết *“Exploring the Prospect of Vocational Education in the Context of One Belt One Road Strategic”* (Khám phá triển vọng giáo dục nghề nghiệp trong bối cảnh Sáng kiến “Vành đai và Con đường”) [39] của tác giả Jiaben Zhu có cho rằng GDNN với đào tạo kỹ năng nghề là mục tiêu hàng đầu và nền kinh tế khu vực hiện có mối liên kết chặt chẽ hơn, hiện nay, trong khu vực cùng với tác động kinh tế vĩ mô chiến lược, phát triển GDNN trong bối cảnh một số tình hình mới. Trên cơ sở đó, trước tiên bài viết bàn về ảnh hưởng của cách thức GDNN ở Trung Quốc từ góc độ cơ hội phát triển và áp lực cải cách, sau đó phân tích triển vọng phát triển của GDNN trong bối cảnh Sáng kiến “Vành đai và Con đường”, bao gồm cả sự khác biệt, chia sẻ, quốc tế hóa và cuối cùng đưa ra những đề xuất cụ thể về cách phát triển GDNN trong bối cảnh hiện nay, trong đó có việc tích cực tìm hiểu phương thức giáo dục hợp tác, điều chỉnh một cách khoa học mục tiêu đào tạo nhân lực, không ngừng nâng cao công tác xây dựng đội ngũ giáo viên, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của giáo dục ở nước ngoài.

Những công trình bằng tiếng Anh nghiên cứu triển vọng và giải pháp của GDNN ở Việt Nam có những công trình tiêu biểu sau: *“The Relationships Between the Vocational Education Training Providers and Enterprises: Theory and Practice”* (Mối quan hệ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp: Lý thuyết và thực tiễn) [50]; *“Diagnosis of Vocational Education and Training (TVET) in Vietnam for building further cooperation between EU, Finland and Viet Nam”* (Phân tích, đánh giá hệ thống giáo dục và đào tạo nghề nghiệp (TVET) tại Việt Nam nhằm thúc đẩy hợp tác sâu rộng hơn giữa Liên minh châu Âu, Phần Lan và Việt Nam) [48]...

Trong bài viết *“The Relationships Between the Vocational Education Training Providers and Enterprises: Theory and Practice”* (Mối quan hệ giữa cơ sở

giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp: Lý thuyết và thực tiễn) [50] tác giả Vi Hoàng Đăng cho rằng Quan hệ đối tác chiến lược giữa trường GDNN và doanh nghiệp là giá trị cốt lõi nhằm nâng cao chất lượng kết quả GDNN và đáp ứng yêu cầu của xã hội và ngành. Câu hỏi được đặt ra là các mối liên kết hoạt động hiệu quả như thế nào và vai trò của các bên liên quan chính như chính phủ, nhà cung cấp GDNN và các ngành trong các mối liên kết này là gì. Để luận giải các vấn đề đó, tác giả bài viết này bắt đầu bằng việc xem xét cách hình thành các mối quan hệ đối tác chiến lược giữa các bên liên quan chính trong lĩnh vực GDNN và thảo luận về những yếu tố nào thúc đẩy hoặc hạn chế các mối quan hệ đối tác chiến lược. Dựa trên các mô hình này, tác giả đưa ra các khuyến nghị nhằm thúc đẩy hợp tác toàn diện giữa các trường nghề và các doanh nghiệp ở Việt Nam. Những kết luận của bài viết gợi mở cho luận án trong việc đề xuất các hoạt động hợp tác GDNN ở Việt Nam trên phạm vi quốc tế với Trung Quốc.

Báo cáo *“Diagnosis of Vocational Education and Training (TVET) in Vietnam for building further cooperation between EU, Finland and Viet Nam”* (Phân tích, đánh giá hệ thống giáo dục và đào tạo nghề nghiệp (TVET) tại Việt Nam nhằm thúc đẩy hợp tác sâu rộng hơn giữa Liên minh châu Âu, Phần Lan và Việt Nam) [48] của Sanna Nummela và Pauliina Holm đã phân tích các tác nhân của GDNN tại Việt Nam cũng như các mục tiêu chiến lược 2021-2030. Bài viết phân tích điểm tương đồng nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt trong việc triển khai giáo dục và đào tạo nghề giữa Phần Lan và Việt Nam, điều này mang đến cơ hội hợp tác tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam và Phần Lan. Sự khác biệt được liệt kê trong Phụ lục 3 của Báo cáo. Đồng thời, trong báo cáo cũng chỉ ra rằng hiện nay có rất nhiều cơ hội để các nhà cung cấp giáo dục Phần Lan hợp tác với các trường và học viện dạy nghề của Việt Nam. Đào tạo giáo viên dạy nghề, hỗ trợ các trường GDNN xây dựng quan hệ đối tác với các doanh nghiệp để nâng cao năng lực làm việc và chuẩn bị cho cuộc sống lao động, thậm chí tạo cơ hội cho sinh viên Việt Nam học các chương trình lấy bằng Phần Lan tại Việt Nam hoặc ở Phần Lan sẽ là những nội dung được chú trọng. Có thể thấy rằng, Báo cáo cung cấp cho luận án hướng tiếp cận về

triển vọng hợp tác giáo dục ở Việt Nam trong phạm vi quốc tế, trong đó có Trung Quốc.

** Những công trình nghiên cứu bằng tiếng Trung Quốc*

Bàn về triển vọng và giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam cũng được các nhà nghiên cứu kể trên quan tâm làm rõ, ngoài ra, còn có nhiều công trình nghiên cứu đáng quan tâm như: “*中越职业教育国际交流与合作路径探究*” (Nghiên cứu con đường hợp tác và giao lưu quốc tế giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam) [62]; “*‘一带一路’背景下中越高等教育合作的成就、挑战与对策*” (Thành tựu, thách thức và giải pháp trong hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam dưới bối cảnh “Vành đai và Con đường”) [63]; “*云南与越南职业教育国际化合作研究——以中越联合声明为切入点*” (Nghiên cứu hợp tác quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp giữa Vân Nam và Việt Nam — Dưới góc độ Tuyên bố chung Trung-Việt) [56]; “*‘一带一路’背景下中国—东盟现代工匠学院建设路径研究——以中越新能源汽车现代工匠学院为例*” (Nghiên cứu quá trình xây dựng Học viện Thợ lành nghề hiện đại Trung Quốc-ASEAN trong bối cảnh “Vành đai và Con đường” — Lấy Học viện Thợ lành nghề hiện đại trong ngành xe năng lượng mới Trung-Việt làm ví dụ) [59]

Sun Xiaodong (Tôn Hiếu Đông) trong bài viết “*中越职业教育国际交流与合作路径探究*” (Nghiên cứu con đường hợp tác và giao lưu quốc tế giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam) [62] cho rằng, hợp tác GDNN Trung-Việt có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Trung Quốc có nguồn lực GDNN phong phú, còn ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam đang phát triển nhanh chóng. Sự hợp tác giữa hai bên trong lĩnh vực GDNN có thể phát huy thế mạnh, bổ sung cho nhau, chia sẻ tài nguyên, từ đó nâng cao tỷ lệ việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế của hai quốc gia. Kể từ khi BRI được đưa ra, hai bên đã đạt được những kết quả bước đầu trong đào tạo kỹ thuật, việc cử giáo viên và sự tham gia của doanh nghiệp. Tuy nhiên, những vấn đề như khác biệt văn hóa, rào cản ngôn ngữ, mất cân đối tài nguyên giáo dục, chênh lệch trình độ phát triển và tính bền vững của dự án vẫn là những yếu tố cản

trở sự hợp tác sâu hơn. Tác giả đã đề xuất một loạt chiến lược tối ưu hóa, như: để vượt qua khác biệt văn hóa và rào cản ngôn ngữ, các bên hợp tác cần cung cấp đào tạo ngôn ngữ và hỗ trợ phiên dịch cho giáo viên và sinh viên tham gia trao đổi, từ đó thúc đẩy giao tiếp và hiểu biết hiệu quả. Đồng thời, hai bên cần tăng cường giao lưu và đào tạo liên văn hóa, nhằm nâng cao năng lực quốc tế hóa của giáo viên và sinh viên. Để thúc đẩy phân bổ đồng đều tài nguyên giáo dục và điều phối mức độ phát triển, cần tăng cường chia sẻ tài nguyên và hợp tác, thông qua nền tảng hợp tác liên vùng để thực hiện phân phối tài nguyên giáo dục một cách công bằng. Ngoài ra, hai bên cần cùng thúc đẩy quy hoạch phát triển giáo dục, đạt được sự phát triển cân bằng. Về phương diện tăng cường quản lý dự án và xây dựng cơ chế hợp tác lâu dài, cần thiết lập một cơ chế quản lý dự án hoàn thiện nhằm đảm bảo tính bền vững và phát triển lâu dài của các dự án hợp tác.

Qin Yanjuan, Han Shuzheng (Tần Diễm Quyên, Hàn Thư Tranh) trong bài viết ““一带一路’背景下中越高等教育合作的成就、挑战与对策” (*Thành tựu, thách thức và giải pháp trong hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam dưới bối cảnh “Vành đai và Con đường”*) [63] cho rằng, hợp tác giáo dục đại học Trung-Việt (bao gồm GDNN) hiện nay đã đạt được nhiều thành quả rõ rệt, thể hiện qua việc số lượng du học sinh (DHS) Việt Nam tại Trung Quốc liên tục tăng, các kế hoạch đào tạo nhân tài chất lượng cao không ngừng được làm sâu sắc, lĩnh vực hợp tác từ ngôn ngữ đã mở rộng sang kinh tế thương mại, y học, quản lý, nghệ thuật, ẩm thực... Cơ chế bảo đảm tài chính ngày càng hoàn thiện, các chương trình học bổng có sức hỗ trợ mạnh mẽ. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những thách thức như thiếu lòng tin lẫn nhau, rào cản về ngôn ngữ và văn hóa, hình thức hóa và đồng chất hóa nghiêm trọng. Trước những thách thức này, các tác giả đề xuất cần xây dựng cơ chế hợp tác lâu dài từ nhiều phương diện như xây dựng lòng tin, bảo đảm cơ chế, đào tạo nhân tài, và hợp tác nghiên cứu khoa học, nhằm nâng cao chất lượng hợp tác.

Xét từ góc độ hợp tác khu vực và con đường thực tiễn, trong bài viết “云南与越南职业教育国际化合作研究——以中越联合声明为切入点” (*Nghiên cứu hợp tác quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp giữa Vân Nam và Việt Nam — Dưới góc*

độ Tuyên bố chung Trung-Việt) [56], Fu Zeyun (Phù Trạch Vân) cùng hai tác giả lấy tuyên bố chung Trung-Việt được công bố từ ngày 12 đến 13 tháng 12 năm 2023 làm điểm khởi đầu để thảo luận về hợp tác GDNN giữa hai nước. Tuyên bố chung lần này lần đầu tiên nêu rõ “tăng cường hợp tác GDNN”, đây là lần đầu tiên GDNN được chính thức đưa vào chương trình nghị sự hợp tác ở cấp quốc gia, mang đến cơ hội chính sách chưa từng có cho tiến trình quốc tế hóa GDNN Trung-Việt. Tác giả cho rằng tỉnh Vân Nam có ưu thế về địa lý, tuy nhiên, cơ sở hợp tác với Việt Nam hiện nay vẫn còn yếu, số lượng dự án ít, năng lực đào tạo của các trường nghề còn hạn chế, ngành nghề đào tạo chưa phù hợp, thiếu hỗ trợ từ bên ngoài. Trước thực trạng đó, tác giả nhấn mạnh cần lấy tuyên bố chung làm kim chỉ nam, lấy phát triển ngành nghề làm điểm tựa, lấy phối hợp giữa các cơ sở giáo dục làm nền tảng, thúc đẩy các trường nghề ở Vân Nam “vươn ra biển lớn”, nâng cao năng lực và trình độ phục vụ cho tiến trình xây dựng cộng đồng chia sẻ tương lai Trung-Việt.

Trong công trình “*新中国 70 年职业教育改革发展历程*” (*Lịch trình 70 năm đổi mới và phát triển giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc mới*) [109] của Bộ Giáo dục Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa khẳng định hoạt động hợp tác GDNN quốc tế cũng tích cực phục vụ BRI, hỗ trợ doanh nghiệp “đi ra ngoài”. Trong những năm gần đây, các trường cao đẳng nghề tại Thành phố Thiên Tân đã khám phá việc thiết lập “Luban Workshops” và đã triển khai thành công ở 7 quốc gia như Thái Lan, Anh, Ấn Độ và các quốc gia khác. Năm 2017, tuyến đường sắt “Mombasa-Nairobi” ở Kenya được mở thông, với sự hỗ trợ đào tạo từ tám trường cao đẳng nghề, bao gồm Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt Thiểm Tây. Tháng 3 năm nay, châu Phi lại mang đến tin vui, trong quá trình ngành công nghiệp kim loại màu của Trung Quốc khám phá việc “đi ra ngoài”, 5 tiêu chuẩn chuyên môn được phát triển bởi các trường cao đẳng nghề Trung Quốc đã được chấp thuận và trở thành tiêu chuẩn giảng dạy chính thức của quốc gia Zambia³.

³ 职业教育还积极服务“一带一路”，助力企业“走出去”。近年来，天津市职业院校探索建立“鲁班工坊”，已先后在泰国、英国、印度等7个国家落地。2017年，肯尼亚“蒙内铁路”顺利通车，背后是陕西铁路职业技术学院等8所职业院校组团、分段为当地员工提供培训支撑。今年3月，非洲大陆再次传来好消息，在中国有色金属行业协同“走出去”探索海外办学过程中，由中国职业院校开发的5项专业标准获批成为赞比亚国家专业教学标准。

Tác giả Nong Lifu (Nông Lập Phu) với bài viết “*中国与越南现代教育合作回顾与展望*” (*Hợp tác giáo dục hiện nay giữa Trung Quốc và Việt Nam: Tổng quan và triển vọng*) [61] là bài nghiên cứu trực tiếp nghiên cứu về hợp tác giáo dục giữa hai nước Trung-Việt từ năm 1950 đến 2010 đã giới thiệu một cách sơ lược về quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước, tác giả cũng giới thiệu về quan hệ giáo dục giữa hai nước qua các thời kỳ, và cũng đưa ra những triển vọng hợp tác giáo dục giữa hai nước trong tương lai. Tuy nhiên, tác giả Nong LiFu với giới hạn bài viết khoảng 5 trang cũng chỉ giới thiệu khái quát về quá trình hợp tác, nêu lên một số triển vọng hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc mà chưa có điều kiện đi sâu hơn nữa vào nghiên cứu quan hệ giáo dục. Ngoài ra các số liệu và tài liệu của tác giả đưa ra chủ yếu từ phía Trung Quốc và giới hạn đến năm 2010, không sử dụng nguồn tài liệu tham khảo từ Việt Nam nên có thể nói vẫn chưa thể hiện được tính khách quan. Và đây cũng là điểm để nghiên cứu sinh có thể tiếp cận, bổ sung thêm, làm dày thêm nghiên cứu về quan hệ hợp tác giáo dục Việt-Trung.

Trong bài viết “*中越高等教育合作探究*” (*Nghiên cứu hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam*) [60], trên cơ sở nghiên cứu, phân tích thực trạng và hạn chế trong hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp cơ bản trong hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Việt Nam có ý nghĩa và giá trị thực tiễn to lớn trong việc tăng cường trao đổi và hợp tác trong giáo dục đại học nói riêng và GDNN nói chung giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay.

**Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam*

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn và thực trạng hợp tác giáo dục nói chung giữa Trung Quốc và Việt Nam các tác giả cũng nghiên cứu, phân tích và làm rõ triển vọng và đề xuất một số định hướng, giải pháp thúc đẩy quan hệ hợp tác giáo dục nói chung giữa Trung Quốc và Việt Nam, tiêu biểu như công trình: “*Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc*” [21]; “*Nhìn lại 60 năm quan hệ ngoại giao và hợp tác giáo dục Việt-Trung*”

[7]; *“Hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam-Trung Quốc những năm gần đây: Thực trạng, vấn đề và triển vọng”* [8]; *“Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc trên đà phát triển”* [22]...

Tác giả Vũ Minh Tuấn với bài viết *“Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc”* [21], trên cơ sở khái quát về tình hình hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc từ những năm đầu thế kỷ XX và hệ thống giáo dục Trung Quốc, và khái quát quan hệ hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao đến năm 2005, tác giả cũng đã phân tích và làm rõ những triển vọng phát triển của nền giáo dục Trung Quốc trên cơ sở hợp tác giáo dục với Việt Nam.

Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam với cuốn *“Kỷ yếu hội thảo: Việt Nam-Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai”* [27], các bài viết đã tập trung nghiên cứu về các mối quan hệ của hai nước trên các phương diện: chính trị-ngoại giao, kinh tế, khoa học-giáo dục-văn hóa... đồng thời phân tích làm rõ thực trạng, triển vọng hợp tác cùng nhau phát triển, hướng tới tương lai của hai quốc gia.

Triển vọng phát triển trong hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam cũng được nghiên cứu trong luận án: *“Quan hệ giao lưu và hợp tác giáo dục giữa Việt Nam-Trung Quốc giai đoạn từ 1950 đến nay”* [9] trên cơ sở nghiên cứu bối cảnh lịch sử dẫn tới sự hình thành, phát triển của quan hệ hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc; phân tích có hệ thống về quá trình vận động của quan hệ hợp tác giáo dục giữa hai nước qua từng giai đoạn; phân tích chủ trương, chính sách phát triển giáo dục song phương, đa phương của hai nước để xác định xu hướng phát triển quan hệ giáo dục Việt-Trung, tác giả đã đánh giá hoạt động hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc trong giai đoạn từ 1950 đến 2018. Và thông qua phương pháp SWOT nhằm phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đặt ra trong việc phát triển quan hệ giao lưu và hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc hiện nay. Tác giả đã đề xuất các giải pháp có tính khả thi nhằm phát huy vai trò của giáo dục trong việc phát triển quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn tiếp theo.

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án cho thấy: Các công trình nghiên cứu đã trực tiếp nghiên cứu, phân tích và làm rõ về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn cho hoạt động hợp tác giáo dục Trung Quốc và Việt Nam nói chung. Về thực trạng hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam cũng được các công trình quan tâm nghiên cứu, phân tích, song chỉ tập trung tới nghiên cứu vấn đề hợp tác giáo dục đại học và giáo dục nói chung. Đồng thời, những triển vọng và giải pháp hợp tác giáo dục nói chung và giáo dục đại học cũng được các nhà nghiên cứu quan tâm làm rõ.

Như vậy, tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, thực trạng và triển vọng, giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc-Việt Nam hiện nay, chỉ có mấy bài nghiên cứu và được công bố tại Trung Quốc, và ở Việt Nam chưa có công trình nào trực tiếp nghiên cứu đến. Đó là khoảng trống mà đề tài luận án cần làm sáng tỏ.

1.2. Một số nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, nghiên cứu, phân tích và hệ thống hoá cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam. Trong đó, làm rõ các vấn đề lý luận về GDNN, hợp tác GDNN và cơ sở thực tiễn hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam; vai trò, ý nghĩa của hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng tới hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích và làm rõ thực trạng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2023. Cụ thể là: nghiên cứu, phân tích và làm rõ Chủ trương, đường lối tăng cường hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam; thực trạng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023 về nội dung, các loại hình hợp tác GDNN; nghiên cứu và phân tích một số trường hợp tiêu biểu trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023.

Trên cơ sở đó, đánh giá chung về kết quả hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023, luận án cần phân tích và làm rõ những kết quả đạt

được và nguyên nhân của kết quả đạt được, đồng thời nghiên cứu, phân tích và làm rõ những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023.

Thứ ba, trên cơ sở nghiên cứu thực trạng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2013-2023, phân tích và làm rõ những nguyên nhân của hạn chế, luận án cần nghiên cứu, phân tích và làm rõ triển vọng và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam góp phần phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của hai quốc gia.

Chương 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN VỀ HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM NĂM 2013-2023

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động, GDNN ngày càng trở thành một trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực ở nhiều quốc gia, đặc biệt là những nước đang phát triển như Trung Quốc và Việt Nam. Hợp tác GDNN không chỉ phản ánh nhu cầu nội tại của Trung Quốc và Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở GDNN, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trở thành động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế, thúc đẩy giao lưu văn hoá, giao lưu nhân dân hai nước và trong khu vực Đông Nam Á.

2.1. Cơ sở lý luận về hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

2.1.1. Những khái niệm liên quan đến hợp tác giáo dục nghề nghiệp

Việc làm rõ các khái niệm liên quan đến GDNN và hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam là tiền đề quan trọng nhằm xây dựng cơ sở lý luận vững chắc cho nghiên cứu.

2.1.1.1. Giáo dục nghề nghiệp

****Khái niệm GDNN***

Theo “*Từ điển Tiếng Việt*” giáo dục được hiểu là “Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra” [28, tr. 394]; là “hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy-giáo dục của một nước” [28, tr. 394].

Theo “*Từ điển Tiếng Việt*” nghề nghiệp là “Công việc chuyên làm theo sự phân công lao động của xã hội” [28, tr. 676].

Theo “*Luật GDNN Việt Nam*” GDNN được hiểu là “Một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp

ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên” [15, tr. 1].

Theo Điều 2, *Luật GDNN*⁴ mới của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, thuật ngữ GDNN được hiểu là “việc triển khai giáo dục nhằm đào tạo những nhân tài có chất lượng cao về kỹ thuật, giúp người học có đạo đức nghề nghiệp, kiến thức chuyên sâu và năng lực hành động cần thiết để thực hiện nghề nghiệp hoặc phát triển sự nghiệp, bao gồm giáo dục tại các trường nghề và đào tạo nghề” [110].

Như vậy, khái niệm GDNN được hiểu là “Một bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, với mục đích là đào tạo các trình độ cho người lao động, thực hiện các chương trình đào tạo nghề khác nhằm nâng cao trình độ tay nghề, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho người lao động đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu nhất về nhân lực cung ứng cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ phát triển kinh tế-xã hội”.

GDNN có vai trò, vị thế quan trọng tương đương với giáo dục phổ thông, là một phần quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân và phát triển nguồn nhân lực, là phương tiện quan trọng để đào tạo nguồn nhân tài đa dạng, truyền thụ kỹ thuật và kỹ năng, thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp. Theo Điều 4, *Luật GDNN* mới của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, “GDNN phải kiên trì theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, theo định hướng giáo dục xã hội chủ nghĩa, thực hiện phương châm giáo dục của quốc gia, kiên trì việc xây dựng đạo đức và đào tạo con người, kiên trì kết hợp giữa sản xuất và giáo dục, hợp tác giữa trường học và doanh nghiệp, tập trung vào thị trường và khuyến khích việc làm, tập trung vào thực hành và củng cố năng lực nghề nghiệp đối với từng cá nhân và phương pháp giảng dạy linh hoạt”.

**Mục tiêu giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc và Việt Nam*

Ở Trung Quốc, mục tiêu của GDNN có ba điểm chủ yếu như sau.

⁴ *Luật Giáo dục nghề nghiệp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa* đã được sửa đổi tại Kỳ họp thứ 34 của Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc khóa XIII vào ngày 20 tháng 4 năm 2022. Trong luận án này, tất cả các nội dung liên quan đến Luật Giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc đều căn cứ theo phiên bản mới nhất.

(i) *Đào tạo nguồn nhân tài đa dạng, truyền thụ kỹ thuật và kỹ năng, là phát triển nguồn nhân lực thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp.* Trong *Luật GDNN* mới sửa đổi của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2022, chỉ rõ rằng “GDNN là một loại hình giáo dục quan trọng có vị trí quan trọng với giáo dục phổ thông, một phần quan trọng của hệ thống giáo dục quốc gia và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời là một cách quan trọng để trau dồi nhân tài đa dạng, kế thừa kỹ năng, thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp”. Vì thế, hiện nay Trung Quốc đang tích cực phát triển GDNN, thúc đẩy cải cách trong lĩnh vực này, nâng cao chất lượng GDNN, tăng cường tính thích ứng của GDNN đối với thị trường lao động. Xây dựng và hoàn thiện thể chế về chế độ GDNN đảm bảo phù hợp với nhu cầu của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và sự phát triển của xã hội, đồng thời tuân thủ các quy luật phát triển của nguồn nhân tài và kỹ thuật kỹ năng, nhằm cung cấp nguồn lực và kỹ năng mạnh mẽ cho việc xây dựng đất nước hiện đại xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc hiện nay. Gắn với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp cao, việc thực hiện GDNN phải hướng tới mục tiêu tuyên truyền giá trị cốt lõi xã hội chủ nghĩa, tiến hành giáo dục tư duy chính trị và đạo đức nghề nghiệp, nuôi dưỡng tinh thần lao động, tinh thần nghề nhân, truyền đạt kiến thức khoa học văn hóa và chuyên môn, phát triển kỹ thuật và kỹ năng, lấy người học làm trung tâm, phát triển toàn diện tri thức, năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, chính trị tư tưởng, nhằm hướng tới nâng cao tổng thể chất lượng của người học.

(ii) *GDNN đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội quốc gia.* Điều 11 của *Luật GDNN* mới của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Việc thực hiện GDNN phải dựa trên nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, kết hợp với phân loại nghề nghiệp, tiêu chuẩn nghề nghiệp, và nhu cầu phát triển nghề nghiệp, xây dựng các tiêu chuẩn giáo dục hoặc kế hoạch đào tạo, triển khai hệ thống chứng chỉ bao gồm bằng cấp, chứng chỉ học vụ khác, chứng chỉ đào tạo, bằng chứng chỉ nghề nghiệp và bằng chứng chỉ kỹ năng nghề nghiệp.

(iii) *GDNN đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời cho cộng đồng.* Tại Điều 14, *Luật GDNN* mới của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa khẳng định: Quốc gia

thiết lập và hoàn thiện hệ thống GDNN phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, kết hợp sâu rộng giữa sản xuất và giáo dục, đồng thời tập trung phát triển cả GDNN trong trường và Đào tạo Nghề nghiệp. GDNN và Giáo dục phổ thông được liên thông lẫn nhau, các hệ thống GDNN ở các cấp độ khác nhau liên kết mạch lạc, tạo ra hệ thống GDNN hiện đại phục vụ học tập suốt đời cho toàn bộ cộng đồng.

Vì thế, Trung Quốc tối ưu hóa cấu trúc giáo dục, khoa học phân bổ nguồn lực giáo dục, và tại các giai đoạn sau giáo dục bắt buộc, phát triển đồng đều GDNN và giáo dục phổ thông dựa vào điều kiện cụ thể của từng địa phương để thúc đẩy sự phát triển cân đối giữa GDNN và giáo dục phổ thông.

Ở Việt Nam, mục tiêu chung của GDNN là “nhằm đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ đào tạo; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn” [15, tr. 2].

Như vậy, GDNN ở Trung Quốc và Việt Nam đều hướng tới mục tiêu phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia, gắn GDNN với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, tích hợp GDNN với sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đất nước trong giai đoạn hiện nay, đồng thời phục vụ nhu cầu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động.

**Hệ thống GDNN Trung Quốc và Việt Nam*

Theo *Luật GDNN* mới của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, hệ thống GDNN ở Trung Quốc bao gồm hệ thống trung cấp và cao đẳng nghề [110].

Giáo dục trung cấp được thực hiện tại các trường trung cấp nghề (bao gồm trường trung cấp nghề và trường dạy nghề) ở cấp độ giáo dục trung học phổ thông. Giáo dục cao cấp được thực hiện tại các trường cao đẳng nghề, cao đẳng và đại học nghề trình độ cao đẳng, cũng như theo hệ thống các Học viện kỹ thuật (các trường

kỹ thuật) theo quy định của hệ thống trường cao đẳng nghề. Các Học viện kỹ thuật có đủ điều kiện sẽ được tích hợp vào hệ thống trường cao đẳng nghề theo quy định về việc thành lập các trường cao đẳng nghề. Ngoài ra, *Luật GDNN* mới còn quy định các trường, tổ chức giáo dục khác hoặc các doanh nghiệp, tổ chức ngành nghề đủ điều kiện có thể thực hiện Giáo dục tại trường nghề ở các cấp độ tương ứng hoặc cung cấp các khóa học tín chỉ trong chương trình đào tạo nhân sự, theo quy hoạch tổng thể của cơ quan quản lý giáo dục. Về đào tạo nghề, cũng được *Luật GDNN* quy định rõ tại Điều 16: Đào tạo nghề bao gồm đào tạo trước khi đi làm, đào tạo trong khi làm việc, đào tạo lại việc làm và các đào tạo nghề khác, có thể được triển khai theo các cấp độ và loại hình tùy thuộc vào tình hình thực tế. Đào tạo nghề có thể được thực hiện bởi các cơ sở đào tạo nghề và trường nghề tương ứng. Các trường, tổ chức giáo dục khác, cũng như doanh nghiệp và tổ chức xã hội, có thể phát triển các loại hình đào tạo nghề đa dạng và dựa vào nhu cầu xã hội, theo đúng quy định và theo khả năng tổ chức giáo dục của họ.

Hệ thống GDNN ở Việt Nam bao gồm hệ thống trung cấp, cao đẳng nghề, với ba cấp độ: Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo trình độ trung cấp, đào tạo trình độ cao đẳng. Quy định cụ thể đối với từng trình độ của GDNN như sau: “Đào tạo trình độ sơ cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề; Đào tạo trình độ trung cấp để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ sơ cấp và thực hiện được một số công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc” [15, tr. 2]. Quy định về các cơ sở GDNN bao gồm: Trung tâm GDNN; Trường trung cấp nghề; Trường cao đẳng. Các cơ sở GDNN được tổ chức theo các loại hình sau đây: “Cơ sở GDNN công lập là cơ sở GDNN thuộc sở hữu Nhà nước, do Nhà nước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; Cơ sở

GDNN tư thực là cơ sở GDNN thuộc sở hữu của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân, do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, tổ chức kinh tế tư nhân hoặc cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; Cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài gồm cơ sở GDNN 100% vốn của nhà đầu tư nước ngoài; cơ sở GDNN liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài” [15, tr. 3].

Tóm lại, Trung Quốc và Việt Nam đều có hệ thống GDNN với các chương trình GDNN và đào tạo nghề nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng chuyên môn và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Nhưng hệ thống GDNN hai bên cũng có những điểm khác biệt, cơ bản như: Về hệ thống giáo dục, hệ thống GDNN của Trung Quốc có sự phân tầng rõ ràng với các cấp giáo dục bao gồm: Trung cấp nghề, cao đẳng nghề, đại học ứng dụng hay đại học nghề trình độ cao đẳng phát triển song song với hệ thống giáo dục đại học truyền thống.

Vì thế, để xác định được đối tượng nghiên cứu trường hợp điển hình làm rõ những kết quả đạt được trong nghiên cứu hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam, luận án lựa chọn nghiên cứu trường hợp hợp tác GDNN tiêu biểu ở hệ thống các trường cao đẳng.

2.1.1.2. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp

**Khái niệm liên quan đến hợp tác GDNN*

Hợp tác theo giải nghĩa của “*Từ điển Tiếng Việt*” là “cùng chung sức giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó, nhằm một mục đích chung” [28, tr. 466]. Hợp tác được hiểu là cùng nhau góp công sức, góp tài sản để thực hiện một công việc, mục đích chung và vì lợi ích chung. Như vậy, hợp tác GDNN được hiểu là hoạt động liên kết, phối hợp đào tạo, GDNN giữa nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ trên thế giới để thúc đẩy sự phát triển về chất và lượng của GDNN.

Hợp tác quốc tế trong GDNN thuộc *Luật GDNN* của Việt Nam, có thể hiểu rằng hợp tác GDNN là hoạt động phối hợp giữa các cơ sở GDNN của Việt Nam với các tổ chức trong và ngoài nước trong các lĩnh vực như nguồn lực, nhân sự, chương

trình đào tạo, công nhận văn bằng chứng chỉ... nhằm nâng cao chất lượng GDNN, hướng tới việc chia sẻ nguồn lực đào tạo và công nhận kết quả học tập lẫn nhau. Các hình thức hợp tác bao gồm liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, doanh nghiệp tham gia đào tạo và hợp tác quốc tế.

Hiện nay, trong lĩnh vực GDNN, hoạt động hợp tác GDNN đã và đang diễn ra rất sôi nổi, có vai trò quan trọng đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Việt Nam. Chính phủ, các bộ, ngành, các cơ sở GDNN các địa phương của cả hai nước luôn nỗ lực, tích cực, chủ động trong mở rộng hợp tác GDNN nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị hợp tác, cũng như phát triển nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu hợp tác phát triển kinh tế của hai bên.

**Mục tiêu hợp tác giáo dục nghề nghiệp*

Theo *Luật GDNN* năm 2014 của Việt Nam, hợp tác GDNN chủ yếu có hai mục tiêu là: “Nâng cao chất lượng GDNN theo hướng hiện đại, tiếp cận nền GDNN tiên tiến trong khu vực và trên thế giới” [15, tr. 27]. Và “tạo điều kiện để cơ sở GDNN phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” [15, tr. 27].

Nhờ phát triển hoạt động hợp tác GDNN trong khu vực và quốc tế (trong đó, chú trọng hợp tác với các quốc gia có thể mạnh về giáo dục đại học, GDNN...), giúp GDNN của Việt Nam xây dựng hệ thống GDNN hiện đại hoá, cập nhật tri thức mới, công nghệ mới để phù hợp với tình hình hội nhập quốc tế sâu rộng về GDNN trên phạm vi quốc tế. Nhờ tăng cường hợp tác GDNN, đặc biệt là với các cơ sở giáo dục quốc tế uy tín là cơ hội để cơ sở GDNN tại Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh với các hình thức giáo dục khác, thu hút nhiều nhân tài hơn nữa. Giúp xây dựng cho thị trường lao động Việt Nam nguồn lao động dồi dào về số lượng và đảm bảo về chất lượng.

Thông qua hoạt động hợp tác, GDNN có ý nghĩa giúp phát triển các hoạt động liên doanh, liên kết đào tạo, tuyển sinh, trao đổi với nhiều nước trên thế giới. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực GDNN.

Khuyến khích các giảng viên, các nhà khoa học làm công tác hợp tác quốc tế nhằm tạo ra mạng lưới cộng tác viên trong hợp tác quốc tế về GDNN.

Thông qua hoạt động hợp tác GDNN, đội ngũ cán bộ, giảng viên tại các cơ sở GDNN được cử đi học tập, nghiên cứu, đi đào tạo, bồi dưỡng giao lưu khoa học với các cơ sở GDNN nước ngoài, nhờ đó, đội ngũ cán bộ, giảng viên được nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn.

**Tám loại hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp*

Theo *Luật GDNN* năm 2014 của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong GDNN, các hình thức hợp tác quốc tế trong GDNN được quy định tại Điều 47. Cụ thể là:

- (i) Liên kết đào tạo.
- (ii) Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở GDNN nước ngoài tại Việt Nam.
- (iii) Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.
- (iv) Bồi dưỡng, trao đổi giáo viên, cán bộ quản lý GDNN và người học.
- (v) Trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo.
- (vi) Tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.
- (vii) Mở văn phòng đại diện cơ sở GDNN của Việt Nam ở nước ngoài.
- (viii) Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật. [15, tr. 27].

Hiện nay, về hình thức hợp tác quốc tế trong *Luật GDNN* mới [110] Trung Quốc chỉ được đề cập tại Điều 13: Nhà nước khuyến khích giao lưu và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN, hỗ trợ việc tiếp thu các nguồn lực chất lượng cao từ nước ngoài để phát triển GDNN, khuyến khích các cơ sở GDNN có điều kiện ra nước ngoài thành lập cơ sở đào tạo, đồng thời ủng hộ việc công nhận lẫn nhau kết quả học tập GDNN dưới nhiều hình thức khác nhau. Luận án sẽ nghiên cứu các hình thức hợp tác giáo dục theo *Luật GDNN* của Việt Nam năm 2014.

- Liên kết đào tạo

Trong đó, nội dung và điều kiện liên kết đào tạo với nước ngoài được quy định tại Điều 48, *Luật GDNN* Việt Nam bao gồm:

(i) Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác đào tạo giữa cơ sở hoạt động GDNN của Việt Nam với cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài nhưng không hình thành pháp nhân mới nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ đào tạo nghề nghiệp.

(ii) Chương trình đào tạo sử dụng trong liên kết đào tạo với nước ngoài là chương trình đào tạo của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài. Người đứng đầu cơ sở hoạt động GDNN phê duyệt chương trình đào tạo sử dụng trong liên kết đào tạo với nước ngoài.

(iii) Cơ sở hoạt động GDNN liên kết đào tạo với nước ngoài phải có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo và phải bảo đảm điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, chương trình, nội dung đào tạo.

Cơ sở giáo dục, đào tạo nước ngoài thực hiện liên kết với cơ sở hoạt động GDNN trong nước phải có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng GDNN do cơ quan kiểm định chất lượng nước ngoài cấp hoặc được công nhận theo quy định của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương.

Điều kiện cụ thể, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

(iv) Trường hợp chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài bị đình chỉ tuyển sinh hoặc bị chấm dứt hoạt động do không duy trì điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này thì cơ sở hoạt động GDNN phải bồi hoàn kinh phí đào tạo cho người học, thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người học, của nhà giáo, viên chức, người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; thanh toán các khoản nợ thuế và các khoản nợ khác (nếu có) [15, tr. 28].

Theo đó, liên kết đào tạo với nước ngoài là hình thức chính của Việt Nam khi triển khai hợp tác GDNN với nước ngoài. Nó là việc xây dựng và thực hiện chương trình hợp tác đào tạo giữa cơ sở hoạt động GDNN của Việt Nam với cơ sở giáo dục,

đào tạo nước ngoài nhưng không hình thành pháp nhân mới nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ đào tạo nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo được sử dụng trong hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo có 3 đặc điểm sau:

Thứ nhất, chương trình do các bên hợp tác cùng nhau thảo luận, xây dựng.

Thứ hai, chương trình có thể được sử dụng toàn bộ hoặc một phần tại Việt Nam hoặc nước ngoài.

Thứ ba, chương trình đào tạo được sử dụng xuyên suốt trong hoạt động liên kết đào tạo do người đứng đầu cơ sở GDNN phê duyệt.

- *Thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài*

Văn phòng đại diện của cơ sở GDNN nước ngoài có chức năng đại diện cho cơ sở GDNN nước ngoài. Hình thức hợp tác đào tạo này được quy định tại Điều 49 *Luật GDNN* như sau:

Điều kiện cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện GDNN nước ngoài tại Việt Nam khi cơ sở GDNN nước ngoài đáp ứng đầy đủ các yếu tố: có tư cách pháp nhân; có tôn chỉ, mục đích hoạt động riêng; có thời gian hoạt động GDNN ít nhất là 05 năm ở nước sở tại; có quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện dự kiến thành lập tại Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Thẩm quyền cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam: Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về GDNN cấp trung ương. Nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng đại diện của cơ sở GDNN nước ngoài tại Việt Nam: Các văn phòng đại diện có nhiệm vụ thúc đẩy việc hợp tác với cơ sở GDNN Việt Nam thông qua việc xúc tiến xây dựng các chương trình, dự án hợp tác trong lĩnh vực GDNN; triển khai tổ chức các hoạt động giao lưu, tư vấn, trao đổi thông tin, hội thảo và triển lãm trong lĩnh vực GDNN nhằm giới thiệu về tổ chức, cơ sở GDNN nước ngoài; đôn đốc, giám sát việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác GDNN đã ký kết giữa cơ sở GDNN nước ngoài với các cơ sở GDNN Việt Nam;

Ngoài ra, *Luật GDNN* của Việt Nam còn nêu rõ, các văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài không được thực hiện hoạt động GDNN sinh lời trực tiếp

tại Việt Nam và không được phép thành lập chi nhánh trực thuộc văn phòng đại diện của cơ sở GDNN nước ngoài tại Việt Nam.

**Trách nhiệm các cấp*

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hợp tác quốc tế về GDNN bao gồm:

Trách nhiệm quản lý nhà nước về GDNN: Nhà nước ban hành các chính sách nhằm mở rộng, phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN theo nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền quốc gia và các bên cùng có lợi và các chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài có điều kiện tham gia và quá trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN; Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về GDNN; cơ quan quản lý nhà nước về GDNN ở trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về GDNN, trong đó có hoạt động quản lý, tổ chức công tác hợp tác quốc tế về GDNN.

Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN: Cơ sở giáo dục có trách nhiệm nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn hợp tác quốc tế; Hội đồng nhà trường / Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành nghị quyết, phương hướng hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế; Giám đốc các trung tâm GDNN có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, hợp tác quốc tế, kiểm định chất lượng GDNN, phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo nghề nghiệp; tổ chức hướng nghiệp cho học sinh sinh viên.

**Các mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp*

Phương thức hợp tác GDNN được thực hiện theo các mô hình chủ yếu như sau:

Mô hình 1+2 và 2+1. Phương thức hợp tác theo mô hình 1+2; 2+1 về GDNN được thực hiện đối với hệ cao đẳng. Sinh viên Việt Nam sẽ có 1-2 năm học thực hành chuyên ngành (do sinh viên đăng ký). Sau khi tốt nghiệp, được các cơ sở GDNN nước ngoài cấp bằng tương đương trình độ chương trình đào tạo theo quy định.

Mô hình 1+3. Hợp tác đào tạo theo mô hình 1+3 áp dụng cho ngành ngôn ngữ, 1 năm đầu, sinh viên học tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Việt Nam ở trong nước, 3 năm sau sinh viên học chuyên ngành, thực tập ở nước ngoài.

Mô hình 1+4. Hợp tác đào tạo theo mô hình 1+4, sinh viên sẽ có 1 năm học tiếng Trung Quốc ở trong nước để có thể đạt được trình độ Hán ngữ tương đương HSK cấp 3 hoặc 4. Trong 4 năm còn lại, sinh viên học chuyên ngành, thực tập... tại trường đại học nghề trình độ cao đẳng ở Trung Quốc.

Mô hình 2+2. Hợp tác đào tạo theo mô hình 2+2 thường được áp dụng cho các ngành kinh tế, khoa học - công nghệ. Sinh viên có 2 năm học ngoại ngữ và các môn cơ sở ở trong nước để đạt một khối lượng kiến thức cơ bản vững chắc cho chuyên ngành, đồng thời giúp sinh viên giảm được rất nhiều chi phí học tập. Trong hai năm cuối, sinh viên học chuyên ngành, thực tập tại trường đại học ở Trung Quốc.

Ngoài ra, các trường đại học và trường cao đẳng ở Việt Nam và Trung Quốc đào tạo ngành tiếng Trung Quốc và tiếng Việt còn có những chương trình hợp tác ngắn hạn dưới 1 năm dành cho sinh viên học tập và thực hành ở nước sở tại.

2.1.2. Các lý thuyết nghiên cứu

Trong quá trình triển khai đề tài, luận án sử dụng những luận điểm của lý thuyết quan hệ quốc tế để tìm hiểu mối quan hệ hợp tác GDNN Trung Quốc - Việt Nam trong giai đoạn 2013-2023, bao gồm: *Khu vực học, chủ nghĩa Tự do, chủ nghĩa kiến tạo.*

2.1.2.1. Khu vực học

Về khái niệm Khu vực học được hiểu là “Khu vực học là bộ môn khoa học liên ngành thuộc lĩnh vực nghiên cứu quốc tế, nó nghiên cứu các vùng lãnh thổ bên ngoài biên giới quốc gia trên các phương diện xã hội, kinh tế, chính trị và văn hoá trong quan hệ với không gian địa lý, nhằm tăng cường nhận thức của con người về tính đa dạng của thế giới và vì lợi ích chung” [10, tr.197]. Có thể khẳng định rằng đến thời điểm hiện nay, lĩnh vực này bước đầu được xác định với ba đặc trưng cơ bản: (1) Khu vực học là một ngành khoa học mang tính liên ngành; (2) lấy khu vực hoặc không gian cư trú của các cộng đồng người làm đối tượng nghiên cứu; (3)

hướng tới việc cung cấp hiểu biết tổng hợp về các vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội, văn hóa – giáo dục, môi trường,... của khu vực, qua đó phục vụ hoạch định chính sách, đề xuất giải pháp phát triển và bảo đảm sự phát triển bền vững cho chính các cộng đồng cư dân trong khu vực/không gian đó.

Sử dụng lý thuyết Khu vực học trong nghiên cứu quan hệ quốc tế cần nhận thức được sự gắn gũi trong việc sử dụng không gian địa lý – hành chính (quốc gia, tỉnh, huyện, xã, thôn, làng, bản) như một không gian nghiên cứu. Trên thực tế, các không gian hành chính này cũng được hình thành và phát triển dựa trên sự kết hợp của nhiều yếu tố: lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý tự nhiên, môi trường và cộng đồng cư dân (bao gồm cả quá trình hình thành và phát triển của các dân tộc/tộc người, cũng như tiến trình phát triển văn hóa, xã hội trong khu vực). Do đó, không gian địa lý, sự tương đồng về lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, địa lý tự nhiên, môi trường và cộng đồng cư dân cũng có thể được coi là căn cứ để nghiên cứu hoạch định chính sách, đề xuất giải pháp phát triển và bảo đảm sự phát triển bền vững cho chính các cộng đồng cư dân trong khu vực/không gian đó. Đây là một luận điểm quan trọng, cho thấy tiếp cận Khu vực học là định hướng phù hợp và hữu ích trong nghiên cứu hoạt động hợp tác GĐNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Sử dụng lý thuyết khu vực học trong nghiên cứu hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Việt Nam và Trung Quốc, làm rõ bối cảnh lịch sử: quan hệ lâu đời giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giao lưu văn hóa, khoa cử và giáo dục; Khía cạnh chính trị - ngoại giao: hợp tác giáo dục nghề nghiệp gắn với chiến lược hợp tác toàn diện, đặc biệt trong khuôn khổ “Một vành đai, Một con đường” và Sáng kiến Hợp tác Lan Thương – Mekong, đồng thời hoạt động hợp tác GĐNN giữa Việt Nam và Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng đáp ứng nhu cầu nhân lực có tay nghề cao phục vụ công nghiệp hóa tại Việt Nam và sự phát triển của các doanh nghiệp FDI của Trung Quốc ở Việt Nam hiện nay trong khuôn khổ hợp tác “Một vành đai, Một con đường”, BRI...

Đồng thời, trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam vừa là thành viên ASEAN, vừa là láng giềng trực tiếp của Trung Quốc, nên hợp tác giáo dục nghề nghiệp mang

tính “hai tầng”: gắn với chiến lược quốc gia song phương và với tiến trình hội nhập ASEAN về giáo dục. Sự hợp tác này phản ánh tính động và tương tác của khu vực: Việt Nam không chỉ tiếp nhận ảnh hưởng từ Trung Quốc, mà còn điều chỉnh chính sách giáo dục nghề nghiệp để phù hợp với chuẩn mực của khu vực và quốc tế.

Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Việt Nam và Trung Quốc có thể được xem là trường hợp điển hình để phân tích cách một quốc gia Đông Nam Á (Việt Nam) vừa phát huy bản sắc khu vực (gắn kết ASEAN, hội nhập quốc tế), vừa xử lý quan hệ với một cường quốc láng giềng. Điều này cho thấy lý thuyết khu vực học giúp lý giải sự vận động phức hợp của Đông Nam Á trong bối cảnh vừa hội nhập với những ảnh hưởng từ nhiều phía trong xu hướng hợp tác quốc tế trong bối cảnh thế giới phẳng hiện nay.

2.1.2.2. Chủ nghĩa Tự do

Bàn về quan hệ hợp tác quốc tế, có nhiều lý thuyết được sử dụng để giải thích, trong đó Chủ nghĩa Tự do là một lý thuyết nổi bật nhất. Đồng thời, Chủ nghĩa Tự do cho rằng “Hoàn toàn có khả năng hòa hợp lợi ích giữa người với người và từ đó là khả năng hòa hợp lợi ích giữa các quốc gia với nhau” [dẫn theo 13, tr.20]. Đặc biệt, Chủ nghĩa Tự do, các quốc gia trên thế giới có “sự phụ thuộc lẫn nhau” – “Sự phụ thuộc lẫn nhau tạo sự hiểu biết lẫn nhau và tạo điều kiện cho sự hợp tác. Nó tạo sự trao đổi các giá trị và thúc đẩy toàn cầu hóa để hình thành ngày càng nhiều điểm chung, tạo tính hướng đích chung cho quan hệ quốc tế” [dẫn theo 13, tr.21]. Vì thế, tăng cường giao lưu, hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục là cầu nối giúp giảm khả năng xung đột, mở ra cơ hội phát triển của mỗi nước. Chủ nghĩa Tự do đề cao việc hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới, thông qua đối thoại và hợp tác, các quốc gia có nhiều lợi thế để cùng phát triển. Hợp tác sẽ ngày càng tăng, ngày càng thay thế dần cho xung đột và trở thành xu thế chính trong quan hệ quốc tế.

Chủ nghĩa Tự do đề cao quan hệ quốc tế đa lĩnh vực và đa lợi ích. Sự đa dạng về lợi ích được quy định bởi quốc gia được cấu thành từ nhiều nhóm lợi ích khác nhau và sự đa dạng trong lợi ích của con người. Cũng giống như con người, lợi ích của quốc gia không phải chỉ có an ninh và quyền lực mà còn là sự thịnh vượng kinh tế và những lợi

ích khác. Các quốc gia đều theo đuổi thường xuyên các lợi ích này trong quan hệ quốc tế, cho nên quan hệ quốc tế chính là sự đan xen nhiều lợi ích khác nhau. Các lợi ích có sự độc lập nhất định và nằm trong nhiều lĩnh vực, nên quan hệ quốc tế cũng bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhưng những lợi ích này gắn bó với nhau nên các lĩnh vực lợi ích cũng có sự tương tác qua lại với nhau. Vì thế, Chủ nghĩa Tự do coi quan hệ quốc tế là sự hỗn hợp của nhiều lĩnh vực và luôn tương tác với nhau. Từ đó, nó có xu hướng bác bỏ việc phân chia “chính trị cấp cao với chính trị cấp thấp” như quan niệm của một số nhà lý luận của Chủ nghĩa Hiện thực: “Lợi ích quốc gia là đa dạng và quan hệ hợp tác quốc tế là đa lĩnh vực... Cũng giống như con người, lợi ích của quốc gia không phải chỉ mỗi an ninh và quyền lực mà còn cả sự thịnh vượng kinh tế với “com ăn, áo mặc” và những lợi ích khác. Các quốc gia đều theo đuổi thường xuyên các lợi ích này trong hợp tác quốc tế, cho nên hợp tác quốc tế chính là sự đan xen nhiều lợi ích khác nhau. Các lợi ích có sự độc lập nhất định và nằm trong nhiều lĩnh vực nên hợp tác quốc tế gồm nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhưng những lợi ích này gắn bó với nhau nên các lĩnh vực lợi ích cũng có sự tương tác qua lại với nhau. Vì thế, Chủ nghĩa Tự do coi hợp tác quốc tế là sự hỗn hợp của nhiều lĩnh vực và vấn đề tương tác với nhau. Từ đó, nó “có xu hướng bác bỏ việc phân chia “chính trị cấp cao với chính trị cấp thấp”” [dẫn theo 13, tr.19].

Chủ nghĩa Tự do cho rằng, hoàn toàn có khả năng hòa hợp lợi ích giữa người với người và từ đó là khả năng hòa hợp lợi ích giữa các quốc gia với nhau. Điều này được quy định bởi bản chất con người có chứa đựng những mặt tích cực, có nhiều điểm chung giữa người với người, có lý trí để nhận biết ích lợi của hợp tác. Không bác bỏ thực tế có sự cạnh tranh giữa người với người nhưng trong xung đột và cạnh tranh có tiềm năng của hòa hợp lợi ích. Những lợi ích chung và các ý tưởng tốt nhất sẽ giúp nhận thức chung được hình thành trong quan hệ và những mẫu số chung trong tương tác. Chính khả năng hòa hợp lợi ích này đã góp phần quy định xu hướng hợp tác trong quan hệ quốc tế.

Đối với Chủ nghĩa Tự do, bản chất của quan hệ quốc tế không phải chỉ có xung đột quyền lực mà còn có cả hợp tác, với những lợi ích chung. Xung đột và hợp

tác tác động lẫn nhau nên phải tính đến cả hai trạng thái này mới đánh giá đúng bản chất và sự vận động của các mối quan hệ quốc tế.

Lợi ích thu được từ hợp tác có thể không như nhau, nhưng thà thu được lợi ích nào đó còn hơn là không thu được gì nếu không hợp tác, và càng có lợi hơn khi so với khả năng mất mát nếu tiếp tục xung đột. Vì thế, hợp tác vẫn sẽ tiếp tục được lựa chọn thay vì xung đột hay không hợp tác. Hợp tác là nhằm đạt được lợi ích tuyệt đối vì thế sẽ ngày càng tăng và tiếp tục phát triển lâu dài. Như vậy, tính toán lý trí với nhận thức lâu dài sẽ giúp các quốc gia lựa chọn hợp tác và thay thế dần cho tình trạng xung đột trong quan hệ quốc tế. Hay nói cách khác, các quốc gia sẽ ngày càng lựa chọn theo đuổi lợi ích tuyệt đối hơn là lợi ích tương đối. Và hợp tác như vậy sẽ giúp đem lại hòa bình.

Chủ nghĩa Tự do cho rằng hợp tác chính là xu hướng phát triển của lịch sử quan hệ quốc tế thế giới. Xu thế hợp tác phát triển không chỉ về bề rộng mà còn về bề sâu với sự phát triển của hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế là quá trình kết hợp các quốc gia riêng rẽ vào một trạng thái của chính thể mới trên cơ sở đảm bảo lợi ích cơ bản của quốc gia. Đó chính là hình thức hợp tác sâu sắc hơn, chặt chẽ hơn cả về mức độ gắn kết và thể chế hóa. Những người theo Chủ nghĩa Xuyên quốc gia đã có lý giải đáng chú ý khi cho rằng hội nhập quốc tế là kết quả của hợp tác và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng lên. Hội nhập quốc tế tuy xuất hiện muộn hơn hợp tác từ nửa cuối thế kỷ XIX nhưng phát triển khá mạnh mẽ trong thời kỳ hiện đại. Hiện nay, hội nhập quốc tế tuy chủ yếu diễn ra trong lĩnh vực kinh tế nhưng đã lôi cuốn mọi quốc gia tham gia với nhiều hình thức (Khu thương mại tự do, Liên minh thuế quan, Thị trường chung...) và cấp độ khác nhau (song phương, khu vực, toàn cầu...). Chủ nghĩa Tự do đã dựa vào thực tế này để khẳng định cho sự phát triển của xu thế hợp tác và hội nhập quốc tế.

Chủ nghĩa Tự do cho rằng xu hướng hợp tác đang trở nên phổ biến với các quốc gia trong quan hệ quốc tế. Mặc dù về mối quan hệ về an ninh chính trị và an ninh quốc gia vẫn được các nước coi trọng nhưng sự phụ thuộc lẫn nhau trên phương diện kinh tế, khoa học công nghệ và giáo dục của các quốc gia trong thời

đại ngày nay đang ngày càng trở nên sâu rộng. Vì vậy, xu hướng và phương thức hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc diễn ra ngày càng đa dạng và phổ biến trên nhiều lĩnh vực. Thực tiễn cũng cho thấy rằng chủ quyền lãnh thổ và độc lập dân tộc không thể được xây dựng, bảo vệ trên cơ sở chính sách cô lập hay tìm kiếm từ một liên minh nào đó. Chủ quyền và độc lập phải được bảo vệ bằng cách tăng cường mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau, hợp tác trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi, không gây hại đến lợi ích của nhau.

Hợp tác quốc tế về giáo dục nói chung và về GDNN nói riêng được coi là cầu nối quan trọng giúp các quốc gia đạt được những lợi ích chung, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia.

Sử dụng lý thuyết chủ nghĩa Tự do trong nghiên cứu hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023, luận án đã làm sáng tỏ tính tất yếu khách quan trong hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam bởi xu hướng hợp tác GDNN mang lại những lợi ích chung đối với cả hai quốc gia phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trên thị trường khu vực và quốc tế...Đồng thời, thông qua chiếc cầu nối hữu nghị là hợp tác GDNN, Trung Quốc và Việt Nam tạo ra sự gắn kết về lợi ích và mối quan hệ hữu hảo truyền thống của hai quốc gia. Trong quan hệ hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam, Việt Nam nhận được sự hỗ trợ về kỹ thuật, cơ sở vật chất, công nghệ, tài chính... nhằm nâng cao chất lượng GDNN, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đồng thời, Trung Quốc tạo ra mạng lưới GDNN đi ra nước ngoài, mạng lưới nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng tay nghề cao phục vụ các khu công nghiệp, dự án đầu tư, nhà máy, doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư ở Việt Nam, đáp ứng nhu cầu lao động cho FDI (vốn đầu tư nước ngoài) của Trung Quốc tại Việt Nam.

2.1.2.3. Chủ nghĩa Kiến tạo

Khung lý thuyết của chủ Chủ nghĩa kiến tạo là một nền tảng lý thuyết quan trọng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, trong đó có nghiên cứu hợp tác quốc tế về GDNN. Theo Chủ nghĩa kiến tạo, hợp tác quốc tế không chỉ tập trung vào lợi ích

kinh tế mà còn tập trung vào các nhân tố khác như văn hóa, thể chế, quy chuẩn xã hội... Chủ nghĩa kiến tạo nhận định rằng, “khi các nước có chung bản sắc, cơ hội hợp tác sẽ dễ dàng hơn” [20, tr.24]. “Trong quá trình giao thiệp với các quốc gia khác, dựa trên hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa, các quốc gia định hình những nguyên tắc, chuẩn mực, hành vi - những biểu hiện mang tính bản sắc. Tuy nhiên, các yếu tố bản sắc không phải là tiêu chí duy nhất để các quốc gia quyết định xây dựng quan hệ hợp tác hoặc đấu tranh...Khi các quốc gia chia sẻ nhiều điểm đồng về bản sắc và lợi ích thì khả năng thiết lập và duy trì hợp tác càng cao” [20, tr.27].

Vì thế, trong quan hệ hợp tác quốc tế về lĩnh vực GDNN Trung Quốc và Việt Nam có sự gần gũi về văn hóa, tương đồng về ý thức hệ, đều định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội... điều này đã tạo ra sự thuận lợi để người học ở hai nước không gặp cú sốc về văn hóa. Hợp tác GDNN của cả hai quốc gia nhằm kiến tạo phát triển chất lượng nguồn nhân lực: người lao động có tri thức, trình độ kỹ năng tay nghề cao, khả năng thích ứng với thị trường lao động và đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp, các khu công nghiệp Trung Quốc đang đầu tư FDI vào Việt Nam hiện nay, nhằm đóng góp cho sự phát triển kinh tế của cả hai quốc gia.

Sử dụng khung lý thuyết của Chủ nghĩa kiến tạo vào nghiên cứu hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam có thể giúp lý giải cách các bên xây dựng hiểu biết, chia sẻ tri thức và phát triển các mô hình hợp tác thông qua tương tác xã hội, văn hóa và bối cảnh lịch sử. Quá trình hợp tác giáo dục và các lĩnh vực khác giúp cho Trung Quốc và Việt Nam có vị thế cao hơn trong trường quốc tế, thu hút được nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội. Còn đối với Việt Nam cũng sẽ có thêm nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hợp tác giáo dục, đồng thời thúc đẩy các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực khác.

Dù có nhiều điểm tương đồng, nhưng hai nước vẫn có bản sắc văn hóa riêng và tiến trình phát triển không giống nhau. Chính những điều này tạo nên những giá trị hấp dẫn lẫn nhau để thúc đẩy nhu cầu hợp tác, đồng thời với những điểm khác biệt đó trong nghiên cứu hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam. Các khung lý thuyết kể trên giúp luận án phân tích, làm rõ triển vọng phát triển hợp tác GDNN

Trung Quốc và Việt Nam cùng những giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN mới phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho tiến trình hiện đại hoá đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế, vị thế chính trị của các quốc gia trên trường quốc tế và khu vực.

2.2. Cơ sở thực tiễn hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Dù cùng khẳng định vai trò của GDNN trong phát triển kinh tế - xã hội, Trung Quốc và Việt Nam lại tiếp cận theo những quỹ đạo khác nhau. Nhưng việc phân tích cơ sở thực tiễn hợp tác GDNN giữa hai nước là cơ sở quan trọng để bảo đảm đánh giá khả năng hợp tác thực chất, nhận diện khoảng cách, và tránh lối tiếp cận hình thức.

2.2.1. Bối cảnh hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam

2.2.1.1. Khái quát mối quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam

Hai nước Trung-Việt núi liền núi, sông liền sông, từ trước đến nay nhân dân hai nước Trung-Việt thường xuyên qua lại giao lưu và học hỏi lẫn nhau. Vì thế, Trung Quốc và Việt Nam đã có lịch sử quan hệ giao lưu hàng ngàn năm, nhất là quan hệ giữa nhân dân hai nước. Trong quá trình đấu tranh thống nhất đất nước và trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, Việt Nam coi Trung Quốc là đối tác quan trọng, vì thế Trung Quốc và Việt Nam có sự hợp tác trên rất nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự, giáo dục, khoa học kỹ thuật v.v...

Đảng và Chính phủ hai nước thường xuyên thực hiện các chuyến thăm, làm việc trao đổi lẫn nhau và thẳng thắn trao đổi những vấn đề quan trọng của mỗi nước, của quốc tế và quan hệ song phương. Những trao đổi này đã thúc đẩy quan hệ hai nước không ngừng phát triển.

Từ sau khi bình thường hóa quan hệ đến nay, hai nước không ngừng đi sâu và mở rộng giao lưu hợp tác giữa hai đảng, hai chính phủ, quân đội, các đoàn thể quần chúng và các địa phương trên mọi lĩnh vực như khoa học kỹ thuật, văn hoá quân sự và giáo dục... Hai nước đã ký kết nhiều văn kiện hợp tác có liên quan đến ngoại giao, an ninh, kinh tế thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa, tư pháp, vận tải hàng không, vận tải biển, vận tải đường sắt và còn tiến hành các hội thảo nghiên

cứu lý luận chủ nghĩa xã hội. Quan hệ của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ngay từ những năm đầu đã được xây dựng trên nền tảng 5 nguyên tắc chung sống hòa bình và chuẩn tắc quan hệ trên phạm vi quốc tế. Trong những chuyến thăm hữu nghị của lãnh đạo hai nước Trung-Việt, hai bên đã thống nhất và ký các văn kiện hiệp thương có liên quan trên tinh thần tin tưởng cùng nhau giải quyết những vấn đề ảnh hưởng tới sự phát triển của hai nước, xây dựng cơ chế hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Ngoài cơ chế viếng thăm của lãnh đạo cấp cao, các ban, ngành hai nước còn thực hiện những cơ chế thúc đẩy quan hệ song phương với mục tiêu hòa bình phát triển bao gồm: cơ chế đối thoại hàng năm chuyên viên cao cấp về ngoại giao, về những vấn đề biên giới trên bộ, trên biển và các cơ chế liên quan khác, v.v.. Việc xây dựng và hoàn thiện các cơ chế này là nền tảng vững chắc cho quan hệ hữu nghị hai nước.

Trong những năm qua, quan hệ hai nước không ngừng phát triển, liên quan đến kinh tế, chính trị, văn hóa - giáo dục. Quan hệ giữa hai nước Trung-Việt ngày càng mật thiết, từ đó sự tác động qua lại ngày càng nhiều, hợp tác giữa hai Đảng, hai chính phủ và nhân dân hai nước luôn tuân theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào nội bộ, độc lập, tự chủ, vì mục tiêu phát triển của mỗi bên. Hai Đảng thường xuyên trao đổi về những vấn đề liên quan để củng cố quan hệ, tạo cơ hội giao lưu về văn hóa kinh tế giữa hai nước. Trung Quốc và Việt Nam đã có lịch sử quan hệ giao lưu hàng ngàn năm nhất là quan hệ giữa nhân dân hai nước. Vì vậy, quan hệ hữu nghị Việt-Trung không gì có thể ngăn cản được đúng theo tinh thần “4 tốt”: láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt.

Trong giai đoạn mới, thế kỷ mới, xu thế phát triển quan hệ hai nước sẽ được thể hiện với những đặc trưng chủ yếu sau:

Hợp tác theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Xuất phát từ lợi ích lâu dài không ngừng thúc đẩy mối quan hệ giữa hai nước, xây dựng quan hệ hợp tác toàn diện, láng giềng thân thiện, bổ sung ưu thế cho nhau để đôi bên cùng có lợi, thực hiện tốt mục tiêu phát triển của mỗi bên chính là cùng nhau phát triển và phồn vinh.

Tôn trọng chế độ chính trị của nhau. Trung Quốc và Việt Nam đều thuộc chế độ xã hội chủ nghĩa, không chỉ cùng nhau gánh vác sứ mệnh lịch sử mà còn có cùng lý tưởng và phương hướng phấn đấu. Trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, Việt Nam hướng đến phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc hướng đến phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đặc sắc của Trung Quốc. Hai nước luôn học hỏi lẫn nhau, thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ của mỗi quốc gia, làm phong phú thêm nội dung của Chủ nghĩa Mác-Lênin, nhằm khẳng định sự lớn mạnh của chủ nghĩa xã hội trên thế giới trong hoàn cảnh mới, thời kỳ lịch sử mới.

Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau theo Luật quốc tế và Hiến chương Liên hiệp quốc, hai quốc gia Trung Quốc và Việt Nam công nhận và tôn trọng sự độc lập của nhau, không xâm phạm quyền tự quyết của quốc gia trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và các lĩnh vực khác. Trung Quốc và Việt Nam tôn trọng chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào nội chính của quốc gia khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực để xâm phạm lãnh thổ và chủ quyền của quốc gia. Việc hai quốc gia Trung Quốc và Việt Nam tôn trọng các nguyên tắc này là rất quan trọng đối với quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, giúp duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác giữa hai nước và là nền tảng để thực hiện quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện với tinh thần “láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”.

2.2.1.2. Khái quát quan hệ hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam trước năm 2013

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập khu vực ngày càng sâu rộng, GDNN đã trở thành một lĩnh vực hợp tác quan trọng giữa các quốc gia, góp phần trực tiếp vào phát triển nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia. Đối với Trung Quốc và Việt Nam - hai quốc gia láng giềng - hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp không chỉ mang ý nghĩa kinh tế - kỹ thuật, mà còn phản ánh xu thế ngoại giao giáo dục và hợp tác phát triển bền vững khu vực.

Giai đoạn trước năm 2013, hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam chủ yếu diễn ra trong khuôn khổ quan hệ song phương được củng cố sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao năm 1991. Hợp tác trong lĩnh vực này chịu tác động của định hướng xã hội chủ nghĩa và mục tiêu chung về công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trong đó đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật được xem là một trụ cột quan trọng. Từ cuối thập niên 1990 đến đầu thập niên 2010, Trung Quốc hỗ trợ Việt Nam thông qua các chương trình viện trợ kỹ thuật, học bổng, khóa đào tạo ngắn hạn và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực như cơ khí, nông nghiệp, điện tử, và sản xuất công nghiệp. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam nhận được sự hỗ trợ từ các trường, viện và doanh nghiệp Trung Quốc trong việc xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực giảng viên và cải thiện cơ sở vật chất. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, hợp tác chủ yếu mang tính ngắn hạn, phân tán và chưa có cơ chế phối hợp chiến lược ở cấp quốc gia. Các rào cản về ngôn ngữ, tiêu chuẩn kỹ năng nghề, và khung trình độ đào tạo vẫn tồn tại, khiến hiệu quả hợp tác còn hạn chế. Bên cạnh đó, hệ thống GDNN của Việt Nam vẫn đang trong quá trình cải cách, trong khi Trung Quốc cũng đang triển khai các chương trình cải cách và phát triển giáo dục trung và dài hạn trong giai đoạn 2010–2020, cho nên hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam còn chưa có sự gắn kết chặt chẽ về chính sách và định hướng phát triển.

Nhìn chung, giai đoạn trước năm 2013 đánh dấu bước khởi đầu mang tính thăm dò, đặt nền móng cho hợp tác giáo dục nghề nghiệp song phương, tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển sâu rộng hơn trong thập niên kế tiếp. Trong giai đoạn sau năm 2013 hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam được mở rộng trong khuôn khổ BRI, chính sách quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp, cũng như trong bối cảnh Trung Quốc mở rộng đối tác chiến lược đối với các nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam đã tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là giáo dục nghề nghiệp, như một phương tiện để thúc đẩy kết nối con người, chuyển giao kỹ năng và tăng cường hiểu biết văn hóa khu vực.

Năm 2013, có thể coi là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển biến về chất trong hoạt động hợp tác GDND giữa Trung Quốc và Việt Nam. Quá trình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam; phản ánh rõ sự chuyển biến từ hợp tác song phương truyền thống sang hợp tác chiến lược, mang tính khu vực và toàn cầu. Trước năm 2013, hợp tác còn ở mức khởi đầu, mang tính dự án, chủ yếu tập trung vào hỗ trợ kỹ thuật và trao đổi nhân lực. Sau năm 2013, với tác động của Sáng kiến Vành đai và Con đường và chính sách quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc, hợp tác đã mở rộng về quy mô, đa dạng về hình thức và gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam.

2.2.2. Chủ trương đường lối của Trung Quốc và Việt Nam về việc tăng cường hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa hai nước

Trung Quốc và Việt Nam đều xác định giáo dục là lĩnh vực ưu tiên trong hợp tác song phương, trong đó hợp tác GDNN được coi là phương tiện chiến lược để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực.

2.2.2.1. Các thông cáo chung, tuyên bố chung cấp nhà nước

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình gặp gỡ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trương Tấn Sang. Hai bên đã ra tuyên bố chung: Hai nước Trung-Việt đang ở vào giai đoạn then chốt trong sự nghiệp phát triển xã hội chủ nghĩa. Hai bên coi sự phát triển của nước bạn là cơ hội phát triển của nước mình, do đó, hai bên nhất trí hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực phát triển giáo dục [89].

Điều 9 trong Tuyên bố chung đã nêu rõ, tăng cường giao lưu văn hóa và hợp tác, thực hiện tốt “Hiệp định giao lưu giáo dục 2011-2015”, triển khai “Kế hoạch thực hiện Hiệp định văn hóa Việt-Trung giai đoạn 2013-2015”, sớm xây dựng trung tâm văn hóa ở nước bạn, tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực tài nguyên nhân lực, sản vật văn hóa. Hai bên nhất trí trong năm 2014 sẽ tổ chức Liên hoan thanh niên Trung-Việt lần thứ hai tại Trung Quốc, đồng thời tiếp tục làm tốt hoạt động của Gặp gỡ Hữu nghị thanh niên Trung-Việt, hội nghị Tọa đàm nhân dân Trung-Việt, mở rộng tuyên truyền tình hữu nghị nhân dân hai nước.

Theo Tuyên bố chung, hai bên đồng ý đi sâu vào giao lưu và hợp tác về khoa học kỹ thuật, phát huy vai trò của ủy ban khoa học kỹ thuật giữa hai nước, cổ vũ và động viên giới sản xuất và khoa học kỹ thuật giữa hai nước, nguồn năng lượng mới, bảo vệ môi trường, công nghệ thông tin, nông nghiệp, phát triển giáo dục, giao lưu văn hóa, xã hội [89].

Mở rộng hơn nữa giao lưu, hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, du lịch, báo chí. Tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động giao lưu nhân dân như Liên hoan thanh niên Trung-Việt và Gặp gỡ hữu nghị thanh niên Trung-Việt. Thực hiện tốt “Kế hoạch thực hiện Hiệp định Văn hóa Việt Nam-Trung Quốc giai đoạn 2016-2018”, “Thỏa thuận hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc giai đoạn 2016-2020”; khuyến khích hai bên cử nhiều hơn nữa lưu học sinh sang nước nhau học tập. Đẩy nhanh thành lập Trung tâm Văn hóa nước này tại nước kia; vận hành tốt Viện Khổng Tử tại Đại học Hà Nội. Tăng cường giao lưu giữa các cơ quan truyền thông, báo chí và cơ quan nghiên cứu của hai nước. Hoàn thành việc xây dựng Cung Hữu nghị Việt-Trung trong năm 2017. Khuyến khích các địa phương hai nước, đặc biệt là các tỉnh/khu biên giới triển khai giao lưu hữu nghị và hợp tác cùng có lợi [89].

Nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã thăm chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 01 năm 2017. Hai bên nhất trí cho rằng, chuyến thăm đã thành công tốt đẹp, tăng cường tin cậy lẫn nhau, củng cố hơn nữa tình hữu nghị truyền thống Việt-Trung, làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện giữa hai nước và góp phần tích cực vào việc thúc đẩy hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới.

Hai bên cho rằng, Việt Nam và Trung Quốc đều đang ở trong thời kỳ quan trọng phát triển kinh tế-xã hội, sự phát triển của nước này là cơ hội quan trọng của nước kia, cần thiết thực phát huy tốt vai trò điều phối tổng thể của các cơ chế giao lưu, hợp tác giữa hai Đảng, hai nước như Cơ chế gặp gỡ cấp cao hai Đảng, Ủy ban

Chỉ đạo hợp tác song phương, tập trung thúc đẩy nâng cao hiệu quả hợp tác trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Hai bên thúc đẩy giao lưu sôi động, gắn kết mật thiết giữa nhân dân hai nước, đặc biệt là giữa thế hệ trẻ thông qua các hình thức linh hoạt, đa dạng nhằm tăng cường hiểu biết và tình hữu nghị giữa hai bên.

Tháng 1 năm 2017, Thông cáo chung Trung Quốc-Việt Nam tuyên bố rằng “thông qua các hình thức linh hoạt và đa dạng, chúng ta sẽ thúc đẩy giao lưu nhân dân giữa hai nước, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ, để làm cho giao lưu nhân dân giữa hai nước tích cực và sôi nổi hơn, đồng thời thúc đẩy sự hiểu biết và hữu nghị lẫn nhau.” Nhằm mở rộng hơn nữa giao lưu, hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, du lịch, báo chí và các lĩnh vực khác, Bộ Giáo dục hai nước đã ký kết “Hiệp định trao đổi giáo dục giai đoạn 2016-2020 giữa Bộ Giáo dục Trung Quốc và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam” nhằm cử thêm nhiều sinh viên quốc tế đến học tập tại hai nước. Ngoài học bổng và trợ cấp của Chính phủ Trung Quốc cho sinh viên Việt Nam xuất sắc, “Việt Nam có kế hoạch đào tạo 10.000 sinh viên sau đại học ở nước ngoài, bao gồm cả sinh viên thạc sĩ và tiến sĩ, và hy vọng rằng 1.000 người trong số họ sẽ được đào tạo tại Trung Quốc.” Đồng thời, khoảng 3.000 sinh viên Trung Quốc theo học tại Học viện Ngoại giao Việt Nam, Học viện Quân sự và các trường khác. Có thể thấy, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ hai nước, Bộ Giáo dục đã thực hiện nhiều hình thức giao lưu, để sinh viên hai nước có thêm cơ hội đi du học, giúp giao lưu giáo dục giữa hai nước diễn ra thường xuyên hơn.

Trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào tháng 11 năm 2022, hai bên đã ra “Tuyên bố chung Việt Nam-Trung Quốc về tiếp tục đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn nữa quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam-Trung Quốc”. Trong khuôn khổ chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Việt Nam và Trung Quốc đã ký Hiệp định hợp tác về giáo dục. Hiệp định này đã đề cập nhiều nội dung hợp tác đa dạng và phong phú, đánh dấu sự phát triển hợp tác giáo dục giữa hai nước lên một tầm cao mới. Trong đó, phía Trung Quốc tuyên bố trong 5 năm tới cung cấp cho Việt Nam không dưới 1.000 suất học bổng Chính phủ Trung Quốc và không dưới 1.000 suất học bổng

dành cho giáo viên tiếng Trung Quốc. Trung Quốc đồng thời giúp đỡ Việt Nam bồi dưỡng nhân tài chất lượng cao và giáo viên tiếng Trung Quốc.

Như vậy, thông qua các thông cáo chung, tuyên bố chung ở cấp nhà nước chúng ta thấy rõ hai nước rất chú trọng đến hợp tác giáo dục. Các thông cáo chung, tuyên bố chung đều ưu tiên nhắc đến phương châm: “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”, tăng cường giao lưu giữa các lãnh đạo cấp cao và sau đó là mở rộng hợp tác về khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch..., đặc biệt là chú trọng về hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN nói riêng.

2.2.2.2. Các hiệp định giữa Trung Quốc và Việt Nam ở hai cấp Trung ương và địa phương

Hợp tác giáo dục là một phần quan trọng trong các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước, giúp tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau. Từ năm 1993 đến nay, mối quan hệ hợp tác giáo dục giữa Việt Nam-Trung Quốc không ngừng được mở rộng và phát triển, hai bên đã ký các hiệp định quan trọng về hợp tác về giáo dục nói chung và GDNN nói riêng, như: “Biên bản hội đàm về hợp tác giáo dục Việt-Trung từ năm 1994 đến năm 1996”; “Tóm tắt đàm phán hợp tác giáo dục 1994-1996”, “Hiệp định trao đổi giáo dục 1997-2000”, “Hiệp định trao đổi giáo dục 2005-2009”, “Hiệp định trao đổi giáo dục 2011-2015”...

Riêng trong giai đoạn 2013-2023, hai bên đã ký các hiệp định về giáo dục và GDNN như: “Hiệp định trao đổi” và “Hiệp định trao đổi giáo dục 2016-2020” chủ yếu thể hiện ở việc các trường đại học gửi nhiều sinh viên quốc tế sang học tập tại nước bạn.

Năm 2022, hai nước ký kết “Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” (có hiệu lực ngày 01/11/2022) nhằm khuyến khích và ủng hộ các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở nghiên cứu khoa học của hai bên giao lưu và hợp tác trong các lĩnh vực: trao đổi thông tin, trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên, hợp tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật khác. Hiệp

định này là căn cứ pháp lí quan trọng để hai bên tăng cường và phát triển hợp tác giáo dục trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi.

Trong “Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, đã có nhiều điểm nhấn quan trọng về hợp tác giáo dục nói chung và GDNN nói riêng giữa Trung Quốc và Việt Nam, trong đó, nội dung thỏa thuận tại Điều 3 của Hiệp định có nhiều điểm nhấn quan trọng như sau:

(i) Trung Quốc duy trì tổng số 150 suất học bổng toàn phần cho Việt Nam, trong đó có 10 suất học bổng cho chuyên ngành Hán ngữ, để đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục đại học ở Trung Quốc.

(ii) Hằng năm, Trung Quốc duy trì tổng số 100 suất học bổng bán phần (miễn học phí) dành cho bên Việt Nam để đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc.

(iii) Việt Nam duy trì tổng số 15 suất học bổng toàn phần dành cho Trung Quốc để đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Việc tiếp nhận lưu học sinh Trung Quốc được thực hiện theo các quy định về tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài của Việt Nam.

(iv) Hai bên hỗ trợ nhau trong công tác giảng dạy về ngôn ngữ. Việt Nam dành cho Trung Quốc 15 suất học bổng ngắn hạn về ngôn ngữ tiếng Việt và trao đổi học giả (kể cả học giả thỉnh giảng cao cấp).

Ngoài ra, Trung Quốc cam kết trong 5 năm tới cung cấp cho Việt Nam không dưới 1.000 suất học bổng Chính phủ Trung Quốc và không dưới 1.000 suất học bổng dành cho giáo viên tiếng Trung Quốc; giúp đỡ Việt Nam bồi dưỡng nhân tài chất lượng cao và giáo viên tiếng Trung Quốc [90].

Trên cơ sở những thỏa thuận trên, có thể thấy: Hoạt động hợp tác giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày càng được mở rộng và phát triển, nội dung hợp tác ngày càng phong phú, đa dạng, là kim chỉ nam cho các cấp địa phương và các trường đại học triển khai chương trình thúc đẩy hợp tác giáo dục giữa hai nước; Lưu học sinh của Việt Nam và Trung Quốc góp phần nâng cao vị thế của các trường đại

học của nước mình; đồng thời, hiểu hơn về lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ của nhau, từ đó tạo nên tình cảm gắn bó tốt đẹp; Hoạt động hợp tác giáo dục là cầu nối tăng cường hữu nghị, hợp tác giữa hai nước Trung Quốc-Việt Nam.

Hợp tác giáo dục là một phần quan trọng trong các lĩnh vực hợp tác giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam, giúp tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước. Sự hợp tác giáo dục Trung-Việt đã không ngừng được mở rộng và phát triển. Một trong minh chứng quan trọng cho thành tựu hợp tác giáo dục giữa hai nước Việt-Trung trong hơn 30 năm qua đó là quy mô lưu học sinh không ngừng gia tăng. Theo Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, năm học 2022-2023, có 23.570 DHS Việt Nam tới Trung Quốc học tập, trong đó có 1.657 người nhận học bổng Chính phủ Trung Quốc, hơn 400 người nhận học bổng Giáo viên tiếng Trung Quốc quốc tế [102].

Trong phạm vi hợp tác GDNN giữa các địa phương giữa Trung Quốc và Việt Nam, từ năm 2018, hội nghị trao đổi công tác giáo dục giữa các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc) thường xuyên được tổ chức hằng năm. Tại hội nghị, 4 tỉnh biên giới Việt Nam và Quảng Tây (Trung Quốc) đã thống nhất, ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN nói riêng với các nội dung: Tiếp tục phối hợp xét chọn học viên tham gia chương trình học bổng tại Quảng Tây trong các năm tiếp theo; mở rộng hợp tác giữa các trường đại học của hai bên trong việc đào tạo giáo viên, giao lưu sinh viên, nghiên cứu khoa học; thống nhất các biện pháp để tiếp tục thực hiện hiệu quả thỏa thuận hợp tác về giáo dục, đào tạo với Sở Giáo dục Quảng Tây [92].

2.2.2.3. Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Việt Nam

Tính đến năm 2023, quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam-Trung Quốc đã trải qua 15 năm phát triển (2008-2023). Đến tháng 3 năm 2024, Việt Nam đã ký quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện với 7 quốc gia. (xem Bảng 2.1).

**Bảng 2.1. Các quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam
tính đến năm 2024**

STT	Quốc gia	Thời gian thiết lập
1	Trung Quốc	5/2008
2	Liên bang Nga	7/2012
3	Ấn Độ	9/2016
4	Hàn Quốc	12/2022
5	Hoa Kỳ	9/2023
6	Nhật Bản	11/2023
7	Australia	7/3/2024

Nguồn: [106]

Trong giai đoạn Trung Quốc và Việt Nam là đối tác chiến lược toàn diện từ 2008- 2023 diễn ra nhiều cuộc gặp cấp cao của lãnh đạo hai đảng, hai nhà nước và chính phủ (xem Bảng 2.2).

**Bảng 2.2. Những cuộc gặp cấp cao của lãnh đạo hai đảng, hai nhà nước
và chính phủ giai đoạn 2008-2023**

STT	Thời gian	Sự kiện
1	Ngày 30/5 đến 2/6/2008	Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc
2	Ngày 11 đến 15/10/2011	Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Trung Quốc
3	Ngày 19 đến 21/6/2013	Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm cấp Nhà nước Trung Quốc
4	Ngày 13 đến 15/10/2013	Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường thăm chính thức Việt Nam

5	Ngày 9 và 11/11/2014	Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tham dự Hội nghị cấp cao Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương lần thứ 22 (APEC 22) tại Bắc Kinh, Trung Quốc
6	Ngày 7 đến 10/4/2015	Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Trung Quốc
7	Ngày 5 và 6/11/2015	Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam
8	Ngày 10 đến 15/9/2016	Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức Trung Quốc
9	Ngày 12 đến 15/1/2017	Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Trung Quốc.
10	Ngày 11 đến 15/5/2017	Chủ tịch nước Trần Đại Quang thăm cấp Nhà nước Trung Quốc.
11	Ngày 10 đến 13/11/2017	Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam
12	Ngày 30/10 và 1/11/2022	Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm chính thức Trung Quốc
13	Ngày 25 đến 28/6/2023	Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính thăm chính thức Trung Quốc
14	Ngày 17 đến 20/10/2023	Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng tham dự Diễn đàn cấp cao hợp tác quốc tế BRI lần thứ ba.
15	Ngày 12 đến 13/12/2023	Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình thăm cấp Nhà nước đến Việt Nam

Nguồn [107] *Trang thông tin công an tỉnh Bình Phước*

Trong các chuyến thăm cấp cao giữa lãnh đạo hai Đảng, Nhà nước và Chính phủ, Trung Quốc và Việt Nam đã ra tuyên bố chung khẳng định quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện. Các tuyên bố nhấn mạnh sứ mệnh lịch sử chung của hai Đảng Cộng sản cầm quyền vì hạnh phúc nhân dân, phát triển đất nước, hòa bình và

tiến bộ nhân loại; đồng thời khẳng định tình đoàn kết, hữu nghị lâu đời giữa nhân dân hai nước – “vừa là đồng chí, vừa là anh em” – được hình thành từ truyền thống, trí tuệ và sự vun đắp của Chủ tịch Mao Trạch Đông cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt, trong chuyến thăm cấp nhà nước đến Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình từ ngày 12 đến ngày 13 tháng 12 năm 2023, hai bên ra tuyên bố chung, khẳng định trải qua 15 năm thực hiện quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, quan hệ Việt Nam và Trung Quốc đã đạt được nhiều kết quả quan trọng và tích cực. Trong thời kỳ mới, hai bên nhất trí xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Trung Việt. Cộng đồng chia sẻ tương lai Trung Việt có ý nghĩa chiến lược phản ánh tầm cao chiến lược mới của quan hệ hai Đảng và hai nước, vì hạnh phúc của nhân dân hai nước, vì sự nghiệp hòa bình và tiến bộ của nhân loại. Đây được coi là cơ sở thực tiễn quan trọng đặt nền móng giúp tăng cường hợp tác quốc tế giữa Trung Quốc và Việt Nam trong GDNN.

Trong mối quan hệ hợp tác quốc tế Trung Quốc-Việt Nam, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình khẳng định Đảng, Chính phủ Trung Quốc coi trọng quan hệ láng giềng hữu nghị với Việt Nam, Việt Nam là hướng ưu tiên trong chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc. Trong mối quan hệ quốc tế Việt Nam hiện nay, Trung Quốc luôn được coi là đối tác hàng đầu.

Thông qua tiếp xúc cấp cao, hai bên đã trao đổi, chia sẻ về mục tiêu phát triển, đường hướng phát triển của mỗi nước cũng như chia sẻ quan điểm liên quan đến các vấn đề quốc tế, khu vực, qua đó tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, ủng hộ lẫn nhau và củng cố sự tin cậy chiến lược trong bối cảnh quốc tế có biến động sâu sắc như hiện nay, đồng thời đặt nền tảng cơ sở thực tiễn quan trọng cho hợp tác quốc tế chiến lược và toàn diện của Trung Quốc và Việt Nam nói chung và hợp tác GDNN nói riêng.

2.2.3. Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của Trung Quốc và Việt Nam

2.2.3.1. Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của Trung Quốc ***Mục tiêu phát triển của Trung Quốc đến 2035 và tầm nhìn đến 2049***

Mục tiêu cụ thể về tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc đến năm 2035 được nêu trong các văn kiện chiến lược dài hạn của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặc biệt là trong “Tầm nhìn đến năm 2035” được công bố cùng với Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021-2025). Trong đó xác định đến năm 2035 quy mô tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng gấp đôi so với năm 2020. Với mục tiêu giai đoạn 2020-2035 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đạt trung bình khoảng 4,7%/năm, với mục tiêu hướng đến Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế phát triển có thu nhập trung bình cao hoặc tiệm cận với thu nhập cao trên thế giới. Tổng quy mô nền kinh tế tiếp tục được duy trì vị trí top đầu thế giới. Mục tiêu tổng quát đến năm 2035 cơ bản đạt hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa. Đến năm 2049, Trung Quốc trở thành cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại, thúc đẩy “sự phục hưng vĩ đại” của dân tộc Trung Hoa.

Đồng thời, đứng trước những biến động quan trọng của tình hình địa chính trị thế giới, khan hiếm về nguồn tài nguyên, dịch bệnh... và những thành tựu quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã định hình lại bản đồ kinh tế thế giới, Trung Quốc đã chủ trương phát triển dựa vào khoa học công nghệ. Chủ trương tự chủ khoa học công nghệ, tự cường kinh tế-công nghệ, Trung Quốc đề ra mục tiêu phát triển trở thành quốc gia có sức mạnh khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới, nhằm phát triển một nền kinh tế hiện đại, chủ động, giảm sự phụ thuộc vào nước ngoài. Trong chiến lược phát triển của Trung Quốc, khoa học-công nghệ được xác định là động lực, đòn bẩy quan trọng, nền tảng then chốt để Trung Quốc phát triển mạnh mẽ thực hiện “giấc mộng Trung Hoa”. Vì thế, Trung Quốc đặt ra mục tiêu chiến lược đến năm 2030, đưa Trung Quốc vào hàng ngũ các quốc gia đổi mới sáng tạo; đến năm 2049, đưa Trung Quốc trở thành cường quốc khoa học - công nghệ trên thế giới.

2.2.3.2. Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của Việt Nam *Mục tiêu phát triển đất nước của Việt Nam đến năm 2030*

Trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Việt Nam gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là diễn biến phức tạp, nhanh

chóng của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và đại dịch Covid-19, nhưng Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh hơn nhiều; quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; tính tự chủ của nền kinh tế được cải thiện; tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành phát triển kinh tế-xã hội. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu dịch chuyển sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể, tăng độ mở của nền kinh tế và thu hút FDI lớn. Khu vực tư nhân đóng góp ngày càng lớn và trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực; tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh; tiếp tục tận dụng cơ hội cơ cấu dân số vàng; thành quả xây dựng nông thôn mới được củng cố, đời sống mọi mặt của người dân không ngừng được cải thiện. Khát vọng vì một Việt Nam thịnh vượng, ý chí tự lực, tự cường là sức mạnh nội sinh cho đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới.

Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng cộng sản Việt Nam: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Định hướng 2021-2030 với các mục tiêu chủ yếu

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP; Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%; Tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33-35% GDP; nợ công không quá 60% GDP; TFP vào tăng trưởng đạt 50%; Tốc độ tăng năng suất

lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm; Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1-1,5%/năm.

Về xã hội: Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,74; Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%-40%; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.

Để đạt được những mục tiêu trong chiến lược phát triển đất nước đến 2030 tầm nhìn đến 2045, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những định hướng chiến lược phát triển đất nước dựa trên những đột phá chiến lược, trong đó bao gồm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng đào tạo, sử dụng, đãi ngộ đối với nhân tài, phát triển dựa trên trụ cột về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh.

Như vậy, trong giai đoạn hiện nay cho đến 2035 và tầm nhìn đến 2045 đối với Việt Nam và mục tiêu đến 2049 đối với Trung Quốc, hai quốc gia đều đặt ra những kỳ vọng phát triển cho đất nước với những mục tiêu cho “thời đại mới-giác mộng Trung Hoa”, “kỷ nguyên mới” – “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” Việt Nam. Những mục tiêu phát triển đất nước thể hiện được khát vọng phát triển phồn thịnh của quốc gia, dân tộc. Vì thế, những mục tiêu đó trở thành cơ sở thực tiễn quan trọng giúp tăng cường, thúc đẩy hợp tác quốc tế chiến lược toàn diện của hai đảng hai nhà nước và chính phủ nhằm tăng cường sức mạnh, tiềm lực cho phát triển mạnh mẽ, “vươn mình” “trỗi dậy” của quốc gia dân tộc xã hội chủ nghĩa hùng cường. Vì thế, hợp tác quốc tế về GDNN trở thành động lực quan trọng giúp Trung Quốc và Việt Nam thực hiện mục tiêu phát triển đất nước hùng cường, phồn thịnh trong thế kỷ mới, thời đại mới.

2.2.4. Tình hình giáo dục nghề nghiệp ở Trung Quốc và Việt Nam

2.2.4.1. Tình hình giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc

Trong giai đoạn mười năm từ năm 2013 đến năm 2023, GDNN của Trung Quốc đã chuyển mình từ chú trọng trình độ sang định hình loại hình, từ mô hình chủ thể chính phủ sang đa chủ thể cùng tham gia, từ mở rộng quy mô sang phát triển nội

hàm. Với sự phát triển chất lượng cao, gánh vác sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực đa dạng và kế thừa kỹ năng công nghệ [108], Báo cáo “Phát triển GDNN Trung Quốc” công bố tại Hội nghị Phát triển GDNN thế giới năm 2024 nêu rõ: Trung Quốc hiện đã hình thành cơ cấu phân tầng gồm “Giáo dục trung cấp nghề - GDNN bậc cao (cao đẳng)- GDNN bậc đại học”. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế kết nối và chuyển tiếp giữa GDNN và giáo dục phổ thông.

Về chính sách, Chính phủ Trung Quốc không ngừng tăng cường nguồn cung và đổi mới thiết kế thể chế để hỗ trợ đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống GDNN hiện đại, mô hình đào tạo đa dạng và hệ thống quản trị hiện đại.

Năm 2014, Quốc vụ viện Trung Quốc đã triệu tập hội nghị công tác GDNN quốc gia, Bộ Giáo dục và năm bộ ngành khác đã ban hành *Kế hoạch xây dựng hệ thống GDNN hiện đại (2014-2020)*, trong đó nêu rõ đến năm 2020, GDNN sẽ thích ứng với nhu cầu phát triển, thực hiện kết hợp sâu rộng giữa sản xuất và giáo dục, sự kết nối giữa giáo dục trung cấp nghề và giáo dục cao đẳng nghề, và sự kết nối giữa GDNN và giáo dục phổ thông, thể hiện khái niệm giáo dục suốt đời, hình thành thể hệ tiêu chuẩn GDNN hiện đại mang đặc sắc Trung Quốc và tiêu chuẩn thế giới.

Năm 2015, Bộ Giáo dục đã lần lượt triển khai thực hiện *Kế hoạch hành động đổi mới và phát triển GDNN trình độ cao đẳng (2015-2018)* và *Kế hoạch hành động nâng cao trình độ quản lý các trường cao đẳng nghề (2015-2018)* nhằm kích thích sức sống của các trường nghề và nâng cao chất lượng giáo dục.

Năm 2019, Quốc vụ viện ban hành *Kế hoạch thực hiện cải cách GDNN quốc gia*, đề xuất “GDNN và giáo dục phổ thông là hai loại hình giáo dục khác nhau và có cùng vị thế quan trọng”.

Năm 2020, Bộ Giáo dục và chín bộ ngành khác đã ban hành *Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng GDNN (2020-2023)*.

Năm 2021, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chủ nhiệm Văn phòng Quốc vụ viện đã ban hành *Ý kiến về việc thúc đẩy sự phát triển chất lượng cao của GDNN hiện đại*, tổng hợp kinh nghiệm thực tiễn của cải cách giáo dục Trung Quốc một cách hệ thống và củng cố hạng mục GDNN từ ba

khía cạnh: củng cố định vị của GDNN, thúc đẩy hội nhập theo chiều dọc của GDNN ở các cấp độ khác nhau và thúc đẩy hội nhập theo chiều ngang của các loại hình giáo dục khác nhau.

Vào ngày 01 tháng 5 năm 2022, *Luật GDNN* nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới sửa đổi (sau đây gọi tắt là *Luật GDNN* mới) đã chính thức được thực hiện, trong đó làm rõ rằng “GDNN là một loại hình giáo dục quan trọng có vị trí quan trọng với giáo dục phổ thông, là một phần quan trọng của hệ thống giáo dục quốc gia và phát triển nguồn nhân lực, đồng thời là một cách quan trọng để đào tạo nhân tài đa dạng hóa, kế thừa kỹ thuật kỹ năng, thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp”. Việc xây dựng hệ thống GDNN hiện đại của Trung Quốc đã bước vào một quá trình pháp quyền mới, đánh dấu loại hình GDNN được đảm bảo về mặt pháp lý.

Trong thời gian qua, GDNN của Trung Quốc đã tiếp tục được cải cách sâu rộng, thực hiện việc thiết lập hệ thống “thi tuyển sinh cao đẳng GDNN”, và thực hiện kỳ thi phân loại “chất lượng văn hóa + kỹ năng nghề nghiệp” để tuyển sinh. Chuẩn hóa quy trình đào tạo, đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với việc xây dựng chương trình đào tạo tài năng chuyên môn trong các trường nghề về thiết lập mục tiêu, thiết lập chương trình giảng dạy, sắp xếp thời gian học, giảng dạy thực hành, yêu cầu tốt nghiệp... đồng thời cung cấp cơ sở cơ bản cho đào tạo nhân tài chuyên môn và đánh giá chất lượng. Thiết lập hệ thống quản lý thực tập, làm rõ ý nghĩa và ranh giới của thực tập, đưa ra hàng loạt biện pháp tập trung vào mức độ quản trị thực tập trong các trường nghề. Sinh viên đại học nghề trình độ cao đẳng sẽ được đưa vào hệ thống bằng cử nhân hiện có, và các đặc điểm của GDNN sẽ được củng cố về cấp phép cử nhân và tiêu chuẩn cấp bằng.

Trong những năm gần đây, GDNN của Trung Quốc đã chủ động đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội, chú trọng mục tiêu bình đẳng về GDNN trong trường và đào tạo nghề, thúc đẩy sự hội nhập theo chiều ngang của GDNN và giáo dục phổ thông, thúc đẩy hội nhập theo chiều dọc của GDNN trung cấp, và nỗ lực xây dựng một hệ thống GDNN hiện đại phục vụ toàn dân cho việc học tập suốt đời. GDNN trong trường bao gồm Giáo dục trung cấp nghề và Giáo dục cao đẳng nghề.

Đào tạo nghề bao gồm đào tạo kỹ năng, đào tạo chuẩn bị lao động, đào tạo tái tuyển dụng và đào tạo nhân viên doanh nghiệp... theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề, đào tạo được chia thành đào tạo nghề sơ cấp, trung cấp, cao cấp và đào tạo thích ứng khác, doanh nghiệp, trường học, tổ chức xã hội đều có thể thực hiện đào tạo nghề.

Giáo dục bậc trung cấp chủ yếu tuyển dụng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc cán bộ xã hội có khả năng học tập tương đương, với mục đích là hệ thống ba năm. Năm 2023, cả nước Trung Quốc có 7.085 trường trung cấp nghề (không bao gồm các trường dạy nghề do Bộ Nhân lực và An sinh Xã hội Trung Quốc quản lý), với số lượng tuyển sinh 4,54 triệu và học sinh theo học 12,98 triệu. Học sinh tốt nghiệp trường trung cấp được tiếp tục học ở bậc cao hơn, bậc đại học và sau đại học.

Giáo dục bậc cao đẳng bao gồm trình độ cao đẳng, cử nhân trở lên, chủ yếu tuyển sinh tốt nghiệp trường trung cấp, tốt nghiệp trung học phổ thông bình thường và cán bộ xã hội có khả năng học tập tương đương, cao đẳng, đại học là 4 năm. Năm 2023, cả nước có 1.580 trường trình độ cao đẳng (trong đó có 33 đại học nghề trình độ cao đẳng⁵, 1547 trường cao đẳng), với số lượng tuyển sinh là 5,64 triệu, 89,9 nghìn sinh viên đại học trình độ cao đẳng và 5.55 triệu sinh viên trường cao đẳng.

Năm 2019, Trung Quốc đã đưa ra *Kế hoạch hành động nâng cao kỹ năng nghề*. Tính đến năm 2023, hơn 100 triệu lượt người đã được đào tạo các loại kỹ năng nghề được trợ cấp. Hiện nay, Trung Quốc có hơn 10.000 cơ sở GDNN tổ chức các loại hình đào tạo hằng năm, phục vụ hàng trăm triệu lượt người; trong đó có 141 trường có năng lực đào tạo hàng năm hơn 5.000 người/ngày và 86 trường có năng lực đào tạo hàng năm hơn 10.000 người/ngày trong số các trường cao đẳng phát triển dịch vụ đào tạo nông dân chuyên nghiệp mới.

GDNN của Trung Quốc đã dần thay đổi từ phát triển mở rộng dựa trên quy mô sang phát triển có hàm ý dựa trên cải tiến chất lượng và cải tiến cơ chế, đồng thời đã đạt được kết quả tích cực trong việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn GDNN,

⁵ Đại học nghề trình độ cao đẳng là một hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học, cấp bằng cử nhân. Đại học nghề trình độ cao đẳng cùng với đại học chính quy cấu thành trình độ đại học chính quy trong hệ thống giáo dục đại học của Trung Quốc. Các trường nghề ở trình độ đại học thường được gọi là “Trường Đại học Kỹ thuật Nghề XX” hoặc “Đại học Nghề XX”.

nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, tăng cường hợp tác GDNN với doanh nghiệp, đẩy mạnh số hoá GDNN.

**Một số thành tựu nổi bật của GDNN ở Trung Quốc hiện nay*

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về GDNN

Thiết lập hệ thống tiêu chuẩn quốc gia “5 trong 1” cho chuyên ngành, giảng dạy, khóa học, thực tập và điều kiện đào tạo. Năm 2017, khuôn hệ thống tiêu chuẩn giảng dạy quốc gia GDNN được hình thành sơ bộ, tích hợp yêu cầu về công nghệ mới, định dạng mới và sử dụng mới, danh mục các ngành tích hợp trung cấp nghề, cao đẳng và đại học nghề trình độ cao đẳng đã được biên soạn lại; đến cuối năm 2020, Bộ Giáo dục Trung Quốc liên tiếp ban hành 230 tiêu chuẩn giảng dạy cho các ngành nghề bậc trung cấp và 347 tiêu chuẩn giảng dạy cho các ngành nghề bậc cao đẳng, 51 tiêu chuẩn xây dựng điều kiện dạy học thực hành-thực tập chuyên ngành trong trường nghề, 136 tiêu chuẩn thực tập tốt nghiệp theo chuyên ngành tại vị trí công việc. [118]

Tính đến năm 2023, Trung Quốc đã tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN và đạt được những thành tựu đáng kể. Trong số các tiêu chuẩn chương trình đào tạo do các trường cao đẳng Trung Quốc xây dựng, có 5.986 tiêu chuẩn đã được áp dụng tại nước ngoài, trong đó các trường tham gia “Double High-level Plan (Chương trình xây dựng trường cao đẳng và ngành nghề đào tạo chất lượng cao mang đặc sắc Trung Quốc)” đóng góp 3.087 tiêu chuẩn, chiếm 51,57%.

Ngoài ra, Liên minh GDNN Trung Quốc - Châu Phi đã khởi động Dự án phát triển tiêu chuẩn nghề nghiệp quốc gia Tanzania đợt đầu tiên, trong khi đợt hai bao gồm 93 tiêu chuẩn nghề nghiệp thuộc các ngành xây dựng, sản xuất, v.v., với sự tham gia của 129 trường cao đẳng Trung Quốc. Những tiêu chuẩn này, sau khi được điều chỉnh theo thực tế địa phương, đã được tích hợp vào hệ thống GDNN của Tanzania để hướng dẫn đào tạo nhân lực.

- Nâng cao chất lượng giáo viên trong hệ thống GDNN

Để tạo một nhóm “giảng viên song năng”, thúc đẩy phát triển GDNN chất lượng cao, bắt đầu từ năm 2012, Bộ Giáo dục và Bộ Tài chính Trung Quốc thúc

hiện *Kế hoạch nâng cao tổ chất giáo viên trường cao đẳng*. Riêng năm 2012, chính quyền trung ương đã đầu tư tổng cộng 5,3 tỷ nhân dân tệ, thúc đẩy chính quyền tỉnh đầu tư 4,3 tỷ nhân dân tệ, và hơn 1,1 triệu giáo viên trường nghề đã tham gia đào tạo cấp quốc gia và cấp tỉnh.

Năm 2019, Bộ Giáo dục và 3 ban ngành khác đã công bố 102 doanh nghiệp là cơ sở thực hành doanh nghiệp cho giáo viên GDNN quốc gia đợt một, và hai đợt trong tổng số 537 dự án nâng cao chất lượng giáo viên đã được phát hành thông qua nền tảng giáo dục thông minh GDNN quốc gia, phục vụ hơn 20.000 giáo viên trong các trường nghề, bao gồm cả các nhóm đổi mới giảng dạy quốc gia. Năm 2019, việc xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên có chất lượng cao, hoàn thiện kỹ năng giảng dạy cho giáo viên GDNN đã được khởi động và 364 giáo viên được xây dựng trong hai đợt

Từ năm 2013 đến năm 2023, số lượng giáo viên toàn thời gian trong các trường nghề tăng từ 1,30 triệu lên đến 1,45 triệu người, tăng 12%, tỷ lệ giáo viên “giảng viên song năng” trong các khóa đào tạo chuyên môn vượt quá 50%.

- Tăng cường hợp tác GDNN với các doanh nghiệp

Trong thập kỷ qua, Chính phủ Trung Quốc đã ban hành các chính sách khác nhau, coi hợp tác trường học - doanh nghiệp là một nội dung quan trọng, đồng thời hỗ trợ các trường nghề và doanh nghiệp thực hiện các hợp tác khác nhau như các lớp đặt hàng, chế độ học nghề hiện đại, cao đẳng công nghiệp và trường nhóm. Tính đến năm 2021, khoảng 1.500 nhóm GDNN đã được thành lập trên cả nước, thu hút sự tham gia của hơn 30.000 doanh nghiệp, bao phủ gần 70% các trường nghề. Bồi dưỡng, giới thiệu một số doanh nghiệp hội nhập công nghiệp - giáo dục, thí điểm xây dựng 21 thành phố hội nhập công nghiệp - giáo dục, hỗ trợ tài chính, đất đai và các hỗ trợ khác cho các doanh nghiệp hội nhập công nghiệp - giáo dục, được hưởng ưu đãi về phụ phí giáo dục, phụ phí giáo dục địa phương và các ưu đãi thuế khác. Các trường nghề, doanh nghiệp đã xây dựng được 24.900 cơ sở thực tập, đào tạo, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 8,6%. Trong thời gian “*Kế hoạch 5 năm lần thứ 13*”, 558 thí điểm chế độ học nghề hiện đại đã được bố trí thành ba đợt

trên cả nước, bao gồm 501 trường nghề và hơn 1.000 điểm chuyên môn, mang lại lợi ích cho hơn 100.000 sinh viên, liên tiếp khởi động công tác thí điểm chế độ học nghề hiện đại mới tại 22 tỉnh, 158 doanh nghiệp thí điểm và đào tạo gần 20.000 nhân viên học nghề mới [65].

- Đẩy mạnh số hóa GDNN

Trong những năm gần đây, GDNN của Trung Quốc đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, và đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, phát triển tài nguyên giáo dục số, đào tạo kỹ thuật nhân sự và ứng dụng hệ thống quản lý, đồng thời đạt được những kết quả tích cực trong việc xây dựng hệ sinh thái số. Hơn 90% các trường nghề đã xây dựng được mạng lưới khuôn viên với hoạt động trơn tru và đầy đủ chức năng; hơn 85% trường đã xây dựng nền tảng kỹ thuật số theo tiêu chuẩn. Một số nền tảng khóa học trực tuyến đã được xây dựng, 203 thư viện tài nguyên giảng dạy chuyên nghiệp quốc gia về GDNN đã được xây dựng, và 992 khóa học mở video chất lượng cao và 2.886 khóa học chia sẻ tài nguyên chất lượng cao cấp quốc gia bao gồm 12 ngành như nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, nông nghiệp và y học đã được phát triển. Vào năm 2022, việc triển khai nền tảng giáo dục thông minh GDNN quốc gia “Hành động chiến lược số hóa giáo dục” của Trung Quốc đã được ra mắt, tập hợp 1.200 thư viện tài nguyên chuyên nghiệp, hơn 6.600 khóa học chất lượng trực tuyến và hơn 2.000 khóa học mở video, với người dùng bao phủ tất cả các tỉnh trên cả nước và hưởng lợi hơn 180 quốc gia và khu vực [65].

Từ khi BRI được đề xuất vào năm 2013 đến năm 2023, trong vòng mười năm, GDNN của Trung Quốc đã nhận được nhiều chính sách hỗ trợ trong hợp tác quốc tế và đạt được một số thành tựu nhất định (xem Bảng 2.3).

Bảng 2.3. Những chính sách và thành tựu về việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN giai đoạn 2013-2023

STT	Năm	Chính sách	Vai trò
1	2013	BRI	Khởi đầu chiến lược của GDNN “đi ra nước ngoài”

2	2014	Quyết định về việc đẩy nhanh phát triển GDNN hiện đại	Lần đầu tiên đề xuất “thúc đẩy mô hình phát triển GDNN phù hợp với chiến lược ‘đi ra nước ngoài’ của doanh nghiệp và sản phẩm Trung Quốc”.
3	2016	Hành động thúc đẩy cùng xây dựng giáo dục BRI	Khám phá ban đầu về việc mở trường ở nước ngoài.
4	2017	Hướng dẫn quy hoạch phát triển nhân tài ngành sản xuất	Khung chiến lược GDNN “đi ra nước ngoài” bước đầu hình thành.
5	2019	Kế hoạch thực hiện cải cách GDNN quốc gia	Đề xuất “Xây dựng thương hiệu GDNN đặc sắc Trung Quốc, thúc đẩy GDNN ra nước ngoài”.
6	2020	Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng GDNN (2020-2023)	Nâng cao chất lượng và đổi mới mô hình. Xây dựng thương hiệu GDNN quốc tế BRI.
7	2021	Ý kiến về việc thúc đẩy sự phát triển chất lượng cao của GDNN hiện đại	Tiêu chuẩn hóa xuất khẩu GDNN và hình thành cơ chế hợp tác khu vực.
8	2022	Sách trắng phát triển GDNN Trung Quốc	Hội nghị Phát triển Giáo dục Kỹ thuật Nghề nghiệp Thế giới lần thứ nhất công bố. Toàn cầu hóa GDNN của Trung Quốc được thúc đẩy nhanh chóng.
9	2023	Hướng dẫn hành động hợp tác quốc tế trong GDNN	Thiết kế chính sách cấp cao và nâng cấp chiến lược.

Nguồn: *Trang thông tin Giáo dục Trung Quốc*

2.2.4.2. Tình hình giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam

Hệ thống cơ chế, chính sách trong lĩnh vực GDNN cơ bản được hoàn thiện, đi vào thực tiễn.

Theo Tổng cục GDNN, thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo,

đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, *Luật GDNN* cũng như các văn bản hướng dẫn *Luật GDNN* và các quy định có liên quan đến nay đã được ban hành, đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, cơ quan quản lý các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước thực hiện quản lý mục tiêu, chương trình, kế hoạch, chất lượng đào tạo.

Quốc hội đã thông qua *Luật Giáo dục* số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về GDNN.

Các chương trình hành động, chương trình mục tiêu, đề án, dự án, kế hoạch, cơ chế chính sách được cụ thể hóa từ *Luật GDNN* đã được các bộ, ngành và địa phương triển khai có hiệu quả đem lại lợi ích thực sự cho người học và ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò của công tác đào tạo nghề nghiệp đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ quá trình công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

Tổng cục GDNN đã trình Ban Cán sự Đảng Bộ ban hành Nghị quyết số 617-NQ/BCSD ngày 28/12/2018 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030.

Đến nay, về cơ bản các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến GDNN đã được thể chế hóa và được cụ thể trong các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương trình, giáo trình đào tạo tại các cơ sở GDNN từng bước được chuẩn hóa.

Ngay sau khi được giao quản lý nhà nước về GDNN, Bộ Lao động Thương binh-Xã hội đã ban hành 3 thông tư quy định xây dựng chuẩn đầu ra (khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng) và xây dựng chương trình, giáo trình làm căn cứ cho các trường xây dựng, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo. Trên cơ sở đó đã tổ chức xây dựng, thẩm định ban hành 320 chuẩn đầu ra của 160 ngành, nghề đào tạo ở trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định, để các trường theo đó xây dựng, hoàn thiện chương trình đào tạo. Ngoài ra, đã ban hành 3 thông tư quy định về đào tạo thường xuyên; quy định về đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; đào tạo từ xa,

tự học có hướng dẫn, tạo điều kiện cho người học ở các lứa tuổi có cơ hội được học liên tục, học suốt đời, góp phần xây dựng xã hội học tập. Các chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra, tiếp cận năng lực; được thiết kế thuận lợi cho việc tổ chức đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ.

Đội ngũ nhà giáo được chuẩn hóa.

Đội ngũ nhà giáo phát triển mạnh về cả số lượng và chất lượng, từng bước khắc phục được tình trạng bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề, trình độ tin học, ngoại ngữ của nhà giáo được cải thiện và từng bước được chuẩn hóa. Đã hình thành 44 Khoa Sư phạm GDNN ở các trường đại học, đại học sư phạm kỹ thuật, viện nghiên cứu và trường cao đẳng để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ nhà giáo.

Tính đến năm 2023, số giáo viên trong các cơ sở GDNN của Việt Nam có 81,95 nghìn người (trong đó có 39,42 nghìn giáo viên giảng dạy ở các cơ sở GDNN – công lập và 42,60 giáo viên giảng dạy ở các cơ sở GDNN – ngoài công lập), có 2.464 cơ sở GDNN (trong đó có 1.520 cơ sở GDNN – công lập và 944 cơ sở GDNN – ngoài công lập). Trong năm 2023 có 1.587,20 nghìn học sinh, sinh viên tốt nghiệp [116].

Chất lượng đào tạo nghề được nâng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước.

Để đào tạo nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế đất nước theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, ngày 23/5/2014 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 (Quyết định số 761/QĐ-TTg)*. Theo đó, từ năm 2014 cả nước Việt Nam đã có 45 trường được lựa chọn để tập trung ưu tiên đầu tư đồng bộ thành trường chất lượng cao vào năm 2020. Hiện nay, trước bối cảnh thống nhất hệ thống GDNN, Bộ Lao động Thương binh - Xã hội đã trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 761/QĐ-TTg, dự kiến lựa chọn 86 trường để tập trung ưu tiên đầu tư đồng bộ trở thành trường chất lượng cao.

Ngoài ra, Bộ đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức lựa chọn, phê duyệt ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm

giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Mặt khác, Bộ Lao động Thương binh-Xã hội đã ban hành Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH Quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ sở GDNN tổ chức thực hiện đào tạo các chương trình chất lượng cao, góp phần tăng nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Chất lượng và hiệu quả GDNN có bước chuyển biến tích cực; kỹ năng nghề nghiệp của người tốt nghiệp các cơ sở GDNN đã được nâng lên. Ở nhiều nghề, kỹ năng nghề của lao động Việt Nam đã đạt chuẩn quốc tế. Lao động qua đào tạo nghề nghiệp tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và đã đảm nhận được các vị trí, công việc phức tạp mà trước đây phải do chuyên gia nước ngoài thực hiện; trên 80% người học tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, ở một số nghề và một số cơ sở GDNN tỷ lệ này đạt gần 100%;

Bắt đầu hình thành mô hình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn quốc tế thông qua các chương trình đào tạo chuyên giao; đáp ứng yêu cầu về lao động chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước (các doanh nghiệp FDI) và cho thị trường lao động ngoài nước (lao động kỹ sư). Học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng ngành, nghề đào tạo đạt tỷ lệ cao và có thu nhập ổn định đã tác động tốt đến tâm lý của người học và xã hội, góp phần làm thay đổi quan điểm và cách nhìn nhận của xã hội về học nghề, lập nghiệp.

Việc tăng cường gắn kết với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo, giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp bước đầu đi vào chiều sâu, hoạt động hiệu quả; cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà nước - Nhà - Nhà trường - Doanh nghiệp bắt đầu hình thành và vận hành khá tốt trong thực tiễn.

Nâng xếp hạng chỉ số Chất lượng đào tạo nghề (B6) là chỉ tiêu chủ yếu đặt ra trong Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo số liệu điều tra, thống kê về Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) năm 2023, chỉ số B6 của Việt Nam dựa trên kết quả đánh giá của doanh nghiệp đã có những bước thăng hạng nhảy vọt. So với năm 2022, chỉ số B6 của Việt Nam với điểm trung bình trọng số 4.82 trên thang điểm 7

đã tăng 8 bậc, vượt chỉ tiêu do Chính phủ giao (5 bậc). Trong khu vực ASEAN, Việt Nam chỉ xếp sau Singapore và Indonesia. Chỉ số GCI là một công cụ để đo lường các yếu tố kinh tế vi mô và vĩ mô ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh, điểm mạnh, điểm yếu của các nền kinh tế. Xếp hạng của WEF cũng phản ánh các nhân tố ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh của một quốc gia, vốn cũng là yếu tố cơ bản cho tăng trưởng kinh tế bền vững [117].

Sự tăng tiến của chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam cũng có thể thấy rõ qua kết quả đánh giá chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được công bố vào tháng 3 năm 2023. Theo đó, chất lượng đào tạo nghề Việt Nam trên thang điểm 6 đã đạt 4.4 điểm (năm 2018 chỉ đạt 3.8 điểm). Báo cáo PCI do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) thực hiện dựa trên kết quả điều tra, đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp nhằm tăng cường chất lượng điều hành kinh tế, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp tại Việt Nam. Xếp hạng chỉ số B6 là động lực thúc đẩy hệ thống GDNN, đòi hỏi cần tác động đến hệ thống trong trung và dài hạn, cần từng bước nâng cao chất lượng nội tại một cách thực chất với mục đích thúc đẩy các nền kinh tế tự cải thiện, nâng cao năng lực.

Chuyển đổi số trong GDNN đạt được nhiều kết quả tích cực.

Triển khai Chương trình chuyển đổi số trong GDNN đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 2222/QĐ-TTg đã góp phần nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng và yêu cầu sớm triển khai chuyển đổi số trong hệ thống GDNN, đáp ứng nhu cầu của người học và mọi người dân trong nền kinh tế số, xã hội số. Đến nay, các tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch chuyển đổi số trong GDNN, rất nhiều cơ sở GDNN đã chủ động tiếp cận công nghệ thông tin trong đào tạo nghề; xây dựng, ban hành kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường. Các Bộ, ngành đã lồng ghép kế hoạch chuyển đổi số GDNN trong Chương trình, kế hoạch chuyển đổi số hằng năm, 5 năm.

Đặc biệt, trong năm 2023, đã xây dựng Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn cho việc đánh giá trường cao đẳng số/thông minh; mô đun đào tạo “Năng lực số” trình độ trung cấp, cao đẳng; xây dựng và bước đầu đưa vào sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến

(LMS); nền tảng quản trị số (DMP); nền tảng Tài nguyên Giáo dục mở (OER) dùng chung, phòng E-learning studios sản xuất học liệu số, hệ thống thực tế ảo tại 11 trường; triển khai nền tảng học tập trực tuyến congdanso.edu.vn đã cung cấp 22 khóa học (gồm kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp...) và cấp chứng chỉ cho gần 30.000 lượt người, trong đó có gần 1.800 người lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; khoảng 1.200 cán bộ quản lý và nhà giáo hoàn thành và có chứng chỉ các khóa tự học miễn phí về kiến thức căn bản chuyển đổi số trong GDNN trên nền tảng Atingi... Những kết quả bước đầu trong chuyển đổi số GDNN đã góp phần mở rộng phương thức đào tạo, tăng thêm cơ hội tiếp cận GDNN cho người học, thúc đẩy phát triển hệ thống GDNN theo hướng mở, linh hoạt, thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số quốc gia [117].

Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị GDNN được đẩy mạnh. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được triển khai phổ biến trong đào tạo và quản lý. Công nghệ thông tin được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động dạy và học ở các cơ sở GDNN; dạy học qua internet, trên truyền hình được thực hiện mạnh mẽ, nhất là trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19. Nhiều dữ liệu về GDNN đã được số hóa; một số cơ sở GDNN đang từng bước triển khai số hóa quy trình quản lý, điều hành; nhận thức, tư duy của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về số hóa được nâng cao.

Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được chuẩn hóa.

Thực hiện mục tiêu chuẩn hóa cơ sở, vật chất, thiết bị đào tạo, trong những năm qua, Bộ Lao động Thương binh-Xã hội đã ban hành nhiều các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn về các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định trong đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

Việc xây dựng, ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật, danh mục thiết bị đào tạo đã tạo hành lang pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá năng lực, phê duyệt dự án đầu tư mua sắm, từng bước thực hiện cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở GDNN; các cơ sở

GDNN có căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm, tránh việc đầu tư dàn trải, lãng phí và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế trong GDNN được mở rộng và phát huy hiệu quả.

Nhiều lĩnh vực ngành nghề mới xuất hiện; có nhiều các dự án liên kết đào tạo quốc tế hơn. Sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mở ra nhiều cơ hội mới cho sự phát triển của GDNN. Xu hướng hội nhập, hợp tác quốc tế của GDNN ngày càng mở rộng và phát huy tác dụng. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác GDNN với hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Thị trường lao động Việt Nam phát triển mạnh mẽ, xuất khẩu lao động đi nhiều nước trên thế giới.

Các điều kiện bảo đảm chất lượng GDNN (chương trình đào tạo, nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo) được cải thiện, từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đổi mới GDNN; nhiều cơ sở GDNN đã có những nghề đạt tiêu chí kiểm định của Úc, Đức và Tổ chức ABET (Mỹ).

Trong bối cảnh hiện nay, để thực hiện thành công mục tiêu phát triển GDNN theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội Nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và tổ chức triển khai hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/05/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng GDNN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; các văn bản thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước; GDNN xác định mục tiêu, phấn đấu đến năm 2030: “ thu hút 50%-55% học sinh trung học vào GDNN; đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động; có khoảng 90 cơ sở GDNN chất lượng cao, trong đó có một số cơ sở GDNN thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng; một số cơ sở GDNN tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 (gồm Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar), G20 (Nhóm các nền kinh

tế lớn, hiện đang chiếm hơn 90% trong tổng quy mô của toàn bộ nền kinh tế thế giới), Hàn Quốc, Úc, Brasil, Nga, Ấn độ, Trung Quốc, Nam Phi, Mexico, Indonesia, Argentina, Ả Rập Xê Út, Thổ Nhĩ Kỳ; có khoảng 200 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 15-20 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới. Đến năm 2045, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của nước phát triển, đạt trình độ tiên tiến của thế giới” [18, tr.3-4].

2.3. Vai trò ý nghĩa hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, góp phần nâng cao chất lượng GDNN, chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động và phát triển khoa học, công nghệ của Việt Nam. Đây chính là nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là hiệu quả hoạt động hợp tác GDNN cũng góp phần tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc gia trong phạm vi khu vực và quốc tế.

Trong những năm qua, Trung Quốc - Việt Nam đã triển khai hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN nói riêng sâu rộng, kể từ ngày đầu thiết lập quan hệ ngoại giao. Chính phủ Trung Quốc đã bồi dưỡng rất nhiều nhân tài cho công cuộc xây dựng hòa bình của Việt Nam. Trong thời kỳ đổi mới, Chính phủ Trung Quốc tăng cường hơn nữa hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN nói riêng giữa hai nước qua các phương thức trao đổi lưu học sinh, triển khai giao lưu giữa giáo viên và nhà trường, sẵn sàng cùng Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm về cải cách giáo dục, ủng hộ phát triển việc giảng dạy tiếng Trung ở Việt Nam và tiếng Việt ở Trung Quốc, thúc đẩy giao lưu học thuật giữa cơ quan nghiên cứu khoa học hai nước.

Hoạt động hợp tác GDNN trong đó có liên kết đào tạo đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các cơ sở GDNN tại Việt Nam, nó cho phép các cơ sở GDNN ở Việt Nam tiếp cận được với công nghệ đào tạo và quản lý đào tạo tiên tiến, nâng cao năng lực nghiên cứu và đào tạo từ đó mở rộng cơ hội tiếp cận với những dịch vụ giáo dục quốc tế, chất lượng cao cho người học Việt Nam với chi phí hợp lý. Sinh viên theo học những chương trình quốc tế sẽ phát triển đồng thời năng lực chuyên môn và năng lực sử dụng ngoại ngữ phục vụ công việc trong tương lai.

Hợp tác quốc tế trong GDNN giữa Trung Quốc-Việt Nam đã giúp Việt Nam tiến gần hơn với trình độ, kỹ thuật đào tạo nghề của các quốc gia phát triển. Thông qua tiến trình hội nhập sâu rộng và đa chiều trong nhiều khía cạnh của lĩnh vực GDNN, Việt Nam từng bước cải thiện cả về số lượng và chất lượng đào tạo, nâng cao trình độ của lực lượng lao động, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế thị trường, từng bước thu hẹp khoảng cách trong hoạt động nghiên cứu khoa học và xu hướng di chuyển nguồn nhân lực toàn cầu.

Nhờ hoạt động liên kết đào tạo trong GDNN với Trung Quốc nói riêng và với các quốc gia khác trên thế giới nói chung trong xu thế toàn cầu hoá và hợp tác quốc tế về giáo dục, giúp các cơ sở GDNN của Việt Nam phát triển chương trình, đạt trình độ tiên tiến so với khu vực và thế giới; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và dạy nghề tiếp cận nền giáo dục tiên tiến của các nước; tiến tới công nhận văn bằng, chuyển đổi tín chỉ và kỹ năng nghề giữa Việt Nam và Trung Quốc, cũng như với các nước trong khu vực và thế giới; tăng cường quy mô học sinh, sinh viên, học viên gửi đi đào tạo, bồi dưỡng ở Trung Quốc cũng như ở các quốc gia trên thế giới. Đồng thời, thu hút học sinh, sinh viên Trung Quốc nói riêng và học sinh, sinh viên của các quốc gia khác trên thế giới đến học tập tại Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục và dạy nghề các cấp phục vụ hội nhập quốc tế trong hoạt động GDNN.

Thứ hai, giáo dục nói chung và GDNN nói riêng là gốc để thúc đẩy kinh tế phát triển nên cùng với sự hình thành của khu mậu dịch tự do Đông Nam Á, hợp tác và giao lưu giữa Trung Quốc và các nước ASEAN phát triển. Không chỉ giao lưu mật thiết trong lĩnh vực chính trị, thương mại mà lĩnh vực văn hóa mà GDNN cũng không ngừng phát triển. Điểm nổi bật nhất là mỗi năm Trung Quốc và các nước khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, đều cử một số lượng lớn lưu học sinh đến các quốc gia khác để học tập và giao lưu. Năm 2010 Trung Quốc ban hành Đề cương quy hoạch phát triển và cải cách giáo dục lâu dài của đất nước (năm 2010 - năm 2020), trong đó đã chỉ ra: Trong lĩnh vực hợp tác giáo dục quốc tế phải mở rộng học hỏi về trình độ, học vị giữa chính phủ.

Bộ giáo dục Trung Quốc căn cứ theo xu thế phát triển của Trung Quốc và Đông Nam Á bước đầu đề xuất mục tiêu tăng cường giao lưu giáo dục theo năm là 15%, đến năm 2020 có 100 nghìn sinh viên trao đổi giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra không ngừng gia tăng số lượng học bổng chính phủ Trung Quốc dành cho lưu học sinh. Như vậy việc thực thi hàng loạt các chính sách thể hiện giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á luôn duy trì mối quan hệ hợp tác tốt đẹp, mở rộng quyết tâm và thái độ kiên định trong giao lưu hữu nghị Trung Quốc-Việt Nam.

Trong đó, hợp tác GDNN vẫn sẽ là một trong những trọng tâm của quan hệ hợp tác ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc trong tương lai, với triển vọng phát triển mạnh mẽ. Việc hợp tác giáo dục nói chung, hợp tác GDNN nói riêng có mối quan hệ mật thiết với hợp tác ngày càng chặt chẽ về mặt kinh tế giữa hai nước. Việt Nam hiện là một trong những đối tác thương mại và đầu tư lớn của Trung Quốc tại khu vực Đông Nam Á, có rất nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã đến Việt Nam đầu tư, thành lập nhà máy và hợp tác sản xuất các sản phẩm ở Việt Nam. Những doanh nghiệp này có nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực địa phương biết tiếng Trung. Vì vậy, thúc đẩy quan hệ hợp tác giao lưu về giáo dục sẽ góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế của hai nước ngày càng đi vào chiều sâu cũng như đạt được nhiều thuận lợi hơn.

Thứ ba, với sự tiến bộ không ngừng của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, giao lưu và hợp tác quốc tế về GDNN đã trở thành một chủ đề ngày càng quan trọng. Trung Quốc, với sức mạnh sản xuất và công nghệ mạnh mẽ, có nguồn lực và kinh nghiệm GDNN dồi dào. Mặt khác, Việt Nam là một trung tâm sản xuất mới nổi, có nhu cầu ngày càng tăng về lao động chất lượng cao. Hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam trong lĩnh vực GDNN có thể thúc đẩy chia sẻ nguồn lực, đáp ứng nhu cầu của cả hai bên và đạt được lợi thế bổ sung. Thông qua trao đổi và hợp tác, Trung Quốc và Việt Nam có thể tiếp thu nhiều kiến thức và kỹ năng hơn và nâng cao năng lực cạnh tranh chuyên môn. Điều này sẽ không chỉ giúp tăng tỷ lệ việc làm mà còn hỗ trợ về nguồn lao động có tay nghề cao, có kỹ năng nhiều hơn cho sự phát triển kinh tế của hai nước. Thông qua hợp tác trong lĩnh vực GDNN, Trung Quốc và Việt

Nam có thể hiểu rõ hơn về văn hóa, ngôn ngữ và phong tục của nhau, đồng thời tăng cường tình hữu nghị và sự tin tưởng lẫn nhau.

Thứ tư, GDNN có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng lực lượng lao động. GDNN đóng vai trò quan trọng trong xã hội hiện đại, là một phần quan trọng của nguồn nhân lực. Kinh tế thịnh vượng liên quan chặt chẽ đến chất lượng lực lượng lao động của đất nước. Bằng cách dạy cho sinh viên các kỹ năng và kiến thức thực tế, GDNN có thể tạo ra những tài năng có thể đáp ứng nhu cầu của các ngành và vị trí khác nhau, đồng thời hỗ trợ các ngành công nghiệp quốc gia và khu vực. Trung Quốc và Việt Nam núi sông liền một dải, tình hữu nghị truyền thống “vừa là đồng chí vừa là anh em” giữa Trung Quốc và Việt Nam rất đáng trân trọng và gìn giữ. Hai nước Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có hai nền văn hóa khá tương đồng, bởi vậy sự giao lưu sâu rộng hơn nữa trong vấn đề giáo dục sẽ tạo cơ hội rất tốt cho việc trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của nhau. Kể từ khi thiết lập quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện tới nay, trong thời gian qua, mối quan hệ hợp tác giao lưu trong lĩnh vực nhân văn ngày càng sâu sắc hơn, tình cảm giữa nhân dân hai nước ngày càng gần gũi hơn, đúng như câu nói “giao lưu từ nhân dân, khởi nguồn từ văn hóa”. Hợp tác giáo dục là một cách thức quan trọng để duy trì giao lưu văn hóa trường tồn, gìn giữ tình hữu nghị giữa Trung Quốc và Việt Nam lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc rất đặc biệt trong quan hệ quốc tế.

Hai nước là những nước láng giềng tốt, có cùng một hệ thống chính trị và văn hóa chung. Từ xa xưa, giao lưu biên giới hai nước đã xảy ra rất thường xuyên, và ngay cả khi quan hệ chính trị giữa hai nước xấu đi, quan hệ nhân dân vẫn chưa bao giờ kết thúc. Trong giao lưu nhân dân, văn hóa giữa hai nước, giao lưu văn hóa giữa hai bên rất nổi bật, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy, vun đắp tình hữu nghị giữa hai nước. Trung Quốc và Việt Nam có nhiều điểm tương đồng về phong tục, triết lý và giáo dục. Vào thời cổ đại, nhiều người Việt Nam đã sang

Trung Quốc làm việc, bao gồm giảng dạy, hành nghề y và tham gia vào các công việc xây dựng. Đồng thời, nhiều người Trung Quốc đến Việt Nam để truyền bá triết học Trung Quốc, và nhiều giáo viên Trung Quốc sang Việt Nam giảng dạy. Trường đại học đầu tiên của Việt Nam, Văn Miếu, cũng chịu ảnh hưởng của triết học và tư phạm Trung Quốc cổ đại, với một bức tượng Khổng Tử và 82 tấm bia trong Văn Miếu, điều này cho thấy ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo và hệ thống khảo thí của Trung Quốc đối với văn hóa, giáo dục Việt Nam.

Ngày 18 tháng 1 năm 1950, Trung Quốc và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Hai nước đã trải qua ba giai đoạn phát triển trong giáo dục:

Giai đoạn đầu (năm 1951-1976): Sau khi hai nước thiết lập quan hệ hữu nghị, Trung Quốc đào tạo nhiều cán bộ, giáo viên, sinh viên cho Việt Nam. Những năm 50 của thế kỷ 20, khi Việt Nam bước vào thời kỳ kháng chiến khó khăn chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu Chủ tịch Mao Trạch Đông, nhà lãnh đạo Trung Quốc, giúp Việt Nam đào tạo cán bộ, hy vọng cử một số cán bộ, sinh viên Việt Nam sang Trung Quốc du học. Vào thời điểm đó, một trường cán bộ cách mạng được thành lập ở ngoại ô Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc - Khu học xá Trung ương (bên Trung Quốc gọi là: Quảng Tây Nam Ninh Dục tài học hiệu). Trường chính (nay là địa điểm của Đại học Quảng Tây) bao gồm: Trường Trung học Cơ sở, Trường Trung cấp Bình thường, Trường Trung học Phổ thông Bình thường, Trường Đại học Dự bị, Trường Trung Quốc, Trường Tiểu học Xinxu, Trường Trẻ em Việt Nam (Quế Lâm) và Trường Phổ thông Cấp 3. Trường chính thức được thành lập vào tháng 10 năm 1951, đóng cửa vào tháng 8 năm 1958, và chỉ trong bảy năm, trường đã đào tạo khoảng 4.000 cán bộ, giáo viên và 3.000 học sinh ở Việt Nam. Đầu những năm 60 của công trình xây dựng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Việt Nam nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Trung Quốc, trong đó có việc đào tạo kỹ sư đường bộ, kỹ sư nông nghiệp, v.v. cho Việt Nam. Sau đó, do sự bất ổn nội bộ của Trung Quốc, Trung Quốc ngừng điều hành các trường và ngừng đào tạo cán bộ, sinh viên cho Việt Nam.

Giai đoạn thứ hai (năm 1977-1991): Bước vào giai đoạn giao lưu kinh tế, văn hóa, giáo dục giữa hai quốc gia bị gián đoạn. Việt Nam giành chiến thắng trong

cuộc kháng chiến chống Mỹ và thống nhất đất nước. Trong giai đoạn này, quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc chỉ duy trì quan hệ ngoại giao (duy trì đại sứ quán).

Giai đoạn thứ ba (năm 1991 đến nay): Kể từ khi bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, giao lưu đã phát triển nhanh chóng trong các lĩnh vực khác nhau, trong đó có giáo dục. Hợp tác giữa hai nước trong giáo dục đã bước vào giai đoạn phát triển mới. Số lượng sinh viên Việt Nam học tập tại Trung Quốc ngày càng tăng, và đến nay hơn 10.000 sinh viên Việt Nam đã học tại hơn 100 trường học tại 20 tỉnh, khu tự trị và các thành phố trực thuộc trung ương, trong đó có 40 thành phố. Trong đó, tỉnh tiếp nhận nhiều sinh viên Việt Nam nhất là Quảng Tây với tổng số 3.000 sinh viên quốc tế, khoảng 500 sinh viên Việt Nam tại Quảng Đông và Vân Nam, và 300 sinh viên Việt Nam tại Bắc Kinh, Việt Nam đứng thứ 11 về số lượng DHS tại Trung Quốc và đứng thứ 7 trong số các quốc gia dọc theo BRI. Trong số đó, hơn 2.000 sinh viên Việt Nam đủ điều kiện nhận học bổng do chính phủ hoặc trường học Trung Quốc cung cấp, trong khi số còn lại là sinh viên tự phí.

Như vậy, kể từ khi bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, đặc biệt là trong giai đoạn 2013-2023, hoạt động hợp tác giáo dục nói chung và GDNN nói riêng giữa Trung Quốc và Việt Nam đã phát triển nhanh chóng. Hợp tác GDNN đóng vai trò rất quan trọng trong quan hệ hữu nghị giữa hai nước. Do đó, dưới sự chỉ đạo của hai đảng và hai chính phủ, hai bên đã đạt được kết quả rất tốt trong việc thực hiện hợp tác GDNN qua nhiều kênh và phương thức khác nhau. Hợp tác GDNN ban đầu tập trung ở các tỉnh biên giới và sau đó mở rộng ra tất cả các vùng của đất nước và trong phạm vi các cơ sở GDNN với các trường đại học ở Việt Nam.

Thứ hai, xu thế hợp tác quốc tế gia tăng dẫn đến sự cạnh tranh trong hợp tác GDNN của Trung Quốc - Việt Nam với các quốc gia khác trên thế giới.

Các nước đang và sẽ chuyển từ đối đầu sang đối thoại, hoà hoãn, bình thường hoá, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ quốc tế phù hợp với xu thế hòa dịu trên quy mô thế giới đã tác động thuận lợi đến quan hệ song phương trên các lĩnh vực, trong đó có GDNN. Toàn cầu hóa về giáo dục, trong đó có GDNN là xu thế khách quan, thiết yếu và sống còn trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Trong một thế giới không ngừng biến đổi, nhiệm vụ của nền giáo dục nói chung,

GDNN nói riêng là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao để thích ứng, tồn tại và phát triển. Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ đó, các quốc gia trên thế giới nói chung, Trung Quốc và Việt Nam nói riêng cần phải có chính sách đối ngoại phù hợp, tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế dưới nhiều hình thức khác nhau để tiếp cận nền văn hóa, giáo dục đa dạng và hiện đại trên thế giới hiện nay. Xu thế hợp tác và cạnh tranh trên thế giới cũng đã và đang đặt Trung Quốc vào sự cạnh tranh trong hợp tác giáo dục nói chung và GDNN nói riêng đối với Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á và ASEAN, trong đó có Việt Nam.

Từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, ASEAN đã dần trở thành hạt nhân và đóng vai trò “trung tâm” trong các cơ chế, cấu trúc an ninh, hợp tác khu vực ở châu Á - Thái Bình Dương nhằm giải quyết các vấn đề, các thách thức đặt ra ở cấp độ khu vực và phần nào đó là cả các thách thức an ninh phi truyền thống toàn cầu. Cùng với đó, ASEAN cũng rất tích cực tham gia vào các tổ chức đa phương và thể hiện vai trò dẫn dắt trên hầu hết các lĩnh vực an ninh, chính trị, kinh tế... Có thể thấy, ASEAN dần cho thấy tầm quan trọng đang lên của khối này trong các cơ chế hợp tác đa phương cũng như sự gia tăng vai trò của ASEAN khiến các nước lớn đều quan tâm tới việc phát triển hợp tác với ASEAN, trong đó có Trung Quốc.

Sự vươn lên mạnh mẽ của các nền kinh tế ở Đông Nam Á và ASEAN, cùng với sự phát triển năng động, nguồn nhân lực dồi dào, thị trường sản xuất và tiêu thụ tiềm năng đã khiến cho khu vực này, mà đặc biệt là Đông Nam Á cùng với ASEAN giờ đây trở thành trung tâm chiến lược trong chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia trên thế giới. Cuộc đua tranh giành tầm ảnh hưởng đối với khu vực này trở nên nóng hơn bao giờ hết trong những năm gần đây. Cạnh tranh về chiến lược hợp tác văn hóa, giáo dục đang nổi lên trong bức tranh tổng thể cạnh tranh chiến lược của các nước lớn ở Đông Nam Á và ASEAN.

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam coi trọng việc xây dựng quan hệ hợp tác giáo dục với các nước, các tổ chức và cũng có được sự động viên và giúp đỡ của Ngân hàng Thế giới, Tổ chức WTO, Ngân hàng Phát triển Á Châu, ASEAN, v.v. Hoạt động hợp tác giáo dục quốc tế ngày càng nhiều. Hệ thống GDNN Việt Nam đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp nhằm tăng cường hợp tác với các cơ quan, tổ

chức quốc tế và mở rộng giao lưu với các quốc gia trên thế giới. Việt Nam đã tham gia và là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế, diễn đàn song phương, đa phương trong lĩnh vực GDNN; xây dựng, ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế và triển khai các hoạt động nghiên cứu với nhiều đối tác quốc tế trong hoạt động GDNN.

Hệ thống GDNN Việt Nam đã xây dựng các chính sách mở hơn nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, liên kết đào tạo với nước ngoài; chuyển giao các bộ chương trình đào tạo từ các nước phát triển và tổ chức đào tạo thí điểm theo tiêu chuẩn của nước chuyển giao và được tổ chức kiểm định quốc tế công nhận trình độ kỹ năng; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý tại nước ngoài; xây dựng hệ thống mạng lưới các đối tác phát triển; triển khai hiệu quả các dự án hỗ trợ tài chính và hỗ trợ kỹ thuật Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ các đối tác phát triển.

Sự chủ động, tích cực trong việc triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN đã mang lại cho Việt Nam nhiều sự hỗ trợ hiệu quả. Việt Nam đã và đang nhận được sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính thông qua các dự án từ các nguồn tài trợ quốc tế song phương của chính phủ các nước: Úc, Pháp, Italia, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đan Mạch... Các tổ chức đa phương như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Quỹ Dân số Liên hợp quốc... Bên cạnh đó, GDNN cũng tham gia tích cực và đầy đủ, đóng góp có trách nhiệm vào các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương như các nước tiểu vùng sông Mê Kông, các nước Tổ chức Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyarwady - Chao Phraya - Mê Kông (ACMECS); Tổ chức thi tay nghề thế giới, ASEAN; thành viên của UNESCO-UNEVOC, SEMEO VOCTECH... Vì thế, hiện nay, trong hợp tác GDNN Việt Nam cũng trở thành lựa chọn của nhiều quốc gia trên thế giới.

Thứ ba, sự gần gũi về mặt địa lý - lịch sử tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác văn hóa, giáo dục Trung Quốc - Việt Nam.

Sự gần gũi về địa lý quy định khả năng ảnh hưởng lẫn nhau về an ninh, kinh tế và văn hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam, tạo môi trường thuận lợi để hai bên giao lưu, hợp tác cùng phát triển. Yếu tố láng giềng là một trong những lý do đầu

tiên đề Trung Quốc đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, giáo dục đối với Việt Nam. Trên phương diện lịch sử, nền văn hóa hai bên có nhiều điểm tương đồng, đều thuộc “nền văn minh cầm đũa”, đều chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Đặc biệt, Khổng giáo có ảnh hưởng lớn tới đời sống tinh thần của Việt Nam. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để Trung Quốc phát huy quyền lực mềm thông qua chiến lược, chính sách hợp tác giáo dục, trong đó có GDNN đối với Việt Nam.

Thứ tư, yêu cầu của BRI mà Trung Quốc đang triển khai cần có sự hỗ trợ của ngoại giao văn hóa, giáo dục đối với Việt Nam.

BRI nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tăng cường hợp tác trong phát triển nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo và dạy nghề, đồng thời nâng cao năng lực của người dân hai bên để đáp ứng tốt hơn yêu cầu việc làm trong tương lai nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động, cải thiện sinh kế của họ [52]. BRI của Trung Quốc còn đòi hỏi “sự giao lưu của các nền văn minh để vượt qua rào cản của sự khác biệt, học hỏi lẫn nhau của các nền văn minh để vượt qua xung đột giữa các nền văn minh, thúc đẩy sự hiểu biết, tôn trọng và tin cậy lẫn nhau giữa các quốc gia để xây dựng một cộng đồng chia sẻ tương lai vì nhân loại” [44]. Năm 2017, bằng việc ký kết Bản ghi nhớ về thúc đẩy kết nối giữa khuôn khổ “Hai hành lang, một vành đai” với BRI, Việt Nam chính thức tham gia vào BRI. Sự kiện này đã mở ra cho hai nước cơ hội hợp tác phát triển toàn diện trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục nói chung và GDNN nói riêng. Trung Quốc cũng để lại nhiều dấu ấn lịch sử, tạo thuận lợi cho triển khai chính sách lấy giáo dục làm cơ sở cho tiến trình hợp tác, liên kết đôi bên. Mặc dù Việt Nam mới bước đầu tham gia BRI, nhưng hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN nói riêng giữa hai nước đã đạt được những kết quả nhất định. Những hợp tác này có đóng góp quan trọng đối với quá trình quốc tế hóa của các trường đại học Việt Nam như thúc đẩy các chương trình liên kết đào tạo, tăng số lượng và sự đa dạng của các chương trình, tăng cường trao đổi sinh viên và giảng viên, hợp tác nghiên cứu.

Thứ năm, tác động của khoa học công nghệ đối với hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khoa học và công nghệ đã trở thành nền tảng cốt lõi cho sự phát triển của mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục nghề nghiệp. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và tự động hóa đã làm biến đổi căn bản cấu trúc việc làm, kỹ năng nghề và phương thức đào tạo nguồn nhân lực. Đối với Trung Quốc và Việt Nam, hai quốc gia có mối quan hệ hợp tác lâu dài và cùng định hướng phát triển công nghiệp - công nghệ, sự tiến bộ của khoa học không chỉ mở ra cơ hội mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với hoạt động hợp tác giáo dục nghề nghiệp. Việc đáp ứng các yêu cầu này có ý nghĩa quyết định đối với năng lực đào tạo, chất lượng nhân lực và vị thế cạnh tranh của cả hai quốc gia trong chuỗi giá trị khu vực.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đã làm thay đổi căn bản bản chất và chức năng của giáo dục nghề nghiệp, từ mô hình đào tạo lao động kỹ năng sang mô hình phát triển năng lực sáng tạo và thích ứng công nghệ, cũng như thay đổi cơ cấu lao động và nội dung trong đào tạo nghề. Dưới tác động của khoa học công nghệ, các ngành sản xuất truyền thống dần được thay thế bằng các hệ thống sản xuất thông minh, yêu cầu người lao động có kiến thức liên ngành, kỹ năng số, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với đổi mới công nghệ. Thực tế này đặt ra yêu cầu đối với GDNN phải chuyển từ mô hình đào tạo “kỹ năng đơn lẻ” sang mô hình GDNN phát toàn diện năng lực nghề nghiệp, phát triển năng lực sáng tạo và thích ứng công nghệ gắn kết chặt chẽ nhu cầu của với doanh nghiệp và sự phát triển của khoa học công nghệ. Vì thế, đối với hoạt động GDNN của Trung Quốc và Việt Nam, đặt ra những yêu cầu cấp thiết trong hợp tác GDNN, từ đổi mới nội dung đào tạo, phát triển đội ngũ, đến chuẩn hóa kỹ năng và chuyển giao công nghệ.

Đồng thời, với Trung Quốc, các chiến lược như “Made in China 2025” và “Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2019–2035” đã nhấn mạnh việc ứng dụng công nghệ vào đào tạo và phát triển nhân lực kỹ thuật cao. Việt Nam, thông qua “Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045”, cũng xác định yêu cầu về đổi mới chương trình, phương thức đào tạo trong hoạt động GDNN “phát triển chương trình đào tạo, các ngành nghề mới,

ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới...triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [18, tr.7]. Sự tương đồng về định hướng chiến lược phát triển GDNN tạo ra nền tảng thuận lợi, những yêu cầu mới trong hợp tác song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc trong hợp tác GDNN nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển khoa học và công nghệ hiện nay.

Trong bối cảnh tác động mạnh mẽ và sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang đặt ra những yêu cầu mới trong hợp tác GDNN giữa hai quốc gia, không chỉ thể hiện thách thức mà còn mở ra triển vọng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam trong kỷ nguyên công nghệ, giúp hai quốc gia tăng cường năng lực cạnh tranh nhân lực trong khu vực Đông Nam Á, thúc đẩy hội nhập giáo dục - công nghệ theo hướng hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả.

Thứ sáu, điều kiện thuận lợi về giao thông, kết nối đa phương tiện giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Hợp tác về giáo dục giữa hai nước sẽ tiếp tục phát triển hơn trong tương lai nhờ sự thuận lợi về kết nối đa phương tiện giữa Việt Nam và Trung Quốc, không chỉ là các tuyến bay thẳng bằng đường hàng không mà còn đường bộ, đường sắt cũng ngày càng thuận tiện. Các tuyến đường cao tốc nối Việt Nam với Trung Quốc, đặc biệt nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh biên giới của Việt Nam giáp với Trung Quốc, ngày càng được hoàn thiện. Quãng đường và thời gian di chuyển từ Hà Nội đến những địa phương này ngày càng được rút ngắn. Chẳng hạn như đi từ Hà Nội đến Lào Cai hiện nay chỉ mất có 4 tiếng, từ Hà Nội đến Lạng Sơn cũng chỉ mất hơn 2 tiếng. Các tuyến đường như đường sắt cao tốc, đường bộ cao tốc... của Trung Quốc đang dần hoàn thiện và kết nối đến tận các địa phương biên giới. Các yếu tố như thời gian di chuyển và chi phí đi lại rất được cân nhắc khi sinh viên lựa chọn điểm đến du học. Kết nối thuận tiện về giao thông và sự gần gũi về khoảng cách địa lý chính là cơ sở thúc đẩy giao lưu giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Thứ bảy, sự phát triển của Trung Quốc về giáo dục nghề nghiệp.

Thực tế cho thấy những năm gần đây, trình độ giáo dục của Trung Quốc ngày càng phát triển, nổi bật như số hoá giảng đường hay sự đa dạng về môn học, giáo trình... Đây là những yếu tố thu hút các sinh viên, lưu học sinh quốc tế nói chung chứ không chỉ sinh viên Việt Nam. Gần đây, Trung Quốc cũng đã và đang nỗ lực phát triển, ứng dụng AI trong GDNN, đồng thời mở thêm, phát triển các ngành đào tạo về AI (trí tuệ nhân tạo), về công nghệ thông tin...trong các cơ sở GDNN, hướng tới đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao liên quan đến khoa học công nghệ và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động về nguồn nhân lực AI hiện nay ở Trung Quốc, trong khu vực và trên thế giới. Đây cũng sẽ là điểm thu hút khiến các DHS Việt Nam lựa chọn Trung Quốc làm điểm đến trong hành trình du học của mình.

Tiểu kết chương 2

Trong phát triển kinh tế đất nước, GDNN có vị trí, vai trò quan trọng trong việc cung ứng nhân lực lao động có kỹ năng, tay nghề cao qua đào tạo cho thị trường lao động. GDNN là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người lao động đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, phục vụ trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ góp phần phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Đẩy mạnh hợp tác GDNN với Trung Quốc để nâng cao chất lượng đào tạo GDNN sẽ giúp các nước nắm bắt cơ hội, nâng cao năng suất lao động và bắt kịp xu hướng thay đổi, phát triển của khu vực và thế giới. Vì thế, tăng cường hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam đã trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở GDNN Việt Nam hiện nay, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, đồng thời cũng mở ra cơ hội để sinh viên Việt Nam bắt kịp xu hướng và hòa nhập tốt được với thị trường lao động khu vực và thế giới.

Trong nội dung chương 2, luận án đã hệ thống hoá cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở lý luận về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, luận án làm rõ cơ sở lý luận về hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc, bao gồm các nội dung: các khái niệm liên quan về GDNN và hợp tác GDNN và phân tích lý thuyết luận án sử dụng nghiên cứu bao gồm: Khu vực học, Chủ nghĩa Tự do và Chủ nghĩa Kiến tạo. Nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở thực tiễn hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, luận án phân tích và làm rõ các nội dung bao gồm: Bối cảnh thực tiễn của hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam; Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của hai quốc gia Trung Quốc và Việt Nam; Tình hình GDNN ở Trung Quốc và Việt Nam. Đồng thời, luận án cũng nghiên cứu và làm rõ vai trò ý, nghĩa của hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng tới hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Chương 3 THỰC TRẠNG HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023

Trong giai đoạn 2013-2023, hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam đã đạt được những bước tiến rõ rệt, phản ánh qua các chủ trương, chính sách cấp cao lẫn các hoạt động hợp tác cụ thể ở cấp trường, các địa phương. Trong nội dung chương 3, luận án tập trung phân tích thực trạng hợp tác GDNN giữa hai nước đã triển khai, làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế sự hợp tác GDNN giữa hai quốc gia trong giai đoạn 2013-2023.

3.1. Thành tựu trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

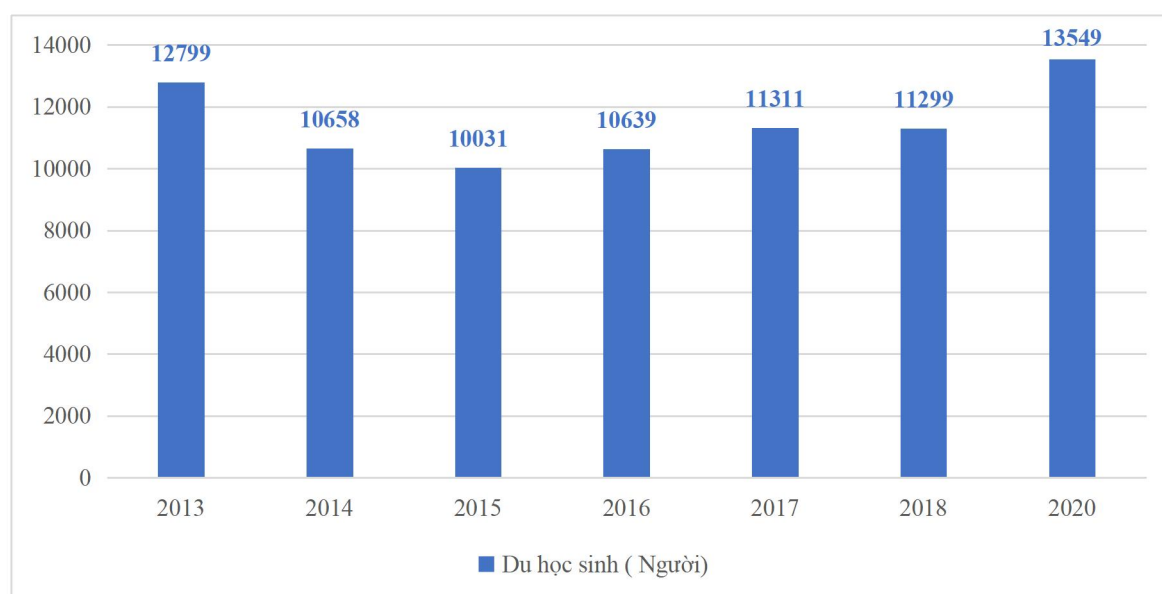
3.1.1. Về số lượng du học sinh Việt Nam ở Trung Quốc

Nhờ các chính sách hợp tác, mô hình đào tạo hợp lý, sự thuận lợi về khoảng cách địa lý giữa hai nước, nên ngày càng thu hút nhiều sinh viên của hai nước tham gia học tập, nghiên cứu. Trong giai đoạn 2013-2023, Việt Nam là một trong 15 nước trên thế giới có nhiều lưu học sinh đang học tập tại Trung Quốc. Các cơ sở giáo dục đại học tại Trung Quốc thu hút được nhiều lưu học sinh Việt Nam, tập trung phần lớn ở các cơ sở đại học thuộc các tỉnh/khu tự trị: Quảng Tây, Vân Nam, Quảng Đông, Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh, Hồ Nam, Hồ Bắc, Phúc Kiến, Giang Tô, Triết Giang, Quý Châu, Tứ Xuyên, Sơn Tây, Cát Lâm, Liêu Ninh, Hắc Long Giang, An Huy và Thiểm Tây [93]. Ở Việt Nam, số lượng lưu học sinh Trung Quốc tập trung chủ yếu tại các cơ sở đào tạo ở một số thành phố như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Thái Nguyên, trong các trường như: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Trường Đại học Huế, Trường Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Đà Nẵng.

Bảng 3.1. Số lượng, thứ hạng và tỷ lệ sinh viên Việt Nam học tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2023

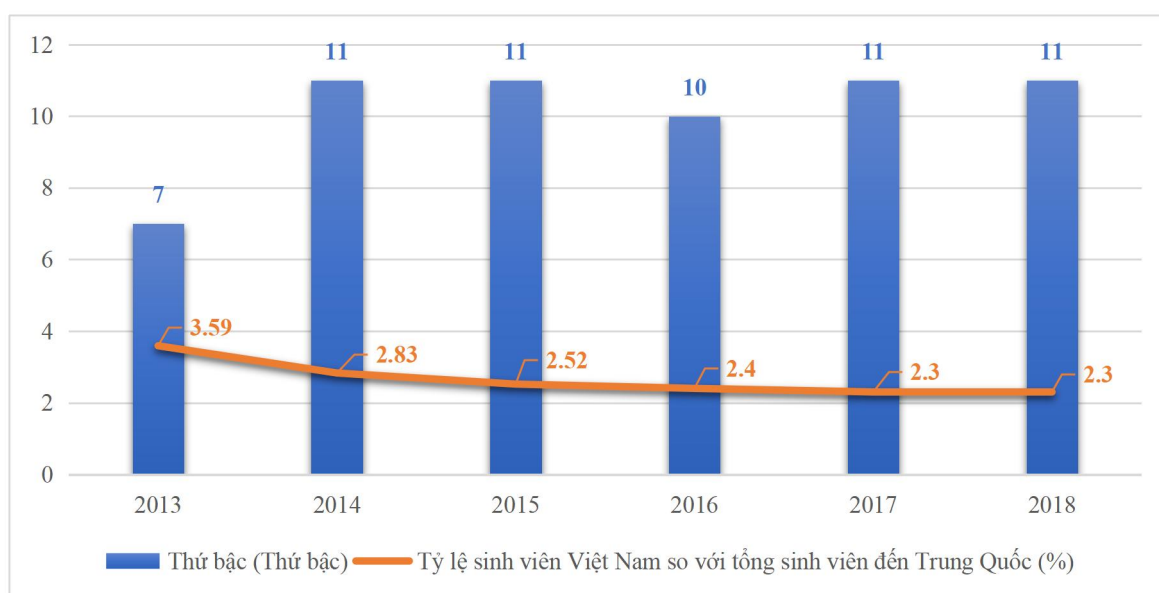
Năm	Số lượng SV Việt Nam tại Trung Quốc (người)	Tổng số SV quốc tế tại Trung Quốc (người)	Thứ hạng	Tỷ lệ SV Việt Nam so với tổng số DHS đến Trung Quốc (%)
2013	12.799	356.499	7	3,59
2014	10.658	377.054	11	2,83
2015	10.031	397.635	11	2,52
2016	10.639	442.773	10	2,40
2017	11.311	489172	11	2,30
2018	11.299	492.185	11	2,30
2020	13.549	529.000	-	2,56

Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.1. Số lượng sinh viên Việt Nam tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2020



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.2. Thứ bậc và tỷ lệ sinh viên Việt Nam học tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2018

Như vậy, trong giai đoạn 2013-2018, số lượng sinh viên Việt Nam sang học tập và nghiên cứu tại Trung Quốc giảm khoảng 1.500 sinh viên, tương đương 1,29%, vì thế mà thứ bậc DHS Việt Nam đến Trung Quốc học tập có sự thay đổi, từ thứ 7 xuống thứ 11. Tuy nhiên, đến giai đoạn từ 2020 trở đi, số lượng sinh viên Việt Nam sang học tập và nghiên cứu tại Trung Quốc có xu hướng tăng trở lại. Theo số liệu thống kê, năm 2020 số lượng sinh viên Việt Nam sang học tập và nghiên cứu tại Trung Quốc là 13.548 sinh viên (xem Bảng 3.1).

Năm 2021, số lượng DHS Việt Nam tại Trung Quốc là 11.329 người, Việt Nam là một trong 15 nước trên thế giới có nhiều DHS đang học tập tại Trung Quốc. Năm 2022, có khoảng 11.000 DHS Việt Nam đang học tập tại các trường đại học ở Trung Quốc và khoảng 2.000 sinh viên Trung Quốc đang học tập tại Việt Nam [90].

Như vậy, trong giai đoạn 2013-2023, “Việt Nam là một trong 15 nước trên thế giới có nhiều lưu học sinh đang học tập tại Trung Quốc” [12]. Tính đến năm 2023, “có hơn 23.000 lưu học sinh Việt Nam đang học tập ở hệ đại học và sau đại

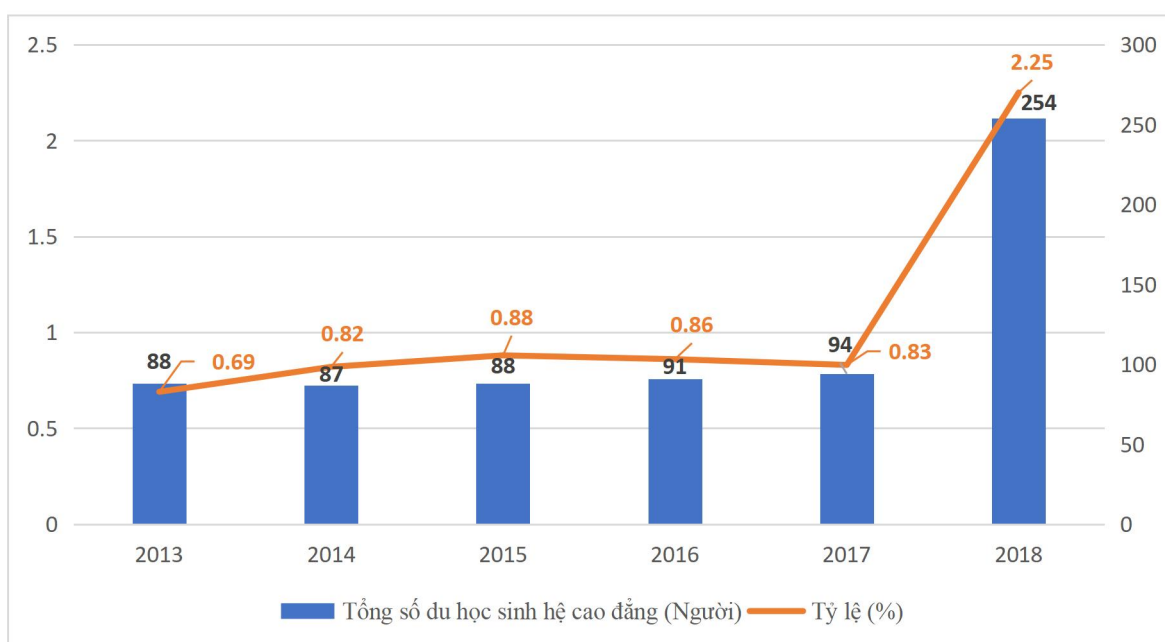
học tại Trung Quốc. Đây là sự ưu tiên của Trung Quốc, đặc biệt là các trường đại học Trung Quốc dành cho lưu học sinh Việt Nam” [94].

Trong giai đoạn 2013-2023, số lượng sinh viên Việt Nam học tập, nghiên cứu tại Trung Quốc tăng khoảng 10.201 sinh viên, tương đương khoảng 178% so với năm 2013.

Bảng 3.2. Số lượng du học sinh Việt Nam học cao đẳng và đại học tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2018

Năm	Tổng số DHS hệ cao đẳng (người)	Tỷ lệ DHS hệ cao đẳng với tổng số DHS Việt Nam đến Trung Quốc (%)	Số lượng cấp đại học DHS Việt Nam đến Trung Quốc (người)	Tỷ lệ DHS cấp đại học Việt Nam so với DHS cấp đại học đến Trung Quốc (%)	Xếp hạng số lượng DHS cấp đại học Việt Nam trong tổng DHS đại học trên thế giới đến Trung Quốc	Số lượng DHS Việt Nam cấp đại học nhận học bổng của chính phủ Trung Quốc (người)
2013	88	0.69	5.219	5	4	311
2014	87	0.82	4.101	4	7	201
2015	88	0.88	3.477	2.7	8	66
2016	91	0.86	3.087	2.2	11	58
2017	94	0.83	2.943	1.9	15	99
2018	254	2.25	2.913	1.8	15	212

Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.3. Tổng số và tỷ lệ du học sinh hệ cao đẳng so với tổng số du học sinh Việt Nam đến Trung Quốc giai đoạn 2013-2018

Như vậy, trong giai đoạn 2013-2018, hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam đã có những chuyển biến đáng kể trong hệ thống GDNN. Số lượng DHS hệ cao đẳng của Việt Nam đã có sự gia tăng đáng kể. Riêng năm 2018, số DHS hệ cao đẳng của Việt Nam sang Trung Quốc học tập tăng 166 sinh viên, tương đương 2,25%, tăng 1,56%.

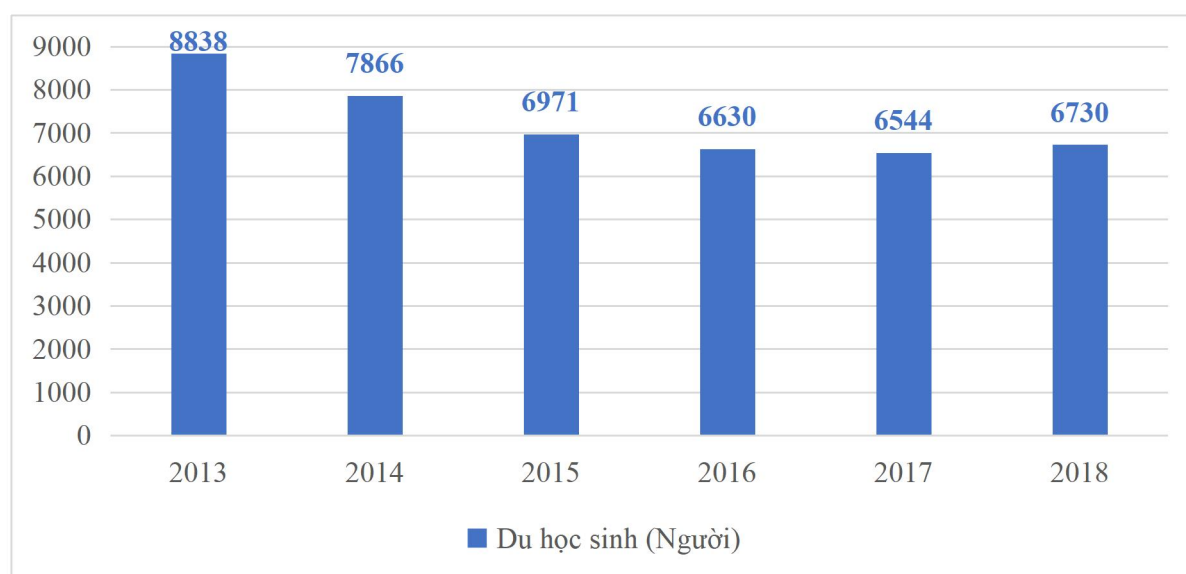
**Về số sinh viên Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp (cả đại học lẫn cao đẳng) tại Trung Quốc*

Bảng 3.3. Du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp ở Trung Quốc

Năm	Tổng DHS Việt Nam được cấp bằng (người)	Tỷ lệ DHS Việt Nam được cấp bằng so với tổng số DHS Việt Nam đến Trung Quốc (%)	Thứ hạng DHS Việt Nam được cấp bằng trong số DHS đến Trung Quốc từ các quốc gia Châu Á
2013	8.838	69,00	5
2014	7.866	73,80	5

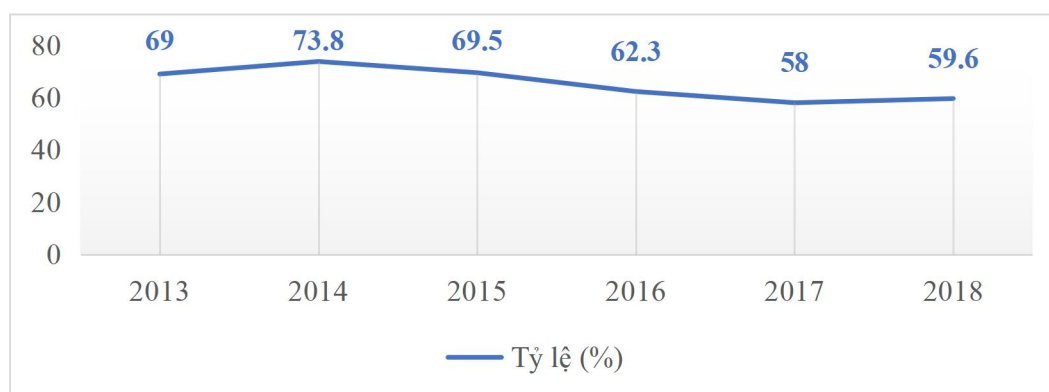
2015	6.971	69,50	6
2016	6.630	62,30	7
2017	6.564	58,00	9
2018	6.730	59,60	10

Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.4. Tổng số du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp tại Trung Quốc giai đoạn 2013-2018

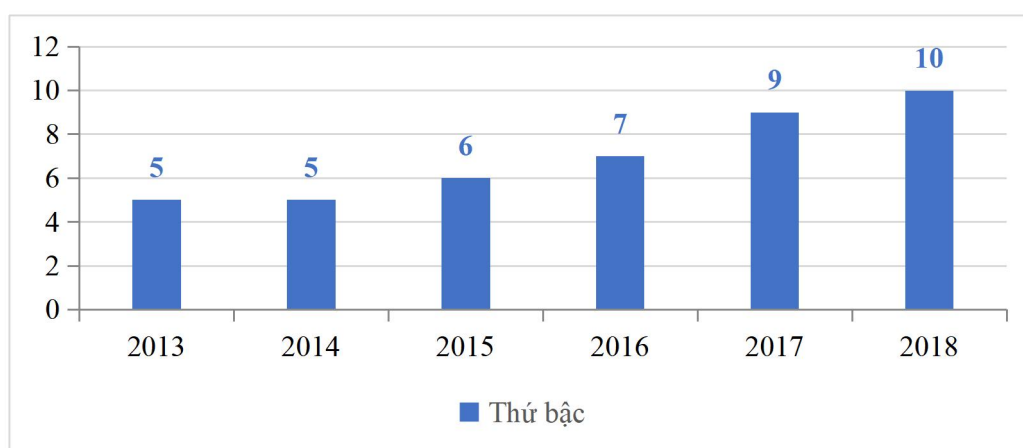


Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp so với tổng số du học sinh Việt Nam đến Trung Quốc

Trong giai đoạn 2013-2018, tỷ lệ DHS Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp (cả đại học lẫn cao đẳng) so với tổng số DHS Việt Nam đến Trung Quốc đạt tỷ lệ cao nhất vào năm 2014, đạt 73,8%, tăng 4,8% so với năm 2013. Trong giai đoạn này, tỷ lệ DHS Việt Nam được cấp bằng so với tổng số DHS Việt Nam đến Trung Quốc có xu hướng giảm 9,4%.

Về xếp hạng, trong giai đoạn 2013-2018, Việt Nam là quốc gia luôn nằm trong top 15 quốc gia có DHS được cấp bằng tốt nghiệp (cả đại học lẫn cao đẳng) trong số DHS đến Trung Quốc từ các quốc gia châu Á.



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.6. Thứ hạng du học sinh Việt Nam được cấp bằng tốt nghiệp trong số du học sinh đến Trung Quốc từ các quốc gia Châu Á

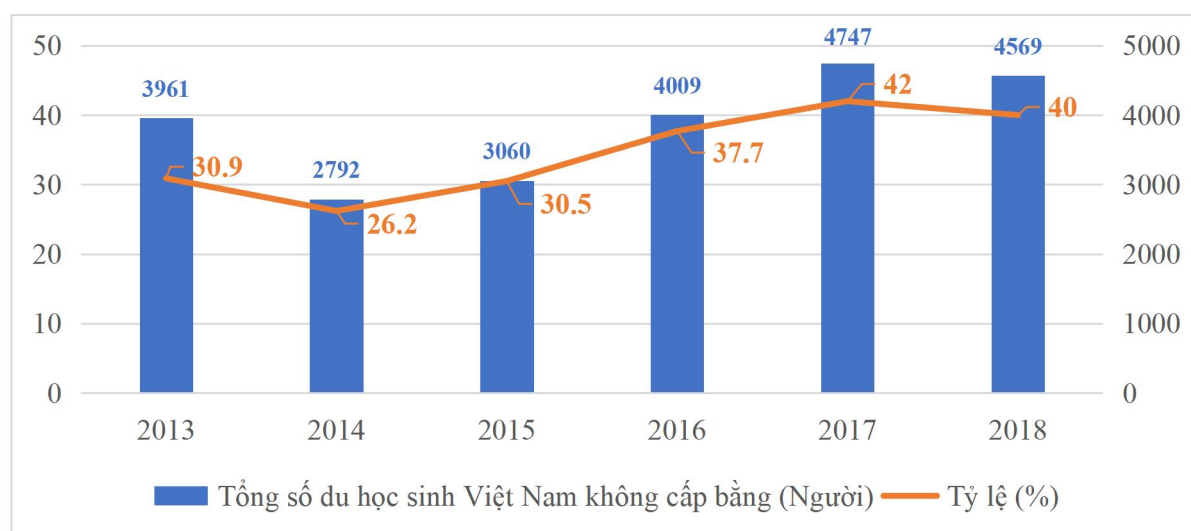
Trong những năm gần đây, Trung Quốc trở thành một trong những quốc gia có sức hút đối với nhiều DHS trên thế giới. Đặc biệt, với các chính sách mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, yêu cầu của BRI mà Trung Quốc đang triển khai đã mở rộng yêu cầu ngoại giao về giáo dục nói chung và GDNN nói riêng, cho nên số lượng DHS ở Trung Quốc đến từ các quốc gia trên thế giới nói chung và khu vực châu Á có xu hướng tăng. Vì thế, mặc dù số lượng DHS Việt Nam đến học tập và nghiên cứu ở Trung Quốc tăng, nhưng thứ hạng DHS Việt Nam được cấp bằng trong số DHS đến Trung Quốc từ các quốc gia châu Á có xu hướng tăng.

**Trao đổi DHS ngắn hạn không cấp bằng:* Việc trao đổi sinh viên không cấp bằng giữa Trung Quốc và Việt Nam bao gồm: sinh viên ngôn ngữ, học giả thỉnh

giảng và người tham gia khóa học ngắn hạn, có thời gian học tập tại Trung Quốc dưới 1 kỳ học.

Bảng 3.4. Du học sinh ngắn hạn và du học sinh không cấp bằng của Việt Nam đến Trung Quốc

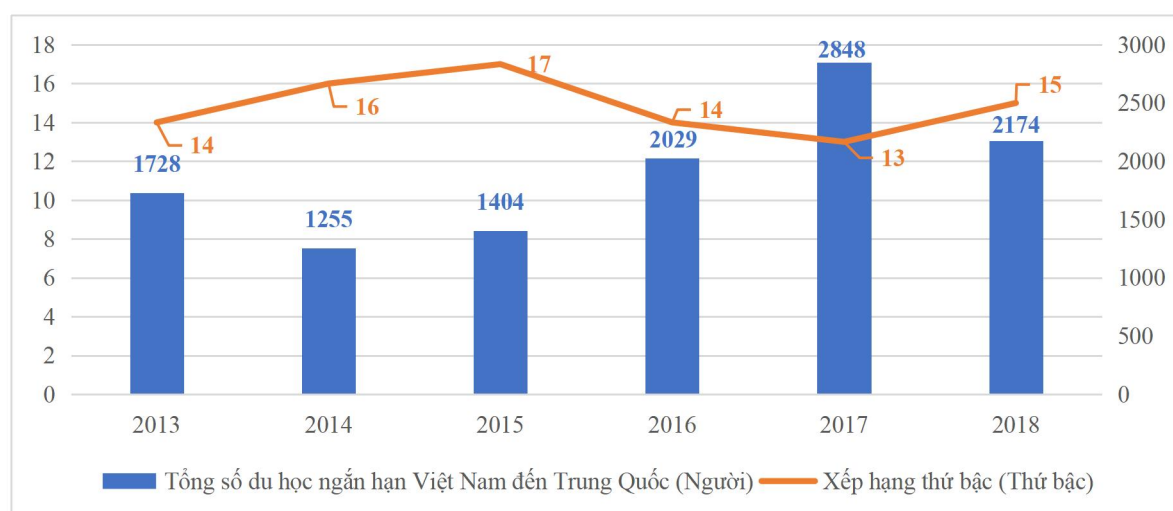
Năm	Tổng số DHS không cấp bằng (người)	Tỷ lệ DHS Việt Nam không cấp bằng so với tổng số DHS Việt Nam đến Trung Quốc (%)	DHS ngắn hạn (người)	Xếp hạng DHS ngắn hạn của Việt Nam so với số lượng DHS ngắn hạn đến Trung Quốc
2013	3.961	30,90	1.728	14
2014	2.792	26,20	1.255	16
2015	3.060	30,50	1.404	17
2016	4.009	37,70	2.029	14
2017	4.747	42,00	2.848	13
2018	4.569	40,40	2.174	15



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.7. Tổng số, du học sinh Việt Nam không cấp bằng so với tổng số du học sinh Việt Nam đến Trung Quốc giai đoạn 2013-2018

Như vậy, trong giai đoạn 2013-2018, số lượng DHS Việt Nam không được cấp bằng⁶ tăng 608 người, tương đương 115,35%. Sự hợp tác giữa hai bên Trung Quốc và Việt Nam ngày càng sâu và toàn diện, sinh viên trao đổi hai bên cũng từ sinh viên đang học chính quy tại trường đại học mở rộng đến sinh viên ngôn ngữ học ngắn hạn, người nghiên cứu ngắn hạn v.v... Tỷ lệ DHS Việt Nam không được cấp bằng so với tổng số DHS Việt Nam đến Trung Quốc tăng 9,5% (xem Biểu đồ 3.7). Trong đó, số lượng DHS ngắn hạn Việt Nam đến Trung Quốc giai đoạn 2013-2018 tăng 446 người và thứ hạng DHS ngắn hạn của Việt Nam giai đoạn 2013-2018 nằm trong top 15 quốc gia có số lượng DHS ngắn hạn đến Trung Quốc (xem Biểu đồ 3.8).



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.8. Số lượng, thứ hạng du học sinh ngắn hạn Việt Nam đến Trung Quốc so với tổng số du học sinh ngắn hạn đến Trung Quốc giai đoạn 2013-2018

**Trao đổi sinh viên theo diện sử dụng ngân sách nhà nước, cấp học bổng của Chính phủ hai nước, học bổng của các trường, học bổng Khổng Tử.*

Học bổng Chính phủ là loại học bổng tài trợ cho sinh viên Việt Nam và Trung Quốc đang học tập tại các trường đại học trọng điểm ở hai nước. Giá trị học bổng: miễn 100% học phí, miễn 100% phí ký túc xá và hỗ trợ sinh hoạt phí. Nhằm

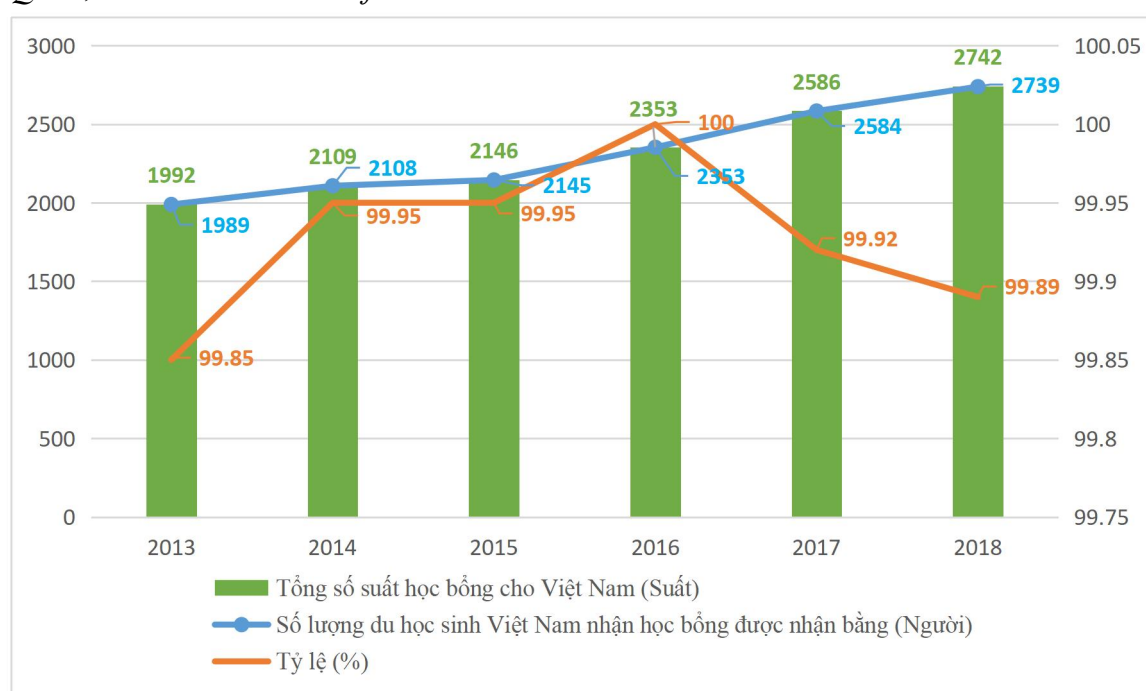
⁶ Du học sinh không được cấp bằng gồm sinh viên ngôn ngữ, học giả thỉnh giảng và người tham gia khóa học ngắn hạn tại Trung Quốc dưới 1 kỳ học.

mục đích trau dồi giáo viên dạy tiếng Trung Quốc có trình độ và tạo điều kiện thúc đẩy ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, học bổng Học viện Khổng Tử được trao cho những sinh viên xuất sắc, học giả và giáo viên đang giảng dạy tiếng Trung Quốc tại các trường đại học của Việt Nam.

Bảng 3.5. Số lượng học bổng chính phủ Trung Quốc cấp cho sinh viên Việt Nam giai đoạn 2013-2018

Năm	Số suất học bổng cho Việt Nam (Suất)	Số lượng DHS Việt Nam được cấp bằng trong diện nhận học bổng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng DHS Việt Nam không cấp bằng nhận học bổng (Người)
2013	1.992	1989	99,85	3
2014	2.109	2108	99,95	1
2015	2.146	2145	99,95	1
2016	2.353	2353	100	0
2017	2.586	2584	99,92	2
2018	2.742	2739	99,89	3

Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*



Nguồn tác giả thống kê: *Thống kê quốc gia hàng năm về sinh viên quốc tế tại Trung Quốc, China Association for International Education.*

Biểu đồ 3.9. Số suất học bổng cho Việt Nam, số lượng và tỷ lệ du học sinh Việt Nam được cấp bằng nhận học bổng của Trung Quốc giai đoạn 2013-2018

Trong giai đoạn 2013-2018, số học bổng Chính phủ Trung Quốc cấp cho Việt Nam tăng 750 suất, tương đương 137,7%. Trong đó, số học bổng dành cho sinh viên được cấp bằng chiếm đa số, đạt trên 99,0%, riêng năm 2016 là 100% (xem Biểu đồ 2.9). Số học bổng dành cho DHS ngắn hạn hàng năm chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Giai đoạn 2013-2016, số lượng DHS Việt Nam bậc đại học nhận học bổng của Chính phủ Trung Quốc có xu hướng giảm mạnh, khoảng 253 sinh viên. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến năm 2018, số lượng DHS Việt Nam bậc đại học nhận học bổng của Chính phủ Trung Quốc có xu hướng tăng trở lại, đạt 154 sinh viên.

3.1.2. Các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

3.1.2.1. Về liên kết đào tạo nghề đã triển khai

Trong giai đoạn 2013-2023, hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam được thực hiện đa dạng dưới nhiều hình thức, trong đó có sự liên kết giữa các cơ sở GDNN Trung Quốc, cơ sở GDNN Việt Nam, các doanh nghiệp Trung Quốc và doanh nghiệp của Việt Nam.

****Về liên kết đào tạo giữa trường – doanh nghiệp trong hợp tác GDNN***

Năm 2018, Học viện Công nghiệp Logistics Best được thành lập theo hình thức liên kết giữa hai đơn vị Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài và Công ty TNHH Công nghệ Logistics Best (Trung Quốc) theo mô hình nhà trường và doanh nghiệp. Công ty TNHH Công nghệ Logistics Best (Trung Quốc) liên tục lọt vào “Top 50 doanh nghiệp logistics Trung Quốc”, sở hữu năng lực dịch vụ chuỗi cung ứng thông minh với sự kết hợp giữa “số hóa + trí tuệ nhân tạo”, xây dựng mạng lưới dịch vụ kho bãi và phân phối toàn quốc theo mô hình “mạng không trung và mạng mặt đất”, đồng thời mở rộng hoạt động ra thị trường quốc tế tại 7 quốc gia, bao gồm Mỹ, Singapore, Thái Lan, Việt Nam v.v. Năm 2022, công ty vinh dự nhận “Giải thưởng Rồng Vàng”, giải thưởng cấp quốc gia do Bộ Ngoại giao Việt Nam trao tặng.

Năm 2018, trong khuôn khổ hợp tác GDNN, Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài và Tập đoàn Best đã hợp tác xây dựng chuyên ngành “Quản lý logistics hiện đại” – chuyên ngành thí điểm theo chế độ học nghề hiện đại của tỉnh Sơn Đông. Hai bên

đã cùng phát triển chương trình đào tạo doanh nghiệp dành cho học viên, tiên phong áp dụng phương pháp đánh giá hiệu suất gắn kết giữa “thầy trong doanh nghiệp” và “học viên”. Mô hình đào tạo nhân tài theo chế độ học nghề hiện đại giữa nhà trường và Tập đoàn Best đã được chọn làm điển hình tại Hội nghị giao lưu kinh nghiệm về chế độ học nghề hiện đại của tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc). Tính đến nay, hơn 100 sinh viên đã gia nhập Tập đoàn Best, trong đó có những sinh viên làm việc tại Việt Nam.

Năm 2022, Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu liên kết với Trung tâm Hoa Lợi Đạt (Việt Nam), Lễ ký kết và khánh thành Học viện Con đường Tơ lụa Trường Thường Phước (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam) [111]. Đây là hình thức tiêu biểu trong hợp tác GDNN giữa nhà trường và doanh nghiệp trong khuôn khổ Học viện Con đường Tơ lụa, hoạt động hợp tác GDNN này đã đạt được ba điểm đổi mới:

(i) Khám phá mô hình đào tạo nhân tài mới, tận dụng nguồn lực của cả hai nước Trung-Việt để cùng nghiên cứu phương thức đào tạo mới.

(ii) Mở rộng và đào sâu hướng hợp tác giữa trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu và doanh nghiệp, tạo ra những chủ đề hợp tác mới.

(iii) Mang lại cơ hội phát triển mới cho cả hai bên, xây dựng mô hình “chu trình kép”, thúc đẩy sự phát triển bền vững của hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Vào tháng 10 năm 2023, trường Cao đẳng Nghề Giao thông Sơn Đông (Trung Quốc) thực hiện hợp tác GDNN với Công ty TNHH Công nghệ Goertek (Việt Nam) đã xây dựng tiêu chuẩn GDNN cho nhóm vị trí công việc “Bảo trì và Điều chỉnh thiết bị” cùng tài nguyên giảng dạy cho nhóm vị trí này, được xây dựng chung với Goertek (Việt Nam), đã được phê duyệt thành công làm dự án uơm tạo của tỉnh Sơn Đông.

Vào năm 2024, Trường Cao đẳng Nghề Giao thông Sơn Đông đã thực hiện hợp tác GDNN với Trường Cao đẳng Lý Thái Tổ (Việt Nam) và Công ty TNHH Công nghệ Goertek (Việt Nam) để thành lập “Học viện Ban Mặc-Việt Nam”, mở ra một hành trình mới trong việc đưa GDNN ra nước ngoài. Đặc biệt, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của Goertek Việt Nam, ba bên đã bước đầu xây dựng cơ chế tuyển chọn sinh viên, phối hợp đào tạo, quản lý quy trình, đánh giá, kiểm tra và cơ chế

đào tạo, đồng thời nghiên cứu và thực hiện phương án triển khai mô hình đào tạo nhân tài “1+1+1”. Ba bên sẽ tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo và tiêu chuẩn chương trình giảng dạy, lên kế hoạch thực hiện tuyển sinh khóa đầu tiên dành cho sinh viên Việt Nam vào đầu tháng 9 năm 2024. Sau đó, ba bên đã tổ chức lễ ký kết hợp tác đào tạo nhân tài theo mô hình “1+1+1”. Tính đến tháng 5 năm 2024, Học viện Ban Mạc-Việt Nam đã phát triển 18 tiêu chuẩn môn học song ngữ Trung-Việt, xây dựng 12 kho tài nguyên giảng dạy, cử tổng cộng 15 lượt giảng viên và sinh viên sang Việt Nam giao lưu, hợp tác sâu với 6 trường đại học và cao đẳng, đào tạo 1.200 lượt nhân viên cho Goertek Việt Nam, đồng thời tổ chức hơn 530 lượt đào tạo Tiếng Trung + Kỹ năng nghề cho các trường đại học Việt Nam.

**Về liên kết đào tạo giữa trường – trường trong hợp tác GDNN*

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2023, Trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây (Trung Quốc) (trước đây là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây, phần sau sẽ dùng tên hiện nay) và Đại học Hải Phòng (Việt Nam) đã có nhiều hoạt động hợp tác GDNN nhằm thực hiện liên kết đào tạo. Năm 2018, hai trường đã ký kết thỏa thuận, bắt đầu thiết lập quan hệ hợp tác. Năm 2019, hai bên thành lập cơ sở thực tập ngoài trường tại Hải Phòng, Việt Nam. Ngày 11 tháng 5 năm 2023, đại diện hai trường đã cùng ký kết thỏa thuận hợp tác giáo dục. Theo thỏa thuận, hai bên sẽ thúc đẩy hợp tác toàn diện trong các lĩnh vực như trao đổi giảng viên và sinh viên, nghiên cứu học thuật, bồi dưỡng giáo viên v.v.

Năm 2023, Trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây, trong khuôn khổ hợp tác GDNN thực hiện liên kết đào tạo với các quốc gia thành viên ASEAN như Việt Nam, Lào, Thái Lan, đã có 130 DHS chính quy đến từ các nước thành viên như Việt Nam, Thái Lan, Lào. Các chuyên ngành tuyển sinh bao gồm Kỹ thuật sản xuất cây trồng, Kỹ thuật làm vườn, Chăn nuôi - Thú y, Y học động vật... Trong đó, các chuyên ngành tiêu biểu về nông nghiệp chiếm 75%, nổi bật với đặc trưng giáo dục du học lấy “nông nghiệp” làm trọng tâm.

Trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây duy trì quan hệ hợp tác giáo dục với 15 trường đại học tại Thái Lan, Việt Nam, Lào, Malaysia, Hoa Kỳ,

Úc... Các bên đã ký kết các thỏa thuận về trao đổi giảng viên, DHS và thực tập sinh. Tổng cộng, nhà trường đã cử hơn 70 lượt giảng viên đi trao đổi, hơn 520 lượt sinh viên đi thực tập, tiếp nhận 110 DHS. Ngoài ra, trường đã tiếp đón 34 đoàn từ các nước ASEAN với tổng số hơn 550 lượt người và cử 10 đoàn gồm hơn 30 lượt người sang thăm và giao lưu tại các nước ASEAN.

Năm 2023, trong hoạt động liên kết đào tạo trong hợp tác GDNN giữa Trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây và Trường Đại học Hải Phòng đã có 21 sinh viên chuyên ngành Tiếng Việt ứng dụng, khóa 2021 của Khoa Nhân văn và Nghệ thuật đã sang Trường Đại học Hải Phòng để tham gia chương trình du học 5 tháng (từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023). Mô hình đào tạo áp dụng là 2+0.5 (Hải Phòng) +0.5.

Năm 2023, trường Đại học Nghề Nam Ninh (Trung Quốc) (trước đây là trường Cao đẳng Kỹ thuật Nghề Nam Ninh, phần sau sẽ dùng tên hiện nay) trong khuôn khổ hợp tác GDNN với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (Việt Nam) để triển khai chương trình liên kết đào tạo “2+1”, trong năm 2023 đã cử 45 sinh viên sang học tập tại trường này.

Trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa Trường Đại học Nghề Nam Ninh với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang (Việt Nam), ngày 8 tháng 8 năm 2023, tổ chức lớp bồi dưỡng công chức cấp cao thành phố Hải Phòng, với sự tham gia của 10 công chức cấp cao từ thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Thiết lập quan hệ hợp tác với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang, đào tạo nhân tài liên ngành theo mô hình “Ngoại ngữ + Công nghệ thương mại điện tử xuyên biên giới”.

Tháng 11 năm 2024, hợp tác GDNN giữa Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài (Trung Quốc) với Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (Việt Nam) đã được triển khai. Tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, hai bên đã đạt được sự đồng thuận về việc tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng giáo dục, mở rộng đào tạo nghề cũng như khám phá các mô hình hợp tác “3.5+0.5” và “2+1+1”. Đồng thời, hai bên đã ký kết thỏa thuận hợp tác.

Năm 2024, Trường Cao đẳng Nghề Thương mại và Ngoại thương Hà Bắc (Trung Quốc) và Trường Đại học Thành Đông (Việt Nam) thông qua việc cùng xây dựng phân viện ở nước ngoài và triển khai chương trình hợp tác đào tạo quốc tế “1+2+1”, hai bên sẽ có thêm nền tảng mới để hợp tác, góp phần đào tạo nhiều nhân tài chất lượng cao với tầm nhìn quốc tế. Trường Đại học Thành Đông có lịch sử phát triển chưa lâu, nhưng đã dần thể hiện lợi thế chuyên môn trong các lĩnh vực y học, kỹ thuật và quản lý kinh tế, đồng thời đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thúc đẩy giáo dục quốc tế hóa. Trong lễ khai trương, Viện trưởng Lý Yên Pha và Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hoa Lý đã cùng nhau khai trương “Học viện Đối Hà” được thành lập tại Trường Đại học Thành Đông, Việt Nam.

Hai trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội (HIC) và Trường Cao đẳng Nghề Cơ Điện Vân Nam (Trung Quốc) cũng đã hợp tác tiến hành các chương trình 1+2 và 2+1. Sinh viên HIC sẽ có 1-2 năm học thực hành chuyên ngành kỹ thuật điện, ô tô, kỹ thuật hàng không (do sinh viên đăng ký). Sau khi tốt nghiệp, Trường Cao đẳng Nghề Cơ Điện Vân Nam cấp bằng Kỹ sư Cao đẳng [97].

3.1.2.2. Về thành lập các cơ sở GDNN tại Việt Nam trong những hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam

Tháng 5 năm 2019, trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu (Trung Quốc) và Công ty TNHH Máy dệt Ngũ Dương, Công ty TNHH Dệt kim Tô Châu Húc Vinh, Tập đoàn Cổ phần Thiết bị Thông minh Á Long, cùng bàn bạc về việc thành lập “Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu-Việt Nam” và ký kết thỏa thuận hợp tác khung giữa nhà trường và doanh nghiệp. Thông qua việc cùng xây dựng chương trình đào tạo nhân lực chuyên ngành, phát triển các khóa đào tạo chuyên môn và chia sẻ nguồn tài nguyên giảng dạy, các bên đã hình thành một cơ chế đào tạo nhân tài dựa trên nhu cầu thực tiễn, kết hợp sâu sắc giáo dục và sản xuất, phát huy hiệu quả vai trò của GDNN trình độ cao đẳng trong việc phục vụ xã hội, ngành nghề và doanh nghiệp, đồng thời cung cấp dịch vụ đào tạo cho các doanh nghiệp BRI của Trung Quốc đang mở rộng hoạt động ra nước ngoài.

Tháng 12 năm 2019, “Trung tâm Đào tạo Con đường Tơ lụa” do Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu hợp tác với Công ty TNHH Máy dệt Ngũ Dương (Việt Nam) đã chính thức được khánh thành tại Khu công nghiệp Thành Công, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Đồng thời, nhà trường cũng đã tổ chức các buổi thảo luận hợp tác với Trường Trung cấp Khu Nam Tây Ninh, đạt được thỏa thuận hợp tác trong việc đào tạo nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực dệt may. Nội dung hợp tác bao gồm:

(i) *Thành lập tổ chức chuyên biệt*: Phát huy thế mạnh của cả bốn bên để thành lập “Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu-Việt Nam”, áp dụng mô hình và phương pháp đào tạo tiên tiến, mở rộng hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp lên một tầm cao mới, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và nhân lực cho các doanh nghiệp BRI đang hoạt động tại Việt Nam.

(ii) *Đào tạo kỹ năng chuyên môn và tuyển sinh DHS*: Chủ yếu đào tạo nhân sự kỹ thuật chuyên sâu cho các doanh nghiệp Trung Quốc đặt nhà máy tại Việt Nam, đồng thời tổ chức các chương trình đào tạo DHS theo nhu cầu thực tế. Ngoài ra, thiết lập các trung tâm đào tạo và thực hành tại các nhà máy ở Việt Nam nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động địa phương.

(iii) *Hợp tác trong dịch vụ kỹ thuật*: Thành lập đội ngũ chuyên gia của Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu - Việt Nam, cung cấp dịch vụ nghiên cứu chuyên sâu và giải pháp kỹ thuật cho các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam theo yêu cầu của sản xuất thông minh và quản lý tinh gọn.

Dự án này là một trong những bước tiến quan trọng của nhà trường trong việc đổi mới, thúc đẩy kết hợp giáo dục và sản xuất, cũng như mở rộng hợp tác quốc tế. Điều này không chỉ đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển chất lượng cao của nhà trường mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên có cơ hội học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ ở môi trường quốc tế.

Năm 2023, trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa trường Đại học Nghề Nam Ninh với trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội Việt Nam, Công ty TNHH công nghệ Tô Châu Funa-ai Việt Nam, Liên minh Doanh nghiệp Ngành Điện tử

Miền Bắc Việt Nam cùng xây dựng Học viện Thợ lành nghề hiện đại ngành Thông tin Điện tử Trung Quốc-Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật và kỹ năng “bản địa hóa” phục vụ hợp tác sản xuất quốc tế hướng tới ASEAN. Tháng 9 năm 2023, dự án này đã được Sở Giáo dục Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây công nhận là một trong những dự án đặc sắc thuộc nhóm “Học viện Thợ lành nghề hiện đại Trung Quốc-ASEAN” đầu tiên.

Cũng trong năm 2023, Trường Đại học Nghề Nam Ninh hợp tác với Công ty Giáo dục và Đào tạo HICAD Việt Nam, để thành lập các cơ sở đào tạo hải ngoại tại ASEAN.

Tháng 11 năm 2024, Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài trong khuôn khổ hợp tác GDNN với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng (Việt Nam), đã tham quan cơ sở thực hành kỹ thuật sưởi ấm và làm lạnh. Trong buổi tọa đàm, hai bên đã đạt được thỏa thuận về hợp tác giữa các trường và doanh nghiệp Trung-Việt trong việc xây dựng chuyên ngành chung và trao đổi giảng viên, đồng thời tổ chức lễ khánh thành Cơ sở thực hành ở nước ngoài của Kinh Đông Phương (BOE).

3.1.2.3. Về hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học

Năm 2017, khuôn khổ chương trình hợp tác GDNN giữa Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam (Trung Quốc) và Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam) đã thực hiện hợp tác giáo dục quốc tế; hai bên đã tổ chức 7 lượt trao đổi, chuyển thăm và làm việc, tiến hành 2 hội thảo chuyên đề học thuật và ký kết 4 thỏa thuận hợp tác.

Từ ngày 15 đến ngày 16 tháng 11 năm 2019, Hội thảo Quốc tế về Công nghệ Cam lần thứ bảy (ICOT) đã được tổ chức tại Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Thông tin Thường Châu. Hội thảo do Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Thông tin Thường Châu cùng tổ chức với những đại học Trung Quốc như Đại học Quốc Lập Thành Công Đài Loan, Đại học Công nghiệp Tây Bắc và Đại học Khoa học Kỹ thuật Đại Nhân Đài Loan. Sự kiện thu hút hơn 60 chuyên gia, học giả đến từ các

quốc gia và khu vực như Việt Nam, Úc, Hàn Quốc, Indonesia, Đài Loan và Hồng Kông.

Năm 2021, trong chương trình hợp tác GDNN giữa Trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây với một số quốc gia trong ASEN như Lào, Việt Nam, Campuchia, Thái Lan đã thực hiện khóa đào tạo ASEAN về sản xuất chăn nuôi tiêu chuẩn hóa thuộc dự án viện trợ giáo dục diễn ra vào sáng ngày 23 tháng 9 năm 2021. Lễ khai giảng Khóa đào tạo ASEAN về sản xuất chăn nuôi tiêu chuẩn hóa thuộc dự án viện trợ giáo dục năm 2019, do trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây và Trung tâm đào tạo nông nghiệp Trung Quốc-ASEAN đồng tổ chức, đã diễn ra tại thành phố Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc, cùng với 20 giảng viên đại diện Khoa học Kỹ thuật Động vật của trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây. Các học viên của khóa đào tạo tham gia theo hình thức trực tuyến.

Khóa đào tạo này là một trong các dự án viện trợ giáo dục năm 2019 do Trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây đề xuất. Khóa đào tạo có sự tham gia của 30 học viên đến từ các viện nghiên cứu nông nghiệp, cơ quan khuyến nông và trường nghề nông nghiệp của bốn quốc gia: Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan. Mục tiêu của khóa đào tạo là quảng bá tư duy sản xuất hiệu quả của nền nông nghiệp và chăn nuôi hiện đại Trung Quốc, thúc đẩy tiêu chuẩn nông nghiệp Trung Quốc được chấp nhận tại thị trường quốc tế, đồng thời tăng cường hợp tác kỹ thuật nông nghiệp và đào tạo nhân lực giữa Trung Quốc và ASEAN.

Khóa đào tạo bao gồm 8 chuyên đề, trong đó có các chủ đề như “Tổng quan về phát triển ngành gà thịt và chiến lược dinh dưỡng”, “Sản xuất và quản lý chăn nuôi bò sữa”, “Quản lý sản xuất tiêu chuẩn hóa tại trang trại chăn nuôi lợn”. Giảng viên của khóa học không chỉ là các chuyên gia, giáo sư của Trường Đại học Kỹ thuật nghề Nông nghiệp Quảng Tây, mà còn có các nhà quản lý cấp cao và chuyên gia đầu ngành đến từ các doanh nghiệp chăn nuôi hàng đầu tại Quảng Tây. Ngoài ra, học viên còn có cơ hội tham gia Triển lãm và Diễn đàn GDNN Trung Quốc-ASEAN

2021 cũng như Hội thảo Giao lưu GDNN Nông nghiệp Trung Quốc-ASEAN lần thứ 3 theo hình thức trực tuyến.

Năm 2024, trong chương trình hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam với trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam), hai bên đã xây dựng nền tảng hợp tác quốc tế “Tương Hoàn-Bắc Giang”; lần lượt ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác như “Nghiên cứu công nghệ trồng và chế biến hiệu quả cây trà dầu tại tỉnh Lương Sơn”, “Nghiên cứu công nghệ nuôi ếch bò mật độ cao”... Đồng thời, hai bên đã cùng xây dựng Trung tâm Hợp tác Nông nghiệp Trung-Việt và Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Chăn nuôi Gà Sinh thái thuốc bắc Trung-Việt.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh (Trung Quốc) đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội và Công ty TNHH Trí tuệ Nhân tạo Hải Trí Thần (Việt Nam). Đến ngày 17 tháng 11, lễ khai giảng lớp nghiên cứu trải nghiệm “Thiết bị thông minh + Di sản văn hóa phi vật thể” dành cho DHS Việt Nam đã được tổ chức tại hội trường 101, tòa nhà chính của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh. Trong chương trình nghiên cứu kéo dài 8 ngày, nhà trường đã thiết kế một kế hoạch học tập phù hợp với sinh viên Việt Nam, bao gồm giảng dạy kỹ năng, tham quan doanh nghiệp và trải nghiệm các kỹ nghệ di sản phi vật thể. 15 sinh viên chuyên ngành Điện Tự động hóa đến từ Việt Nam có cơ hội học tập và trải nghiệm nhiều khóa học phong phú tại Đại Liên, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc. Chương trình nghiên cứu trải nghiệm này không chỉ là một phần trong quá trình triển khai dự án “Mặc Từ Workshops” của nhà trường, mà còn là một bước tiến trong việc đổi mới mô hình “GDNN đi ra nước ngoài”, hỗ trợ các doanh nghiệp Trung Quốc tại nước ngoài và đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân sự theo yêu cầu riêng của doanh nghiệp.

3.1.2.4. Về bồi dưỡng, trao đổi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và học sinh sinh viên

Năm 2015, trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa Trường Trung cấp Tĩnh Tây (Trung Quốc) và tỉnh Cao Bằng, Việt Nam, thành phố Tĩnh Tây mở lớp học tiếng

Trung ứng dụng dành cho học viên Việt Nam tại trường, chào đón lứa DHS Việt Nam đầu tiên. Động thái này nhằm tăng cường giao lưu kinh tế-xã hội với khu vực biên giới Trung Quốc và Việt Nam, đào tạo thêm nhân tài phiên dịch song ngữ Trung-Việt, nâng cao năng lực giao tiếp ngôn ngữ giữa hai bên, phục vụ tốt hơn cho hợp tác phát triển trong các lĩnh vực kinh tế cửa khẩu, du lịch và giao lưu văn hóa, hướng tới sự phát triển cùng có lợi.

Điều kiện tuyển sinh của lớp đào tạo tiếng Trung ứng dụng cho học viên Việt Nam bao gồm: do Sở Giáo dục tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) giới thiệu, có trình độ từ tốt nghiệp THCS hoặc THPT trở lên, độ tuổi từ 18 đến 40, sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt, tuân thủ pháp luật và quy định của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; vượt qua kỳ kiểm tra đầu vào do phía Trung Quốc tổ chức. Sau khi hoàn thành khóa học, học viên sẽ được Trường Trung cấp Tĩnh Tây cấp chứng nhận tốt nghiệp.

Mỗi lớp có quy mô khoảng 20-30 học viên, thời gian đào tạo một năm. Lớp đầu tiên của chương trình này có một chủ nhiệm lớp và 19 học viên. Học viên Việt Nam có thể theo học hệ trung cấp chuyên nghiệp hoặc cao đẳng tại trường nghề của thành phố. Đối với hệ trung cấp, học viên hoàn thành chương trình học tại trường và đạt yêu cầu kiểm tra sẽ được cấp bằng trung cấp. Đối với hệ cao đẳng, học viên có thể hoàn thành chương trình tại trường hoặc tiếp tục học tại Trường Cao đẳng Nghề Thương mại Quốc tế Quảng Tây, sau khi thi đạt yêu cầu, sẽ được cấp bằng cao đẳng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2016, tại Hà Nội, Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc-ASEAN (CATTC) (Đơn vị tổ chức), trường Đại học Y Dược cổ truyền Quảng Tây Trung Quốc (Đơn vị thực hiện) và Cục Ứng dụng và Phát triển Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Đơn vị tổ chức) đã diễn ra Hội nghị kết nối công nghệ và đầu tư Trung Quốc-Việt Nam. Sự kiện thu hút 58 doanh nghiệp và tổ chức đến từ Trung Quốc trong các lĩnh vực nông nghiệp hiện đại, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và đầu tư tài chính, kết nối với hơn 40 doanh nghiệp và tổ chức Việt Nam tham dự. Đây là năm thứ ba liên tiếp Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc - ASEAN tổ chức hoạt động kết nối công nghệ tại Việt Nam.

Được thành lập vào tháng 9 năm 2013, Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc-ASEAN đánh dấu một bước tiến mới trong hợp tác khoa học công nghệ giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, với mục tiêu thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với thực tiễn.

Hiện tại, Mạng lưới Hợp tác Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc-ASEAN đã có 1.763 thành viên, trong đó có 1.282 thành viên tại Trung Quốc và 481 thành viên đến từ các nước ASEAN. Trung tâm đã tổ chức hơn 20 sự kiện chuyển giao công nghệ trong và ngoài nước, trong đó có 16 sự kiện tại các nước ASEAN, triển lãm và kết nối hơn 900 hạng mục công nghệ, góp phần thúc đẩy việc ký kết 393 thỏa thuận hợp tác giữa doanh nghiệp Trung Quốc và ASEAN với tổng giá trị gần 600 triệu nhân dân tệ.

Hiện nay, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, đã xây dựng 7 mô hình trình diễn khoa học công nghệ nông nghiệp tại các nước ASEAN như Việt Nam, Lào, Campuchia, Indonesia, với tổng diện tích lên đến 1.300 mẫu, qua đó nâng cao tầm ảnh hưởng của khoa học công nghệ nông nghiệp Trung Quốc tại khu vực ASEAN. Trong các khóa đào tạo quốc tế về công nghệ nông nghiệp hướng tới ASEAN, học viên không chỉ nghe giảng và thảo luận về công nghệ cao trong lớp học mà còn trực tiếp quan sát kỹ thuật viên thực hành trên đồng ruộng, tìm hiểu thị trường tiêu thụ nông sản tại các mô hình trình diễn, cũng như khảo sát các giống cây trồng có tiềm năng nhập khẩu. Tháng 12 năm 2015, các học viên đến từ tỉnh Lạng Sơn và một số địa phương khác của Việt Nam cùng học viên Lào đã thu hoạch được nhiều kiến thức bổ ích qua chương trình đào tạo này.

Nhằm đào tạo nhân lực công nghệ cho các nước ASEAN và thúc đẩy chuyển giao công nghệ tiên tiến, phù hợp từ Quảng Tây sang khu vực, trong những năm qua, Quảng Tây đã tổ chức 10 khóa đào tạo chuyên đề quốc tế, bao gồm công nghệ nông nghiệp nhiệt đới và cận nhiệt đới, công nghệ tiêu chuẩn hóa nông nghiệp, công nghệ phòng chống dịch bệnh động vật xuyên biên giới, công nghệ tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường trong khai khoáng, thu hút hơn 160 lượt học viên từ Việt Nam, Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và các nước ASEAN khác.

Năm 2018, thực hiện chương trình hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Kinh tế và Thương mại Quảng Tây (Trung Quốc) với trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang đã tổ chức khóa đào tạo giảng viên kéo dài 5 ngày cho 9 giáo viên Việt Nam, bao gồm các nội dung: “Chia sẻ BRI”, kỹ năng may mặc tại “Yi Lu Workshops” và kỹ năng nấu ăn tại “Học đường Yi Yin”. Dự án này nhằm thúc đẩy sự hiểu biết và hứng thú của giáo viên Việt Nam đối với văn hóa Trung Quốc, đồng thời tăng cường giao lưu và hợp tác trong các lĩnh vực chuyên môn như may mặc và ẩm thực.

Trong năm 2018, thực hiện hợp tác GDNN, trường Cao đẳng Nghề Quảng Tây (Trung Quốc) đã thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo với trường Cao đẳng Hữu nghị Viên Chăn-Hà Nội, triển khai các hoạt động hợp tác như trao đổi cán bộ quản lý giáo dục, giao lưu GDNN, trao đổi giáo viên ngôn ngữ hoặc chuyên ngành, liên kết chương trình đào tạo, công nhận tín chỉ và giao lưu văn hóa giữa giảng viên và sinh viên. Hai bên đã trao đổi 43 sinh viên giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Trong năm 2023, trong hoạt động hợp tác GDNN giữa trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây với các quốc gia thành viên ASEAN, đã có 130 DHS chính quy đến từ các nước thành viên, trong đó có Việt Nam, Trong đó, các chuyên ngành tiêu biểu về nông nghiệp chiếm 75%, nổi bật với đặc trưng giáo dục du học lấy “nông nghiệp” làm trọng tâm.

Trường Đại học Kỹ thuật Nghề nông nghiệp Quảng Tây duy trì quan hệ hợp tác giáo dục với 15 trường đại học tại Thái Lan, Việt Nam, Lào, Malaysia, Hoa Kỳ, Úc... Hai bên đã ký kết các thỏa thuận về trao đổi giảng viên, thực tập sinh và DHS. Tổng cộng, nhà trường đã cử hơn 70 lượt giảng viên đi trao đổi, hơn 520 lượt sinh viên đi thực tập, tiếp nhận 110 DHS. Ngoài ra, trường đã tiếp đón 34 đoàn từ các nước ASEAN với tổng số hơn 550 lượt người và cử 10 đoàn gồm hơn 30 lượt người sang thăm và giao lưu tại các nước ASEAN.

Trong năm 2023, trường Đại học Nghề Nam Ninh thực hiện hoạt động hợp tác GDNN với các nước ASEAN, tổ chức các chương trình đào tạo “Tiếng Trung +”

theo nhu cầu dành cho công nhân kỹ thuật của doanh nghiệp “đi ra nước ngoài”, giảng viên đại học, công chức chính phủ và sinh viên, bao gồm các lĩnh vực như điện tử thông tin, thương mại điện tử xuyên biên giới, công nghệ phần mềm, công nghệ xây dựng, logistics hiện đại, thiết kế thời trang. Thông qua việc xây dựng điểm giảng dạy ở nước ngoài, triển khai các khóa đào tạo “Tiếng Trung +” thương mại điện tử xuyên biên giới tại Việt Nam và các quốc gia ASEAN khác, tổ chức khóa đào tạo thương mại điện tử xuyên biên giới Trung Quốc-ASEAN, tổ chức khóa đào tạo cho 10 công chức cấp cao từ thành phố Hải Phòng, Việt Nam vào ngày 8 tháng 8. Ngoài ra, còn tổ chức các chương trình như trại huấn luyện phát thanh viên, khóa đào tạo nhân viên cứu hộ quốc tế được chứng nhận, khóa học chứng chỉ 1+X dành cho nhân tài kỹ thuật chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục mầm non Trung Quốc - ASEAN, khóa đào tạo kỹ năng dành cho chuyên gia an ninh thông tin có chứng nhận đăng ký. Trong năm 2023, tổng số lượt đào tạo là 11.416 người.

Tháng 11 năm 2024, trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài với Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh, hai bên đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Luxshare Precision và Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thần Thanh Đảo. Đồng thời, tổ chức lễ khánh thành “Học viện Ban·Mặc (Luxshare Precision)” tại trường Cao đẳng Cơ Điện và Xây dựng Bắc Ninh đã thúc đẩy 16 giảng viên và sinh viên đại diện của trường Cao đẳng Cơ Điện và Xây dựng Bắc Ninh sang học tập và nghiên cứu tại trường, thực hiện “hành trình hai chiều” trong giao lưu quốc tế.

Trong năm 2024, hoạt động hợp tác GDNN giữa Trường Cao đẳng Nghề Hàm Ninh (Trung Quốc) với Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh (Việt Nam) đã tổ chức các lớp bồi dưỡng giao lưu học tập “Tiếng Trung + Kỹ năng” tại Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh. Hoạt động hợp tác này đã đánh dấu kết quả quan trọng của học viên trong quá trình học tập văn hóa Trung Quốc và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đồng thời góp phần thúc đẩy hợp tác và giao lưu giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam.

3.1.2.5. Về trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung cấp chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo

Năm 2020, hoạt động hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu với Khu công nghiệp Thành Công Việt Nam và Tập đoàn Ngũ Dương (Việt Nam) với mục tiêu tích cực hưởng ứng BRI, phục vụ các doanh nghiệp Trung Quốc đang mở rộng ra nước ngoài, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu đã hoàn thành và chuyển giao 1 tiêu chuẩn môn học và 1 tài nguyên giảng dạy của môn học “Nhuộm hoàn tất vải dệt kim” cho Công ty TNHH Ngũ Dương Việt Nam. Hợp tác với Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt (Việt Nam) thành lập Học viện Con đường Tơ lụa Thường Phướng - Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam [112], xúc tiến đào tạo lưu học sinh theo mô hình lớp đặt hàng. Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp BRI phát triển ra nước ngoài, thúc đẩy sự gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, đẩy nhanh chuyển giao thành quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyên ngành Dệt may đã hợp tác với Công ty TNHH Máy dệt Ngũ Dương Thường Châu, tổ chức đào tạo kỹ thuật “Nhuộm hoàn tất vải dệt kim” cho 137 nhân viên của chi nhánh công ty tại Việt Nam với tổng số 2055 lượt học viên/ngày, đồng thời tiếp tục phát triển các khóa học liên quan phục vụ đào tạo kỹ thuật nhuộm hoàn tất trong doanh nghiệp.

Chuyên ngành Cơ điện triển khai dự án “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề” trong lĩnh vực sản xuất thông minh, hoàn thành nhiệm vụ mua sắm 2 thiết bị thực hành kiểm tra ứng dụng hệ thống điều khiển lập trình (PLC) cao cấp, tiếp tục thúc đẩy công tác kiểm định chứng chỉ 1+X về lập trình ứng dụng PLC.

Chuyên ngành Thiết kế và Công nghệ May mặc triển khai dự án “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề” phối hợp với Tập đoàn May mặc Hoa Lợi Đạt, thông qua việc xây dựng Học viện Con đường Tơ lụa Thường Phướng - Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam, mở rộng đào tạo nhân viên doanh nghiệp và đào tạo lưu học sinh theo mô hình lớp đặt hàng.

Năm 2021, trong khuôn khổ hoạt động hợp tác GDNN giữa Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Bắc (Trung Quốc) với Công ty TNHH XDD Textile

(Việt Nam), đã xây dựng “Tiếng Trung Workshops”. Đây là nền tảng giảng dạy mới do Trung tâm Hợp tác và Giáo dục Ngôn ngữ⁷ sáng lập và triển khai từ năm 2021. Nền tảng này chủ yếu được thiết lập tại các doanh nghiệp Trung Quốc ở nước ngoài hoặc các trường cao đẳng nghề tại nước ngoài, với đội ngũ giảng viên và tài nguyên giảng dạy do các trường đại học, doanh nghiệp trong nước cung cấp. Hoạt động chính bao gồm dạy tiếng Trung quốc tế kết hợp với đào tạo kỹ năng nghề, xây dựng mô hình phát triển quốc tế hóa theo hướng “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề”, nhằm đào tạo nguồn nhân lực địa phương có kiến thức tiếng Trung và kỹ năng nghề để phục vụ các doanh nghiệp Trung Quốc “đi ra nước ngoài”.

Mô hình giáo dục “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề” tích hợp nhu cầu học tiếng Trung với yêu cầu phát triển nghề nghiệp của người học, giúp họ áp dụng tiếng Trung vào các lĩnh vực như đường sắt cao tốc, kinh tế thương mại, du lịch, luật pháp, hải quan... từ đó nâng cao giá trị ứng dụng thực tế của tiếng Trung.

Hiện nay, Trung tâm Hợp tác và Giáo dục Ngôn ngữ đã thành lập 19 Tiếng Trung Workshops tại Thái Lan, Malaysia, Argentina và một số quốc gia khác. “Tiếng Trung Workshops của Công ty Dệt may XDD Việt Nam” do Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Bắc thành lập là một trong những tiếng Trung Workshops đầu tiên được phê duyệt trên toàn quốc.

Năm 2023, trong khuôn khổ hoạt động hợp tác GDNN giữa Trường Đại học Nghề Nam Ninh với các nước ASEAN, nhà trường đã xây dựng 38 tiêu chuẩn chuyên môn và tiêu chuẩn môn học cho các cơ sở giáo dục tại các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Ba môn học, bao gồm Công nghệ Trí tuệ Nhân tạo, cùng với 5 gói tài nguyên đào tạo quốc tế hóa, bao gồm Tiếp thị Truyền thông Mới, đã được Sở Giáo dục Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây công nhận là tài nguyên GDNN quốc tế hóa hướng tới ASEAN.

3.1.2.6. Về tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực

⁷ Trung tâm Hợp tác và Giáo dục Ngôn ngữ tiếng Anh là Center for Language Education and Cooperation, là một tổ chức trực thuộc Bộ Giáo dục Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có nhiệm vụ "cung cấp các tài nguyên và dịch vụ giảng dạy văn hóa và ngôn ngữ Trung Quốc trên toàn thế giới.

Việc tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế của Trung Quốc và Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác GDNN nhằm tiếp cận các chuẩn mực quốc tế (ví dụ như khung năng lực nghề ASEAN, chuẩn UNEVOC của UNESCO, tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)), từ đó giúp các cơ sở GDNN tiệm cận chương trình đào tạo tiên tiến, công nghệ mới trong GDNN nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của lao động trong nền kinh tế số và toàn cầu hoá.

Tiêu biểu về việc tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế của Trung Quốc và Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác GDNN của hoạt động hợp tác Trung Quốc - ASEAN. Trong đó, trao đổi, hợp tác giữa hai bên trong lĩnh vực giáo dục đã đạt được sự công nhận lẫn nhau về trình độ giáo dục đại học, cùng nhau xây dựng các chương trình GDNN và trao đổi sinh viên, giảng viên phong phú, đa dạng, giúp cập nhật các phương pháp giảng dạy và nghiên cứu tiên tiến, đồng thời mở rộng hiểu biết về các vấn đề quốc tế và xuyên văn hóa.

Tham gia các hoạt động hợp tác GDNN trong khuôn khổ khu vực giữa Trung Quốc và ASEAN, trong đó có Việt Nam, giúp Trung Quốc và Việt Nam phát triển chất lượng đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Hợp tác giáo dục với Trung Quốc đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại các nước ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng, đồng thời giúp Việt Nam mở rộng cơ hội tiếp cận với khoa học kỹ thuật tiên tiến.

Khuôn khổ hợp tác giáo dục ASEAN-Trung Quốc là kênh hợp tác hiệu quả thúc đẩy giao lưu hợp tác giáo dục nói chung và GDNN nói riêng giữa Trung Quốc và Việt Nam thông qua các hoạt động như Tuần lễ Hợp tác giáo dục ASEAN-Trung Quốc (CAECW) thường niên kể từ năm 2008 đến nay. Với cầu nối hợp tác giáo dục ASEAN-Trung Quốc, Trung Quốc đã ký các thỏa thuận về trao đổi và hợp tác giáo dục với 10 nước thành viên ASEAN, trong đó có Việt Nam, và thỏa thuận về công nhận trình độ và bằng cấp giáo dục, thành lập Viện Khổng Tử.

Trong hoạt động hợp tác về GDNN, cả Trung Quốc và các nước thành viên ASEAN đều coi trọng việc phát triển GDNN và hai bên có nhu cầu tăng cường hợp tác, trao đổi về GDNN. Việc thúc đẩy hợp tác và đối tác GDNN ASEAN-Trung Quốc đã trở thành một trong những dự án hàng đầu. Diễn đàn Phát triển GDNN Trung Quốc - ASEAN 2020 do Trung tâm Nghiên cứu GDNN Trung Quốc - ASEAN tổ chức. Chủ đề của diễn đàn là “chất lượng, hội nhập, phát triển”. Diễn đàn đã thu hút 380 đại biểu đến từ Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, Việt Nam, Myanmar, Campuchia, Lào và các nước khác.

Năm 2023, Hội nghị ASEAN-Trung Quốc về hợp tác và phát triển GDNN lần thứ 6 được tổ chức tại Nam Ninh, Trung Quốc. Chủ đề chính của hội nghị lần này là “Xây dựng nền tảng hợp tác để kết hợp giáo dục và hoạt động sản xuất, cũng như chia sẻ thành tựu trong phát triển GDNN”, nhằm thúc đẩy đào tạo nghề chất lượng cao.

Hằng năm, Diễn đàn và Triển lãm chung về GDNN Trung Quốc - ASEAN liên tiếp được tổ chức, để xây dựng một nền tảng đối thoại và trao đổi GDNN toàn diện giữa các chính phủ, trường nghề và doanh nghiệp ở Trung Quốc và các nước ASEAN. Ngoài ra, một số tổ chức phát triển GDNN đặc biệt đã được thành lập, chẳng hạn như nhóm nghiên cứu GDNN Trung Quốc-ASEAN, Liên minh GDNN biên giới Trung Quốc-ASEAN và nhóm GDNN vận chuyển đường sắt Trung Quốc-ASEAN, đã hỗ trợ một cách hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển GDNN.

3.2. Một số trường hợp tiêu biểu về loại hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

3.2.1. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường - doanh nghiệp

3.2.1.1. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh (Trung Quốc) - trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội (Việt Nam) - Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thần Thanh Đảo

Trong năm 2023, Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Nẹ Liêu Ninh, Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thần Thanh Đảo (sau này gọi tắt là Hải Trí

Thần) và Trường Cao đẳng Nghề Bách khoa Hà Nội đã nhiều lần tổ chức hội nghị trực tuyến để trao đổi về hợp tác. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh đã đưa ra các đề xuất về việc thiết lập chuyên ngành, phương pháp giảng dạy và đào tạo nhân lực; Hải Trí Thần đã đề xuất yêu cầu cụ thể của ngành đối với nhân lực có kỹ năng kỹ thuật từ góc độ doanh nghiệp, đồng thời cung cấp nền tảng thực hành và hỗ trợ tài nguyên cho đào tạo nhân lực. Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội đã cung cấp bối cảnh giáo dục và văn hóa của Việt Nam cũng như đặc điểm và nhu cầu của sinh viên. Các nội dung hợp tác GDNN của ba bên cụ thể là:

Hợp tác đào tạo nghề và ngôn ngữ cho sinh viên

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh và Hải Trí Thần phối hợp tuyển sinh sinh viên Việt Nam vào học tại cơ sở đào tạo ở nước ngoài của trường, thành lập “Lớp học quốc tế”. Vào tháng 9 năm 2024 đã có 29 sinh viên Việt Nam tham gia chương trình đào tạo “Di sản phi vật thể + thiết bị thông minh” tại cơ sở đào tạo “Mặc Tử AI công nghiệp Trung-Việt Workshops”. “Lớp học quốc tế” áp dụng mô hình giảng dạy theo nhóm nhỏ, sử dụng hệ thống đào tạo và chương trình giảng dạy quốc tế do trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội, Hải Trí Thần và trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh cùng triển khai. Chương trình đào tạo kéo dài ít nhất hai tháng, quy mô lớp học không dưới 20 học viên. Về phương pháp, nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy chi tiết theo yêu cầu của mô hình lớp học nhóm nhỏ. Các hoạt động giảng dạy được triển khai dựa trên hệ thống đào tạo và chương trình giảng dạy quốc tế được phát triển cùng các nhà trường và doanh nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, nhà trường chú trọng đến thực hành giảng dạy, phân tích tình huống thực tế nhằm nâng cao kỹ năng thực tiễn và năng lực tổng hợp của sinh viên. Về đánh giá và phản hồi, một hệ thống đánh giá giảng dạy và cơ chế phản hồi từ sinh viên được xây dựng. Việc đánh giá và kiểm tra kết quả học tập của sinh viên được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả giảng dạy. Đồng thời, nhà trường thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên để kịp thời điều chỉnh và tối ưu hóa các hoạt động giảng dạy.

Trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 11 đến ngày 26 tháng 11 năm 2024, Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh đã tổ chức lớp học nghiên cứu “Thiết bị thông minh + Di sản phi vật thể” dành cho DHS Việt Nam. 16 giảng viên và sinh viên Việt Nam chuyên ngành Tự động hóa điện đã hoàn thành khóa đào tạo tiếng Trung tại cơ sở đào tạo ở Trung Quốc. Trong chương trình nghiên cứu và học tập kéo dài 9 ngày, học viên tham gia 6 tiết học mỗi ngày. Buổi sáng, sinh viên học lý thuyết và thực hành về robot công nghiệp, lập trình PLC cùng các kỹ năng chuyên môn khác. Buổi chiều, họ được học tiếng Trung và trải nghiệm các di sản văn hóa phi vật thể như nghệ thuật trà truyền thống Trung Hoa, nghệ thuật điểm trà thời Tống, vẽ mặt nạ “Mã chúc” truyền thống, cũng như nghệ thuật nhuộm chàm thủ công.

Khi DHS Việt Nam theo học tại Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh, nhà trường và doanh nghiệp sẽ xây dựng hệ thống đào tạo cá nhân hóa dựa trên bối cảnh văn hóa, nền tảng học tập và định hướng nghề nghiệp của sinh viên. Trong giai đoạn đầu vào học, thông qua kiểm tra ngôn ngữ và đánh giá sở thích chuyên ngành, nhà trường sẽ thiết lập kế hoạch học tập chuyên biệt cho từng sinh viên về học tiếng Trung và các môn học cơ bản của chuyên ngành. Ví dụ, đối với những sinh viên có nền tảng tiếng Trung yếu nhưng có đam mê lớn với thiết kế thời trang, nhà trường sẽ tổ chức các khóa học tiếng Trung tăng cường song song với các môn học nhập môn như vẽ cơ bản, nhận biết chất liệu vải, giúp sinh viên chuyển tiếp thuận lợi sang các môn chuyên ngành.

Về chương trình đào tạo chuyên ngành, nhà trường cung cấp các mô-đun học phân tự chọn đa dạng, ngoài các môn học cốt lõi, còn bổ sung các môn học đặc sắc như “Văn hóa Trung Quốc và ngành công nghiệp thời trang” và “Thiết kế sáng tạo thủ công truyền thống Việt Nam”, nhằm mở rộng tầm nhìn tri thức và nâng cao tố chất văn hóa của sinh viên. Trong khâu đào tạo thực hành, nhà trường kết hợp giữa thực tập tại doanh nghiệp địa phương ở Việt Nam và thực tập tại các chi nhánh nước ngoài của doanh nghiệp Trung Quốc, giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trong các môi trường công nghiệp khác nhau. Ví dụ, sinh viên có thể được sắp xếp

thực tập tại các nhà máy gia công may mặc ở Việt Nam để tìm hiểu quy trình sản xuất và nhu cầu thị trường nội địa, sau đó đến các doanh nghiệp thiết kế thời trang tại Trung Quốc tham gia các dự án quốc tế, từ đó nâng cao năng lực giao tiếp xuyên văn hóa và hợp tác quốc tế, đảm bảo sinh viên sau khi tốt nghiệp có sức cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành công nghiệp thời trang tại Trung Quốc, Việt Nam và thị trường quốc tế.

Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo

Sáng ngày 27 tháng 10 năm 2023, trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội, đại diện của Viện Nghiên cứu GDNN Quốc tế Mặc Tử (Hong Kong), trường Cao đẳng Bách khoa Việt Nam, Luxshare-ICT (Việt Nam), Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thần Thanh Đảo, GTV và các tổ chức khác đã ký kết thỏa thuận hợp tác dự án BYF (Dự án đào tạo nhân tài kỹ năng cao cấp quốc tế & Hải Trí Thần). Mục đích của thỏa thuận là thiết lập hệ thống liên kết chặt chẽ giữa hợp tác GDNN Trung-Việt và sự tích hợp giữa doanh nghiệp Trung Quốc với nhà trường, nhằm giúp nâng cao chất lượng đào tạo của sinh viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2024, Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội tổ chức hội thảo dự án “Mặc Tử Workshops”, thu hút 150 giảng viên và sinh viên Việt Nam từ các Khoa Điện tử, Cơ khí tự động hóa tham gia.

Cùng xây dựng cơ sở, phát triển hệ thống và chương trình đào tạo

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Nhẹ Liêu Ninh trên cơ sở Dự án hợp tác GDNN Tiên tiến Trung-Đức (SGAVE) của Bộ Giáo dục Trung Quốc, tham khảo chương trình giảng dạy và tiêu chuẩn của GDNN Đức, tập trung chính xác vào các vị trí quan trọng trong ngành sản xuất thiết bị thông minh cao cấp, đồng thời kết hợp với quy luật phát triển của GDNN để thực hiện cải cách bản địa hóa. Kết quả cải cách đã được triển khai thành công tại trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội.

Thời gian đào tạo 时间	Đối tượng 适用对象	Bằng cấp 资格
2 năm 两年	Sinh viên đã tốt nghiệp Cao đẳng/ Đại học 已从学院/大学毕业的学生	Kỹ sư thực hành quốc tế chuyên ngành Kỹ thuật điện (theo tiêu chuẩn CHLB Đức) 电气工程国际执业工程师(按照德国标准)
4 năm 四年	Sinh viên học chương trình Chất lượng cao nghề Điện công nghiệp tại HACTECH 学生在HACTECH学习高质量工业电气课程	Sinh viên nhận được 2 bằng gồm: 1. Bằng tốt nghiệp Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội 2. Bằng Kỹ sư thực hành quốc tế chuyên ngành Kỹ thuật điện (theo tiêu chuẩn CHLB Đức) 学生获得2个学位, 包括: 1.河内职业技术学院毕业学位 2.电气工程专业国际实用工程师学位(按照德国标准)

Hình 3.1. Tiêu chuẩn tuyển sinh và loại hình bằng được cấp cho sinh viên tham gia chương trình hợp tác giáo dục nghề nghiệp

Hai bên hợp tác cùng phát triển hệ thống và chương trình đào tạo nhân tài quốc tế, lấy công nghệ sản xuất trí tuệ nhân tạo công nghiệp và hệ thống thị giác máy làm trọng tâm, cùng đào tạo và huấn luyện đội ngũ nhân lực kỹ thuật chất lượng cao tại Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp địa phương. Các lĩnh vực đào tạo bao gồm vận hành hệ thống thị giác công nghiệp, công nghệ robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo công nghiệp, cơ điện tử, sản xuất thông minh, nhằm phục vụ các doanh nghiệp Trung Quốc và các doanh nghiệp công nghệ cao khác tại Việt Nam. Trong đó, ít nhất một hệ thống đào tạo được thiết kế dành riêng cho sinh viên Việt Nam, bao gồm 1 kế hoạch đào tạo nhân tài chuyên ngành, 1 khung chương trình đào tạo (một bản). Ngoài ra, còn phát triển 1 chương trình theo hệ thống đào tạo nghề kép (dual system), 1 tiêu chuẩn môn học theo hệ thống đào tạo nghề kép và một cuốn giáo trình dạng tài liệu rời.

Cùng xây dựng tiêu chuẩn GDNN

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Nhẹ Liêu Ninh, Công ty Hải Trí Thành trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội cùng xây dựng tiêu chuẩn GDNN và tiến hành nghiên cứu ngành nghề. Dựa trên đặc điểm ngành nghề và xu hướng phát triển của Việt Nam, như sản xuất và chế biến nông sản, đồng thời tham khảo kinh nghiệm

Trung Quốc trong lĩnh vực sản xuất thông minh và công nghiệp sáng tạo, ba bên đã xây dựng 1 tiêu chuẩn GDNN phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Ví dụ, nhằm thiết lập một hệ thống tiêu chuẩn tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, trong chuyên ngành robot công nghiệp, thể hệ tiêu chuẩn đào tạo được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với các tình huống ứng dụng thực tế và nhu cầu của cả Trung Quốc và Việt Nam. Ngoài ra, ba bên đã thành lập trung tâm nghiên cứu ngành nghề chung tập trung vào công nghệ tiên tiến và xu hướng thị trường trong các ngành trọng điểm của hai nước. Trung tâm sẽ định kỳ công bố báo cáo nghiên cứu ngành, cung cấp tài liệu tham khảo cho việc điều chỉnh chuyên ngành và cập nhật chương trình đào tạo nghề, đảm bảo GDNN gắn chặt với sự phát triển của ngành công nghiệp. Sáng kiến này góp phần nâng cao ảnh hưởng của cộng đồng GDNN Trung-Việt trên trường quốc tế.

3.2.1.2. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Giao thông Sơn Đông (Trung Quốc)-trường Cao đẳng Lý Thái Tổ (Việt Nam)-Công ty Goertek tại Khu công nghiệp Bắc Ninh⁸

Công ty Goertek tại Khu công nghiệp Bắc Ninh bắt đầu triển khai hoạt động tại Việt Nam từ năm 2013. Trong suốt 12 năm hoạt động tại Việt Nam, công ty này đã thiết lập mối quan hệ hợp tác sâu rộng với các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng của cả Trung Quốc với Việt Nam, bao gồm 8 trường cao đẳng và 13 trường đại học. Từ năm 2024, Goertek đã phối hợp cùng trường Cao đẳng nghề Giao thông Sơn Đông và trường Cao đẳng Lý Thái Tổ cùng thành lập “Học viện Ban Mặc-Việt Nam”. Tại Quảng Tây Trung Quốc, Goertek đã xây dựng mô hình hợp tác “nhà trường-nhà trường-doanh nghiệp” với trường Cao đẳng nghề Cơ điện Quảng Tây. Đồng thời, cũng triển khai hợp tác ở cả trình độ bậc cao đẳng với bậc đại học với trường Đại học Công nghiệp Điện tử Quế Lâm. Thông qua các mô hình đào tạo hiện có, Goertek đã góp phần đào tạo thành công 7.000 sinh viên tốt nghiệp.

Mô hình hợp tác chủ yếu mà Goertek triển khai là hợp tác ba bên “nhà trường-nhà trường-doanh nghiệp”, trong đó, nhiệm vụ chính của trường phía Việt

⁸Kết quả phòng vấn với doanh nghiệp

Nam là tuyển sinh sinh viên người Việt và tổ chức đào tạo sơ bộ tại Việt Nam, bao gồm tiếng Trung cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản. Trường phía Trung Quốc đảm nhiệm vai trò đào tạo chuyên sâu về tiếng Trung cho sinh viên Việt Nam sang học tại Trung Quốc, nhằm giúp họ sử dụng thành thạo tiếng Trung chuyên ngành và có khả năng giao tiếp trực tiếp với kỹ thuật viên người Trung Quốc cũng như vận hành thiết bị trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp đóng vai trò cốt lõi trong mô hình hợp tác này, có quyền lựa chọn sinh viên tham gia, cung cấp môi trường thực hành và hướng dẫn kỹ năng thao tác thực tế cho sinh viên.

Hiện tại, có hai mô hình hợp tác chính được triển khai của Goertek:

Mô hình “1+1+1”: áp dụng cho sinh viên năm thứ nhất, đào tạo sinh viên theo ba giai đoạn, năm đầu tiên sinh viên học tại trường cao đẳng ở Việt Nam, trong đó năm thứ hai chia thành hai nhóm-một nhóm sang học tại Goertek Việt Nam, nhóm còn lại học tại trụ sở Goertek tại Trung Quốc, năm cuối cùng sinh viên thực tập tại nhà máy sản xuất của Goertek Việt Nam.

Mô hình “2+0,5+0,5”: áp dụng cho sinh viên năm thứ hai, hai năm đầu học tại trường cao đẳng ở Việt Nam, nửa năm (học kỳ thứ năm) học tập tại Trung Quốc và nửa năm (học kỳ cuối) thực tập tại Goertek Việt Nam. Với sinh viên năm cuối, Goertek triển khai mô hình “thực tập + tuyển dụng”, tạo điều kiện để sinh viên gắn kết trực tiếp giữa đào tạo và việc làm.

Bên cạnh đó, Goertek cũng tổ chức các khóa đào tạo tiếng Trung ngắn hạn dành cho nhân viên đã được tuyển dụng từ các trường tại Việt Nam.

Trong số các mô hình trên, mô hình “2+0,5+0,5” là hình thức hợp tác truyền thống. Tuy nhiên, mô hình “1+1+1” là một sáng kiến do trụ sở chính của Goertek tại Trung Quốc thiết kế dựa trên sự phân tích chính sách, thị trường và thực trạng giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam. Sau khi được thử nghiệm và chứng minh tính khả thi tại Trung Quốc, mô hình này đã được áp dụng trực tiếp tại chi nhánh Goertek tại Việt Nam. Cho đến nay, mô hình vẫn giữ nguyên cấu trúc ban đầu và chưa trải qua sự thay đổi đáng kể nào.

Trong giai đoạn đầu, các trường phía Trung Quốc cũng đã hỗ trợ xây dựng cơ sở thực hành mô phỏng tại trường để giúp sinh viên làm quen với thao tác cơ bản tại nơi làm việc. Khi sinh viên bước vào giai đoạn thực tập tại doanh nghiệp, nhằm đảm bảo nội dung đào tạo sát với thực tế tại doanh nghiệp, công ty sẽ tự phát triển các khóa học chuyên biệt tương ứng với từng vị trí công việc khác nhau, đi kèm với giáo trình riêng biệt.

Tập đoàn Goertek (Trung Quốc) căn cứ vào chính sách hữu quan của nhà nước và nhu cầu nhân lực thực tế của doanh nghiệp, đã phối hợp với các trường cao đẳng nghề như trường Cao đẳng nghề Duy Phường, trường Cao đẳng Khoa học và Công nghệ Sơn Đông, trường Cao đẳng nghề Tư Bắc thành lập Học viện Công nghệ Goertek tại Duy Phường, Sơn Đông, Trung Quốc. Mục tiêu của học viện là đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, có kỹ năng nghề vững vàng, tinh thần nghề nghiệp và năng lực đổi mới sáng tạo. Tập đoàn Goertek đã xây dựng đầy đủ các cơ sở thực hành phù hợp với tất cả các vị trí việc làm mà tập đoàn và chi nhánh công ty đang cần.

Toàn bộ sinh viên Việt Nam tham gia lớp đặt hàng đào tạo của Goertek đều phải thực tập trực tiếp tại các nhà máy của doanh nghiệp. Trước khi thực tập, công ty sẽ xây dựng kế hoạch đào tạo dựa trên tiến độ học tập của sinh viên và nhu cầu thị trường. Sau khi xác định phương án đào tạo, doanh nghiệp thiết lập cơ chế đánh giá để xác định lộ trình phát triển cá nhân cho từng sinh viên.

Trong thời gian thực tập, doanh nghiệp bố trí nhân sự chuyên trách theo dõi quá trình thực tập của sinh viên để đảm bảo việc thực hiện tuân thủ đúng chính sách và phù hợp với định hướng phát triển nghề nghiệp của từng người. Kết quả quá trình thực tập sẽ được đánh giá dựa trên mức độ trưởng thành nghề nghiệp và mức độ đáp ứng kỳ vọng của doanh nghiệp. Đối với những trường hợp không đạt yêu cầu sau khi thực tập, sinh viên có thể bị điều chỉnh cấp bậc sử dụng dựa trên nguyên tắc trao đổi ba bên giữa doanh nghiệp, nhà trường và sinh viên.

Đối với các trường được hợp tác tại Việt Nam, Goertek thường xuyên mời chuyên gia Trung Quốc đến trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn với đội

ngũ giảng viên. Hoạt động này không chỉ giúp nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên phía Việt Nam mà còn tăng cường hiểu biết lẫn nhau về nhu cầu đào tạo nghề nghiệp giữa hai bên.

Đối với các trường được hợp tác tại Trung Quốc, ngoài việc tổ chức các buổi trao đổi chuyên môn giữa chuyên gia doanh nghiệp và giảng viên nhà trường, Goertek còn mời giáo viên đến trụ sở chính để tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo và vượt qua đánh giá, giảng viên sẽ được cấp chứng nhận “giảng viên song năng”, cho phép họ tham gia giảng dạy lý thuyết kết hợp thực hành tại Học viện Công nghệ của doanh nghiệp.

3.2.2. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường - doanh nghiệp

3.2.2.1. Mô hình hợp tác của cơ sở giáo dục nghề nghiệp với chi nhánh Công ty Luxshare tại Nghệ An, Việt Nam với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp⁹

Hình thức hợp tác giữa công ty chi nhánh Luxshare và các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam chủ yếu là tuyển chọn sinh viên năm cuối để hướng dẫn thực tập và đào tạo sinh viên thông qua mô hình lớp đặt hàng với trọng tâm đào tạo là sinh viên chuyên ngành kỹ thuật. Sau khi tốt nghiệp, nếu muốn vào làm việc tại Luxshare, sinh viên cần phải có chứng chỉ HSK.

Trong năm 2025, công ty dự kiến xây dựng Học viện kết hợp giữa sản xuất và giáo dục để triển khai mô hình đào tạo “2+1+1” cho sinh viên tại Việt Nam; đối với sinh viên cao đẳng nghề, quá trình đào tạo sẽ được điều chỉnh phù hợp với hệ đào tạo. Trong quá trình hợp tác, việc xây dựng chương trình giảng dạy tại các trường phía Việt Nam chủ yếu tuân theo tiêu chuẩn của nhà trường, ngoài chứng chỉ HSK ra, doanh nghiệp không yêu cầu giảng dạy nội dung theo nhu cầu thực tế của vị trí việc làm tại công ty.

Kết quả phỏng vấn cho thấy, khó khăn lớn nhất với sinh viên là ngôn ngữ, sau một thời gian ngắn học tiếng Trung sinh viên kỹ thuật người Việt vẫn gặp nhiều trở ngại trong giao tiếp với cán bộ người Trung. Trước thực trạng này, công ty đề nghị các trường tổ chức lớp đào tạo tiếng Trung ngay từ năm thứ nhất hoặc năm thứ

⁹ Kết quả phỏng vấn với doanh nghiệp

hai để sinh viên có thể từng bước học một cách có hệ thống. Đồng thời, công ty cũng đề xuất các trường phải bổ sung thêm các môn học như tin học văn phòng, định hướng nghề nghiệp vào chương trình đào tạo. Ngoài ra, công ty còn có kế hoạch xây dựng Học viện kết hợp giữa sản xuất và giáo dục tại Việt Nam vào tháng 6 năm 2025 để giúp sinh viên Việt Nam sớm làm quen với công ty và môi trường làm việc. Đối tác hợp tác của Học viện kết hợp sản xuất và giáo dục trong tương lai cũng sẽ bao gồm các trường trong nước Trung Quốc, và có khả năng sinh viên Việt Nam được đưa sang học tại trường ở Trung Quốc trong vòng một năm.

Việc cung cấp cơ hội thực tập của Luxshare được thực hiện dựa trên nhu cầu thực tập sinh do từng chi nhánh và bộ phận đề xuất, từ đó tổng công ty sẽ tiến hành tuyển dụng định hướng tại các trường. Trong thời gian thực tập, sinh viên sẽ được đào tạo về văn hóa doanh nghiệp và quy trình tại nhà máy, sau đó sẽ được phân công về các bộ phận tương ứng. Hiệu quả thực tập của sinh viên sẽ do người quản lý trực tiếp đánh giá dựa trên biểu hiện của các bạn trong quá trình làm việc.

Trong quá trình hợp tác với các trường tại Việt Nam, công ty hiện tại không có yêu cầu bắt buộc về việc xây dựng đội ngũ giảng viên, nhưng sẽ cung cấp học bổng cho các sinh viên trong các lớp đặt hàng hoặc sinh viên được tuyển dụng, đồng thời hỗ trợ chính sách cho các hội chợ tuyển dụng của trường. Trong tương lai, Luxshare có thể sẽ hỗ trợ về thiết bị giảng dạy cho các nhà trường.

3.2.2.2. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Dệt may Thường Châu và Công ty TNHH Ngũ Dương

Tháng 5 năm 2019, Trường Cao đẳng nghề Dệt may Thường Châu đã phối hợp với Công ty TNHH Ngũ Dương, Công ty TNHH Dệt kim Tô Châu Húc Vinh và Tập đoàn Thiết bị Thông minh Á Long bàn về việc cùng xây dựng “Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu - Việt Nam” và ký kết thỏa thuận hợp tác khung khổ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Thông qua việc cùng xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành, phát triển các khóa đào tạo nghề và chia sẻ tài nguyên giảng dạy, hai bên đã hình thành một cơ chế đào tạo kết hợp giữa sản xuất và giáo dục, định hướng theo nhu cầu thực tế. Điều này giúp phát huy hiệu quả chức năng phục vụ xã

hội, ngành nghề và doanh nghiệp của GĐNN trình độ cao đẳng, đồng thời cung cấp dịch vụ đào tạo cho các doanh nghiệp BRI đang mở rộng ra nước ngoài. Trong bối cảnh đại dịch Covid 19, trường đã chuyển giao 1 tiêu chuẩn môn học “Nhuộm hoàn tất vải dệt kim” cùng 1 tài nguyên giảng dạy của khóa học “Nhuộm hoàn tất vải dệt kim” cho Công ty TNHH Ngũ Dương Việt Nam vào năm 2020. Tháng 12 năm 2019, Trung tâm đào tạo “Con đường Tơ lụa” do hai bên tổ chức đã chính thức được khánh thành tại Khu công nghiệp Thành Công, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Đồng thời, trường cũng đã tiến hành thảo luận hợp tác liên trường với trường Trung cấp Khu Nam Tây Ninh và đạt được thỏa thuận hợp tác trong việc đào tạo nhân tài kỹ thuật cao trong lĩnh vực dệt may và thời trang.

Nội dung hợp tác bao gồm:

(i) Thành lập bộ phận chuyên trách, phát huy lợi thế của bốn bên, hợp tác thành lập “Học viện Con đường Tơ lụa Thường Phước-Việt Nam”, áp dụng mô hình và phương pháp giáo dục tiên tiến, thúc đẩy hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp lên một tầm cao mới, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và nhân lực cho sự phát triển của các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư tại nước ngoài theo BRI.

(ii) Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và tuyển sinh DHS: Chủ yếu đào tạo nhân lực kỹ thuật chuyên môn cho các doanh nghiệp Trung Quốc đặt nhà máy tại Việt Nam; tổ chức đào tạo DHS khi có điều kiện thích hợp; thành lập Viện đào tạo thực hành ở nhà máy tại Việt Nam để đào tạo nhân viên địa phương.

(iii) Hợp tác dịch vụ kỹ thuật: Thành lập đội ngũ chuyên gia theo yêu cầu về sản xuất thông minh và quản lý tinh gọn, cung cấp dịch vụ kỹ thuật chuyên biệt cho các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư tại Việt Nam theo BRI.

Dự án này là một sáng kiến quan trọng của trường trong việc đổi mới và thúc đẩy mô hình kết hợp giữa giáo dục và sản xuất, cũng như hợp tác quốc tế, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển chất lượng cao của trường. Đồng thời, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao trình độ quốc tế của giảng viên và sinh viên nhà trường, dự án cũng cung cấp lộ trình học tập và nâng cao trình độ tại nước ngoài.

3.2.2.3. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng Dệt may Thường Châu và Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt (Việt Nam)

Tháng 1 năm 2022, Trường Cao đẳng Dệt may Thường Châu hợp tác với Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt (Việt Nam) thành lập Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam). Nhà trường dựa vào Hoa Lợi Đạt để tuyển sinh ở nước ngoài, thúc đẩy đào tạo lưu học sinh theo mô hình lớp đặt hàng, cùng doanh nghiệp bồi dưỡng nhân tài. Qua đó, xây dựng và đưa các chuyên ngành, chương trình giảng dạy và đào tạo theo “Tiêu chuẩn Thường Châu” sang các nước dọc tuyến BRI. Chương trình “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề nghiệp”, chuyên ngành thiết kế và công nghệ may mặc của trường kết hợp với Hoa Lợi Đạt thông qua việc cùng xây dựng Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam) được hoàn thiện. Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc BRI mở rộng ra nước ngoài, tăng cường hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp, đẩy nhanh ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, nhà trường đã kết nối chuyên ngành dệt may với Công ty TNHH Ngũ Dương Thường Châu, triển khai đào tạo kỹ thuật “Nhuộm hoàn tất vải dệt kim” cho 137 nhân viên tại chi nhánh Việt Nam của công ty Ngũ Dương, tổng cộng 2.055 ngày học và dịch vụ kỹ thuật. Hiện tại, trường đang tiếp tục phát triển các khóa học liên quan để phục vụ đào tạo kỹ thuật nhuộm và hoàn tất cho doanh nghiệp.

Năm 2022, Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam) chính thức được thành lập tại nhà máy Hoa Lợi Đạt Việt Nam, đồng thời mở rộng thêm hai cơ sở hợp tác đào tạo tại nước ngoài.

Dựa vào hợp tác với doanh nghiệp, việc đào tạo DHS của trường cũng có thành quả. Năm 2020, nhà trường có 113 lưu học sinh đến từ 19 quốc gia thuộc BRI, bao gồm Việt Nam, theo học tại trường. Các ngành học bao gồm Kinh tế và Thương mại quốc tế, Công nghệ mạng máy tính, Cơ điện tử, Thiết kế thời trang và trang phục, Thiết kế và sản xuất truyền thông thị giác, cùng với Công nghệ dệt may hiện đại. Năm 2022, trường tuyển 84 lưu học sinh, bao gồm cả Việt Nam, vào 5 chuyên ngành. Năm 2023, trường tuyển 79 lưu học sinh, bao gồm cả Việt Nam vào 5

chuyên ngành. Đồng thời, đã phát triển và được nước ngoài áp dụng 9 tiêu chuẩn GDNN, trong đó có 6 tiêu chuẩn chuyên môn và 3 tiêu chuẩn môn học; phát triển và được nước ngoài áp dụng 13 tài nguyên giảng dạy GDNN.

Năm 2024, Hội nghị giao lưu về hợp tác sâu rộng giữa nhà trường và doanh nghiệp cũng thúc đẩy sự kết hợp giữa sản xuất và giáo dục, đồng thời xúc tiến dự án hợp tác giáo dục Trung-Việt đã được tổ chức thành công. Tổng Công ty May 10 Việt Nam, Trường Cao đẳng nghề Long Biên Việt Nam, Văn phòng Ngoại vụ thành phố Thường Châu, Hội Doanh nghiệp Giang Tô tại Việt Nam và các doanh nghiệp dệt may hàng đầu khu vực Thường Châu đã cùng tụ hội tại Trường Cao đẳng nghề Dệt may Thường Châu để chứng kiến sự thành công tốt đẹp của hội nghị.

3.2.3. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường

3.2.3.1. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam (Trung Quốc) với trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam)

Tổ chức trao đổi, đào tạo.

Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam hưởng ứng BRI của quốc gia, mở ra hành trình hợp tác mới với Việt Nam. Từ năm 2017, trường bắt đầu hợp tác với Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang, Việt Nam. Đến năm 2019, dự án hợp tác nông nghiệp Trung-Việt do hai bên cùng đề xuất đã được lựa chọn vào giai đoạn hai của Kế hoạch Hợp tác Cờ đầu giữa 100 trường cao đẳng nghề Trung Quốc và ASEAN, khiến trường Cao đẳng nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam trở thành trường cao đẳng nghề duy nhất được chọn vào danh sách các trường hợp tác quốc tế thuộc BRI tại tỉnh Hồ Nam, đồng thời nhận được sự công nhận cao từ Hiệp hội Giao lưu Giáo dục Quốc tế Trung Quốc. Đối tác hai bên đã ký kết ba thỏa thuận hợp tác như “Thỏa thuận hợp tác xây dựng Trung tâm Hợp tác Nông nghiệp Trung-Việt”, “Nghiên cứu công nghệ trồng và chế biến hiệu quả cây trà dầu tại tỉnh Lương Sơn” và “Nghiên cứu kỹ thuật nuôi ếch bò mật độ cao”. Chăn nuôi Thú y của trường là chuyên ngành thí điểm cải cách giáo dục cấp quốc gia, chuyên ngành trọng điểm cấp tỉnh Hồ Nam, đồng thời là chuyên ngành cốt lõi trong Cụm

ngành trọng điểm với đặc trưng “Hai hạng nhất” về kỹ thuật chăn nuôi sinh thái của tỉnh. Các tiêu chuẩn giảng dạy và tiêu chuẩn môn học liên quan do trường xây dựng đã được cung cấp miễn phí cho trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang tham khảo và áp dụng. Việc xuất khẩu tiêu chuẩn GDNN không chỉ nâng cao tầm vóc và chiều sâu trong hợp tác giao lưu giáo dục quốc tế của trường Cao đẳng nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam, mà còn thể hiện sức ảnh hưởng quốc tế của GDNN, đồng thời góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng BRI của tỉnh Hồ Nam.

Dựa vào nền tảng hợp tác quốc tế “Tương Hoàn-Bắc Giang”, vào tháng 5, tháng 7 và tháng 12 năm 2019, Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam đã mời đoàn đại biểu Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang đến thăm và làm việc tại trường. Trong chuyến thăm này, hai bên đã ký kết thỏa thuận về việc thành lập Trung tâm Hợp tác Nông nghiệp Trung-Việt. Đồng thời phía Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam cũng đã có chuyến thăm đầy hiệu quả đến Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang, qua đó tăng cường sự tương tác thường xuyên giữa hai bên. Trong khuôn khổ hợp tác, hai bên đã tiến hành phân tích và trao đổi về tính khả thi của việc thử nghiệm quy mô trung bình và triển khai rộng rãi công nghệ chăn nuôi gà sinh thái bằng thảo dược đông y. Ngoài ra, các chuyên gia cũng đã trình bày báo cáo học thuật về ảnh hưởng của công nghệ chăn nuôi sinh thái bằng thảo dược đông y đối với ngành chăn nuôi lợn tại Việt Nam, kỹ thuật canh tác cây trà dầu cho năng suất cao, cũng như công nghệ nuôi ếch với mật độ cao.

Hợp tác chuyển giao công nghệ trong đào tạo.

Theo thỏa thuận hợp tác đã ký với Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang, Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam tiếp tục triển khai các dịch vụ kỹ thuật về trồng và chế biến hiệu quả cây trà dầu, cũng như nuôi ếch mật độ cao. Tháng 9 năm 2019, giảng viên Đặng Hồng Quyên từ Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang đã đến Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam để học tập và trao đổi kỹ thuật nuôi con ếch. Cô đã đến cơ sở hợp tác doanh nghiệp-nhà trường của trường-Trại giống con ếch Thành Tín, quận Trùng Hải, thành phố Sán Đầu, tỉnh Quảng Đông, cùng trao đổi chuyên sâu với giảng viên Đường Hiếu Linh

của trường. Đường Hiếu Linh đã giới thiệu chi tiết về kỹ thuật nuôi ếch, bao gồm việc chọn giống, sinh sản, phòng và điều trị bệnh, xây dựng ao nuôi, bố trí hệ thống cấp thoát nước, cũng như quản lý tinh gọn các khâu nuôi dưỡng. Sau đó, hai bên đã phân tích sâu về sự khác biệt kỹ thuật trong nuôi ếch giữa Trung Quốc và Việt Nam, đồng thời đưa ra một số đề xuất ban đầu dựa trên điều kiện khí hậu và môi trường nước của Việt Nam. Năm 2020, thầy giáo Trâu Chấn Hưng và giáo sư Hồ Vĩnh Linh từ Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam cùng tiến sĩ Nguyễn Thị Thanh Hải từ Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang đã cùng viết hai bài báo khoa học đăng trên Tạp chí “Khoa học Sinh thái Hồ Nam” và “Asian Agricultural Research”. Do yêu cầu phòng chống dịch COVID-19 vào năm 2020, hợp tác quốc tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các hoạt động hợp tác trực tiếp giữa hai bên tạm thời gián đoạn, nhưng hợp tác trực tuyến vẫn diễn ra theo kế hoạch. Các thành viên tham gia dự án “Công nghệ nuôi trồng sinh thái bằng thảo dược nano phức hợp” đã duy trì liên lạc và hướng dẫn từ xa qua video, hỗ trợ việc ứng dụng và quảng bá dự án này tại Việt Nam. Công nghệ này đã được Bộ Nông nghiệp Việt Nam xác định là dự án khuyến nông quốc tế. Dựa trên việc thu thập và tham khảo tình hình ứng dụng thực tế của dự án tại Việt Nam, giáo sư Hồ Vĩnh Linh dẫn đầu hợp tác với Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang cùng các trường đại học và viện nghiên cứu khác để tiếp tục nghiên cứu sâu và mở rộng nội dung dự án. Hai bên đã cùng nộp đơn xin tài trợ cho dự án nghiên cứu trọng điểm tỉnh Hồ Nam giai đoạn 2021-2022, mở ra một chương mới trong hợp tác và trao đổi quốc tế giữa hai bên.

Dự án “Nghiên cứu ảnh hưởng của chế phẩm thay thế kháng sinh-thảo dược nano lên men đến khả năng kháng bệnh, tăng trưởng và chất lượng thịt lợn” do Giáo sư Hồ Vĩnh Linh chủ trì đã được phê duyệt là dự án nghiên cứu trọng điểm cấp tỉnh Hồ Nam. Đây là bước đột phá đầu tiên của Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam trong các dự án nghiên cứu trọng điểm cấp tỉnh, cũng là dự án duy nhất được phê duyệt trong năm nay của các trường cao đẳng nghề trên toàn tỉnh. Dự án hợp tác nông nghiệp Trung-Việt giữa Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam và Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang đã được chọn vào

Tuyển tập thành tựu hợp tác đặc sắc giữa các trường Cao đẳng nghề Trung Quốc-ASEAN giai đoạn 2018-2020, đóng góp trí tuệ và sức mạnh “Tương Hoàn” vào việc thực hiện Hành động giáo dục BRI.

3.2.3.2. Hợp tác giữa Trường Cao đẳng Nghề Nam Ninh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam

Trường Cao đẳng nghề Nam Ninh (nay là trường Đại học nghề Nam Ninh) là một cơ sở GDNN bậc đại học toàn diện do Chính quyền Nhân dân thành phố Nam Ninh thành lập. Trường là một trong những trường cao đẳng nghề kiểu mẫu cấp quốc gia, trường cao đẳng nghề chất lượng cao cấp quốc gia, đồng thời là cơ sở thí điểm cải cách đào tạo liên kết nhân tài ứng dụng trình độ cao của Quảng Tây. Trường cũng được chọn làm đơn vị thí điểm chế độ học nghề hiện đại của Bộ Giáo dục Trung Quốc và là cơ sở xây dựng trường cao đẳng nghề trình độ cao mang đặc sắc Trung Quốc. Ngoài ra, trường còn là cơ sở đào tạo nhân tài đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao của Trung Quốc và trung tâm huấn luyện kỹ năng nghề công cộng của Quảng Tây. Vào tháng 5 năm 2024, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã phê duyệt việc thành lập trường Đại học nghề Nam Ninh trên cơ sở hợp nhất tài nguyên từ trường Cao đẳng nghề Nam Ninh¹⁰.

Về liên kết đào tạo sinh viên trong hợp tác GDNN.

Trường Cao đẳng nghề Nam Ninh hợp tác với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội để triển khai chương trình liên kết đào tạo “2+1”, thực hiện kết nối chương trình giảng dạy, tiếp nhận tiêu chuẩn và công nhận tín chỉ. Năm 2023, trường đã cử 45 sinh viên sang Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn học tập.

Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và người học.

Vào tháng 11 năm 2022, dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của Văn phòng Ngoại vụ và Sở Giáo dục Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây, trường Cao đẳng nghề Nam Ninh đã phối hợp với Hiệp hội Hữu nghị Nhân dân Đối ngoại Khu tự trị và

¹⁰Trong phần này, tất cả dữ liệu đề cập đều là trước tháng 5 năm 2024, vì vậy vẫn sử dụng tên gọi trường Cao đẳng nghề Nam Ninh.

trường Cao đẳng nghề Xây dựng Quảng Tây cùng khởi xướng thành lập Liên minh GDNN Thành phố Hữu nghị Quốc tế Quảng Tây. Liên minh đã thu hút sự tham gia của 37 cơ sở GDNN từ 15 thành phố hữu nghị thuộc 10 quốc gia, bao gồm Campuchia, Lào, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Nga, Hy Lạp... cùng với 22 trường cao đẳng nghề đến từ 9 thành phố của Quảng Tây, Trung Quốc. Các lĩnh vực đào tạo bao gồm công nghệ thông tin, kỹ năng công nghiệp, sản xuất đường sắt, xây dựng - nông - lâm nghiệp, tài chính - kinh tế, quản lý kinh doanh, quản lý khách sạn, giáo dục - đào tạo... với cơ cấu ngành nghề phong phú và thế mạnh học thuật nổi bật. Năm 2023, thông qua liên minh này, trường đã tổ chức thành công ba đợt sự kiện “Thanh niên nói” dành cho thành phố hữu nghị; một chương trình giao lưu trải nghiệm ngôn ngữ và văn hóa giữa sinh viên Trung Quốc và quốc tế mang tên “Thai Hữu Thú” và “Việt Hữu Thú”; một khóa đào tạo chứng nhận quốc tế về sơ cứu; một lớp học cấp chứng chỉ 1+X dành cho nhân tài kỹ thuật và kỹ năng chất lượng cao trong lĩnh vực giáo dục mầm non Trung Quốc-ASEAN. Những hoạt động này đã thúc đẩy giao lưu sinh viên và giảng viên, hội thảo chuyên đề, thi kỹ năng kỹ thuật, nghiên cứu chung, tăng cường hợp tác và phát triển chung giữa các thành viên liên minh. Ngoài ra, trường cũng đăng cai tổ chức Hội nghị tham vấn giáo dục giữa Quảng Tây, Trung Quốc và 4 tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, Việt Nam. Đồng thời, nhà trường tích cực triển khai các dịch vụ quốc tế hướng đến doanh nghiệp, chính phủ, nhà trường tại nước ngoài, hỗ trợ doanh nghiệp “đi ra nước ngoài”, qua đó mở rộng ảnh hưởng quốc tế của trường bằng cách tận dụng nhiều nền tảng, lĩnh vực và góc độ khác nhau.

Ngày 8 tháng 8 năm 2023, khóa đào tạo công chức cao cấp thành phố Hải Phòng, Việt Nam đã khai giảng thành công tại Trường Cao đẳng nghề Nam Ninh. Khóa đào tạo này do Văn phòng Ngoại vụ thành phố Nam Ninh tổ chức và trường Cao đẳng nghề Nam Ninh đăng cai thực hiện, nhằm phục vụ công tác giao lưu giữa chính quyền địa phương Nam Ninh và Việt Nam, tạo môi trường chính trị thuận lợi cho việc xây dựng Khu hợp tác phát triển hội nhập công nghiệp xuyên biên giới Trung Quốc-ASEAN, đồng thời truyền tải hiệu quả câu chuyện về Trung Quốc và

Nam Ninh đến bạn bè quốc tế. Khóa đào tạo cũng cung cấp nền tảng giao lưu về các lĩnh vực trọng điểm như tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Nam Ninh, hợp tác quốc tế trong GDNN, giao lưu giữa các thành phố hữu nghị, phát triển ngành văn hóa - du lịch.

Trường Cao đẳng nghề Nam Ninh hợp tác với Công ty Giáo dục và Đào tạo HCAD Việt Nam để thành lập điểm giảng dạy ở nước ngoài tại ASEAN. Năm 2023, trường đã phát triển 38 tiêu chuẩn chuyên môn và tiêu chuẩn môn học cho các cơ sở giáo dục tại các quốc gia ASEAN. Ba môn học, bao gồm “Công nghệ Trí tuệ Nhân tạo”, cùng với năm gói tài nguyên đào tạo quốc tế, bao gồm “Tiếp thị Truyền thông Mới”, đã được Sở Giáo dục Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây công nhận là tài nguyên GDNN quốc tế hóa hướng tới ASEAN.

Hợp tác công nghiệp xuyên biên giới.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật và kỹ năng “bản địa hóa” trong hợp tác năng lực sản xuất quốc tế hướng tới ASEAN, trường Cao đẳng nghề Nam Ninh đã phối hợp với trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội, Công ty TNHH công nghệ Tô Châu Funa-ai Việt Nam và Liên minh doanh nghiệp ngành điện tử khu vực phía Bắc Việt Nam để cùng xây dựng Học viện Thợ lành nghề hiện đại ngành điện tử Trung Quốc-Việt Nam. Tháng 9 năm 2023, dự án này được Sở Giáo dục Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây công nhận là một trong những dự án đặc sắc đầu tiên thuộc hệ thống “Học viện Thợ lành nghề hiện đại Trung Quốc-ASEAN”. Học viện Thợ lành nghề hiện đại ngành kỹ thuật điện tử + thông tin Trung Quốc-Việt Nam sẽ kết nối chặt chẽ với Liên minh doanh nghiệp ngành điện tử Nam Ninh-Việt Bắc, hợp tác trong các lĩnh vực như xây dựng nhóm ngành nghề, đổi mới mô hình đào tạo nhân lực, xây dựng cơ sở thực hành giảng dạy, phát triển đội ngũ giảng viên trình độ cao, biên soạn giáo trình và tài nguyên giảng dạy, xây dựng tiêu chuẩn, giáo dục học thuật và đào tạo nghề. Thông qua nền tảng và cầu nối hợp tác này, nhà trường bám sát ngành công nghiệp “đi ra nước ngoài”, đổi mới mô hình đào tạo nhân lực kỹ năng nghề xuyên biên giới “1+1+1” theo định hướng “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề nghiệp”, thực hiện mô hình đào tạo theo nguyên tắc “năm trong một” nhằm đào tạo

nhân lực kỹ thuật người Việt Nam thành thạo tiếng Trung và có chuyên môn về công nghệ thông tin điện tử, qua đó cung cấp nguồn nhân lực và hỗ trợ trí tuệ cho các doanh nghiệp “đi ra nước ngoài” trong hợp tác năng lực sản xuất quốc tế.



Hình 3.2. Biển của Học viện Thợ lành nghề hiện đại Trung Quốc-ASEAN

Như vậy, trong giai đoạn 2013–2023 hoạt động hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam đã có những chuyển biến quan trọng mở rộng và đa dạng hóa các mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp, phản ánh xu hướng quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp và gắn kết đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động khu vực. Ba mô hình hợp tác trường - trường - doanh nghiệp, trường - doanh nghiệp và trường - trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tăng cường kết nối cung cầu lao động, và thúc đẩy hội nhập khu vực trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp của hai quốc gia trong khu vực.

Một là, mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa ba bên trường - trường - doanh nghiệp trên thực tế đã thể hiện tính hiệu quả đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, gắn kết hoạt động giáo dục nghề nghiệp giữa cơ sở đào tạo trong nước với cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp cho phép hình thành chuỗi giá trị khép kín từ đào tạo - thực hành - tuyển dụng. Mô hình này

giúp chuyển giao công nghệ và chuẩn năng lực nghề theo hướng quốc tế, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam tiếp cận môi trường làm việc thực tế trong các doanh nghiệp Trung Quốc hoặc doanh nghiệp FDI của Trung Quốc tại Việt Nam.

Hai là, mô hình hợp tác trường - doanh nghiệp chứng tỏ tính linh hoạt và khả năng thích ứng cao với nhu cầu của thị trường lao động. Mô hình này giúp rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và việc làm, gia tăng tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp, và thúc đẩy quá trình chuẩn hóa chương trình theo năng lực nghề. Trong bối cảnh các doanh nghiệp FDI Trung Quốc đầu tư mạnh vào Việt Nam sau năm 2013, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, điện tử, cơ khí và năng lượng, mô hình này đã phát huy tác dụng rõ rệt trong việc đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật chất lượng trung cấp và cao đẳng.

Ba là, mô hình hợp tác trường - trường tuy không gắn trực tiếp với doanh nghiệp, song lại đóng vai trò nền tảng trong việc nâng cao năng lực thể chế, phát triển đội ngũ giảng viên, chuyển giao chương trình và chuẩn đầu ra nghề nghiệp. Thông qua trao đổi học thuật, đào tạo giảng viên và chuyển giao chương trình, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam từng bước tiếp cận được hệ thống quản trị, kiểm định chất lượng, và phương pháp đào tạo tiên tiến từ Trung Quốc.

Tiểu kết chương 3

Sự phát triển của toàn cầu hóa đối với lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là GDNN, có vai trò rất lớn. Hợp tác về GDNN có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động và phát triển khoa học, công nghệ của đất nước trở thành nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt hiệu quả hoạt động hợp tác GDNN cũng góp phần tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc gia trong phạm vi khu vực và quốc tế. Hoạt động hợp tác GDNN đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các cơ sở GDNN tại Việt Nam, nó cho phép các cơ sở GDNN ở Việt Nam tiếp cận được với công nghệ đào tạo và quản lý đào tạo tiên tiến, nâng cao năng lực nghiên cứu và đào tạo từ đó mở rộng cơ hội tiếp cận với những dịch vụ giáo dục quốc tế, chất lượng cao cho người học Việt Nam với chi phí hợp lý. Sinh viên theo học những chương trình quốc tế sẽ phát triển đồng thời năng lực chuyên môn và năng lực sử dụng ngoại ngữ phục vụ công việc trong tương lai.

Hợp tác GDNN Trung Quốc-Việt Nam được triển khai một cách tích cực trên nhiều lĩnh vực và đang giúp hai bên tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, thúc đẩy hòa bình và ổn định ở khu vực. Mặc dù còn nhiều hạn chế và thách thức nhưng có thể nói rằng, hợp tác giữa Trung Quốc-Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu tốt đẹp trong những năm qua. Cơ chế đối thoại và hợp tác ở các cấp đã được thiết lập, đặt nền tảng vững chắc cho sự tin tưởng về chiến lược giữa hai bên. Các lĩnh vực hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam đi vào chiều sâu, chất lượng hợp tác được nâng cao, phạm vi hợp tác được mở rộng. Việc thiết lập quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện sẽ giúp Việt Nam và Trung Quốc mở rộng hợp tác khu vực và thúc đẩy hợp tác toàn diện trong lĩnh vực giáo dục nói chung và GDNN nói riêng. Trong giai đoạn 2013-2023 hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, luận án đã nghiên cứu và phân tích làm rõ về số lượng du học sinh Việt Nam ở Trung Quốc; Các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023 bao gồm: liên kết đào tạo nghề đã triển khai, thành lập các cơ sở GDNN tại Việt Nam trong những

hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, bồi dưỡng, trao đổi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và học sinh sinh viên, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung cấp chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo và tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực

Đồng thời, luận án đã phân tích làm rõ một số trường hợp tiêu biểu về loại hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023, như: Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường - doanh nghiệp; Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường - doanh nghiệp; Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường.

Chương 4 ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

Trong bối cảnh hội nhập khu vực ngày càng sâu rộng và nhu cầu nhân lực chất lượng cao tăng mạnh, hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam tiếp tục có nhiều tiềm năng phát triển. Dựa trên những kết quả đạt được về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023, qua phân tích triển vọng hợp tác GDNN giữa hai nước trong giai đoạn tới, luận án đề xuất các giải pháp mang tính chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác GDNN giữa hai quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

4.1. Đánh giá về kết quả hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

4.1.1. Những kết quả và nguyên nhân trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

4.1.1.1. Những kết quả đạt được trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

Thứ nhất, Chính phủ, các địa phương và các cơ sở GDNN Trung Quốc và Việt Nam đã thúc đẩy trao đổi và hợp tác quốc tế về GDNN bằng cách ký kết các thỏa thuận hợp tác và thỏa thuận khung, hiệp định về hợp tác giáo dục nói chung và GDNN nói riêng. Chính phủ hai nước khuyến khích và hỗ trợ trao đổi, hợp tác giữa các cơ sở GDNN, tăng cường hợp tác giữa hai nước thông qua đào tạo nhân sự, chia sẻ tài liệu giảng dạy và hợp tác chương trình giảng dạy.

Thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác của Trung Quốc - Việt Nam trong lĩnh vực GDNN đã đạt được mục tiêu nâng cao vị thế, sự ảnh hưởng, và sự hiện diện của Trung Quốc tại Việt Nam, khu vực Đông Nam Á nói riêng và châu Á - Thái Bình Dương nói chung. Bằng “sức mạnh mềm” ngoại giao văn hóa, giáo dục trong quan hệ hợp tác với Việt Nam nói riêng và các quốc gia ASEAN nói chung, Trung Quốc đã cân bằng được lợi ích của mình tại khu vực theo hướng hòa bình, hợp tác, hiệu quả mà không phải sử dụng đến bạo lực, hoặc trừng phạt kinh tế.

Thứ hai, các dự án hợp tác Trung-Việt trong lĩnh vực GDNN chủ yếu tập trung vào đào tạo kỹ thuật và trao đổi nhân sự. Trung Quốc đã cử giáo viên và chuyên gia đến Việt Nam để đào tạo kỹ thuật và hợp tác giảng dạy, đồng thời đào tạo và hướng dẫn kỹ năng nghề. Đồng thời, phía Trung Quốc cũng cung cấp học bổng, chương trình tài trợ hỗ trợ sinh viên Việt Nam theo đuổi GDNN và đào tạo, học tập tại Trung Quốc.

Thứ ba, hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam trong lĩnh vực GDNN đã tăng cường sự tham gia và hợp tác của các doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp do Trung Quốc tài trợ đã đầu tư và thành lập nhà máy tại Việt Nam để cung cấp cơ hội việc làm tại Việt Nam. Bằng cách hợp tác với các cơ sở GDNN Việt Nam, các doanh nghiệp này cung cấp cơ hội đào tạo kỹ năng và phát triển nghề nghiệp cho người lao động Việt Nam để nâng cao chất lượng nghề nghiệp và khả năng có việc làm.

Thứ tư, một số cơ sở GDNN, cao đẳng, đại học cũng đã thực hiện các dự án hợp tác xuyên biên giới. Các dự án chung này bao gồm nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như kỹ thuật ô tô, điện tử, quản lý hậu cần v.v. Thông qua các dự án hợp tác, sinh viên có thể nhận được chính giáo dục và đào tạo toàn diện và thiết thực hơn.

Thứ năm, hoạt động hợp tác GDNN Trung Quốc - Việt Nam giúp thúc đẩy hội nhập quốc tế của khu vực của cả hai quốc gia. Hoạt động hợp tác GDNN Trung Quốc - Việt Nam có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai quốc gia về nâng cao chất lượng GDNN, phát triển chất lượng nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu quốc tế hoá giáo dục, phát triển GDNN quốc gia tiệm cận với tiêu chuẩn GDNN khu vực và quốc tế.

Đối với Việt Nam, hợp tác GDNN với Trung Quốc, giúp nhiều cơ sở GDNN Việt Nam được tiếp cận với chương trình đào tạo, chuyển giao các mô hình đào tạo, phương pháp đào tạo trong GDNN của các cơ sở GDNN, doanh nghiệp của Trung Quốc góp phần nâng cao chất lượng GDNN, nâng cao kỹ năng nghề và trình độ HSK của người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh gia tăng sự đầu tư của các doanh nghiệp có vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam có xu hướng tăng hiện nay tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở Việt

Nam. Đồng thời, hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam có ý nghĩa quan trọng giúp hệ thống GDNN của Việt Nam tiệm cận với những tiêu chuẩn kỹ năng nghề trong GDNN và tiêu chuẩn nghề nghiệp trong khu vực và thế giới thông qua việc tham gia các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và ASEAN.

Những kết quả đạt được của Việt Nam trong hợp tác GDNN với Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam trong giai đoạn 2013-2023. Hiện nay, chất lượng đào tạo nghề tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ. Theo số liệu điều tra, thống kê về Chỉ số GCI của WEF năm 2023, chỉ số B6 của Việt Nam dựa trên kết quả đánh giá của doanh nghiệp đã có những bước thăng hạng nhảy vọt. So với năm 2022, chỉ số B6 của Việt Nam với điểm trung bình trọng số 4.82 trên thang điểm 7 đã tăng 8 bậc, vượt chỉ tiêu do Chính phủ giao (5 bậc). Trong khu vực ASEAN, Việt Nam nằm trong top 4 và chỉ xếp sau Singapore và Indonesia.

Sự tăng tiến của chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam cũng có thể thấy rõ qua kết quả đánh giá chỉ số PCI được công bố vào tháng 3 năm 2023. Theo đó, chất lượng đào tạo nghề Việt Nam trên thang điểm 6 đã đạt 4.4 điểm (năm 2018 chỉ đạt 3.8 điểm)” [114].

Đối với Trung Quốc, hợp tác GDNN Trung Quốc - Việt Nam giai đoạn 2013-2023, Trung Quốc đã đạt được những lợi ích quan trọng đối với quốc gia, các cơ sở GDNN và các doanh nghiệp của Trung Quốc ở Việt Nam. Những thành tựu trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam góp phần gia tăng quyền lực mềm quốc gia, thúc đẩy xuất khẩu công nghệ và thiết bị giáo dục, thực hiện mục tiêu chiến lược “GDNN đi ra ngoài”, đồng thời cũng là một trong những chủ trương nhằm hiện thực hoá BRI. Phát triển hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam cũng là một chiến lược quan trọng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp có vốn FDI của Trung Quốc đầu tư tại Việt Nam có nguồn nhân lực có kỹ năng phù hợp, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam... Cụ thể như sau:

Một là, ở cấp độ quốc gia, hợp tác GDNN với Việt Nam có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao quyền lực mềm của Trung Quốc trong khu vực và trên thế giới. Hợp tác GDNN của Trung Quốc với Việt Nam đã góp phần quan trọng trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng cho các doanh nghiệp vốn FDI của Trung Quốc trong việc thực hiện BRI ở Đông Nam Á nói chung, trong đó có Việt Nam. Trong hợp tác GDNN với Việt Nam, Trung Quốc đã dành những khoản đầu tư GDNN lên đến hàng nghìn tỷ Nhân dân tệ dành cho xuất khẩu cơ sở hạ tầng và thiết bị cho các cơ sở GDNN ở Việt Nam, như: thiết bị đào tạo thực hành do Trung Quốc cung cấp, hiện thực hóa mô hình “xuất khẩu giáo dục + xuất khẩu năng lực sản xuất” và hiện thực hoá mục tiêu “đi ra nước ngoài” nhằm giải quyết tình trạng dư thừa năng lực sản xuất... Từ đó, nâng cao ảnh hưởng địa chính trị và ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc trong khu vực, vì thế giảm thiểu tác động tiêu cực của sự cạnh tranh giữa các cường quốc (như sự ảnh hưởng của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á).

Theo thống kê của Brand Finance về chỉ số quyền lực mềm toàn cầu, trong đó có Trung Quốc, từ năm 2015 đến năm 2020, chỉ số quyền lực mềm của Trung Quốc đã tăng từ 40,58 lên 58,7. Năm 2023, chỉ số quyền lực mềm của Trung Quốc đạt 65 điểm [69]. Năm 2024, Trung Quốc đã thay thế Đức ở vị trí thứ 3 trong bảng xếp hạng quyền lực mềm, cải thiện điểm tổng thể của mình thêm 6,2, từ 65,0 lên 71,2, nhanh hơn bất kỳ thương hiệu quốc gia nào khác trong [70].

Theo báo cáo mới nhất về chỉ số quyền lực mềm toàn cầu thường niên lần thứ sáu do Brand Finance công bố năm 2025, Trung Quốc đã trở thành quốc gia có quyền lực mềm có ảnh hưởng lớn thứ hai thế giới sau Hoa Kỳ. Báo cáo cho thấy Trung Quốc đã vượt qua Anh để giành vị trí thứ hai với số điểm là 72,8 trên 100, đánh dấu thứ hạng cao nhất từ trước đến nay [71].



Nguồn: Tác giả thống kê “Global Soft Power Index” của Brand Finance giai đoạn 2015-2025

Biểu đồ 4.1. Chỉ số quyền lực mềm của Trung Quốc giai đoạn 2015-2025

Sự gia tăng quyền lực mềm của Trung Quốc được thúc đẩy bởi sự cải thiện đáng kể trong nhận thức của Trung Quốc trên các số liệu chính về Kinh doanh & Thương mại và Giáo dục & Khoa học. Điều này đã phần nào thể hiện đúng đắn trong chính sách phát triển hợp tác văn hóa, giáo dục cũng như hiệu quả, ảnh hưởng tích cực trong việc thực thi các hoạt động hợp tác Trung Quốc-Việt Nam.

Hai là, đối với các cơ sở GDNN của Trung Quốc, hợp tác GDNN với Việt Nam có ý nghĩa góp phần mở rộng phạm vi công nhận văn bằng, chuẩn chương trình, kỹ năng, trình độ của người học trong khu vực và quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, thứ bậc của các cơ sở GDNN của Trung Quốc trong phạm vi khu vực và thế giới, tạo ra các thương hiệu GDNN của Trung Quốc như “Học viện Công nghệ nhân lành nghề” và “Luban Workshops”. Vì thế, khi được đưa vào Việt Nam, các cơ sở GDNN của Trung Quốc đã nhận được sự công nhận từ phía chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam, từ đó góp phần nâng cao ảnh hưởng khu vực và danh tiếng quốc tế của các cơ sở GDNN của Trung Quốc.

Một số trường dạy nghề Trung Quốc tham gia vào Liên minh giáo dục nghề trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), giúp các

trường này trở thành những người xây dựng quy chuẩn nghề khu vực, từ cấp độ quốc gia mở rộng sang cấp độ quốc tế.

Những kết quả quan trọng trong hợp tác GDNN của Trung Quốc đối với Việt Nam trong thực hiện mục tiêu BRI và GDNN “đi ra nước ngoài” đã giúp các cơ sở GDNN của Trung Quốc nhận được sự hỗ trợ về chính sách và tài chính từ chính phủ Trung Quốc, từ đó cải thiện cơ sở vật chất và mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế.

Thông qua việc xây dựng các cơ sở đào tạo thực hành chung với doanh nghiệp tại Việt Nam, các trường Trung Quốc đã hình thành cơ sở kết hợp giáo dục với sản xuất ở nước ngoài, thu hút thêm sinh viên Đông Nam Á và các dự án hợp tác quốc tế.

Đối với các giảng viên tại các cơ sở GDNN của Trung Quốc, trong hợp tác GDNN của Trung Quốc với Việt Nam giúp các giảng viên nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa và sức cạnh tranh chuyên môn của đội ngũ giảng viên. Để tham gia các dự án hợp tác với phía Việt Nam, giảng viên Trung Quốc cần thích ứng với nhu cầu của nhà trường, ngành nghề cũng như môi trường văn hóa tại Việt Nam, từ đó thúc đẩy việc đổi mới phương pháp giảng dạy và thiết kế chương trình học, như: khi triển khai chương trình “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề nghiệp” tại Việt Nam, giảng viên cần bản địa hóa tiêu chuẩn kỹ năng Trung Quốc, từ đó nâng cao năng lực giảng dạy liên văn hóa. Khi xuất khẩu tiêu chuẩn GDNN Trung Quốc sang Việt Nam, giảng viên cần tham gia sâu vào quá trình nghiên cứu và phát triển, qua đó thúc đẩy khả năng chuyên môn và hội nhập quốc tế, như trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn GDNN trong ngành sản xuất giữa các trường dạy nghề Trung Quốc và Việt Nam, giáo viên cần nắm bắt xu hướng ngành công nghiệp quốc tế, nâng cao năng lực chuyển hóa kỹ thuật, từ đó tránh tình trạng đào tạo nhân lực không phù hợp với nhu cầu thị trường.

Ba là, đối với các doanh nghiệp có ba ý nghĩa như sau:

(i) Hợp tác GDNN của Trung Quốc đối với Việt Nam có ý nghĩa giúp các doanh nghiệp Trung Quốc củng cố vai trò chủ đạo trong chuỗi cung ứng và thúc đẩy phát triển các chuỗi ngành công nghiệp. Thông qua hợp tác GDNN nhằm đào tạo nhân lực kỹ thuật bản địa tại Việt Nam, Trung Quốc có thể hỗ trợ việc chuyển dịch sản xuất

quy mô lớn sang Việt Nam mà không làm gián đoạn chuỗi công nghiệp, đồng thời củng cố quyền kiểm soát của Trung Quốc đối với chuỗi cung ứng khu vực.

(ii) Nguồn cung nhân lực bản địa giúp giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc hướng đến đào tạo đội ngũ nhân viên bản địa cho các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam với các yêu cầu: hiểu tiếng Trung, nắm vững kỹ thuật và thông thạo văn hóa, từ đó giảm sự phụ thuộc vào việc cử nhân lực chi phí cao từ trong nước ra nước ngoài. Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp giúp rút ngắn thời gian đào tạo nhân sự: sinh viên đã có thể tiếp cận kiến thức doanh nghiệp và vị trí công việc ngay trong thời gian còn đi học, từ đó giúp doanh nghiệp giảm thiểu chi phí đào tạo.

(ii) Giúp các doanh nghiệp Trung Quốc giảm thiểu rủi ro trong quản lý liên văn hóa. Những nhân viên người Việt được đào tạo thông qua chương trình GDNN trở thành những người truyền bá văn hóa Trung Quốc, có khả năng rút ngắn khoảng cách về văn hóa trong quá trình vận hành của doanh nghiệp Trung Quốc ở Việt Nam. Họ cũng giúp các nhà quản lý Trung Quốc hiểu sâu hơn về văn hóa tại địa phương, từ đó giảm thiểu sai lầm khi ra quyết định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam.

4.1.1.2. Nguyên nhân các kết quả đạt được trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

Thứ nhất, các kết quả đạt được trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2013–2023 bắt nguồn trước hết từ cơ sở chính trị – ngoại giao ổn định giữa hai nước. Quan hệ Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Trung Quốc (5/2008) tạo ra môi trường thể chế quan trọng cho việc mở rộng hợp tác trong giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giữa gia quốc gia nói chung và hoạt động hợp tác GND nói riêng Trong Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc năm 2023, hai bên nhấn mạnh việc thực hiện hiệu quả Hiệp định hợp tác giáo dục, tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, đồng thời làm sâu sắc hợp tác đào tạo nghề, giáo dục số. Đây là điều kiện

thuận lợi giúp hợp tác GDNN giữa hai quốc gia không chỉ dừng ở trao đổi học thuật mà còn mở rộng sang đào tạo kỹ năng, chuyển giao chương trình, trao đổi chuyên gia và đa dạng các hình thức hợp tác giáo dục giữa nhà trường – doanh nghiệp.

Thứ hai, kết quả hợp tác đạt được xuất phát từ nhu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật của cả hai quốc gia trong bối cảnh công nghiệp hóa, chuyển đổi số và hội nhập khu vực. Việt Nam trong giai đoạn 2013–2023 đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng cho thị trường trong nước và các doanh nghiệp FDI. “*Quyết định số: 2239/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*” [18] năm 2021 xác định phát triển GDNN là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực trực tiếp, có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao phục vụ phát triển kinh tế – xã hội. Trong khi đó, Trung Quốc có nhu cầu quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp, thúc đẩy mô hình “giáo dục nghề nghiệp đi ra ngoài”, gắn với Sáng kiến Vành đai và Con đường. Kế hoạch hành động giáo dục cho BRI của Bộ Giáo dục Trung Quốc năm 2016 nhấn mạnh việc thúc đẩy giao lưu, hợp tác giáo dục quốc tế trong khuôn khổ BRI. Vì vậy, hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc phù hợp với chiến lược phát triển GDNN của hai quốc gia. Hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, giúp GDNN của Việt Nam có thể tiếp cận và tiếp thu công nghệ, chương trình đào tạo và kỹ năng nghề tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong bối cảnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế. Hợp tác GDNN với Việt Nam, Trung Quốc hướng tới mở rộng ảnh hưởng trong lĩnh vực giáo dục, lan tỏa các tiêu chuẩn kỹ năng nghề, đồng thời hỗ trợ nguồn nhân lực tại chỗ nhằm phục vụ mục tiêu phát triển của các doanh nghiệp FDI của Trung Quốc ở Việt Nam.

Thứ ba, hai quốc gia Trung Quốc và Việt Nam đều có điểm tương đồng về chiến lược phát triển GDNN nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Chiến lược phát triển GDNN của Trung Quốc và Việt Nam đều có xu hướng quốc tế hóa và khu vực hóa. Việt Nam chủ trương chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hệ thống GDNN; Trung Quốc thúc đẩy xuất khẩu

mô hình đào tạo, thiết bị thực hành, tiêu chuẩn kỹ năng và các thương hiệu giáo dục nghề nghiệp như Luban Workshop. Trong bối cảnh đó, các chương trình hợp tác về kỹ thuật ô tô, điện tử, logistics, sản xuất thông minh, tiếng Trung kết hợp với kỹ năng nghề... có điều kiện phát triển. Các dự án này giúp cơ sở GDNN Việt Nam tiếp cận chương trình, thiết bị và phương pháp đào tạo thực hành; đồng thời giúp các cơ sở GDNN Trung Quốc mở rộng phạm vi công nhận chương trình, tiêu chuẩn và ảnh hưởng khu vực.

Thứ tư, cơ chế hợp tác đa tầng giữa Trung Quốc – ASEAN và Việt Nam – Trung Quốc cũng là nguyên nhân thúc đẩy kết quả hợp tác. Hợp tác GDNN không chỉ diễn ra ở cấp chính phủ mà còn thông qua địa phương, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và các diễn đàn khu vực. Các cơ chế này giúp mở rộng không gian hợp tác, tạo điều kiện cho trao đổi sinh viên, giảng viên, chuyên gia, chương trình đào tạo và tiêu chuẩn kỹ năng. Vì vậy, hợp tác GDNN Việt Nam và Trung Quốc vừa phục vụ quan hệ song phương, vừa nằm trong tiến trình hội nhập giáo dục nghề nghiệp khu vực.

Từ các nguyên nhân trên, có thể khẳng định rằng kết quả hợp tác giáo dục nghề nghiệp Việt Nam – Trung Quốc giai đoạn 2013–2023 là kết quả hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam là sự kết hợp giữa cơ sở chính trị - ngoại giao, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn, chiến lược quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp và cơ chế hợp tác khu vực. Đối với Việt Nam, hợp tác này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề, mở rộng cơ hội tiếp cận chương trình và công nghệ đào tạo. Đối với Trung Quốc, đây là kênh gia tăng quyền lực mềm, hỗ trợ doanh nghiệp FDI và mở rộng ảnh hưởng của mô hình giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc tại Đông Nam Á.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

4.1.2.1. Hạn chế trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

Thứ nhất, phạm vi và quy mô hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam còn nhỏ. Hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay chủ yếu dựa trên việc trao đổi thường xuyên của sinh viên quốc tế, và hầu hết các trường cao đẳng nghề đều hạn chế hợp tác giữa các trường trong việc trao đổi sinh viên quốc tế, đào tạo giáo viên, đào tạo kỹ năng cơ bản... Nhìn chung, trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay chưa đa dạng về các loại hình hợp tác, nội dung tương đối đơn lẻ, các doanh nghiệp lớn và vừa đa quốc gia vẫn chưa tham gia hợp tác GDNN quốc tế Trung-Việt, và một hệ thống hợp tác GDNN Trung-Việt cởi mở, bao trùm, bình đẳng và xây dựng lẫn nhau hơn vẫn chưa được hình thành. Các cơ chế như công nhận lẫn nhau về trình độ nghề giữa Trung Quốc và Việt Nam vẫn chưa được thiết lập, điều này ảnh hưởng đến phạm vi hợp tác GDNN giữa hai nước.

Thứ hai, hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam chưa đi vào chiều sâu, chưa mang tính toàn diện tương xứng với tiềm năng, triển vọng hợp tác GDNN giữa hai quốc gia. Trung Quốc và Việt Nam đều là các quốc gia xã hội chủ nghĩa, có nhiều điểm tương đồng về địa lý, văn hóa, tư tưởng v.v. Và sự hợp tác giữa hai nước trong GDNN về mặt lý thuyết phải có triển vọng rộng lớn và một tương lai đầy hứa hẹn. Hiện tại, mặc dù cả hai nước đều đang tích cực thúc đẩy khuôn khổ “Hai hành lang một vành đai” và BRI. Tuy nhiên, vẫn còn một khoảng trống trong việc kết nối chiến lược, xây dựng chính sách và xây dựng hệ thống GDNN ở hai nước. Việc thực hiện hiệp định thương mại tự do sẽ thúc đẩy hơn nữa sự hội nhập của Trung Quốc và các nước thành viên khác, trong đó có Việt Nam, vào phát triển kinh tế khu vực, và điều cấp thiết là cả hai bên phải thúc đẩy đổi mới trong GDNN để dẫn dắt Trung Quốc và Việt Nam nâng cao sức mạnh kinh tế toàn diện. Thời gian hợp tác về tiêu chuẩn GDNN, sản phẩm GDNN và nghiên cứu phát triển công nghệ trong hợp tác GDNN nhằm phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hợp tác kinh tế-thương mại giữa hai quốc gia chưa dài.

Hiện nay, vẫn còn khoảng cách lớn giữa xuất khẩu GDNN của Trung Quốc sang Việt Nam để phục vụ hợp tác kinh tế-thương mại Trung Quốc-Việt Nam. Với các chiến lược hợp tác kinh tế-thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam, việc hợp

tác hiệu quả giữa Trung Quốc và Việt Nam trong xây dựng cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, khai thác mỏ, năng lượng mới, khu kinh tế xuyên biên giới, thương mại điện tử xuyên biên giới, hậu cần xuyên biên giới và các lĩnh vực và ngành công nghiệp đặc trưng mới nổi khác vẫn còn thiếu sự hỗ trợ mạnh mẽ từ nguồn nhân lực... Tuy nhiên, tiềm năng, triển vọng của hợp tác GDNN Trung Quốc-Việt Nam chưa được phát huy hiệu quả nhằm để phục vụ hợp tác kinh tế thương mại song phương và đa phương trong bối cảnh bình thường mới, các hình thức kinh doanh mới và năng lực sản xuất mới. Vì thế, trong thời gian tới Trung Quốc và Việt Nam cần tích cực đẩy mạnh hoạt động hợp tác GDNN nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho chủ trương hợp tác kinh tế thương mại song phương và đa phương tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của hai quốc gia.

Thứ ba, trong hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay đang có sự mất cân bằng trong trao đổi giáo dục giữa hai nước. Việc trao đổi sinh viên Trung Quốc và Việt Nam chủ yếu dành cho sinh viên Việt Nam du học Trung Quốc. Số lượng DHS Việt Nam tại Trung Quốc cao hơn nhiều so với số lượng DHS Trung Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra còn có sự mất cân bằng trong chuyên ngành theo học của DHS. Sinh viên Trung Quốc đến học tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào ngôn ngữ, trong khi sinh viên Việt Nam đến du học Trung Quốc tập trung nhiều hơn vào các chuyên ngành khác nhau ngoài ngôn ngữ. Hiện tượng này dễ hiểu, bởi giáo dục Việt Nam vẫn còn hạn chế so với nền tảng giáo dục thế giới, khiến giáo dục Việt Nam cần phải nỗ lực hơn để không ngừng mở rộng lĩnh vực chuyên môn và nâng cao trình độ giáo dục.

Đồng thời, hiện nay các trường đại học Trung Quốc hợp tác với Việt Nam chủ yếu tập trung ở các tỉnh phía Nam Trung Quốc, như: Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu mà chưa tập trung nhiều ở các thành phố lớn như: Bắc Kinh, Thượng Hải...; số lượng sinh viên du học theo diện học bổng toàn phần của Chính phủ còn ít; hợp tác giáo dục đa ngành còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở một số ngành như văn hóa và ngôn ngữ.

Thứ tư, ngoài việc chất lượng tuyển sinh giảm sút do tiêu chuẩn tuyển chọn thiếu nghiêm ngặt, chất lượng đào tạo du học của một số trường ở Trung Quốc cũng không cao do thiếu quản lý chặt chẽ các cơ sở giáo dục. Khi cải cách và mở cửa của Trung Quốc bước vào một tầm cao mới, ngành giáo dục của Trung Quốc cũng đã chuyển sang chế độ trao quyền tự chiêu sinh nhiều hơn cho các trường học. Trong bối cảnh đó, những cơ sở đào tạo uy tín sẽ đưa ra yêu cầu quản lý sinh viên ngày càng khắt khe hơn nhằm giữ vững uy tín và nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên. Tuy nhiên, cũng có một số trường, đặc biệt là những trường ở vùng sâu vùng xa, do khó khăn trong việc tuyển sinh nên vì mục đích thu hút nhiều sinh viên quốc tế hơn nên đã lỏng lẻo hơn trong khâu giảng dạy và quản lý, dẫn đến tình trạng sinh viên Việt Nam không học tập chăm chỉ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng đào tạo.

Thứ năm, rào cản về ngôn ngữ, cộng với sự khác biệt về cách hiểu giữa nhà trường và doanh nghiệp đối với “đào tạo tiếng Trung” đang trở thành một thách thức lớn trong hợp tác GDNN. Trong khi nhà trường thường tập trung vào chuẩn HSK, thì đối với doanh nghiệp, đó mới chỉ là kiến thức nền tảng. Ngoài ra, việc sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến từng vị trí công việc cụ thể của nhân viên trong các doanh nghiệp còn rất hạn chế. Hiện nay, việc giảng dạy trình độ HSK đối với các thuật ngữ nghề nghiệp chuyên sâu này không thể chỉ do giáo viên tiếng Trung phụ trách, mà cần có sự tham gia của giảng viên chuyên ngành.

Thứ sáu, khó khăn chủ yếu mà doanh nghiệp gặp phải là nội dung đào tạo của nhà trường chưa thực sự phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm. Hiện nay, đã có sự tham gia của các doanh nghiệp vào xây dựng chương trình đào tạo, và hoạt động đào tạo nghề cho sinh viên, tuy nhiên khoảng cách giữa chương trình đào tạo của nhà trường nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng cho sinh viên chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

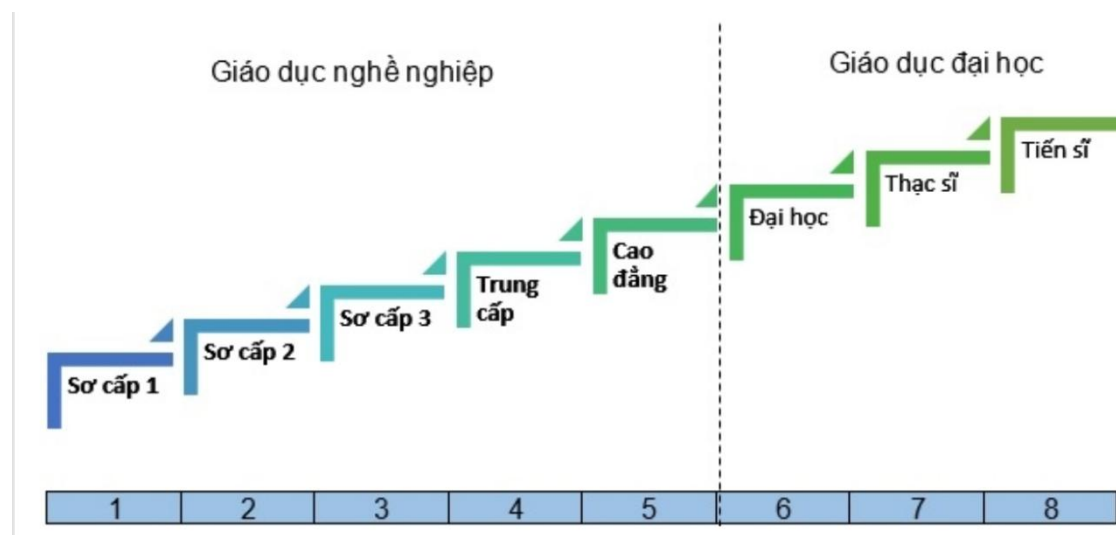
4.1.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

Thứ nhất, sự khác biệt về hệ thống GDNN giữa hai quốc gia, hai bên vẫn chưa hoàn toàn công nhận lẫn nhau về tín chỉ, trình độ học vấn, bằng cấp và tiêu chí,

tiêu chuẩn GDNN của hai quốc gia còn khoảng cách. Việc này đã trở thành một hạn chế lớn trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc-Việt Nam.

Hệ thống GDNN của Trung Quốc bao gồm các chương trình đào tạo: Trung cấp nghề (3 năm), Cao đẳng nghề (3 năm) và Đại học nghề (4 năm), trong khi Việt Nam hệ thống GDNN bao gồm các chương trình đào tạo: Sơ cấp nghề (3-12 tháng), Trung cấp (1-2 năm) và Cao đẳng (2-3 năm). Sự khác biệt về hệ thống GDNN quốc gia của Trung Quốc và Việt Nam trên thực tế tạo ra những khó khăn trong thực hiện liên kết các chương trình đào tạo và cấp bằng cho người học.

Về chuẩn hoá chương trình đào tạo Trung Quốc đã có khung năng lực nghề nghiệp quốc gia và được triển khai áp dụng trong chương trình đào tạo đồng bộ, đồng thời với chủ trương quốc tế hoá GDNN với mục tiêu GDNN “đi ra nước ngoài”, Trung Quốc phát triển mạnh mẽ hoạt động hợp tác GDNN trong khu vực và trên thế giới như: ASEAN, EU, Đức... Tuy nhiên, ở Việt Nam tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN mới được ban hành vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại “*Thông tư số: 14/2024/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN*” [3] với 7 tiêu chí đối với Trung tâm GDNN và 8 tiêu chí đối với các trường trung cấp và cao đẳng với tần suất kiểm định chu kỳ 5 năm/lần, để đánh giá chuẩn đầu ra và chất lượng GDNN Việt Nam đã có khung trình độ quốc gia tại “*Quyết định số: 1232/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN, giai đoạn 2021-2025*” [19] (Xem hình 3.3.).



Nguồn [115]

Hình 4.1. Các trình độ GDNN trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Trong khi Trung Quốc tiêu chí kiểm định GDNN được thực hiện theo Quy tắc kiểm định nghề nghiệp quốc gia và mỗi tỉnh có hệ thống đánh giá riêng phù hợp với Quy tắc kiểm định nghề nghiệp quốc gia, nhiều ngành nghề bắt buộc kiểm định theo quy định ngành đào tạo và được áp dụng rộng rãi ở cấp địa phương với tần suất kiểm định từ 3-5 năm. Đồng thời, với chủ trương quốc tế hoá GDNN và mục tiêu GDNN “đi ra nước ngoài”, Trung Quốc đã phát triển mạnh mẽ các tiêu chuẩn trong GDNN tiệm cận với tiêu chuẩn GDNN khu vực và quốc tế. Vì thế, các tiêu chí và tiêu chuẩn GDNN của Trung Quốc mang tính chặt chẽ, tiệm cận với tiêu chuẩn GDNN của khu vực và thế giới, đồng thời có sự tham gia nhiều hơn của doanh nghiệp, gắn với nhu cầu của thị trường lao động, song cũng mang tính “địa phương hoá” phù hợp với thực tiễn nhu cầu nguồn nhân lực của từng địa phương.

Do khoảng cách hệ thống, chương trình GDNN và sự khác nhau của hai quốc gia về tiêu chuẩn, tiêu chí GDNN, cho nên khó đạt được sự gắn kết và công nhận về tín chỉ, trình độ học vấn, bằng cấp... đã gây cản trở cho người học và phát triển nhân tài trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, hiện nay, một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hợp tác sâu rộng hơn giữa giáo dục đại học và cao đẳng Trung Quốc và Việt Nam là cơ cấu sinh viên hai nước mất cân bằng và chênh lệch về trình độ giáo dục. Năm 2011, Trung Quốc có 35 trường đại học trên tổng số 500 trường đại học hàng đầu thế giới được liệt kê vào bảng xếp hạng ARWU. Trong khi đó, ở các quốc gia Việt Nam không có trường đại học được xếp hạng.

Đến năm 2020, Trung Quốc có tới 318 trong số 1000 trường được xếp hạng trong bảng xếp hạng học thuật của ARWU [82]. Trong khi Việt Nam có 1 trường đạt chuẩn [82]. Quy mô và chất lượng đào tạo cũng như hệ thống giáo dục đại học, GDNN của Trung Quốc phát triển hơn nhiều so với hệ thống giáo dục đại học, GDNN và kết cấu hạ tầng, điều kiện cơ sở vật chất của các cơ sở GDNN còn tương đối kém phát triển của Việt Nam khiến việc thúc đẩy hợp tác quốc tế trong hoạt động GDNN chưa được như mong đợi.

Thứ ba, hợp tác GDNN Trung Quốc-Việt Nam bị ảnh hưởng bởi sự thiếu hụt về nguồn lực phát triển giáo dục. Từ góc độ các chuyên ngành đào tạo được hợp tác và các chuyên ngành hợp tác GDNN giữa Trung Quốc với các nước cũng như với Việt Nam hiện nay có xu hướng tập trung vào nhiều hơn vào đào tạo ngôn ngữ, các chuyên ngành như kinh doanh, dịch vụ du lịch và kế toán, ít được đầu tư hơn, đồng thời các môn học và trình độ chuyên ngành cũng tương đối đơn lẻ. Trong khi đó lại không có nhiều dự án được giới thiệu và thiết lập cho các chuyên ngành đang bị thiếu hụt, thậm chí còn nhiều khoảng trống. Ví dụ như thiếu các ngành, chuyên ngành cấp thiết cho sự phát triển của địa chất, năng lượng, thương mại quốc tế và các ngành liên quan khác ở các quốc gia dọc tuyến đường thuộc BRI. Ngoài ra, mô hình hợp tác GDNN Trung Quốc - Việt Nam thiếu đổi mới, khái niệm giảng dạy, khung chương trình, lựa chọn sách giáo trình, phương pháp giảng dạy... thường chỉ được sao chép, dẫn đến việc giới thiệu không đầy đủ các nguồn lực nước ngoài chất lượng cao.

Thứ tư, một số cơ sở GDNN của Trung Quốc cũng như Việt Nam chưa đánh giá đúng, đầy đủ về vai trò của hợp tác quốc tế trong việc xây dựng thương hiệu và tăng cường chất lượng GDNN; công tác truyền thông cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN chưa được quan tâm; nguồn kinh phí cho hoạt động hợp tác quốc tế còn hạn chế; khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế của giáo viên, cán bộ quản lý các cấp còn hạn chế... do đó hiệu quả hoạt động hợp tác GDNN ở nhiều cơ sở GDNN còn chưa đạt hiệu quả cao.

Thứ năm, vẫn còn những vấn đề lịch sử trong quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc chưa được tháo gỡ, dễ tác động và ảnh hưởng đến tâm lý của những người trẻ ở cả hai nước, nhất là trước trào lưu của chủ nghĩa dân tộc và trong thời đại bùng nổ thông tin.

Nói tóm lại, trong bối cảnh Trung Quốc và Việt Nam thiết lập quan hệ đối tác hợp tác toàn diện, quan hệ hợp tác và trao đổi giáo dục đang ngày càng phát triển. Mặc dù vẫn còn những vấn đề không mong muốn, nhưng nhìn chung, giao lưu giáo dục giữa hai nước vẫn đang trong xu hướng phát triển và góp phần to lớn vào mục tiêu cùng cố, phát triển tình hữu nghị giữa hai nước.

4.2. Bối cảnh hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và tái cấu trúc chuỗi giá trị khu vực, giáo dục nghề nghiệp ngày càng giữ vai trò then chốt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của mỗi quốc gia. Việt Nam và Trung Quốc, hai nước láng giềng có chung đường biên giới dài và mối quan hệ truyền thống “vừa là đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, vừa là đối tác phát triển trong khu vực Đông Á”, đang đẩy mạnh hợp tác trong nhiều lĩnh vực, trong đó hợp tác giáo dục nghề nghiệp nổi lên như một hướng đi thiết thực nhằm nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Sự phát triển của quan hệ này không chỉ chịu ảnh hưởng từ các yếu tố song phương, mà còn chịu tác động sâu sắc của bối cảnh chính trị quốc tế, hợp tác khu vực và sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học – công nghệ. Việc phân tích tổng thể những yếu tố này có ý nghĩa quan trọng đối với hoạch định chính sách và định hướng chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giữa hai nước trong giai đoạn tới.

Thứ nhất, xu thế phát triển của khoa học - công nghệ. Trong những thập niên gần đây, KH&CN phát triển mạnh mẽ, đặc biệt dưới tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0). Các công nghệ cốt lõi như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ robot, tự động hóa, chuỗi khối (Blockchain), thực tế ảo/tăng cường (VR/AR) đang làm thay đổi bản chất của sản xuất và việc làm. Đối với giáo dục nghề nghiệp, sự phát triển của các công nghệ mới kéo theo nhu cầu đào tạo lực lượng lao động sở hữu kỹ năng kỹ thuật cao, có khả năng vận hành, bảo trì và tối ưu hệ thống công nghệ hiện đại. Không chỉ thay đổi yêu cầu kỹ năng, sự phát triển mạnh mẽ của KH&CN còn thúc đẩy sự xuất hiện của các mô hình đào tạo mới, như đào tạo từ xa, đào tạo mô phỏng, học tập dựa trên dự án số hoá, và hệ sinh thái đào tạo thông minh, gắn GDNN của nhà trường với nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp... Trong bối cảnh này, hợp tác GDNN giữa các quốc gia trở nên tất yếu nhằm: Bổ sung kỹ năng lao động theo chuẩn quốc tế; Chia

sẽ mô hình đào tạo, công nghệ giảng dạy; Liên kết đào tạo đáp ứng chuỗi giá trị toàn cầu....

Việt Nam và Trung Quốc - hai quốc gia có tốc độ phát triển công nghiệp cao, nhu cầu lớn về nhân lực kỹ thuật tất yếu chịu ảnh hưởng trực tiếp của xu thế này. Trung Quốc hiện nay đang dẫn đầu châu Á trong các ngành công nghệ cao như sản xuất thông minh, công nghiệp robot, bán dẫn mức trung bình, logistic số, AI ứng dụng, năng lượng tái tạo,...Điều này kéo theo nhu cầu rất lớn về lực lượng lao động có kỹ năng kỹ thuật – công nghệ. Hơn nữa, Chính phủ Trung Quốc triển khai các chiến lược như Made in China 2025, Internet Plus, AI Development Plan, tạo ra nhu cầu rất lớn về nhân lực có tay nghề cao.

Như vậy, xu hướng phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ của Trung Quốc, cùng với đó là những thay đổi quan trọng trong Luật Giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc tập trung phát triển các ngành công nghệ cao, đặc biệt là kỹ thuật số và sản xuất tiên tiến cùng với những sửa đổi của Luật GDNN nhằm nâng tầm, thay đổi vị thế GDNN trong hệ thống giáo dục quốc gia. Đặc biệt, việc gia tăng doanh nghiệp FDI Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam kéo theo nhu cầu đào tạo nghề theo chuẩn công nghệ đáp ứng yêu cầu nhân lực của doanh nghiệp... Thực tế này đã và đang có những tác động quan trọng đến hợp tác GDNN giữa Trung Quốc với Việt Nam.

Hiện nay, hệ thống giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc có xu hướng hiện đại và chuẩn hóa kỹ năng tiệm cận với chuẩn nghề nghiệp quốc tế. Trung Quốc sở hữu mạng lưới trường nghề quy mô lớn, ứng dụng mạnh công nghệ mô phỏng, các trung tâm thực hành tiêu chuẩn công nghiệp....tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia được xây dựng chi tiết, cập nhật thường xuyên theo nhu cầu công nghệ và tiệm cận với chuẩn nghề nghiệp quốc tế.

Vì thế, hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam có thể liên kết chuyên gia chương trình, chuẩn năng lực, xây dựng hệ thống đào tạo đồng bộ với chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Trung Quốc. Đồng thời, hai nước có cơ sở để tiến tới công nhận lẫn nhau kỹ năng nghề ở một số ngành mũi nhọn. Việt Nam có cơ hội

tiếp nhận công nghệ đào tạo nghề trong các ngành công nghệ cao, đặc biệt là kỹ thuật số, sản xuất tiên tiến trong các lĩnh vực tự động hóa, cơ điện tử, năng lượng mới...

Như vậy, bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số, đang tạo ra động lực lớn cho hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam. Công nghệ hiện đại không chỉ thúc đẩy nhu cầu nhân lực kỹ thuật mới, nhân lực có trình độ kỹ năng chuyên môn, mà còn mở ra mô hình hợp tác đào tạo linh hoạt hơn và gắn với nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp.

Thứ hai, bối cảnh chính trị và chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực của hai quốc gia.

Trong hơn bảy thập niên qua, Việt Nam và Trung Quốc đã xây dựng quan hệ “Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”, được củng cố thông qua các chuyến thăm cấp cao thường niên và nhiều tuyên bố chung về hợp tác giáo dục, khoa học – công nghệ và nguồn nhân lực. Đặc biệt, Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc (2023) và các biên bản hợp tác song phương năm 2024–2025 nhấn mạnh việc tăng cường liên kết giáo dục nghề nghiệp, đào tạo kỹ thuật viên, và chia sẻ kinh nghiệm phát triển trường nghề hiện đại.

Bối cảnh chính trị ổn định tạo điều kiện cho các chương trình hợp tác được triển khai hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực nhạy cảm như giáo dục và đào tạo. Việc các cơ chế hợp tác cấp nhà nước (như Ủy ban Liên chính phủ Việt Nam – Trung Quốc về hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học – kỹ thuật) ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động sang lĩnh vực GDNN đã giúp định hướng chiến lược thống nhất và tăng cường niềm tin chính trị, yếu tố quan trọng đối với hợp tác nhân lực.

Cả hai nước đều xác định GDNN là trụ cột của chiến lược phát triển bền vững. Việt Nam trong Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp 2021–2030, tầm nhìn 2045 nhấn mạnh yêu cầu “hội nhập quốc tế sâu rộng, nâng cao kỹ năng nghề đạt chuẩn khu vực và quốc tế”. Trung Quốc, trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 14

(2021–2025), đề cao “xây dựng hệ thống giáo dục nghề nghiệp hiện đại, gắn kết với đổi mới công nghệ và nhu cầu thị trường”.

Sự tương đồng về định hướng chính sách giúp hai nước dễ dàng tìm được mẫu số chung trong hợp tác, từ trao đổi giảng viên – sinh viên, xây dựng chương trình đào tạo song ngữ, đến phát triển trung tâm đào tạo kỹ thuật liên kết.

Thứ ba, hợp tác khu vực và cơ hội mở rộng không gian hợp tác giáo dục nghề nghiệp

Một là, khuôn khổ hợp tác khu vực: ASEAN – Trung Quốc và RCEP

Cùng với tiến trình hội nhập kinh tế, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Khuôn khổ Đối thoại ASEAN – Trung Quốc đã mở ra không gian pháp lý và thể chế mới cho hợp tác giáo dục – đào tạo nghề. Trong các chương trình hành động ASEAN – Trung Quốc giai đoạn 2021–2025, nội dung “thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, đào tạo kỹ năng và giáo dục nghề nghiệp” được xác định là trụ cột hợp tác mới.

Thông qua RCEP, việc chuẩn hóa tiêu chuẩn kỹ năng nghề và công nhận lẫn nhau về chứng chỉ nghề đang được thúc đẩy, tạo điều kiện cho lao động kỹ thuật Việt Nam và Trung Quốc có thể tham gia vào thị trường lao động khu vực một cách linh hoạt hơn. Điều này mở ra triển vọng xây dựng chương trình đào tạo nghề “chuẩn khu vực” do các cơ sở của hai nước đồng tổ chức.

Hai là, hợp tác tiểu vùng và kết nối hành lang kinh tế. Các cơ chế hợp tác tiểu vùng như Hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) và Hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng đang được đẩy mạnh, tạo điều kiện cho các chương trình đào tạo nghề theo nhu cầu địa phương và khu công nghiệp biên giới. Việc kết nối cơ sở hạ tầng và logistics trong khu vực biên giới hai nước cũng kéo theo nhu cầu lớn về lao động kỹ thuật và nhân lực song ngữ Trung – Việt.

4.3. Triển vọng hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc trao đổi giáo dục nói chung và GDNN nói riêng thường xuyên giữa các quốc gia là tất yếu khách quan, cần được các

chính phủ khuyến khích. Kể từ khi bình thường hóa quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rất coi trọng việc bồi dưỡng giao lưu lẫn nhau giữa thanh niên hai nước, cũng như giao lưu văn hóa, giáo dục. Tuyên bố chung được các nhà lãnh đạo hai nước thông qua trong các chuyến thăm trao đổi nói chung nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục tăng cường trao đổi giáo dục giữa hai nước.

Kể từ khi trở thành nền kinh tế thứ hai của thế giới, Trung Quốc đã rất quan tâm đến việc xây dựng quyền lực mềm, vì vậy họ đã tích cực thúc đẩy việc xây dựng Học viện Khổng Tử ở nước ngoài. Ngoài ra, các nhà lãnh đạo Trung Quốc gần đây đã đưa ra các sáng kiến như BRI và “Cộng đồng chia sẻ tương lai”. Các sáng kiến này rất chú trọng vào việc tăng cường giao tiếp và hợp tác giữa Trung Quốc với các nước ASEAN trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao, giáo dục và giao lưu nhân dân. Do đó, đã tạo ra không gian rộng lớn và tiềm năng phát triển rộng lớn cho giao lưu GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Trong bối cảnh chiến lược vĩ mô này, khu vực biên giới Trung Quốc và Việt Nam đã đẩy mạnh xây dựng bốn khu hợp tác kinh tế xuyên biên giới là Đông Hưng-Móng Cai, Bình Tường-Đồng Đăng, Hà Khẩu-Lào Cai và Long Bạng (Trung Quốc)-Trà Lĩnh (Việt Nam), để tận dụng thị trường sản phẩm và thị trường lao động phong phú có nguồn gốc của nhau để tham gia thương mại chế xuất xuyên biên giới, thực hiện các chính sách tự do hóa thương mại. Với sự phát triển của vùng kinh tế liên kết, nhu cầu nhân lực am hiểu thị trường, chính sách, văn hóa, ngôn ngữ của Việt Nam và Trung Quốc là rất lớn. Đây cũng chính là điều kiện quan trọng để thúc đẩy trao đổi GDNN giữa hai nước nhằm giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực. Hiểu rõ nhu cầu của thị trường, các cơ sở GDNN Việt Nam (cả công lập và dân lập) đang nỗ lực tăng cường hợp tác và trao đổi với các cơ sở giáo dục Trung Quốc, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều sinh viên được đào tạo và cải thiện cơ hội việc làm.

Thứ hai, hợp tác GDNN được cả hai quốc gia đánh giá cao và khuyến khích. Việc hai nước duy trì quan hệ chặt chẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa là xu hướng không thể đảo ngược. Có một thực tế không thể phủ nhận là giao lưu kinh tế giữa

hai nước tiếp tục phát triển trong bối cảnh các vấn đề tồn tại chưa thể giải quyết triệt để trong một sớm một chiều. Ngoài ra, tăng cường tình hữu nghị và giao lưu nhân dân thông qua phương thức hợp tác GDNN sẽ góp phần giúp nhân dân hai nước tăng cường lòng tin lẫn nhau giữa hai nước. Nhận thức được điều này, lãnh đạo Việt Nam và Trung Quốc rất coi trọng việc tăng cường giao lưu văn hóa, giáo dục giữa hai nước.

Thứ ba, Việt Nam và Trung Quốc có nhiều nét văn hóa, một số phong tục, tập quán tương đồng nên có điều kiện tốt để phát triển giao lưu giáo dục giữa hai nước. Điều kiện này giúp sinh viên Việt Nam đến du học Trung Quốc dễ thích nghi với cuộc sống hơn so với sinh viên từ các quốc gia khác. Đây cũng là một lý do khiến số lượng sinh viên Việt Nam học tập tại Trung Quốc và sinh viên Trung Quốc học tập tại Việt Nam luôn đứng đầu trong tổng số sinh viên quốc tế đến du học tại hai nước. Có thể nói, vị trí địa lý và yếu tố văn hóa đã trở thành yếu tố quan trọng đối với việc phát triển giao lưu giáo dục giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Thứ tư, cửa ngõ quan trọng để Trung Quốc hướng Nam, mở rộng quan hệ với các nước ASEAN. Vì thế tăng cường hợp tác trong lĩnh vực giáo dục nói chung và GDNN nói riêng, có ý nghĩa tích cực không chỉ đối với mối quan hệ hai nước Trung-Việt mà còn có ý nghĩa chiến lược trong việc phát triển mối quan hệ Trung Quốc-ASEAN.

Cùng với sự hình thành và phát triển của khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN, giao lưu hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, văn hóa, GDNN sẽ được mở rộng hơn nữa. Hai bên cần một đội ngũ nhân tài giỏi tiếng Trung và tiếng Việt. Có thể dự báo phạm vi hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam sẽ ngày càng mở rộng, nội dung hợp tác sẽ ngày càng sâu sắc. Việc mở rộng giao lưu hợp tác GDNN sẽ thúc đẩy tốc độ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của hai nước. Hợp tác giáo dục nói chung và hợp tác GDNN nói riêng sẽ trở thành cầu nối ngành nghề quốc tế lấy thị trường giáo dục đào tạo làm chủ thể để vận hành các loại hình đầu tư khác như đầu tư văn hóa, phân phối nguồn nhân lực v.v... Trong điều kiện toàn cầu hoá và quốc tế hoá về giáo dục hiện

nay, việc mở rộng lĩnh vực hợp tác GDNN Trung Quốc-Việt Nam sẽ là một bước đi cần thiết trong phát triển mối quan hệ hợp tác sâu rộng, toàn diện giữa hai nước.

Thứ năm, bước vào thế kỉ 21, trong bối cảnh chuyển đổi mô hình kinh tế mới, để nâng cao khả năng thích ứng của giáo dục đại học, khi cả Việt Nam và Trung Quốc đều sẽ tiếp tục tăng cường đầu tư cho giáo dục, đặc biệt GDNN, chú trọng giải quyết vấn đề chất lượng và số lượng trong GDNN, cải thiện năng lực nghiên cứu khoa học của các cơ sở GDNN. Vì thế, tăng cường giao lưu hợp tác GDNN có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Trong chiến lược phát triển giáo dục, Việt Nam chủ trương thực hiện chính sách mở rộng hợp tác GDNN giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, trong đó có Trung Quốc. Chiến lược phát triển GDNN của chính phủ Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc hợp tác trong lĩnh vực GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, các cơ sở GDNN ở Trung Quốc có thể đến Việt Nam đầu tư hoặc liên kết chương trình học, đưa hợp tác đi vào chiều sâu trong lĩnh vực GDNN của hai nước.

Thứ sáu, đối với phát triển hợp tác giáo dục quốc tế nói chung và GDNN nói riêng nhất là phục vụ cho khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN có một cơ sở thuận lợi là Chính phủ Trung Quốc và Thái Lan, Singarpo, Việt Nam đã kí hiệp định công nhận bằng cấp của nhau. Đồng thời Chính phủ hai nước Trung-Việt cũng đã kí hiệp định công nhận bằng cấp của hai nước, tạo điều kiện tốt hơn để thúc đẩy hợp tác giáo dục giữa hai bên.

Khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN đã bắt đầu khởi động về mọi mặt, trong đó xây dựng đội ngũ nhân viên điều hành là một nội dung quan trọng đối với lĩnh vực hợp tác dịch vụ thương mại. Đây cũng là điều kiện khả thi để phát triển quan hệ hợp tác GDNN Trung Quốc-Việt Nam.

Cùng với việc xây dựng và phát triển khu mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và không ngừng mở rộng hợp tác toàn diện giữa hai nước Trung-Việt, theo phương châm 16 chữ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài,

hướng tới tương lai” và tinh thần 4 tốt “Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt” thì hợp tác GDNN Trung-Việt sẽ ngày càng phát sâu rộng hơn.

Thứ bảy, Trung Quốc và Việt Nam là láng giềng hữu nghị núi liền núi sông liền sông. Hai nước đều do Đảng cộng sản lãnh đạo, cùng có mục tiêu chung là xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì thế, hai nước đều cần hợp tác trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là trên phương diện nghiên cứu lý luận cũng như phương thức vận hành nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện mục tiêu này đang cần đến một đội ngũ nhân tài không chỉ có trình độ cao về văn hóa kinh tế, chính trị, giỏi về chuyên môn khoa học kỹ thuật mà còn phải thông thạo hai ngôn ngữ là tiếng Trung và tiếng Việt. Đây là sứ mạng cao cả mà thời đại trao cho hợp tác giáo dục nói chung và GDNN nói riêng giữa hai nước và cũng là cơ hội tốt để mở rộng hợp tác GDNN giữa hai nước.

Thông qua kết quả phỏng vấn đối với doanh nghiệp cho thấy, triển vọng hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam có những cơ sở thực tiễn quan trọng: Phỏng vấn trưởng phòng nhân sự Công ty chi nhánh Luxshare tại Nghệ An, Việt Nam, cho thấy: Từ góc độ doanh nghiệp, cơ hội lớn nhất trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam là sự tương tác và giao lưu giữa các nhà trường của hai bên, cũng như nhu cầu tuyển dụng các vị trí kỹ thuật gia tăng nhờ vào sự gia tăng đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam. Hiện nay, số lượng doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam ngày càng nhiều, và những nhân viên Việt Nam biết tiếng Trung có mức lương cao hơn rất nhiều so với những nhân viên không biết tiếng Trung, vì vậy, nhiều cơ sở đào tạo Trung Quốc đang xem xét xây dựng cơ sở tại Việt Nam hoặc hợp tác với các trường Việt Nam để đáp ứng nhu cầu này. Trong cơ hội này, doanh nghiệp hy vọng thông qua mô hình hợp tác GDNN nhà trường-doanh nghiệp, có thể tăng cường hợp tác giữa các nhà trường của hai bên, giúp sinh viên nhanh chóng thích nghi với các vị trí công việc của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu lao động của doanh nghiệp và nắm bắt cơ hội hợp tác sâu sắc hơn khi thương mại và trao đổi kỹ thuật giữa Trung Quốc và Việt Nam ngày càng gia tăng.

Như vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa, giao lưu văn hóa, giáo dục giữa các quốc gia là tất yếu. Việt Nam và Trung Quốc có lợi thế về vị trí địa lý và cùng văn hóa. Ngoài ra, cả hai chính phủ đều rất coi trọng lĩnh vực giáo dục và không ngừng nỗ lực thúc đẩy trao đổi giáo dục quốc tế. Trong bối cảnh đó, giao lưu giáo dục giữa hai nước phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, và vẫn còn một không gian rộng lớn để phát triển. Mặc dù còn một số khó khăn trong hệ thống giáo dục của hai nước, nhưng nhìn chung, một khi những vấn đề mà lịch sử để lại được quản lý tốt, giao lưu giáo dục giữa hai nước sẽ có triển vọng phát triển tươi sáng. Khi cải cách và mở cửa của Việt Nam bước vào một giai đoạn mới, chính phủ Việt Nam đã khẳng định rằng giáo dục là chính sách hàng đầu của quốc gia, và giáo dục ngày càng được quan tâm. Về quy hoạch tổng thể quốc gia, chính sách kinh tế vĩ mô của hai nước và hai đảng, giao lưu giáo dục giữa hai nước chắc chắn sẽ phát triển ổn định và có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp cải cách và mở cửa của hai nước.

4.4. Giải pháp thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam trong tương lai

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả trong giai đoạn 2013-2023, hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam vẫn đối mặt với một số rào cản như chênh lệch về trình độ phát triển, hạn chế trong năng lực quốc tế hóa, và thiếu cơ chế phối hợp lâu dài. Để vượt qua những thách thức này, cần triển khai các giải pháp đồng bộ và thực chất. Mục tiêu là nâng cao hiệu quả hợp tác, bảo đảm tính bền vững và phù hợp với định hướng chiến lược của mỗi quốc gia. Phần tiếp theo sẽ trình bày các nhóm giải pháp cụ thể nhằm thúc đẩy hợp tác trong bối cảnh mới.

4.4.1. Tăng cường và đổi mới phương thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, Chính phủ hai nước cần cung cấp nhiều hơn nữa các suất học bổng cũng như định hướng ngành nghề liên quan đến đào tạo chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành về khoa học công nghệ trong đào tạo nguồn nhân lực. Việt Nam cần nhanh chóng có sự chuyển mình về trình độ giáo dục, về cơ sở vật chất để bắt kịp

với Trung Quốc, như vậy sẽ thu hút được nhiều hơn lưu học sinh Trung Quốc đến Việt Nam không chỉ học về ngôn ngữ và văn hoá mà còn học về các chuyên ngành khác mà Việt Nam có ưu thế nổi bật.

Thứ hai, tích cực khai thác các hình thức trao đổi giáo dục giữa các trường đại học nghề và trường cao đẳng nghề của hai nước. Các trường đại học nghề và trường cao đẳng nghề Trung Quốc và Việt Nam nên mở rộng hơn phương thức tham quan, học tập ngắn ngày cho sinh viên tại hai nước. Cách hợp tác này sẽ thu hút và mở rộng nhiều chuyên ngành đào tạo hơn, khắc phục tình trạng đào tạo ngôn ngữ và văn hoá là chủ yếu như hiện nay.

Thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức khác nhau, hai bên cần tăng cường giao lưu hợp tác giảng viên tiếng Trung và tiếng Việt giữa các cơ sở GDNN của hai nước. Đây chính là biện pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, góp phần thúc đẩy hợp tác thực chất giữa Trung Quốc và Việt Nam trong lĩnh vực GDNN. Muốn vậy, hàng năm, Bộ giáo dục hai nước cần có kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng, giao lưu trao đổi cụ thể giữa các trường.

Cần phải có hợp tác biên soạn tài liệu tiếng Trung và tiếng Việt. Hiện nay trong các trường đại học nghề và trường cao đẳng có rất nhiều loại tài liệu. Có một số trường căn cứ theo đặc điểm giảng dạy của mình mà tự biên soạn tài liệu. Những tài liệu này có tác dụng tích cực trong việc nâng cao trình độ giảng dạy, là một phương diện đáng được khẳng định và công nhận. Nhưng khi đi sâu nghiên cứu những tài liệu này lại phát hiện còn tồn tại những mặt hạn chế, ví dụ như biên dịch tài liệu. Giảng viên Trung Quốc và Việt Nam đều mắc lỗi ngữ pháp khi biên dịch tài liệu, nhất là đối với trường hợp dịch từ ngôn ngữ mẹ đẻ sang ngôn ngữ nước ngoài (dịch ngược). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là vì giảng viên hai nước chưa đi sâu nghiên cứu kiến thức về ngữ pháp của ngôn ngữ mình đang dạy. Đã là tài liệu giảng dạy thì không nên xuất hiện tình trạng này. Để nâng cao chất lượng giảng dạy hai nước Trung-Việt chắc sẽ phải hợp tác biên soạn ra những tài liệu có giá trị hơn.

Hợp tác biên soạn từ điển Việt-Hán, từ điển Hán-Việt. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội và tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là trong quá trình cải

cách mở cửa xuất hiện rất nhiều từ mới, thuật ngữ mới cần được thêm vào trong từ điển để thuận tiện cho sinh viên và các đối tượng sử dụng ngôn ngữ nước ngoài. Hiện nay, Trung Quốc và Việt Nam đều xuất bản rất nhiều từ điển Việt-Hán, từ điển Hán-Việt có tác dụng tích cực nhất định đối với việc giảng dạy và học tập. Nhưng những quyển từ điển này vẫn tồn tại một số hạn chế không giải thích từ, cũng không có hoặc rất ít nêu ví dụ cụ thể. Thậm chí còn xuất hiện tình trạng sai sót làm cho các cuốn từ điển này chưa hoàn chỉnh. Trong thời gian tới, hy vọng ngành giáo dục hai nước, nhất là cơ quan quản lý việc biên soạn từ điển có sự hợp tác tốt hơn để biên soạn được những cuốn từ điển chuẩn xác, có giá trị hơn.

Ngoài ra, cần tìm kiếm các hướng hợp tác mới như công nhận tín chỉ lẫn nhau, giúp người học vừa có thể tham gia môi trường đào tạo tiên tiến ở nước ngoài, vừa đảm bảo lộ trình kết thúc chương trình đào tạo ở trong nước, trong khi gánh nặng tài chính không quá lớn.

Thứ ba, cần tích cực mở rộng hợp tác với nhiều trường đại học nghề và trường cao đẳng nghề ở các thành phố lớn của cả hai nước. Phát huy vai trò của các ngành hàng đầu, các ngành lợi thế trong các trường đại học lớn giữa hai nước để thực hiện các đề án liên kết đào tạo, đồng thời, tăng cường hợp tác trao đổi giáo viên và sinh viên cùng nghiên cứu khoa học thông qua hình thức hợp tác liên trường. Hình thức này sẽ làm tăng sức ảnh hưởng của các trường đại học Trung Quốc tại Việt Nam, từ đó, thu hút nhiều sinh viên Việt Nam học tập tại Trung Quốc.

Thứ tư, hai nước cũng cần cổ vũ hơn nữa hợp tác giáo dục giữa các đại học tư nhân bởi những đơn vị dân doanh này có những sự linh hoạt, năng động nhất định trong việc đáp ứng nhanh những chuyển động về nhu cầu lực lượng lao động giữa hai nước. Vì vậy trong tương lai, cần mở thêm các cơ hội giao lưu, diễn đàn giao lưu giáo dục giữa hai nước để thu hút nhiều hơn nữa các đơn vị giáo dục mang tính tư nhân.

Thứ năm, ngoài ra, cần chú trọng, thúc đẩy phát triển hơn nữa hợp tác giáo dục giữa các tỉnh biên giới của Việt Nam và Trung Quốc. Các địa phương này đang là nơi có hợp tác kinh tế rất mật thiết, vì vậy nhu cầu nguồn nhân lực đặc biệt là

nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên ngành ngày càng gia tăng. Nếu chính phủ hai nước, chính quyền các địa phương biên giới có thể thúc đẩy mạnh mẽ hơn các hiệp định về giáo dục đã ký kết thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các bạn sinh viên các tỉnh biên giới của Việt Nam đi sang Trung Quốc học tập và ngược lại. Như vậy, sẽ giúp hai bên đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo cơ sở thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương cả về kinh tế, ngoại giao, nhân văn... đi vào chiều sâu, thiết thực hơn.

4.4.2. Nâng cao khả năng quốc tế hóa của giáo viên và sinh viên hai nước

Cả Trung Quốc và Việt Nam đều cần tạo cơ hội và nền tảng cho giáo viên và sinh viên tích cực tham gia các hoạt động giao lưu quốc tế. Ví dụ, các đối tác hợp tác nên thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên, giáo viên, đồng thời tổ chức các hội thảo quốc tế về GDNN. Giao tiếp và hợp tác với những người từ các nền văn hóa khác nhau có thể nâng cao sự hiểu biết và tôn trọng văn hóa của nhau và cải thiện kỹ năng giao tiếp đa văn hóa. Các đối tác có thể tăng cường các khóa đào tạo đa văn hóa, bao gồm ngôn ngữ, văn hóa, các vấn đề quốc tế, v.v... để phát triển năng lực quốc tế của giáo viên và học sinh. Các khóa học này có thể giúp giáo viên và học sinh hiểu được sự khác biệt và điểm chung giữa các nền văn hóa khác nhau. Trong các khóa học này, sinh viên có thể học các kỹ năng như cách thích nghi với các môi trường văn hóa khác nhau, cách giao tiếp hiệu quả với những người có nguồn gốc văn hóa khác nhau v.v. Cả hai đối tác đều có thể giới thiệu các tài nguyên giáo dục quốc tế để làm phong phú thêm nội dung giảng dạy. Đồng thời, bằng cách tham gia các hội thảo giáo dục quốc tế và trao đổi học thuật, giáo viên có thể liên tục nâng cao tầm nhìn quốc tế và tích lũy kiến thức, từ đó nâng cao khả năng quốc tế hóa.

4.4.3. Cân đối nguồn lực và trình độ phát triển giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, tăng cường chia sẻ và hợp tác nguồn lực, thúc đẩy phân phối cân bằng tài nguyên giáo dục thông qua các nền tảng hợp tác liên vùng.

Thiết lập nền tảng hợp tác liên vùng. Nền tảng này nên được thiết lập bởi chính phủ, các bên tham gia bao gồm cơ sở giáo dục và doanh nghiệp. Thông qua các chương trình giao lưu, đào tạo thường xuyên, nền tảng hợp tác liên ngành sẽ tạo nhiều cơ hội hơn để chia sẻ, hợp tác các nguồn lực giáo dục như tài liệu giảng dạy, đồ dùng giảng dạy và thiết bị thí nghiệm, để hiện thực hóa lợi thế bổ sung nguồn lực và nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy.

Thiết lập cơ chế phân bổ tài nguyên giáo dục. Với sự trợ giúp của nền tảng hợp tác liên vùng, hai bên cần xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn lực để đảm bảo sử dụng và phân bổ hợp lý các nguồn lực giáo dục theo nhu cầu thực tế của các vùng khác nhau, nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục của từng vùng và thúc đẩy sự phối hợp liên vùng. Ngoài ra, các bên đối tác có thể thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá dự án để theo dõi tiến độ và kết quả của dự án hợp tác. Thông qua việc đánh giá thường xuyên, các đối tác có thể xác định kịp thời vấn đề phân bổ nguồn lực không đồng đều và có các biện pháp điều chỉnh tương ứng để đảm bảo phân bổ cân bằng và phát triển bền vững các nguồn lực giáo dục.

Thứ hai, đẩy mạnh phối hợp, hợp tác quy hoạch phát triển giáo dục, đạt được sự cân đối, phối hợp các cấp độ phát triển.

Trung Quốc và Việt Nam có thể thiết lập một thỏa thuận hợp tác song phương hoặc tuyên bố chung để làm rõ hướng đi và mục tiêu hợp tác và thiết lập một chính sách giáo dục chung. Hai bên có thể tham vấn các lĩnh vực trọng tâm và biện pháp chính sách phát triển GDNN để thúc đẩy sự phối hợp và nhất quán của kế hoạch phát triển giáo dục. Hai bên có thể thiết lập một nền tảng trao đổi thường xuyên để lập kế hoạch phát triển giáo dục và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn của mình. Thông qua các cuộc gặp gỡ thường xuyên, đánh giá và nghiên cứu so sánh, hai bên được khuyến khích hiểu nhu cầu giáo dục và kế hoạch phát triển của nhau để hợp tác tốt hơn. Thông qua việc thành lập tổ chức quản lý tài nguyên giáo dục thống nhất, hai bên có thể lập kế hoạch tổng thể và phân bổ nguồn lực giáo dục để đảm bảo phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn lực. Điều này sẽ giúp đảm bảo sự cân đối, công bằng trong phát triển giáo dục, đảm bảo các nguồn lực giáo dục của tất cả các

vùng được sử dụng triệt để, tránh được vấn đề tập trung, phân tán quá mức các nguồn giáo dục. Bằng cách thiết lập các tiêu chuẩn giáo dục chung và cơ chế đảm bảo chất lượng, cả hai bên có thể đảm bảo chất lượng và tính bền vững của các dự án chung. Hai bên có thể cùng nhau xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn giáo dục, chia sẻ kinh nghiệm về đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng và uy tín của GDNN.

4.4.4. Tăng cường quản lý hoạt động hợp tác giáo dục nghề nghiệp và thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, đẩy mạnh xây dựng khuôn khổ, thỏa thuận hợp tác lâu dài, tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên, bảo đảm hoạt động ổn định của các dự án hợp tác.

Trong quá trình thúc đẩy trao đổi và hợp tác quốc tế về GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, điều quan trọng là hai bên phải thiết lập một khuôn khổ và thỏa thuận hợp tác lâu dài, ổn định và hiệu quả. Khuôn khổ và thỏa thuận này không chỉ có thể đảm bảo hoạt động ổn định của các dự án hợp tác mà còn làm rõ quyền và trách nhiệm của tất cả các bên, tăng cường tính liên tục và chiều sâu của hợp tác.

Hai bên cần có một cuộc trao đổi chuyên sâu để hiểu được nhu cầu, mục tiêu và tầm nhìn của nhau trong GDNN. Sự hiểu biết sâu sắc này có thể cung cấp định hướng và mục tiêu rõ ràng cho việc thiết lập khuôn khổ hợp tác. Dựa trên nhu cầu và mục tiêu của cả hai bên, có thể xác định các chủ đề và lĩnh vực hợp tác. Khi đã xác định được các chủ đề và lĩnh vực hợp tác, hai bên cần thảo luận thêm về các hình thức và phương thức hợp tác cụ thể, chẳng hạn như sử dụng giảng dạy trực tuyến từ xa, các chuyến đi thực tế và học tập, trao đổi ngắn hạn hay hợp tác dài hạn.

Sau khi làm rõ chủ đề, lĩnh vực, hình thức và phương thức hợp tác, hai bên cần xây dựng thỏa thuận hợp tác chi tiết. Thỏa thuận nên bao gồm các điều khoản chính như quyền và nghĩa vụ của các bên, thời hạn hợp tác, nguồn vốn sử dụng vốn, quyền sở hữu trí tuệ và cơ chế giải quyết tranh chấp. Để đảm bảo tiến độ dự án hợp tác diễn ra suôn sẻ, hai bên có thể thành lập ủy ban hợp tác hoặc tổ công tác chịu trách nhiệm về công tác phối hợp, giám sát và đánh giá hàng ngày. Nhóm nên tổ chức các cuộc họp thường xuyên để thảo luận về tiến độ của dự án hợp tác và các

vấn đề hiện có, đồng thời đề xuất các giải pháp tương ứng. Hai bên cũng cần thiết lập cơ chế quản lý và giám sát dự án hiệu quả để đảm bảo dự án chung có thể được thực hiện theo kế hoạch và tiêu chuẩn đã định trước. Điều này bao gồm phát triển một kế hoạch làm việc rõ ràng, phân công lao động, thời gian và đánh giá và phản hồi dự án thường xuyên.

Thứ hai, thiết lập cơ chế quản lý dự án hợp lý để đảm bảo tính bền vững và phát triển lâu dài của các dự án, chương trình hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Trong giao lưu và hợp tác quốc tế về GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, điều cần thiết là phải thiết lập một cơ chế quản lý dự án hợp lý để đảm bảo tính bền vững và phát triển lâu dài của dự án hợp tác. Trong giai đoạn đầu hợp tác, hai bên nên cùng nhau xây dựng kế hoạch và mục tiêu dự án rõ ràng. Kế hoạch dự án nên bao gồm chi tiết thời gian của dự án, phân bổ nguồn lực và phân chia trách nhiệm. Có mục tiêu dự án rõ ràng cung cấp một định hướng và tầm nhìn chung để cả hai bên làm việc cùng nhau. Tiếp theo, hai bên cần thiết lập cơ cấu tổ chức rõ ràng cho dự án và làm rõ vai trò, trách nhiệm của từng thành viên. Hai bên xác định chủ nhiệm dự án và tổ dự án để đảm bảo dự án hoạt động trơn tru và thực hiện trách nhiệm của các bên. Hai bên nên chuẩn bị các nguồn lực khác nhau cần thiết cho dự án theo kế hoạch và nhu cầu của dự án, chẳng hạn như kinh phí, nhân lực, trang thiết bị và tài liệu giảng dạy, v.v., để đảm bảo phân bổ nguồn lực hợp lý và tránh lãng phí, thiếu hụt nguồn lực. Ngoài ra, hai bên nên thiết lập các kênh liên lạc tốt để đảm bảo liên lạc và chia sẻ thông tin kịp thời giữa tất cả các bên tham gia dự án. Hai bên nên tổ chức các cuộc họp dự án và hội thảo thường xuyên để trao đổi kinh nghiệm và giải quyết vấn đề. Đồng thời, hai bên cần tăng cường giao tiếp, phối hợp để cùng thúc đẩy sự phát triển của dự án và hiện thực hóa các mục tiêu. Hai bên nên tiến hành đánh giá, rà soát dự án thường xuyên để kiểm tra tiến độ và hiệu quả của dự án, đồng thời xác định và giải quyết các vấn đề kịp thời. Kết quả đánh giá và rà soát có thể cung cấp bài học cho sự hợp tác trong tương lai và giúp hai bên tối ưu hóa hơn nữa việc quản lý và vận hành.

Thông qua cơ chế quản lý dự án hợp lý, trao đổi và hợp tác quốc tế về GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam có thể đạt được sự phát triển bền vững. Chỉ khi đạt được giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong quá trình quản lý dự án, phân bổ hợp lý nguồn lực, thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài, hai bên mới có thể đảm bảo tiến độ dự án suôn sẻ và thúc đẩy sự phát triển liên tục của giao lưu, hợp tác quốc tế về GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

4.4.5. Tăng cường chiều sâu hợp tác giáo dục nghề nghiệp trong các ngành, lĩnh vực liên quan đến các dự án BRI và thông qua tổ chức ASEAN

Trung Quốc là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Theo thống kê của BRI, thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng, từ 8.363.641 triệu USD năm 2014 lên 19.229.008 triệu USD năm 2020, tăng 129,91%, cao thứ hai trong số 64 quốc gia thuộc BRI và cao thứ nhất trong 11 quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) [104]. Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại đầu tiên có kim ngạch thương mại song phương vượt 100 tỉ đô la Mỹ trong số hơn 200 quốc gia và khu vực có quan hệ thương mại với Việt Nam. Tham gia vào BRI sẽ tăng cường hơn nữa hợp tác kinh tế, thương mại và tạo ra những lợi ích kinh tế lớn hơn cho hai quốc gia. Nó đồng nghĩa với việc điều chỉnh nhu cầu cung ứng nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực liên quan xung quanh các dự án của BRI như xây dựng cơ sở hạ tầng đường sắt, đường hầm, sân bay, cầu đường. Do vậy, hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án này là yêu cầu cấp thiết. Trong quá trình này, các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cần hợp tác đặc biệt với các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất của Trung Quốc. Sự liên kết hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp gồm các hoạt động như tham quan thực tế, nhận sinh viên thực tập tốt nghiệp, xây dựng chương trình đào tạo, trao đổi chuyên môn, học tập kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

So với các khu vực khác trên thế giới trong bối cảnh Trung Quốc thực thi BRI, sự phát triển hợp tác giáo dục đại học giữa Trung Quốc và ASEAN có thể được coi là nhanh chóng và toàn diện nhất [40]. Trung Quốc và ASEAN đã đạt

được nhiều kết quả trong hợp tác giáo dục đại học. Do đó, Việt Nam cần tích cực tham gia hợp tác và trao đổi với ASEAN trong lĩnh vực giáo dục, không chỉ để nắm bắt các cơ hội quan trọng của BRI mà còn nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế.

Ở cấp độ quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tích cực tham gia vào các diễn đàn, hội nghị, mạng lưới hợp tác giáo dục ASEAN-Trung Quốc như Tuần lễ trao đổi giáo dục Trung Quốc-ASEAN, Hội nghị bàn tròn cấp Bộ trưởng Giáo dục Trung Quốc-ASEAN, Mạng lưới các trường đại học ASEAN mở rộng (ASEAN+3 Unet). Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường đại học cần chủ động tham gia vào các hoạt động hợp tác như: Không gian giáo dục đại học ASEAN 2025; Hội nghị Lãnh đạo Thanh niên Đại học ASEAN-Trung Quốc; Chương trình Lãnh đạo giáo dục Tương lai; Mạng lưới hợp tác và trao đổi giữa các trường đại học kỹ thuật và công nghệ ASEAN -Trung Quốc; Diễn đàn giáo dục kỹ thuật số ASEAN-Trung Quốc. Thông qua nền tảng hợp tác này, sẽ tăng cường hơn nữa sự hiểu biết, tình hữu nghị và đoàn kết giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Đồng thời góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ, nghiên cứu khoa học.

Ở cấp độ địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học của Việt Nam tại các tỉnh giáp ranh với Vân Nam, Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Quốc cần phát huy ưu thế của mình về vị trí địa lý, quan hệ thương mại lâu đời để thúc đẩy hợp tác giáo dục. Bởi khu vực này là cửa ngõ để Trung Quốc hướng vào ASEAN. Hợp tác giáo dục ở cấp độ này có thể giúp các trường cải thiện trình độ giáo dục hiện có, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hơn cho sự phát triển kinh tế địa phương.

Quốc tế hóa giáo dục đại học là một xu hướng phát triển khách quan. BRI không chỉ là con đường hợp tác kinh tế mà còn là con đường giao lưu văn hóa - giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học. Thực trạng hợp tác trước khi Việt Nam tham gia vào BRI và những hiệu quả đầu tiên đối với giáo dục đại học Việt Nam sau khi Việt Nam tham gia BRI cho thấy, hai quốc gia cần tăng cường hơn nữa chiều sâu hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học.

Để quá trình này đạt hiệu quả, Việt Nam cần hoàn thiện cơ chế chính sách hợp tác giáo dục ở cấp quốc gia; các cơ sở giáo dục đại học cần tận dụng tối đa cơ hội hợp tác xung quanh các dự án BRI trong đào tạo nguồn nhân lực, liên kết đào tạo trường đại học và doanh nghiệp, hợp tác nghiên cứu khoa học, trao đổi học giả, đồng thời tích cực tham gia tìm kiếm cơ hội hợp tác dựa trên nền tảng ASEAN. Việc tăng cường hợp tác giáo dục đại học là cách thức để Việt Nam tham gia vào làn sóng cạnh tranh giáo dục quốc tế cũng như khắc phục được những tồn tại trong quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4.4.6. Một số giải pháp đối với Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý giáo dục và đào tạo trong hợp tác quốc tế về giáo dục nói chung và GDNN nói riêng.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật phù hợp với thực tiễn hợp tác về GDNN đang là vấn đề cấp thiết đặt ra. Theo đó, cần chú trọng rà soát và hoàn thiện thể chế, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hợp tác GDNN và đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực GDNN. Cơ chế, chính sách thu hút các nhà khoa học, sinh viên nước ngoài đến học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở GDNN của Việt Nam cần được hoàn thiện hơn. Đồng thời, cần hoàn thiện thêm một bước trong các quy định về tiêu chuẩn, bằng cấp của giáo viên nước ngoài giảng dạy tại cơ sở GDNN, đặc biệt là các hình thức giáo dục mở, giáo dục số, theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định hiện hành của Việt Nam.

Thứ hai, cải thiện các chính sách hợp tác quốc tế trong GDNN. Hợp tác quốc tế về GDNN là xu thế tất yếu trong phát triển hội nhập kinh tế toàn cầu, tạo cơ hội phát triển cho mỗi quốc gia, đặc biệt là những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Quốc tế hóa GDNN ở Việt Nam hiện nay còn nhiều tồn tại. Thực trạng hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam cho thấy, việc xây dựng các chính sách liên quan để thúc đẩy hợp tác về GDNN một cách sâu rộng là rất cấp thiết.

Để thực hiện điều này, Chính phủ hai nước cần xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan một cách cụ thể trong hợp tác và trao đổi sinh viên, chương trình trao

đổi học giả, công nhận lẫn nhau về văn bằng học thuật để đảm bảo sự ổn định và hiệu quả của hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Thứ ba, các cơ quan liên quan của Chính phủ như Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu thúc đẩy hợp tác quốc tế ở cấp cao như mở các phân hiệu đại học Trung Quốc ở Việt Nam; các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng các chương trình liên kết đào tạo mà Trung Quốc là một trong những quốc gia có thế mạnh hàng đầu như khoa học trí tuệ nhân tạo, sinh học và kỹ thuật [40]; tổ chức diễn đàn cấp cao để trao đổi GDNN nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tạo điều kiện để hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam phát triển theo các nền tảng mới.

Thứ tư, nâng cao chất lượng GDNN của Việt Nam, hướng tới được công nhận ở nhiều nước trên thế giới nói chung và được Trung Quốc công nhận nói riêng.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, chương trình GDNN của Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, chưa bắt kịp các tiêu chuẩn, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tiên tiến trên thế giới. Đây là nguyên nhân cơ bản khiến GDNN Việt Nam đang có khoảng cách lớn với nhiều quốc gia trên thế giới nói chung và so với Trung Quốc nói riêng.

Do vậy, cần tiếp tục đổi mới chương trình, nội dung GDNN theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, phù hợp với mặt bằng chung của hệ thống GDNN tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Chú trọng thực hiện tốt liên kết đào tạo giữa các cơ sở GDNN trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học. Mặt khác, các cơ sở GDNN Việt Nam cần xây dựng chiến lược phát triển hợp tác quốc tế về GDNN phù hợp với sự thay đổi của tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Tích cực nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm GDNN của Trung Quốc và thế giới. Tăng cường trao đổi sinh viên, giảng viên thuộc các lĩnh vực khác nhau của các cơ sở GDNN sang các cơ sở GDNN tiên tiến của Trung Quốc và các nước trên thế giới để học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ.

Thứ năm, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về hợp tác GDNN Việt Nam và Trung Quốc.

Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo nói chung, hợp tác GDNN nói riêng, là một tiến trình vừa mang lợi ích công, vừa có tính dịch vụ thương mại theo cơ chế thương mại và phi thương mại. Cả hai cơ chế đó đều cần thiết cho yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo của đất nước và đang diễn ra chủ yếu theo bốn nhóm dịch chuyển xuyên biên giới: người học, nhà giáo, chương trình giáo dục và đào tạo và cơ sở giáo dục và đào tạo. Do đó, những vấn đề cần nâng cao nhận thức là: việc đào tạo theo các chương trình qua mạng đang diễn ra tự phát, chưa có quy định pháp lý; trong du học là hiện tượng chảy máu “chất xám”, chảy ngoại tệ, chất lượng khó kiểm soát; trong hiện diện thương mại là sự hình thành và phát triển tự phát, khó điều tiết của thị trường giáo dục và đào tạo; trong hiện diện thể nhân là những vấn đề nảy sinh về an ninh, an toàn và việc làm khi mở cửa đón các nhà giáo dục và đào tạo nước ngoài theo cơ chế thương mại. Từ đó, để đáp ứng tốt yêu cầu, cần giải quyết hài hòa mối quan hệ cân bằng giữa cơ chế thương mại và phi thương mại để phát huy tốt nhất các cơ hội mà hội nhập quốc tế về GDNN mang lại.

Cần nhận thức rằng, hợp tác quốc tế về GDNN đang mở ra cơ hội khai thác tốt hơn các nguồn lực nước ngoài, bao gồm: tài chính, con người, tri thức, công nghệ và kinh nghiệm. Đồng thời, cũng tạo ra những thách thức khi giáo dục và đào tạo thể giới đã bước sang giai đoạn đẩy mạnh giáo dục và đào tạo mở, giáo dục số. Các phương thức cung ứng GDNN xuyên biên giới giờ đây có thể hoàn toàn thực hiện trên mạng Internet với sự hình thành của các kho tài nguyên giáo dục mở (OER), các khóa học trực tuyến mở đại chúng (MOOC). Giáo dục mở, giáo dục số đang diễn tiến theo mô hình trung tâm - ngoại vi. Nghĩa là, ở trung tâm là các trường đại học lớn của các nước phát triển, ngoại vi là các đại học của những nước đang phát triển. Trong đó, trung tâm đóng vai trò chi phối và dẫn dắt. Vì thế, nhất là khi xuất hiện ChatGPT nói riêng và trí tuệ nhân tạo nói chung, cũng đồng thời xuất hiện việc áp đặt tri thức của các nước phát triển đối với các nước đang phát triển vốn có những khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội và truyền thống văn hóa. Đây là thách thức đã được cảnh báo ở những nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam khi quá trình quốc tế hóa GDNN diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Trong bối cảnh trên, lãnh đạo các cơ sở GDNN cần nhận thức rõ, hợp tác quốc tế trong GDNN là một trong những phương hướng tiên phong để nâng cao chất lượng GDNN hiện nay. Đồng thời, cần có định hướng rõ ràng và có kế hoạch cụ thể để khai thác những cơ hội, nguồn lực và tiềm năng mà hợp tác quốc tế mang lại để nâng cao chất lượng GDNN; đổi mới tư duy về tổ chức, nhân lực, tài chính của trường đại học cho phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Trong đó, cần tập trung vào xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Do đó, lãnh đạo các trường đại học cần thường xuyên quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương, các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo đại học cho phù hợp với điều kiện của từng trường để có chủ trương, biện pháp hợp tác đào tạo phù hợp, hiệu quả với từng chuyên ngành.

Việc hợp tác GDNN cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng, bảo đảm đúng pháp luật, phù hợp với văn hóa truyền thống của mỗi nước và nhu cầu của thị trường. Trên cơ sở Đề án của Chính phủ, các chương trình hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo với các đối tác quốc tế, các cơ sở GDNN cần xây dựng chương trình, kế hoạch, lộ trình thực hiện phù hợp với thực tiễn đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động. Lựa chọn những lĩnh vực, ngành nghề hợp tác mà Việt Nam chưa đào tạo được, hoặc đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường đại học cần phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng giáo dục, đào tạo; thường xuyên trao đổi, nắm bắt thông tin của đối tượng được cử đi đào tạo ở Trung Quốc, hoặc tham gia đào tạo với các tổ chức giáo dục quốc tế ở Việt Nam để kịp thời xử lý các tình huống nảy sinh trong thực tiễn.

Thứ sáu, phát huy tính chủ động, tích cực trong hợp tác quốc tế về GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc. Quán triệt và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nói chung và GDNN nói riêng, các chương trình hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban giám hiệu các cơ sở GDNN cần tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch, xác định rõ

những lĩnh vực, ngành nghề liên kết đào tạo với các cơ sở GDNN của Trung Quốc; xác định rõ vai trò, sứ mệnh của trường trong hệ thống giáo dục quốc dân, đẩy mạnh việc thực hiện các cam kết hợp tác, trao đổi với các cơ sở GDNN Trung Quốc phù hợp với đặc điểm tình hình, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Mở rộng liên kết đào tạo và hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở GDNN của Trung Quốc có uy tín; khuyến khích hình thành một số cơ sở giáo dục và đào tạo của Việt Nam ở Trung Quốc cùng với việc tiếp tục phát triển cơ sở GDNN của Trung Quốc ở Việt Nam. Đồng thời, tăng cường trao đổi thông tin trong quá trình đào tạo, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh. Tiến hành khảo sát, đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo đã ký kết, hợp tác thông qua năng lực giảng dạy, chất lượng công việc của giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường. Đẩy mạnh việc ký kết song phương và đa phương về GDNN với các cơ sở GDNN của Trung Quốc.

Để có thể chủ động, tích cực hợp tác GDNN, các cơ sở GDNN ở Việt Nam cần tăng cường đầu tư theo hướng “chuẩn hóa” cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ hiện đại cho công tác quản lý. Mặt khác, cần đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển các phần mềm chuyên dụng để quản lý từng nội dung của nhiệm vụ giáo dục và đào tạo đại học qua mạng internet; tập trung đầu tư nâng cấp thư viện.

Tiểu kết chương 4

Hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam nói riêng và hợp tác GND với các quốc gia khác trên thế giới nói chung, giúp các cơ sở GDNN của Việt Nam phát triển chương trình, đạt trình độ tiên tiến so với khu vực khu vực và thế giới; đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và dạy nghề tiếp cận nền giáo dục tiên tiến của các nước; tiến tới công nhận văn bằng, chuyển đổi tín chỉ và kỹ năng nghề giữa Việt Nam và Trung Quốc, cũng như với các nước trong khu vực và thế giới; tăng cường quy mô học sinh, sinh viên, học viên gửi đi đào tạo, bồi dưỡng ở Trung Quốc cũng như ở các quốc gia trên thế giới; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục và dạy nghề các cấp phục vụ hội nhập quốc tế trong hoạt động GDNN. Trong nội dung chương 4, luận án đã phân tích làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những kết quả đạt được, hạn chế trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023. Các kết quả đạt trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013–2023, đã có những bước phát triển đáng kể cả về quy mô, nội dung và hình thức, đặc biệt trong các lĩnh vực đào tạo kỹ thuật, trao đổi nhân lực, liên kết nhà trường – doanh nghiệp và chuyển giao chương trình đào tạo. Những kết quả này chủ yếu bắt nguồn từ nền tảng quan hệ chính trị - ngoại giao ổn định, chiến lược phát triển GDNN của hai quốc gia, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Hiện nay, trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều biến động, đặc biệt là xu hướng chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập giáo dục, hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam được dự báo tiếp tục có nhiều cơ hội phát triển. Triển vọng hợp tác không chỉ dừng lại ở mở rộng quy mô mà còn hướng tới việc nâng cao chất lượng, chiều sâu và tính thực chất, gắn với nhu cầu của thị trường lao động và chuỗi giá trị khu vực.

Trên cơ sở nghiên cứu triển vọng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, luận án đã đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, bao gồm: (1) Tăng cường và đổi mới phương thức hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam; (2) Nâng cao khả năng quốc tế hóa của giáo viên và

học sinh hai nước; (3) Cân đối nguồn lực và trình độ phát triển giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam; Tăng cường quản lý hoạt động hợp tác GDNN và thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài giữa Trung Quốc và Việt Nam; (4) Tăng cường quản lý hoạt động hợp tác giáo dục nghề nghiệp và thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài giữa Trung Quốc và Việt Nam; (5) Tăng cường chiều sâu hợp tác GDNN trong các ngành, lĩnh vực liên quan đến các dự án BRI và thông qua nền tảng ASEAN; (6) Một số giải pháp đối với Việt Nam.

KẾT LUẬN

GDNN trong phát triển kinh tế đất nước, có vị trí, vai trò quan trọng trong cung ứng nhân lực lao động qua đào tạo cho thị trường lao động. Hợp tác GDNN nói chung và tăng cường hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam được xem là giải pháp quan trọng, phù hợp với xu thế mới nhằm nâng cao chất lượng GDNN ở Việt Nam hiện nay. Đẩy mạnh hợp tác GDNN với Trung Quốc để nâng cao chất lượng đào tạo GDNN sẽ giúp nắm bắt cơ hội, nâng cao năng suất lao động và bắt kịp xu hướng thay đổi, phát triển của khu vực và thế giới. Vì thế, tăng cường hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam đã trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở GDNN Việt Nam hiện nay, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, đồng thời cũng mở ra cơ hội để sinh viên Việt Nam bắt kịp xu hướng và hòa nhập tốt được với thị trường lao động khu vực và thế giới.

Trong nội dung chương 1, luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và phân tích làm rõ những khoảng trống luận án cần nghiên cứu về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023.

Trong nội dung chương 2, luận án đã tập trung nghiên cứu hệ thống hoá cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam. Trong đó, tập trung nghiên cứu và hệ thống hoá cơ sở lý luận về hợp tác GDNN bao gồm: các khái niệm liên quan đến hợp tác GDNN, cơ sở lý thuyết. Đồng thời, luận án nghiên cứu, phân tích và làm rõ cơ sở thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam bao gồm các nội dung: bối cảnh thực tiễn của hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam; tình hình GDNN của Trung Quốc và Việt Nam; và chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của hai quốc gia Trung Quốc và Việt Nam. Bên cạnh đó, luận án nghiên cứu và làm rõ vai trò ý nghĩa của hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng tới hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Trong nội dung chương 3, luận án nghiên cứu thực trạng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023. Từ năm 2013 đến nay, hợp tác

GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam đã đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, và tăng cường quan hệ hợp tác song phương. Luận án đã tập trung nghiên cứu, phân tích và làm rõ những thành tựu đạt được trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam trong giai đoạn 2013-2023: Về số lượng du học sinh Việt Nam ở Trung Quốc; Các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023; Về liên kết đào tạo nghề đã triển khai; Về thành lập các cơ sở GDNN tại Việt Nam trong những hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam; Về hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; Về bồi dưỡng, trao đổi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và học sinh sinh viên; Về trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung cấp chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo; Về tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực

Đồng thời, luận án nghiên cứu và phân tích làm rõ một số trường hợp tiêu biểu về loại hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023, cụ thể bao gồm: (1) Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường - doanh nghiệp: Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh (Trung Quốc) - trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội (Việt Nam) - Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thành Thanh Đảo; Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Giao thông Sơn Đông (Trung Quốc)-trường Cao đẳng Lý Thái Tổ (Việt Nam)-Công ty Goertek tại Khu công nghiệp Bắc Ninh; (2) Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường - doanh nghiệp, bao gồm: Mô hình hợp tác của cơ sở giáo dục nghề nghiệp với chi nhánh Công ty Luxshare tại Nghệ An, Việt Nam với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Dệt may Thường Châu và Công ty TNHH Ngũ Dương; Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng Dệt may Thường Châu và Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt (Việt Nam); (3) Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường –

trường, bao gồm: Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam (Trung Quốc) với trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam); Hợp tác giữa Trường Cao đẳng Nghề Nam Ninh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam.

Trong nội dung chương 4, luận án đã phân tích và đánh giá chung làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023; nghiên cứu triển vọng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, từ đó luận án đã đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, bao gồm:

Thứ nhất, tăng cường và đổi mới phương thức hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Thứ hai, nâng cao khả năng quốc tế hóa của giáo viên và học sinh hai nước.

Thứ ba, cân đối nguồn lực và trình độ phát triển giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Thứ tư, tăng cường quản lý hoạt động hợp tác GDNN và thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Thứ năm, tăng cường chiều sâu hợp tác GDNN trong các ngành, lĩnh vực liên quan đến các dự án BRI và thông qua nền tảng ASEAN.

Thứ sáu, một số giải pháp đối với Việt Nam.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Liu Yangming, Duong Thi Huong (2024), “*The impact of artificial intelligence on the labor market and some adaptive solutions for vocational education in China today*”, Proceedings of the 19th International Conference on Humanities and Social Sciences (IC-HUSO 2024), Khon Kaen University, Thailand, pp. 341–344.
2. 刘洋铭 (2025), “中国式现代化视域下面向东盟的职业教育国际化路径探究” [J] *现代教育论坛*, 8(8), 99-101.
3. 刘洋铭, 杜文会 (2025), “基于元宇宙的‘中文+职业技能’教学模式研究”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Xây dựng chương trình, phát triển học liệu và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, Đại học Đại Nam, Hà Nội*, 306-313.
4. 董博, 金松, 刘洋铭*(Tác giả liên hệ), (2026), “高职 ‘新商科’ 学生就业能力提升探究——基于就业内驱力视角” [J] *深圳青年*, (5), 140-142.
5. 董博, 金松, 刘洋铭*(Tác giả liên hệ), (2026), “数智化时代高职学生就业能力提升——基于非认知人力资本视角” [J] *教育发展与创新*, (5), 13-15.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số: 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội, ngày 4 tháng 11 năm 2013.
2. Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Chỉ thị số 21-CT/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2023.
3. Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội (2024), *Thông tư số: 14/2024/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp*, Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024.
4. Nguyễn Văn Căn (2006), “Cải cách giáo dục đại học Trung Quốc trong những năm thực hiện chiến lược-Khoa giáo hưng quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1(65), tr. 61-69.
5. Đỗ Xuân Hiền (2018), *Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam-Trung Quốc (2008-2018)*, Luận văn thạc sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
6. Đoàn Như Hùng (2016), “Liên kết đào tạo giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp ở một số nước trên thế giới và Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học giáo dục* (124), tr. 58-62.
7. Vũ Minh Hải (2013), “Nhìn lại 60 năm quan hệ ngoại giao và hợp tác giáo dục Việt-Trung”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* 5(141), tr. 59-64.
8. Vũ Minh Hải (2019), “Hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam-Trung Quốc những năm gần đây: Thực trạng, vấn đề và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* 11(219), tr. 43-54.

9. Vũ Minh Hải (2019), *Quan hệ giao lưu và hợp tác giáo dục giữa Việt Nam-Trung Quốc giai đoạn từ 1950 đến nay*, Luận án Tiến sĩ Đông Phương học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
10. Lương Văn Kế (2012), Quốc tế học và khu vực học: Những khía cạnh phương pháp luận, *Tạp chí Khoa học, Đại học quốc gia Hà Nội*, Ngoại ngữ 28 (2012), tr.194-209.
11. Nguyễn Lâm (1958), *Lịch sử giáo dục học thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
12. Lưu Hoàng Linh (2023), “Một số kết quả hợp tác giáo dục giữa Việt Nam-Trung Quốc hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/10/03/mot-so-ket-qua-hop-tac-giao-duc-giua-viet-nam-trung-quoc-hien-nay/>.
13. Hoàng Khắc Nam (2013), “Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế: Những luận điểm chính và sự đóng góp”, *Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội*, Tập 29, số 1, tr.17-26.
14. Lê Thị Tuyết Nga, Đinh Thị Ngọc Hà (2018), “Liên kết đào tạo nghề ở Singapore và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo* (10), tr. 41-43.
15. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật số: 74/2014/QH13 Luật Giáo dục nghề nghiệp*, ngày 27 tháng 11 năm 2014.
16. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật số: 43/2019/QH14, Luật giáo dục*, Hà Nội ngày 27 tháng 6 năm 2019.
17. Tịch Xảo Quyên, Trương Ái Tử (2012), *Khoa học kỹ thuật và giáo dục Trung Quốc*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
18. Thủ tướng chính phủ (2021), *Quyết định số: 2239/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045*, Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021.
19. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số: 1232/QĐ-TTg Phê duyệt Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, giai đoạn 2021-2025*, Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021.
20. Nguyễn Vũ Tùng - Hoàng Anh Tuấn (2006), *Quan hệ đối tác chiến lược trong quan hệ quốc tế: Từ lý thuyết đến thực tiễn*, Học viện Quan hệ quốc tế.

21. Vũ Minh Tuấn (2005), “Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc”, *Kỷ yếu hội thảo — Việt Nam-Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
22. Vũ Minh Tuấn (2005), “Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc trên đà phát triển”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (2), tr. 48-54.
23. Đinh Văn Toàn (2016), “Hợp tác đại học-doanh nghiệp trên thế giới và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học* 32(4), tr. 69-80.
24. Đường Quốc Tùng (2014), “So sánh chính phủ cấp giáo dục của dân tộc thiểu số vùng biên giới Việt Nam và Trung Quốc (Trường hợp Lào Cai, Lai Châu Việt Nam và châu Hồng Hà Vân Nam, Trung Quốc từ 2010 tới nay)”, Luận văn chuyên ngành Châu Á học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
25. Thủ tướng Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021), *Quyết định số: 2239/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021.
26. Vụ Hợp tác Quốc tế (1996), *Hướng dẫn về quan hệ quốc tế trong giáo dục và đào tạo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
27. Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2005), *Kỷ yếu hội thảo: Việt Nam-Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
28. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
29. Nguyễn Thị Quý (2024), Sáng kiến “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc và một số kiến nghị hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học Việt-Trung, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam* Tập 20 (02), tr. 68-75.

Tiếng Anh

30. Acemoglu D., Pischke J.-S. (1998), “Why Do Firms Train? Theory and Evidence”, *The Quarterly Journal of Economics*, Vol. 113 (1), pp. 79-119.
31. Asian Development Bank (2004), *Improving Technical Education and Vocational Training Strategies for Asia*, Asian Development Bank, Manila.

32. Changsong Niu (2014), "China's educational cooperation with Africa: toward new strategic partnerships", *Asian Education and Development Studies*, Vol. 3 (1), pp. 31-45.
33. Corson D.J. (1985), "Education for work: Reflections towards a theory of vocational education", *International Review of Education*, Vol. 31 (3), pp. 283-302.
34. Dempsey K., Tao X. (2017), "Australian VET in China: What has Changed?", *Internationalization in Vocational Education and Training: Transnational Perspectives*, Springer, Cham, pp. 149-166.
35. Dickmann M., Müller-Camen M., Kelliher C. (2009), "Exploring standardisation and knowledge networking processes in transnational human resource management", *Personnel Review*, Vol. 38 (1), pp. 5-25.
36. Doty, Charles R.; Weissman, Rae (1984), "Vocational Education Theory", *Journal of Vocational and Technical Education*, Vol. 1 (1), pp. 5-12.
37. F.N. d'Hooghe, I., Montulet, A., de Wolff, M., Pieke F.N. (2018), *Assessing Europe-China Collaboration in Higher Education and Research*, Leiden Asia Centre, Leiden.
38. GR Durden, G. Yang (2006), "Higher vocational education in China: A preliminary critical review of developments and issues in Liaoning province", *Journal of European Industrial Training*, Vol. 30 (1), pp. 50-63.
39. Jiaben Zhu (2017), "Exploring the Prospect of Vocational Education in the Context of One Belt One Road Strategic", *Proceedings of the 2017 3rd International Conference on Economics, Social Science, Arts, Education and Management Engineering (ESSAEME 2017)*, *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, Vol. 133, pp. 123-126.
40. J. Wang, W. Yang (2017), "Reflections on China-ASEAN Higher Education Cooperation in the Context of the 'Belt & Road Initiative'", *Proceedings of the 2nd International Symposium on Business Corporation and Development in South-East and South Asia under B&R Initiative*, pp. 241-244.

41. Junmin Li, Matthias Pilz (2021), “International transfer of vocational education and training: a literature review”, *Journal of Vocational Education & Training*, Vol. 75 (2), pp. 1-22.
42. Jannette Ryan (2011), *China’s Higher Education Reform and Internationalisation*, Routledge, London.
43. Li, Y. Y. (2017), “A Comparative Study on Higher Vocational Education for Construction Engineering Technology Majors in China and Australia”, *Proceedings of the 2016 2nd International Conference on Economics, Management Engineering and Education Technology (ICEMEET 2016)*, Atlantis Press, pp. 341-344.
44. Ministry of Education of the People’s Republic of China (2020), *Education Action Plan for the Belt and Road Initiative*, Xinhua Silk Road Information Service.
45. Rui Gan (2021), “The Economic Phenomenon Behind the Education in China, and the Development Prospects and Suggestions for Vocational Education in China”, *Journal of Contemporary Educational Research*, Vol. 5 (9), pp. 1-5.
46. Simon McGrath (2012), “Vocational education and training for development: A policy in need of a theory?”, *International Journal of Educational Development*, Vol. 32 (5), pp. 623-631.
47. Sun, H. (2017, January), “Discussion on Vocational Education in China and Germany from the Perspective of College-Enterprise Cooperation”, *Proceedings of the 2016 2nd International Conference on Economics, Management Engineering and Education Technology (ICEMEET 2016)*, Atlantis Press, pp. 788-792.
48. Sanna Nummela., Pauliina Holm (2023), *Diagnosis of Vocational Education and Training (TVET) in Vietnam for Building Further Cooperation between EU, Finland and Viet Nam*, EduCluster Finland.
49. Siyu Liu., Ian Hardy (2023), “Understanding Chinese national vocational education reform: a critical policy analysis”, *Journal of Vocational Education & Training*, Vol. 75 (5), pp. 1-19.

50. Vi Hoang Dang (2016), “The Relationships Between the Vocational Education Training Providers and Enterprises: Theory and Practice”, *International Journal of Education & Literacy Studies*, Vol. 4 (2), pp. 1-7.
51. Wilkins, S., & Balakrishnan, M. S. (2012), “Internationalization of Higher Education: Implications for Quality Assurance and Accreditation”, *Quality in Higher Education*, Vol. 18, No. 1, pp. 117–131.
52. Xinhua (2019), “Joint Communiqué of the Leaders’ Roundtable of the 2nd Belt and Road Forum for International Cooperation”, *The State Council Information Office of the People's Republic of China*.
53. Yan, N., & Xu, M. (2020, July). “A Study of China-ASEAN Higher Education Exchange & Cooperation in the Background of China-ASEAN Strategic Partnership”. In 4th International Symposium on Business Corporation and Development in South-East and South Asia under B&R Initiative (ISBCD 2019) (pp. 246-251). Atlantis Press.

Tiếng Trung

54. 北京外国语大学国际教育研究院 (2019), *70 年中国教育的对外开放: 中国国际教育发展报告(汉英对照)[M]*, 上海: 华东师范大学出版社.
55. 陈立 (2011), *越南高等教育发展研究[M]*, 浙江: 浙江大学出版社.
56. 符泽云 李国会 杨洁 (2024), “云南与越南职业教育国际化合作研究——以中越联合声明为切入点”[J], *河北职业教育*, 8(04), 55-58.
57. 李翠霞 裴氏莺 (2022), “RCEP 背景下中越职业教育合作研究”[J], *广西教育*, (12), 8-11+33.
58. 刘进 张利伟 (2019), “一带一路”高等教育国别比较研究[M], 北京: 北京理工大学出版社.
59. 罗海英 吴丹 (2019), “‘一带一路’背景下中国—东盟现代工匠学院建设路径研究——以中越新能源汽车现代工匠学院为例”[J], *汽车维护与修理* (02), 82-85+87.
60. 马晋芳 (2023), “中越高等教育合作探究”[J], *社会科学前沿*, 12(1), 403-407.

61. 农立夫 (2012), “中国与越南现代教育合作回顾与展望”[J]. *学术论坛*, 35 (02), 206-210.
62. 孙晓冬 (2024), “中越职业教育国际交流与合作路径探究”[J], *科学咨询* (03), 192-195.
63. 覃艳娟 韩书争 (2019), “‘一带一路’背景下中越高等教育合作的成就、挑战与对策”[J], *民族教育研究*, 30 (05), 66-72.
64. 王廷冠 (2024), “越南职业教育发展与中越职业教育合作展望”[J], *教育国际交流*, (06), 53-56.
65. 中华人民共和国教育部 (2023), “中国职业教育发展报告 (2012-2022)”, 2023 年 4 月 23 日.
66. 于富增 江波 朱小玉 (2002), *教育国际交流与合作史*[M], 海南: 海南出版社.
67. 余祖光 (2011), “职业教育校企合作中工业文化对接的新动向”[J], *职业技术教育* 32(25), 5-10.
68. 周红利 王仲珏 (2021), “‘一带一路’视角下的越南职业教育研究”[J], *北京财贸职业学院学报*, 37 (02), 40-44.

Website

69. Brand Finance (2023), Brand Finance Global Soft Power Index 2023, <https://mcy.gov.ae/ar/wp-content/uploads/sites/3/2024/08/Global-Soft-Power-Index-2023.pdf>, ngày truy cập 22 tháng 4 năm 2025.
70. Brand Finance (2024), Brand Finance Global Soft Power Index 2024, <https://static.brandirectory.com/reports/brand-finance-soft-power-index-2024-digital.pdf>, ngày truy cập 22 tháng 4 năm 2025.
71. Brand Finance (2025), Brand Finance Global Soft Power Index 2025, <https://static.brandirectory.com/reports/brand-finance-soft-power-index-2025-digital.pdf>, ngày truy cập 22 tháng 4 năm 2025.
72. Nguyễn Trần Bách Diệp (2017). *Triển vọng của Thái Lan khi đào tạo kỹ năng tại nơi làm việc*. <http://truongchinhtrithanhhoa.gov.vn/web/trang-chu/tai-lieu-tham>

- khao/kinh-nghiem-dao-tao-boi-duong-trong-va-ngoai-nuoc/trien-vong-cua-thai-lan-khi-dao-tao-ky-nang-tai-noi-lam-viec.html, ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
73. <https://vov.vn/chinh-tri/hop-tac-chien-luoc-trong-linh-vuc-giao-duc-giua-viet-nam-trung-quoc-111044.vov>, ngày truy cập 22 tháng 2 năm 2025.
 74. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=4225>, ngày truy cập 2 tháng 1 năm 2025.
 75. <http://gdnn.gov.vn/AIAdmin/News/View/tabid/66/newsid/37681/seo/Trung-Quoc-tuyen-bo-ve-nhung-cai-cach-chu-yeu-trong-linh-vuc-giao-duc-nghe-nghiep/Default.aspx>, ngày truy cập 21 tháng 1 năm 2025.
 76. <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/giao-duc/ban-bi-thu-ban-hanh-chi-thi-ve-doi-moi-nang-cao-chat-luong-giao-duc-nghe-nghiep-144788>, ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
 77. Phương Thảo (2022), *Hợp tác giáo dục giữa 4 tỉnh biên giới Việt Nam với tỉnh Quảng Tây* (Trung Quốc). <https://giaoducthoidai.vn/hop-tac-giao-duc-giua-4-tinh-bien-gioi-viet-nam-voi-tinh-quang-tay-trung-quoc-post609154.html>. 23/09/2022 22:06 (GMT+7), ngày truy cập 2 tháng 1 năm 2025.
 78. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Giang (2023), Hội nghị trao đổi công tác giáo dục giữa các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang Việt Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc năm 2023, <http://hagiang.edu.vn/tin-tuc-su-kien/hoi-nghi-trao-doi-cong-tac-giao-duc-giua-cac-tinh-quang-ninh-lang-son-cao-bang-ha-giang-viet-nam-525439>, ngày truy cập 2 tháng 1 năm 2025.
 79. Báo Hà Giang (2024), Hội nghị trao đổi công tác giáo dục giữa bốn tỉnh biên giới Việt Nam và Khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, <https://baohagiang.vn/xa-hoi/202411/hoi-nghi-trao-doi-cong-tac-giao-duc-giua-bon-tinh-bien-gioi-viet-nam-va-khu-tu-tri-dan-toc-choang-tinh-quang-tay-trung-quoc-1ef395d/>, ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
 80. Hạnh Quỳnh (2024), VNU-USSH và Học viện Hạ Châu (Trung Quốc) kí kết thoả thuận hợp tác trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học, <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/hop-tac-phat-trien/vnu-uss-ha-hoc-vien-ha-chau->

- trung-quoc-ki-ket-thoa-thuan-hop-tac-trong-viec-dao-tao-nghien-cuu-khoa-hoc-22911.html, ngày truy cập 22 tháng 3 năm 2025.
81. Đại Hữu (2024), VNU-USSH: Thúc đẩy hợp tác đào tạo và trao đổi sinh viên với các trường Đại học tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/hop-tac-phat-trien/vnu-ussh-thuc-day-hop-tac-dao-tao-va-trao-doi-sinh-vien-voi-cac-truong-dai-hoc-tinh-quang-tay-trung-quoc-22787.html>, ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
 82. Shanghai Ranking, “Academic Ranking of World Universities”, Shanghai Rangking, 2020. <http://www.shanghairanking.com/rankings/arwu/2020>
 83. https://www.vietnamplus.vn/hop-tac-giao-duc-giua-bon-tinh-bien-gioi-viet-nam-voi-trung-quoc-post995702.vnp#google_vignette. Minh Tâm (2024), Hợp tác giáo dục giữa bốn tỉnh biên giới Việt Nam với Trung Quốc, ngày truy cập 22 tháng 3 năm 2025.
 84. [https://vnu.edu.vn/ttsk/?C2093/N34762/dHQGHN-va-dH-Ha-Mon-\(Trung-Quoc\)-ky-ket-hop-tac-trong-dao-tao-va-nghien-cuu.htm](https://vnu.edu.vn/ttsk/?C2093/N34762/dHQGHN-va-dH-Ha-Mon-(Trung-Quoc)-ky-ket-hop-tac-trong-dao-tao-va-nghien-cuu.htm). Đại học Quốc gia Hà Nội (2024), ĐHQGHN và ĐH Hà Môn (Trung Quốc) ký kết hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu, ngày truy cập 11 tháng 2 năm 2025.
 85. <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/sinh-vien/hoc-bong-trao-doi-sinh-vien/09-sinh-vien-vnu-ussh-nhan-hoc-bong-toan-phan-cua-chinh-phu-trung-quoc-nam-2023-19226.html>. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (2023), 09 sinh viên VNU-USSH nhận học bổng toàn phần của Chính phủ Trung Quốc năm 2023, ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
 86. <https://giaoducthoidai.vn/that-chat-quan-he-hop-tac-giao-duc-viet-nam-trung-quoc-post664347.html>. Giáo dục và Thời đại (2023), Thắt chặt quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc, ngày truy cập 21 tháng 1 năm 2025.
 87. https://www.yidaiyilu.gov.cn/info/iList.jsp?tm_id=513. BR net, 一带一路大数据指数 (Các dữ liệu Vành đai và Con đường), (2022), ngày truy cập 20 tháng 2 năm 2025.

88. <https://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/thong-cao-chung-viet-namtrung-quoc-109004-22.html>. Thông cáo chung Việt Nam-Trung Quốc (2017), truy cập ngày 15/8/2019.
89. <https://nhandan.vn/tuyen-bo-chung-viet-nam-trung-quoc-post309290.html>. Báo điện tử Nhân dân (2017), Tuyên bố chung Việt Nam-Trung Quốc, truy cập ngày 28/2/2025.
90. <https://vietnamnet.vn>. Việt Nam-Trung Quốc: Những dấu mốc ấn tượng trong hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục, ngày 07/11/2022, ngày truy cập 9 tháng 11 năm 2024.
91. <https://vietnamese.cri.cn/2024/08/12/ARTIcR3ID7o1fUgCEdsMy7fQ240812.shtml>, ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
92. <http://baoquangninh.com.vn/xa-hoi/201811/ky-ket-hop-tac-giao-duc-giua-4-tinh-bien-gioi-viet-nam-voi-quang-tay-trung-quoc-2409497>, Báo điện tử Quảng Ninh, (2018), “Ký kết hợp tác giáo dục giữa 4 tỉnh biên giới Việt Nam với Quảng Tây (Trung Quốc)”, truy cập ngày 02/3/2022.
93. <https://baoquocte.vn>. Lưu học sinh Việt Nam tại Trung Quốc: Cầu nối hữu nghị giữa nhân dân hai nước. ngày 23/10/2021, ngày truy cập 9 tháng 11 năm 2024.
94. <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/hoi-nhap-quoc-te-ve-gddt/Pages/tin-tuc.aspx?ItemID=9132>, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), Tăng cường hợp tác giữa đại học Việt Nam với Đại học Thanh Hoa, Trung Quốc, ngày truy cập 12 tháng 2 năm 2025
95. <https://vnuf.edu.vn/dien-dan-hieu-truong-cac-truong-dai-hoc-lamnghiep-khu-vuc-song-me-kong-mo-ra-nhieu-co-hoihop-tac-moi.html>. Trường Đại học Lâm nghiệp, Diễn đàn Hiệu trưởng các trường đại học Lâm nghiệp khu vực Sông Mê Kông mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới, (2023), ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
96. <https://www.hau.edu.vn/vn/tintuc/truong-dai-hoc-cong-nghiep-ha-noi-ky-ket-thoathuan-hop-tac-dao-tao-voi-truong-dai-hoc-khoa-hocky-thuat-quang-tay-trung-quoc/64028>. Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo với Trường Đại học Khoa học kỹ thuật Quảng Tây, Trung Quốc, (2023), ngày truy cập 10 tháng 12 năm 2024.

97. <https://hic.com.vn/le-ky-ket-bien-ban-thoa-thuan-hop-tac-mou-giua-truong-cao-dang-quoc-te-ha-noi-va-hoc-vien-ky-thuat-co-dien-van-nam-trung-quoc/>. Trần Hà Anh (2024), Lễ ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác (MOU) giữa Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội và Trường Cao đẳng Nghề Cơ Điện Vân Nam (Trung Quốc), ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
98. <https://lic.edu.vn/2023/11/30/le-ky-ket-thoa-thuan-hop-tac-giua-hoc-vien-ky-thuat-co-dien-quang-tay-trung-quoc-va-truong-cao-dang-ly-thai-to-lic/>. Trường Cao đẳng Lý Thái Tổ (2023), Lễ Ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Trường Cao đẳng Nghề Cơ điện Quảng Tây (Trung Quốc) và Trường Cao đẳng Lý Thái Tổ (LIC), ngày truy cập 12 tháng 11 năm 2024.
99. <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/tin-hoat-dong/phat-trien-quan-he-va-co-hoi-hop-tac-cua-truong-dhkhxh-nv-voi-49-truong-dh-cua-trung-quoc-21897.html>. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội (2023), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thu hút hợp tác quốc tế từ 49 trường đại học của Trung Quốc, ngày 22/4/2023, ngày truy cập 9 tháng 2 năm 2025.
100. <https://thanhvien.vn>. Trường Đại học nhiều sinh viên Trung Quốc nhất nước không có người học đến từ Vũ Hán, ngày 1/02/2020, ngày truy cập 12 tháng 11 năm 2024.
101. <https://giaoducthoidai.vn/that-chat-quan-he-hop-tac-giao-duc-viet-nam-trung-quoc-post664347.html>. Phạm Khánh (2023), Thắt chặt quan hệ hợp tác giáo dục Việt Nam-Trung Quốc, ngày truy cập 3 tháng 1 năm 2025.
102. <https://vietnamese.cri.cn/2024/08/12/ARTIcR3lD7o1fUgCEdsMy7fQ240812.shtm>
1. Thanh Xuân (2024), Hợp tác giáo dục Trung-Việt: Triển vọng phát triển mạnh mẽ, ngày truy cập 12 tháng 1 năm 2025.
103. <https://ussh.vnu.edu.vn/vi/news/hop-tac-phat-trien/vnu-ussh-va-hoc-vien-ha-chau-trung-quoc-ki-ket-thoa-thuan-hop-tac-trong-viec-dao-tao-nghien-cuu-khoa-hoc-22911.html>. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội (2024), VNU-USSH và Học viện Hạ Châu (Trung Quốc) ký kết thỏa thuận hợp tác trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học, ngày truy cập 10 tháng 1 năm 2025.

104. BRI net, 一带一路大数据指数 (Các dữ liệu Vành đai và Con đường), (2022), https://www.yidaiyilu.gov.cn/info/iList.jsp?tm_id=513, ngày truy cập 13 tháng 2 năm 2025.
105. http://www.moe.gov.cn/jyb_xwfb/gzdt_gzdt/s5987/201902/t20190213_369226.html, ngày truy cập 10 tháng 2 năm 2025.
106. 7 nước có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam. <https://tayninh.dcs.vn/vi/news/thoi-su/7-nuoc-co-quan-he-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-voi-viet-nam-6176.html>, ngày truy cập 9 tháng 1 năm 2025
107. Điềm lại những chuyến thăm cấp cao đánh dấu các mốc quan hệ Việt Nam-Trung Quốc, <https://congan.binhphuoc.gov.vn/tin-tuc-trong-tinh/diem-lai-nhung-chuyen-tham-cap-cao-danh-dau-cac-moc-quan-he-viet-nam-trung-quoc-327167>, ngày truy cập 9 tháng 2 năm 2025.
- 108.职业教育这十年：培养数以亿计的高素质产业生力军_滚动新闻_中国政府网 https://www.gov.cn/xinwen/2022-05/25/content_5692164.htm, ngày truy cập 15 tháng 3 năm 2025.
- 109.http://www.moe.gov.cn/jyb_xwfb/s5147/201909/t20190927_401296.html. 新中国 70 年职业教育改革发展历程-中华人民共和国教育部政府门户网站 (中华人民共和国教育部政府门户网, 2019. 新中国 70 年职业教育改革发展历程 -, moe.gov.cn, ngày truy cập 10 tháng 12 năm 2024.
- 110.中 华 人 民 共 和 国 职 业 教 育 法 _ 滚 动 新 闻 _ 中 国 政 府 网 https://www.gov.cn/xinwen/2022-04/21/content_5686375.htm
- 111.常 纺 丝 路 学 院 (华 利 达 越 南 中 心) 签 订 与 揭 牌 仪 式 https://www.czhld.com/new_detail/nid/80669.html. ngày truy cập 10 tháng 4 năm 2025.
- 112.常 纺 高 等 职 业 教 育 人 才 培 养 质 量 年 度 报 告 (2020) https://www.cztgi.edu.cn/_upload/article/files/7c/83/c50bf6f347689c4e70c54f2d8138/3460a49c-13f5-4f2d-931c-8e210bac22c4.pdf

113. Machine vision là gì? Tổng hợp thông tin về thị giác máy <https://tpa-fas.com.vn/Tin/machine-vision-la-gi-tong-hop-thong-tin-ve-thi-giac-may>. ngày truy cập 13 tháng 6 năm 2025.
114. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2024), Dấu ấn phát triển lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp trong năm 2023, <https://molisa.gov.vn/baiviet/239531>. ngày truy cập 13 tháng 6 năm 2025.
115. Đại học Kinh tế Quốc dân (2024), <https://www.neu.edu.vn/vi/thong-bao-1424/trien-khai-khung-trinh-do-quoc-gia-viet-nam-doi-voi-cac-trinh-do-giao-duc-nghe-nghiep>, Triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp, truy cập ngày 13 tháng 6 năm 2025.
116. Cơ quan thống kê quốc gia, Cục thống kê – Bộ Tài chính (2023), Giáo dục nghề nghiệp, <https://www.nso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V1329&theme=Gi%C3%A1o%20d%E1%BB%A5c#>. Truy cập ngày 30/9/2025.
117. Ngân Anh (2023), Năm dấu ấn phát triển của giáo dục nghề nghiệp trong năm 2023, <https://nhandan.vn/nam-dau-an-phat-trien-cua-giao-duc-nghe-nghiep-trong-nam-2023-post790657.html>, Truy cập ngày 30/9/2025.
118. 中国教育在线从“层次”到“类型” 职业教育进入高质量发展新阶段 - 中华人民共和国教育部政府门户网站

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phỏng vấn các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam

Thông tin về người được phỏng vấn:

- Đơn vị công tác:

- Chức vụ:

I. Tình hình hợp tác tổng thể

1. Doanh nghiệp của quý vị bắt đầu hoạt động tại Việt Nam vào năm nào?

2. Động cơ và mục tiêu ban đầu của doanh nghiệp khi hợp tác với các trường cao đẳng nghề là gì? Đến nay đã đạt được những kết quả giai đoạn nào?

3. Trong quá trình hợp tác, mô hình hợp tác chủ yếu là gì? Đã trải qua những giai đoạn phát triển và thay đổi nào?

II. Nội dung hợp tác cụ thể

4. Trong hoạt động hợp tác giáo dục nghề nghiệp với các trường cao đẳng ở Việt Nam, doanh nghiệp đã tham gia vào xây dựng chương trình, tham gia đào tạo nghề cho sinh viên tại các trường cao đẳng ở Việt Nam như thế nào? Đã gặp phải những khó khăn gì và cách giải quyết ra sao?

5. Doanh nghiệp đã cung cấp những cơ hội thực tập, thực hành nào cho sinh viên của trường đối tác? Hiệu quả của chương trình thực tập được đánh giá như thế nào?

6. Trong việc xây dựng đội ngũ giảng viên, doanh nghiệp đã có những biện pháp gì để hỗ trợ sự phát triển chất lượng đội ngũ giảng viên trường đối tác?

III. Khó khăn và cơ hội trong hợp tác

7. Khi hợp tác với các trường cao đẳng nghề, khó khăn lớn nhất mà doanh nghiệp gặp phải là gì? Khó khăn đó đến từ chính sách, sự khác biệt văn hóa hay từ các yếu tố khác?

8. Theo quý vị, cơ hội lớn nhất hiện nay đối với hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam là gì? Doanh nghiệp nên tận dụng những cơ hội này như thế nào để thúc đẩy hợp tác sâu rộng hơn?

IV. Triển vọng hợp tác trong tương lai

9. Đối với hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung-Việt trong tương lai, doanh nghiệp có những kỳ vọng và đề xuất gì? Mong muốn có những đổi mới nào trong lĩnh vực hợp tác và phương thức hợp tác?

10. Dưới góc độ doanh nghiệp, làm thế nào để thúc đẩy tốt hơn sự phối hợp phát triển giữa hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung-Việt với phát triển kinh tế khu vực?

Phụ lục 2: Phỏng vấn các trường cao đẳng nghề tại Việt Nam

Thông tin về người được phỏng vấn:

Đơn vị công tác:

Chức vụ:

I. Tình hình hợp tác tổng thể

1. Trường bắt đầu hợp tác giáo dục nghề nghiệp với các cơ sở đào tạo của Trung Quốc từ khi nào? Bối cảnh và quá trình ra quyết định hợp tác diễn ra như thế nào?

2. Cho đến nay, những thành tựu nổi bật nhất mà trường đã đạt được trong hợp tác với các cơ sở đào tạo của Trung Quốc là gì? Những thành tựu này đã ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nhà trường?

II. Nội dung hợp tác cụ thể

1. Hình thức hợp tác cụ thể giữa trường với các cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp Trung Quốc như thế nào?

2. Trong việc xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường đã kết hợp triết lý và đặc trưng của hai bên ra sao? Việc chia sẻ tài nguyên giảng dạy như giáo trình, khóa học trực tuyến được thực hiện thế nào? Hiệu quả ra sao?

3. Trường đã cử giảng viên sang các cơ sở đào tạo của Trung Quốc để học tập và trao đổi như thế nào? Sau khi trở về, những giảng viên này đã đóng góp gì cho sự đổi mới trong giảng dạy của trường?

III. Khó khăn và cơ hội trong hợp tác

1. Trong quá trình hợp tác với các cơ sở đào tạo của Trung Quốc, những rào cản và thách thức chính mà trường gặp phải là gì? Trường đã giải quyết như thế nào trước những khác biệt về văn hóa và hệ thống giáo dục?

2. Theo quý vị, các chính sách như Sáng kiến “Vành đai và Con đường” đã mang lại những cơ hội gì cho hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam? Nhà trường đã tận dụng những cơ hội này như thế nào?

IV. Triển vọng hợp tác trong tương lai

1. Trong tương lai, trường mong muốn đạt được những thành tựu gì trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp với các cơ sở đào tạo của Trung Quốc?
2. Trường có những chiến lược và mục tiêu nào cho sự hợp tác giáo dục nghề nghiệp với Trung Quốc trong thời gian tới?
3. Để thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung-Việt ngày càng sâu rộng, nhà trường mong muốn nhận được sự hỗ trợ và đảm bảo nào từ phía chính phủ?

Phụ lục 3: Phỏng vấn các trường cao đẳng nghề Trung Quốc

Thông tin về người được phỏng vấn:

Đơn vị công tác:

Chức vụ:

I. Tình hình hợp tác tổng thể

1. Những yếu tố nào được nhà trường cân nhắc khi triển khai hợp tác giáo dục nghề nghiệp với phía Việt Nam (bao gồm các trường nghề và doanh nghiệp tại Việt Nam)?

2. Trong quá trình hợp tác với phía Việt Nam, nhà trường đã có những thay đổi gì trong lĩnh vực hợp tác quốc tế và đào tạo nhân lực?

II. Nội dung hợp tác cụ thể

3. Những mô hình hợp tác cụ thể giữa nhà trường và phía Việt Nam là gì? Nhà trường đã điều chỉnh nội dung giảng dạy và phương pháp đào tạo như thế nào để phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của sinh viên hoặc người lao động Việt Nam?

4. Trường có đào tạo chuyên ngành tiếng Việt không? Theo quý vị, trong quá trình hợp tác với Việt Nam, việc nắm vững tiếng Việt có phải là điều kiện cần thiết không?

III. Khó khăn và cơ hội trong hợp tác

5. Khi hợp tác với các trường nghề Việt Nam, nhà trường gặp phải những vấn đề gì liên quan đến chính sách, hỗ trợ tài chính...? Nhà trường đã giải quyết những vấn đề này như thế nào?

6. Trước sự phát triển của nền kinh tế ASEAN, theo quý vị, hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới nào?

IV. Triển vọng hợp tác trong tương lai

7. Nhà trường có những định hướng và đột phá nào trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp với phía Việt Nam trong tương lai?

8. Trong việc thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao giữa Trung Quốc và Việt Nam, nhà trường mong muốn các hiệp hội ngành nghề và doanh nghiệp đóng vai trò gì?

Phụ lục 4: Thống kê về một số nội dung hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

STT	Thời gian	Đối tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đối tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GĐNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	2017			Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam									Ngày 17 tháng 11, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cùng đoàn đại biểu gồm 50 người đã đến thăm và làm việc tại trường.
2	2018			Bộ Ngoại giao Việt Nam									Ngày 29 tháng 10, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Phạm Quang Vinh cùng đoàn đại biểu gồm 28 người đã đến thăm và làm việc tại trường.
													Ngày 23 tháng 9, Trường Đại học Nghề Nông nghiệp Quảng Tây phối hợp với Trung tâm Đào tạo Nông nghiệp Trung Quốc – ASEAN tổ chức Khóa đào tạo ASEAN về sản xuất chăn nuôi tiêu chuẩn hóa, thuộc dự án viện trợ giáo dục năm 2019. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, khóa học được chuyển sang hình thức trực tuyến và tổ chức vào năm 2021. Khóa đào tạo thu hút 30 học viên đến từ 4 quốc gia: Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan, là cán bộ, giảng viên và chuyên viên đến từ viện nghiên cứu, cơ quan khuyến nông và trường nghề. Nội dung chương trình gồm 8 chuyên đề, như: phát triển ngành gà thịt, nuôi bò sữa và quản lý trang trại nuôi lợn theo tiêu chuẩn hóa. Đội ngũ giảng dạy bao gồm các chuyên gia, giảng viên của trường và cán bộ quản lý cấp cao từ các doanh nghiệp chăn nuôi hàng đầu của Quảng Tây. Học viên cũng tham gia Diễn đàn và Triển lãm Giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc – ASEAN 2021, cùng Hội thảo Giao lưu Giáo dục nghề nghiệp Nông nghiệp Trung Quốc – ASEAN lần thứ ba (trực tuyến). Khóa đào tạo nhằm quảng bá mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại của Trung Quốc, thúc đẩy tiêu chuẩn nông nghiệp Trung Quốc ra quốc tế, đồng thời tăng cường hợp tác đào tạo nhân lực và kỹ thuật nông nghiệp giữa Trung Quốc và các nước ASEAN.
3	2021	Trường Đại học Nghề Nông nghiệp Quảng Tây (trước đây là Trường Cao đẳng Nghề Nông nghiệp Quảng Tây)	Tây Bộ	Lào, Việt Nam, Campuchia, Thái Lan	✓		✓	✓	✓				Trường ĐH Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây đẩy mạnh hợp tác với các nước ASEAN trong bối cảnh “Vành đai và Con đường”. Năm 2023, thành lập Học viện Thư cả Nông nghiệp Hiện đại Trung – Lào, phối hợp mở phân hiệu tại Lào, đào tạo mô hình “tiếng Trung + kỹ thuật nông nghiệp” với 50 sinh viên, xây dựng 8 học phần quốc tế, 2 học phần đưa vào nền tảng ASEAN. Cùng Viện Nông lâm Lào xây dựng trạm thử nghiệm, đào tạo 1.500 cán bộ kỹ thuật, phổ biến 60 giống ưu tú, ban hành 7 tiêu chuẩn kỹ thuật. Tham gia dự án lúa gạo xanh tiểu vùng Mekong tại 4 nước, tác động hơn 22.000 mẫu, đào tạo 820 lượt người. Trường hợp tác với 15 trường quốc tế, trao đổi hơn 600 lượt giáo viên và sinh viên. Đồng sáng lập 2 liên minh giáo dục nghề nghiệp quốc tế, hợp tác với 17 doanh nghiệp ra nước ngoài.
4	2022-2023			Campuchia, Miến Điện, Lào, Việt Nam	✓	✓	✓	✓	✓	✓			Năm 2016, hai trường đã ký kết thỏa thuận, bắt đầu thiết lập quan hệ hợp tác. Tháng 12 năm 2023, đoàn đại biểu Trường Đại học Nghề Nông nghiệp Quảng Tây đã đến thăm Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam), trao đổi ý kiến về thỏa thuận hợp tác đã ký kết vào năm 2016, đồng thời đạt được nhận thức chung mới về cụ thể hóa và mở rộng các dự án hợp tác, trao đổi giảng viên, cũng như hợp tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp.
5	2016-2023			Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang									Từ năm 2018, Trường ĐH Kỹ thuật NN Quảng Tây và Trường ĐH Hải Phòng (Việt Nam) ký kết hợp tác, triển khai nhiều nội dung thiết thực. Năm 2019, thành lập cơ sở thực hành ngoài trường tại Hải Phòng; tháng 5/2023, hai bên ký kết thỏa thuận mới về đào tạo, trao đổi giảng viên – sinh viên, và bồi dưỡng chuyên môn. Tháng 12/2023, đoàn trường sang thăm ĐH Hải Phòng, cùng tổng kết thành quả và nhất trí đẩy mạnh hợp tác về nghiên cứu khoa học, trao đổi sinh viên và liên kết đào tạo. Hình thức hợp tác tương ứng Luật GĐNNN gồm: 1) Liên kết đào tạo, 3) Nghiên cứu – hội thảo, 4) Trao đổi cán bộ – người học, 8) Hình thức khác theo quy định pháp luật.
6	2018-2023			Đại học Hải Phòng Việt Nam	✓		✓	✓					

STT	Thời gian	Đội tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đội tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GĐNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
7	2023	Trường Đại học Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây (trước đây là Trường Cao đẳng Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây)	Tây Bộ	Đại học Hải Phòng Việt Nam: Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang; Đại học Nông nghiệp Quốc gia Việt Nam; Hiệp hội Rượu và Đồ uống Việt Nam	✓	✓	✓	✓					Trường Đại học Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây có 130 sinh viên chính quy đến từ các nước ASEAN như Việt Nam, Thái Lan, Lào, với các ngành đào tạo gồm kỹ thuật sản xuất cây trồng, kỹ thuật làm vườn, chăn nuôi thú y và y học động vật; tỷ lệ ngành nông nghiệp chiếm 75%, nổi bật đặc trưng “nông nghiệp”. Trường hợp tác với 15 trường đại học ở Thái Lan, Việt Nam, Lào, Malaysia, Mỹ, Úc... trong việc trao đổi giảng viên, sinh viên và thực tập sinh; đã cử hơn 70 giảng viên, hơn 520 thực tập sinh và 110 sinh viên; tiếp đón 34 đoàn ASEAN với hơn 550 lượt người; cử 10 đoàn với hơn 30 lượt người sang các nước ASEAN trao đổi.
8	2023	Trường Đại học Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây (trước đây là Trường Cao đẳng Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây)	Tây Bộ	Đại học Hải Phòng Việt Nam: Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang; Đại học Nông nghiệp Quốc gia Việt Nam; Hiệp hội Rượu và Đồ uống Việt Nam								✓	Trường Đại học Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây và Trường Đại học Nông nghiệp Quốc gia Việt Nam đã trao đổi về các nội dung như lãnh đạo hai trường đi thăm lẫn nhau, trao đổi giảng viên và sinh viên, đào tạo ngắn hạn... và đạt được ý định hợp tác. Đoàn của Trường Đại học Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây cũng đã đến thăm các doanh nghiệp bia thuộc Hiệp hội Bia - Rượu - Nước giải khát Việt Nam để tìm hiểu về ngành công nghiệp bia và tình hình sản xuất của doanh nghiệp. Hai bên đã đạt được ý định hợp tác trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật.
9	2023			Đại học Hải Phòng Việt Nam	✓								21 sinh viên chuyên ngành Tiếng Việt ứng dụng, khóa 2021 của Khoa Nhân văn và Nghệ thuật Trường Đại học Nghệ Nông nghiệp Quảng Tây đã sang Trường Đại học Hải Phòng, Việt Nam du học 5 tháng (từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023). Mô hình đào tạo áp dụng là 2+0.5 (Hải Phòng) +0.5.
10	2019	Trường Đại học Nghệ Thiên Tân	Đông Bộ	Viện Khoa học Công nghệ Hàn Việt Nam; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu: Viện Nghiên cứu Giáo dục Khoa học và Doanh nghiệp Bắc Kinh								✓	Tháng 9 năm 2019, Trường Đại học Nghệ Thiên Tân đã ký kết “Thỏa thuận Khung về hợp tác và thực địa quốc tế hóa giáo dục công nghiệp Trung Quốc - Việt Nam” với Viện Công nghệ Hàn Việt Nam, Trường Cao đẳng Công nghệ và Kỹ thuật Bà Rịa - Vũng Tàu và Viện Nghiên cứu Giáo dục Kinh doanh Bắc Kinh. Phía Việt Nam bày tỏ mong muốn thúc đẩy hợp tác sâu rộng hơn trong các lĩnh vực như nghiên cứu và thực tiễn giáo dục nghệ nghiệp, đào tạo và bồi dưỡng giảng viên, đào tạo lưu học sinh, cũng như các cuộc thi kỹ năng quốc tế.
11	2018	Trường Cao đẳng Nghệ Yên Bái	Đông Bộ	Công ty TNHH Công nghệ Logistics Best (Trung Quốc)	✓				✓				Trường Cao đẳng Nghệ Yên Bái hợp tác cùng Công ty TNHH Công nghệ Logistics Best (Trung Quốc) cùng xây dựng Học viện Công nghiệp Công nghệ Logistics Best tại Việt . Công ty liên tiếp lọt vào “Top 50 doanh nghiệp logistics Trung Quốc”, sở hữu năng lực dịch vụ chuỗi cung ứng số hóa và thông minh, hoạt động tại 7 quốc gia bao gồm Việt Nam. Năm 2018, hai bên hợp tác xây dựng ngành học thi điểm chế độ học nghệ hiện đại tỉnh Sơn Đông - Quản lý logistics hiện đại, đào tạo học viên theo mô hình thợ – học trò và áp dụng phương pháp đánh giá hiệu suất gắn kết thợ và học viên. Mô hình này được đánh giá là điển hình tại Sơn Đông, đã có hơn 100 học viên được nhận vào tập đoàn Best, trong đó một số đã làm việc tại Việt Nam.
12	2023	Trường Cao đẳng Nghệ Yên Bái (Đon vị tổ chức) , Trung tâm Hợp tác và Giáo dục Ngôn ngữ Bộ Giáo dục (Đon vị chủ trì)	Đông Bộ	Nga, Việt Nam, Tajikistan, Ý, Myanmar, Belarus		✓	✓	✓	✓				Ngày 25/11, Trường Cao đẳng Nghệ Yên Bái lần thứ ba tổ chức trại đông trực tuyến “Cầu Hàn Ngữ” do Trung tâm Hợp tác và Giáo dục Ngôn ngữ Bộ Giáo dục chủ trì, với chủ đề “Tiếng Trung + Lập kế hoạch Marketing”. Hơn 200 học viên quốc tế từ Nga, Việt Nam, Tajikistan, Ý, Myanmar... tham gia. Ngoài học chuyên ngành marketing, học viên còn trải nghiệm sâu sắc các môn nghệ thuật truyền thống Trung Quốc như hội họa, thư pháp, cắt giấy, nhuộm chàm, góp phần thúc đẩy giao lưu giáo dục nghệ nghiệp và văn hóa giữa các nước.

STT	Thời gian	Đội tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đội tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GDNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
13	2024			Trường Cao đẳng Cơ điện và xây dựng Bắc Ninh									Tháng 11, Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài phối hợp với Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thanh Thanh Đảo tổ chức Trải nghiệm cứu “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề” cho 15 sinh viên đến từ Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh, với khóa học kéo dài 10 ngày bao gồm đào tạo kỹ năng, tham quan doanh nghiệp và trải nghiệm văn hóa. Hoạt động này thúc đẩy sự kết hợp giữa giáo dục và doanh nghiệp, tăng cường hợp tác đào tạo liên kết nghề nghiệp, trao đổi học viên và giao lưu văn hóa giữa Trung Việt Nam, thể hiện đa dạng các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp quốc tế.
14	2024	Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài	Đồng Bộ	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	✓								Tháng 11, Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài và Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội hai bên đã ký kết thỏa thuận. Đạt được nhận thức chung về việc tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo cũng như khám phá các mô hình hợp tác “3.-5+0.5” và “2+1+1”.
15	2024			Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh			✓	✓					Tháng 11, Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh ký kết thỏa thuận hợp tác với Công ty Cơ điện Bắc Ninh, Luxshare Precision và Hải Trí Thanh, chính thức thành lập “Học viện Ban Mãc” (Luxshare Precision) tại Việt Nam. Đồng thời, 16 đại biểu là giáo viên và sinh viên của trường đã sang học tập và nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài, thể hiện sự giao lưu và hợp tác quốc tế hai chiều giữa hai bên.
16	2024			Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	✓								Tháng 11, tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng, đoàn Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài tham quan cơ sở thực hành kỹ thuật sưởi ấm và làm lạnh. Hai bên đã đạt được thỏa thuận về hợp tác giữa các trường và doanh nghiệp Trung-Việt trong việc xây dựng chuyên ngành chung và trao đổi giảng viên, đồng thời tổ chức lễ khánh thành Cơ sở thực hành ở nước ngoài của Kinh Đông Phương (BOE).
17	2024	Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài	Đồng Bộ	Luxshare Precision Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thanh chi nhánh Việt Nam				✓					Tháng 11, đoàn Trường Cao đẳng Nghề Yên Đài đã khảo sát các doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư tại Việt Nam như Luxshare Precision, BOE và Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thanh (Việt Nam), trao đổi việc hợp tác với các công ty để thúc đẩy triển khai các dự án hợp tác giáo dục quốc tế. Tại Công ty Trí tuệ Nhân tạo Hải Trí Thanh (Việt Nam), hai bên đã tổ chức lễ khánh thành Cơ sở đào tạo Yantai Polytechnic College - Hải Trí Thanh (Việt Nam) và trao đổi sâu rộng về việc tăng cường liên kết giữa giáo dục và sản xuất, hợp tác quốc tế cũng như thúc đẩy xuất khẩu giáo dục nghề nghiệp.
18	2024	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh	Đồng Bắc Bộ	Trường Cao đẳng Nghề Bách khoa Hà Nội Công ty TNHH Trí tuệ Nhân tạo Hải Trí Thanh (Việt Nam)	✓	✓	✓					✓	Năm 2023, Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh bắt đầu xây dựng dự án “Mãc Tư Workshops”. Năm 2024, phối hợp với Chi nhánh công ty Hải Trí Thanh Thanh Đảo tại Việt Nam và Trường Cao đẳng Bách khoa Hà Nội, cùng xây dựng “AI Công nghiệp Trung - Việt Mãc Tư Workshops”, thúc đẩy đào tạo nhân tài quốc tế và xây dựng cơ sở đào tạo. Tháng 6 ký kết hiệp định, tháng 11 tổ chức lớp nghiên cứu “Trang thiết bị thông minh + Di sản văn hóa phi vật thể” với 15 sinh viên Việt Nam tham gia học 8 ngày, gồm giảng dạy kỹ năng và tham quan doanh nghiệp. Dự án góp phần thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục nghề nghiệp và phát triển doanh nghiệp Trung Quốc ở nước ngoài.
19	2019	Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thương Châu	Đồng Bộ	Công ty TNHH Máy dệt Ngũ Dương Công ty TNHH Dệt kim Tô Châu Húc Vinh Tập đoàn Thiết bị Thông minh Á Long Trường Trung cấp Nghề Khu Nam Tây Ninh	✓	✓						✓	Tháng 5, Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thương Châu với các doanh nghiệp như Công ty Dệt May Ngũ Dương cùng dựng “Học viện Con đường Tô lụa Thương Châu -Việt Nam”, ký thỏa thuận hợp tác nhà trường - doanh nghiệp, thúc đẩy đào tạo gắn kết thực tiễn. Tháng 12, Trung tâm Đào tạo Con đường Tô lụa chính thức thành lập tại tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Nội dung hợp tác gồm: thành lập cơ quan chuyên trách, phát triển hợp tác sâu rộng, đào tạo kỹ năng và tuyển sinh du học sinh, xây dựng học viện đào tạo thực hành tại Việt Nam, thành lập đội ngũ chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam.

STT	Thời gian	Đội tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đội tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GĐNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
20	2020	Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu	Đồng Bộ	Khu công nghiệp Thành Công Việt Nam, Tập đoàn Ngưu Dương (Việt Nam)				✓	✓				Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu tích cực hướng ứng BRL, hỗ trợ doanh nghiệp “đi ra ngoài”. Trong thời gian covid-19, chuyển giao tiêu chuẩn và chương trình khóa học “Nhóm dệt kim” cho bên Việt Nam. Hợp tác với Hoa Lợi Đạt (Việt Nam) thành lập Học viện Con đường Tự lựa Thường Châu (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam) tại Việt Nam, đào tạo sinh viên theo đơn đặt hàng. Chuyên ngành dệt may đào tạo 137 nhân viên Công ty Ngưu Dương tại Việt Nam Chuyên ngành cơ điện mua sắm thiết bị thực hành thông minh, thực dạy chứng chỉ “1+X”. Chuyên ngành thiết kế thời trang mở rộng đào tạo nhân viên và sinh viên theo đơn đặt hàng cùng Hoa Lợi Đạt.
21	2022	Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu	Đồng Bộ	Trung tâm Hoa Lợi Đạt (Việt Nam)	✓								Lễ ký kết và khánh thành C(Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam). Hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp trong khuôn khổ này đã đạt được ba điểm đổi mới: Thứ nhất, khám phá mô hình đào tạo nhân tài mới, tận dụng nguồn lực của cả hai nước Trung - Việt để cùng nghiên cứu phương thức đào tạo mới. Thứ hai, mở rộng và đào sâu hướng hợp tác giữa Trường Thường Phương và doanh nghiệp, tạo ra những chủ đề hợp tác mới. Thứ ba, mang lại cơ hội phát triển mới cho cả hai bên, xây dựng mô hình “chủ trình kép”, thúc đẩy sự phát triển bền vững của hợp tác giữa nhà trường và
22	2022			Trung tâm Hoa Lợi Đạt (Việt Nam)							✓		Đã ký kết thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp tại Học viện Con đường Tự lựa.
23	2022	Trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu	Đồng Bộ	Công ty TNHH Máy dệt Ngưu Dương; Công ty TNHH Dệt kim Tô Vinh Giang Tô; Tập đoàn Thiết bị Thông minh A Long			✓						Đã thành lập Học viện Con đường Tự lựa Thường Châu và đã tiếp nhận hai đoàn sinh viên Việt Nam đến học tập kỹ thuật tại Trường Cao đẳng Dệt may Thường Châu.
24	2024			Trường Cao đẳng Nghề Long Biên Việt Nam Tổng Công ty May 10 Việt Nam							✓		Hai trường lên kế hoạch thúc đẩy hợp tác và giao lưu quốc tế sâu rộng hơn nhằm phục vụ hợp tác năng lực sản xuất quốc tế, tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa, cũng như bồi dưỡng nhân tài theo hướng quốc tế hóa.
25	2021	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Bắc	Đồng Bộ	Công ty TNHH Dệt may XDD Việt Nam				✓				✓	“Tiếng Trung Workshops” do Trung tâm Hợp tác và Giáo dục Ngôn ngữ thành lập năm 2021, chủ yếu đặt tại doanh nghiệp Trung Quốc ở nước ngoài hoặc trường nghề nước ngoài, cung cấp giáo viên và tài nguyên từ các trường trong nước và doanh nghiệp, triển khai đào tạo tiếng Trung quốc tế và kỹ năng nghề, thực dạy mô hình “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề” quốc tế hóa, đào tạo nhân lực bản địa đa năng vừa biết tiếng Trung vừa có kỹ năng nghề. Mô hình kết hợp học tiếng Trung và nhu cầu nghề nghiệp, nâng cao giá trị thực tiễn của tiếng Trung. Đã thành lập 19 “Tiếng Trung Workshops” tại Thái Lan, Malaysia, Argentina... Trong đó, “Tiếng Trung Workshops Công ty Dệt XDD Việt Nam” của Đại học Khoa học Công nghệ Hà Bắc là dự án đầu tiên được phê duyệt.
26	2015	Trường Trung học Nghề Tỉnh Tây	Tây Bộ	Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	✓			✓					Trường Trung học Nghề Tỉnh Tây mở lớp học tiếng Trung ứng dụng dành cho học viên Việt Nam, đón nhận khóa học sinh đầu tiên vào năm 2025. Năm tăng cường giao lưu kinh tế xã hội khu vực biên giới Việt – Trung, đào tạo nhân lực phiên dịch song ngữ, hỗ trợ phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch và văn hóa, hướng tới phát triển cùng có lợi. Học viên tuyển chọn là người được Sở Giáo dục tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) giới thiệu, tuổi từ 18-40, trình độ từ THCS trở lên, sức khỏe tốt. Thời gian học một năm, mỗi lớp 20-30 học viên. Học viên có thể chọn lớp trung cấp hoặc cao đẳng, bằng trung cấp do trường nghề Tỉnh Tây cấp, bằng cao đẳng có thể do trường Tỉnh Tây hoặc Trường Cao đẳng Nghề Thương mại Quốc tế Quang Tây cấp.

STT	Thời gian	Đổi tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đổi tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GDNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
27	2024	Trường Cao đẳng Nghề Nghiệp Hàm Ninh	Trung Bộ	Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh				✓					Chiều ngày 30/11/2023, lễ bế giảng lớp đào tạo “Tiếng Trung + Kỹ năng” giữa Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh (Việt Nam) được tổ chức tại Trung tâm thực hành đào tạo của một trường đại học tỉnh Hubei, thành phố Hiên Ninh, Trung Quốc. Buổi lễ đánh dấu thành tựu bước đầu của học viên trong học tập văn hóa và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, góp phần thúc đẩy hợp tác giáo dục Việt – Trung. Buổi lễ do Hiệu trưởng Khoa Công nghiệp ông Ngô Đào chủ trì, có sự tham gia của Giám đốc khu vực Công ty Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Trần Thanh Đảo – ông Kim Chí Vĩ, Bí thư Đảng ủy Khoa Công nghiệp bà Liễu Minh Châu cùng đại diện giáo viên và học viên Trường Cao đẳng Bắc Ninh.
28	2014			Bộ Y tế Việt Nam; Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam; Trường Đại học Y Hà Nội; Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương Việt Nam; Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh; Bệnh viện Y học cổ truyền Tp. Hồ Chí Minh.									Từ ngày 10 đến 16 tháng 4, hai giáo viên của Đại học Y học Cổ truyền Quảng Tây, dưới sự hỗ trợ phiên dịch tiếng Việt Nguyễn Văn Giáp, đã đến thăm hữu nghị và thăm gia đình học sinh tại các thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Tp. Hồ Chí Minh. Đoàn đã thăm Bộ Y tế Việt Nam, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, Trường Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương Việt Nam, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Trường Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh, Bệnh viện Y học cổ truyền Tp. Hồ Chí Minh, tìm hiểu thực trạng y học cổ truyền Việt Nam và trao đổi sâu rộng về hợp tác trao đổi sinh viên, giao lưu giảng viên và liên kết đào tạo. Đoàn cũng đã gặp gỡ phụ huynh học sinh tại ba địa phương, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình và mong muốn của phụ huynh, đồng thời giới thiệu về kết quả học tập của học sinh, kêu gọi sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường nhằm giúp học sinh hoàn thành tốt việc học tập. Phụ huynh rất trân trọng sự quan tâm của nhà trường và giáo viên.
29	2023	Trường Đại học Y Dược cổ truyền Quảng Tây	Tây Bộ	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam Trường Đại học Y Dược Hải Phòng		✓							Từ ngày 5 đến 13 tháng 12, Đại học Y học Cổ truyền Quảng Tây, dựa trên “Học viện Thọ lãnh nghề nghiệp đại Y học Cổ truyền Trung Quốc - Việt Nam” và “Dự án Phát triển Trung tâm Y học Cổ truyền Trung - Việt”, đã cử 7 chuyên gia đến Đại học Y học Cổ truyền Việt Nam và Đại học Dược Hải Phòng tổ chức các hoạt động quảng bá y học dân tộc và cổ truyền. Các chuyên gia đã tổ chức 12 buổi giảng học thuật tại Việt Nam với khoảng 1000 giảng viên và sinh viên tham dự, nội dung bao gồm các phương pháp châm cứu dân tộc Tráng, liệu pháp giác hơi, liệu pháp ông tre và nhiều liệu pháp truyền thống khác. Đồng thời, tại Hải Phòng đã tổ chức buổi hội chẩn và giảng dạy chung, khám và điều trị cho 17 bệnh nhân với các bệnh thường gặp như đau lưng, zona, phong thấp, mất ngủ, liệt mặt, ho, có khoảng 100 sinh viên thực tập và bác sĩ bệnh viện trực thuộc tham gia, nâng cao năng lực thực hành lâm sàng và tầm ảnh hưởng quốc tế của y học cổ truyền.
30	2023			Trường Đại học Phenikaa Việt Nam								✓	Ngày 9 tháng 10, đoàn đại biểu Trường Đại học Phenikaa Việt Nam gồm 4 người đã đến thăm Trường Đại học Y Dược cổ truyền Quảng Tây. Hai bên đồng ý tiếp tục trao đổi và thảo luận về các hướng hợp tác như liên kết đào tạo, du học tại Trung Quốc, và phát triển chung các sản phẩm y dược cổ truyền.
31	2023			Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Liễu Quảng Tây Trường Đại học Y học Cổ truyền Việt Nam	✓	✓							Tháng 9, Trường Đại học Y dược cổ truyền Quảng Tây chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Dược phẩm Liễu Dược Quảng Tây và Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, thành lập “Học viện Thọ lãnh nghề nghiệp đại Y học Cổ truyền Trung Quốc - Việt Nam”, được Sở Giáo dục Khu tự trị Quảng Tây phê duyệt là học viện duy nhất có đặc trưng y dược cổ truyền trong số các Học viện Thọ lãnh nghề nghiệp đại Trung – ASEAN giải đoạn đầu. Tháng 12, học viện phối hợp tổ chức hoạt động giảng dạy và khám chữa bệnh chung tại Việt Nam, thực hiện 12 buổi giảng chuyên đề với khoảng 1.000 học viên tham dự, đồng thời tiến hành chẩn trị lâm sàng tại Hải Phòng, phục vụ người dân địa phương.

STT	Thời gian	Đối tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đối tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GĐNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
32	2024	Trường Đại học Y Dược cổ truyền Quảng Tây	Tây Bộ	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng Việt Nam		✓							Từ ngày 12 đến ngày 16 tháng 11, đoàn công tác Trường Đại học Y được cử truyền Quảng Tây đã đến thăm Trường Đại học Y được Hải Phòng, tổ chức các hoạt động giao lưu giảng dạy liên quan đến dự án bồi dưỡng Trung tâm hai ngoại và tham dự lễ kỷ niệm 45 năm thành lập trường. Tại hội thảo học thuật y được cử truyền do Khoa Y học cổ truyền tổ chức, các chuyên gia Trung Quốc đã giảng bài cho khoảng 100 giảng viên và sinh viên. Chuyến thăm này góp phần tăng cường hợp tác giữa hai bên trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu và điều trị y được cổ truyền, đồng thời tạo nền tảng cho việc cùng đề xuất xây dựng Trung tâm hai ngoại thuộc Cục Quản lý y được cổ truyền Trung Quốc trong tương lai.
33	2019	Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc - ASEAN ; Trung tâm Chuyển giao Công nghệ ASEAN Quảng Tây ; Trường Đại học Y Dược cổ truyền	Tây Bộ	Cục Ứng dụng Phát triển công nghệ, Bộ Khoa học Công nghệ Việt Nam; Cục Quản lý Y Dược cổ truyền, Bộ Y tế Việt Nam; Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Hồ trợ Việt Nam		✓	✓						Ngày 30 tháng 7, Hội nghị kết nối hợp tác chuyển giao công nghệ y được cổ truyền Trung Quốc – Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội, do Trung tâm Chuyển giao Công nghệ ASEAN Quảng Tây và Cục Ứng dụng và Phát triển Công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam) đồng chủ trì, với sự phối hợp của Cục Quản lý Y được cổ truyền (Bộ Y tế Việt Nam) và sự đồng tổ chức của Trung tâm Chuyển giao Công nghệ ASEAN Quảng Tây, Trường Đại học Y được cổ truyền Quảng Tây cùng Trung tâm Hợp tác Chuyển giao Công nghệ Việt Nam. Đây là hoạt động kết nối kỹ thuật trực tiếp đầu tiên kể từ khi thiết lập cơ chế hợp tác song phương giữa hai bên.
34	2016	Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc - ASEAN (CATTC) (Đơn vị tổ chức) Đại học Y Dược cổ truyền Quảng Tây (Đơn vị thực hiện)	Tây Bộ	Cục Ứng dụng Phát triển Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Đơn vị tổ chức)		✓	✓						Ngày 16 tháng 6, Hội nghị kết nối kỹ thuật và đầu tư Trung Quốc – Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội, với sự tham gia kết nối của 38 doanh nghiệp Trung Quốc và hơn 40 cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam. Đây là năm thứ ba liên tiếp Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc – ASEAN tổ chức hoạt động kết nối kỹ thuật tại Việt Nam. Kể từ khi thành lập năm 2013, trung tâm đã liên kết với 1763 thành viên, tổ chức hơn 20 sự kiện chuyển giao công nghệ, thúc đẩy gần 400 thỏa thuận hợp tác giữa doanh nghiệp Trung Quốc và ASEAN với tổng giá trị gần 600 triệu NDT. Quảng Tây còn thiết lập 7 cơ sở trình diễn công nghệ nông nghiệp tại các nước ASEAN như Việt Nam với tổng diện tích 1300 mẫu, đồng thời tổ chức các lớp đào tạo quốc tế nhằm bồi dưỡng nhân lực kỹ thuật cho các nước ASEAN, thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp và bảo vệ môi trường.
35	2023	Trường Đại học Y được cổ truyền Quảng Tây	Tây Bộ	Đại học Y được cổ truyền Việt Nam		✓							Ngày 18 tháng 12, đoàn đại biểu gồm 15 người của Đại học Y được cổ truyền Việt Nam đã đến thăm và làm việc tại Trường Đại học Y được cổ truyền Quảng Tây, đồng thời ký kết MOU. Theo MOU, hai bên sẽ triển khai hợp tác toàn diện trong các lĩnh vực như trao đổi sinh viên, giao lưu học thuật giữa giảng viên và cán bộ, xây dựng và phát triển cơ sở thư hai của phía Việt Nam, cũng như nghiên cứu khoa học. Hai trường ký vòng sẽ đưa vào nền tảng “Học viện Thư lĩnh nghề hiện đại Y học Cổ truyền” để xây dựng nền tảng đổi mới cho hợp tác và giao lưu giáo dục y được cổ truyền giữa hai nước.
36	2022	Sở Giáo dục Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây	Tây Bộ	Bốn tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang và Ninh Việt	✓								Trong những năm gần đây, Quảng Tây (Trung Quốc) hàng năm cấp 18-25 suất học bổng đại học và sau đại học cho bốn tỉnh biên giới của Việt Nam. Trong đó, tỉnh Lạng Sơn và Hà Giang mỗi năm cấp 2-5 suất học bổng đại học cho Quảng Tây, sinh viên theo học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ năm 2016 đến nay, tỉnh Cao Bằng đã cử 56 sinh viên đại học và 32 cán bộ, công chức, viên chức sang Quảng Tây học tập. Hai bên đã ký kết MOU, thống nhất tiếp tục duy trì cơ chế tham vấn trong lĩnh vực giáo dục giữa Quảng Tây và bốn tỉnh biên giới của Việt Nam, đồng thời thiết lập cơ chế liên lạc và phối hợp song phương.

STT	Thời gian	Đối tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đối tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GĐNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
37	2018	Trường Cao đẳng Nghề Kinh tế và Thương mại Quảng Tây	Tây Bộ	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang				✓					Trường Cao đẳng Nghề Kinh tế và Thương mại Quảng Tây hợp tác với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang tổ chức khóa đào tạo giảng viên kéo dài 5 ngày cho 9 giảng viên Việt Nam, gồm các nội dung: Chia sẻ Vành đai và Con đường, Kỹ năng máy móc tại “Yilu Workshops” và kỹ năng nấu ăn tại “Học đường Yí Yin”. Dự án nhằm thúc đẩy sự hiểu biết của giảng viên Việt Nam đối với văn hóa Trung Quốc, đồng thời tăng cường giao lưu và hợp tác trong các lĩnh vực chuyên môn như may mặc và ẩm thực.
38	2011			Trường Cao đẳng trực thuộc Ngành Kinh và Gốm xây dựng Việt Nam								✓	Ngày 14 tháng 4, đoàn gồm 6 người từ Trường Cao đẳng Nghề trực thuộc ngành kinh và gốm xây dựng Việt Nam (VIGLACERA) đã đến thăm và làm việc tại Trường Cao đẳng Nghề Kinh tế và Thương mại Quảng Tây. Hai bên đã ký kết thỏa thuận hợp tác.
39	2023			Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	✓								Trường Đại học Nghề Nam Ninh hợp tác với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn để triển khai chương trình liên kết đào tạo “2+1”, trong năm 2023 đã cử 45 sinh viên sang học tập tại trường nhân văn.
40	2023			Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội Việt Nam; Công ty TNHH Công nghệ Funair Tô Châu Việt Nam; Liên minh Doanh nghiệp Ngành Điện tử Miền Bắc									Nhà trường đã hợp tác với Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội; Công ty TNHH Công nghệ Funair Tô Châu tại Việt và Liên minh doanh nghiệp ngành điện tử Khu vực phía Bắc Việt Nam để cùng xây dựng Học viện Thợ lành nghề hiện đại ngành Thông tin Điện tử Trung Quốc - Việt Nam, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật và kỹ năng bản địa hóa phục vụ hợp tác sản xuất quốc tế hướng tới ASEAN. Tháng 9, dự án này đã được Sở Giáo dục Quảng Tây công nhận là một trong những dự án đặc sắc thuộc nhóm “Học viện Thợ lành nghề hiện đại Trung Quốc - ASEAN” đầu tiên.
41	2023			Công ty Giáo dục và Đào tạo HICAD Việt Nam		✓							Nhà trường đã hợp tác với Công ty Giáo dục và Đào tạo HICAD Việt Nam để thành lập các cơ sở đào tạo hải ngoại tại ASEAN.
42	2023	Trường Đại học Nghề Nam Ninh (trước đây là Trường Cao đẳng Nghề Nam Ninh)	Tây Bộ	Các nước Asean					✓				Nhà trường đã xây dựng 38 bộ tiêu chuẩn chuyên ngành và tiêu chuẩn chương trình đào tạo cho các cơ sở giáo dục tại các nước ASEAN, bao gồm Việt Nam. Ba môn học, bao gồm “Công nghệ Trí tuệ Nhân tạo”, cùng với năm gói tài nguyên đào tạo quốc tế hóa, bao gồm “Tiếp thị Truyền thông Mới”, đã được Sở Giáo dục công nhận là tài nguyên giáo dục nghề nghiệp quốc tế hóa hướng tới ASEAN.
43	2023			Bồn tình biên giới Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Gian Việt Nam			✓						Chữ trì Hồi nghi tham vấn giáo dục giữa Quảng Tây và các tỉnh Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Hà Giang, tích cực triển khai các dịch vụ quốc tế hướng tới doanh nghiệp, chính phủ, trường học ở nước ngoài, hỗ trợ doanh nghiệp “đi ra thế giới”, đồng thời mở rộng tầm ảnh hưởng quốc tế của nhà trường thông qua nhiều nền tảng, lĩnh vực và góc độ khác nhau.
44	2023			Các nước ASEAN				✓					Nhằm phục vụ công nhân kỹ thuật của các doanh nghiệp “đi ra thế giới”, giảng viên đại học, cán bộ công chức và sinh viên, các cơ quan hữu quan của Quảng Tây đã thiết kế và triển khai các chương trình đào tạo chuyên đề “Tiếng Trung +” trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin điện tử, thương mại điện tử xuyên biên giới, kỹ thuật phần mềm, kỹ thuật xây dựng, logistics hiện đại, thiết kế thời trang. Bằng cách xây dựng các điểm đào tạo ở nước ngoài, Quảng Tây đã tổ chức các lớp đào tạo thương mại điện tử xuyên biên giới “Tiếng Trung +” tại các quốc gia ASEAN như Việt Nam; tổ chức lớp đào tạo thương mại điện tử Trung Quốc – ASEAN, lớp tập huấn cho cán bộ cấp cao thành phố Hải Phòng (với sự tham gia của 10 cán bộ cấp cao), trại huấn luyện phát thanh viên, lớp đào tạo nhân viên cứu hộ được chứng nhận quốc tế, lớp học chứng chỉ 1+X về giáo dục mầm non dành cho nhân tài kỹ thuật chất lượng cao Trung Quốc – ASEAN, và khóa đào tạo kỹ năng dành cho chuyên gia an ninh thông tin đã đăng ký. Tổng số lượt đào tạo đối ngoại trong năm 2023 đạt 11.416 lượt người.

STT	Thời gian	Đội tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đội tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GĐNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
45	2023	Trường Đại học Nghệ Nam Ninh (trước đây là Trường Cao đẳng Nghệ Nam Ninh)	Tây Bộ	Hải Phòng, Việt Nam				✓					Ngày 8 tháng 8, tổ chức lớp bồi dưỡng thực tế dành cho công chức cấp cao thành phố Hải Phòng, với sự tham gia của 10 công chức cấp cao từ thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
46	2023			Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang	✓								Ngày 8 tháng 8, tổ chức lớp bồi dưỡng công chức cấp cao thành phố Hải Phòng, với sự tham gia của 10 công chức cấp cao từ thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Trường Đại học Nghệ Nam Ninh thiết lập quan hệ hợp tác với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang, đào tạo nhân tài liên ngành theo mô hình “Ngoại ngữ + Công nghệ thương mại điện tử xuyên biên giới”.
47	2019			Công ty TNHH Công nghệ Goertek (Việt Nam) Trường Đại học Bách khoa Hà Nội								✓	Ký kết hợp tác xây dựng “Học viện Sản xuất Thông minh (Việt Nam)”.
48	2023			Công ty TNHH Công nghệ Goertek (Việt Nam)		✓			✓				Tháng 10, tiêu chuẩn giáo dục nghệ nghiệp cho nhóm vị trí “Bảo trì và Điều chỉnh thiết bị” cùng tài nguyên giảng dạy cho nhóm vị trí này, được xây dựng chung với Goer (Việt Nam), đã được phê duyệt thành công làm dự án uơm tạo của tỉnh Sơn Đông. Cùng năm, vào tháng 11, đoàn thăm các cơ sở hợp tác giáo dục của Goer Việt Nam thuộc nhóm “cầu Hân ngữ” do Trung tâm Hợp tác và Giáo dục Ngôn ngữ của Bộ Giáo dục tổ chức đã đến Trung Quốc, và tại trường chúng tôi đã thành công tổ chức Hội nghị Hiệu trưởng Trung-Việt lần đầu tiên.
49	2024	Trường Cao đẳng Nghệ Giao thông Sơn Đông	Đông Bộ	Trường Cao đẳng Lý Thái Tổ Công ty TNHH Công nghệ Goertek (Việt Nam)	✓	✓			✓	✓			Tháng 1, Trường Cao đẳng Nghệ Giao thông Sơn Đông phối hợp với Trường Cao đẳng Lý Thái Tổ Việt Nam và Công ty Goer cùng thành lập “Học viện Việt Nam - Ban Mặc”, mở ra chặng đường mới cho hợp tác giáo dục nghệ nghiệp quốc tế. Ba bên đã thông qua điều lệ của học viện, xây dựng kế hoạch công tác năm 2024, thảo luận sâu về hợp tác đào tạo sinh viên, trao đổi giảng viên, giao lưu sinh viên, đào tạo nhân lực bản địa hóa ở nước ngoài, phát triển tiêu chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng nguồn học liệu chung, đào tạo “Kỹ năng + Tiếng Trung”, và phát triển kho nguồn liệu chuyên ngành song ngữ Trung - Việt, đồng thời đạt được nhiều biện pháp cụ thể đề triển khai. Đặc biệt, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của Goer Việt Nam, ba bên đã xây dựng kế hoạch tuyển chọn sinh viên, phối hợp đào tạo, quản lý quá trình, đánh giá và cơ chế rút lui theo mô hình đào tạo nhân lực “1+1+1”. Tính đến tháng 5, Học viện Ban Mặc đã phát triển 18 tiêu chuẩn chương trình đào tạo song ngữ Trung - Việt, 12 nguồn học liệu, cử 15 lượt giảng viên và sinh viên sang Việt Nam trao đổi, hợp tác sâu rộng với 6 trường cao đẳng, đã đào tạo cho 1200 lượt công nhân của Goer Việt Nam và tổ chức đào tạo “Tiếng Trung + kỹ năng nghề” cho hơn 530 lượt sinh viên các trường cao đẳng Việt Nam.
50	2024			Trường Cao đẳng Công nghệ Việt Hàn Bắc Giang; Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh								✓	Học viện Ban Mặc – Việt Nam của Trường Cao đẳng Nghệ Giao thông Sơn Đông cũng đã ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo nhân tài với Trường Cao đẳng Công nghệ Việt-Hàn Bắc Giang và Trường Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh, đồng thời đạt được thỏa thuận về việc đào tạo ngắn hạn cho sinh viên Việt Nam tại Trung Quốc.

STT	Thời gian	Đối tác bên Trung	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đối tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GĐNN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
													Tháng 5, Trường Cao đẳng Nghề Liễu Châu phối hợp với Công ty Cổ phần Cơ khí Liễu Công Quảng Tây và Trường Cao đẳng Điện tử Cơ khí Hà Nội ký kết hợp tác, chính thức khởi động dự án xây dựng Học viện Thợ giỏi Quốc tế tại Việt Nam. Dự án này mô phỏng mô hình xây dựng học viện thợ giỏi quốc tế điển hình mà Liễu Châu Nghề và Liễu Công đã triển khai thành công tại Thái Lan và Indonesia, áp dụng mô hình phân công xây dựng “Thiết bị Liễu Công + Tiêu chuẩn và chứng nhận đào tạo của Liễu Châu Nghề + Cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên của HCEM”. Đồng thời, dự án được tối ưu hóa nâng cấp, dựa trên dịch vụ cho Liễu Công, dưới sự hỗ trợ của Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, sẽ tích hợp nguồn lực của các doanh nghiệp Trung Quốc khác tại Việt Nam, xây dựng chuẩn mực hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung - Việt mới với tiêu chuẩn cao.
51	2024	Trường Cao đẳng Nghề Liễu Châu	Tây Bộ	Công ty TNHH Liễu Công Việt Nam Trường Cao đẳng Cơ điện Hà Nội	✓				✓				Tháng 11, Hội nghị Học thuật Quốc tế về Công nghệ Cam lần thứ bảy (International Conference on Orange Technologies, viết tắt là ICOT) đã được tổ chức tại Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Thông tin Trường Châu. Hội nghị do Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Thông tin Trường Châu phối hợp cùng Đại học Thành Công Đại Loan, Đại học Công nghệ Tây Bắc và Đại học Khoa học Kỹ thuật Đại Nhân Đại Loan đồng tổ chức. Sự kiện thu hút hơn 60 chuyên gia, học giả đến từ các quốc gia và khu vực như Úc, Hàn Quốc, Indonesia, Việt Nam, Đài Loan và Hồng Kông tham dự.
52	2019	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Thông tin Trường Châu	Đông Bộ	Các quốc gia và khu vực như Úc, Hàn Quốc, Indonesia, Việt Nam, Đài Loan, Hong Kong.		✓							Thực hiện hợp tác giáo dục quốc tế, hai bên đã tổ chức 7 lượt trao đổi và thăm viếng, tiến hành 2 hội thảo chuyên đề học thuật và kỹ kết 4 thỏa thuận hợp tác.
53	2017			Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang		✓							Đoàn đại biểu gồm 4 người từ Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang, Việt Nam đã đến thăm và trao đổi với Trường Cao đẳng Môi trường Sinh học Hồ Nam về hợp tác giáo dục. Hai bên đã ký kết MOU và “Thỏa thuận hợp tác về ứng dụng và phổ biến công nghệ nuôi trồng sinh thái bằng thảo dược nano phức hợp”. Việc đạt được thỏa thuận hợp tác về “Ứng dụng và phổ biến công nghệ nuôi trồng sinh thái bằng thảo dược nano phức hợp” đánh dấu nội dung hợp tác thực chất đầu tiên giữa Trường Cao đẳng Môi trường Sinh học Hồ Nam và Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang.
54	2017			Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang		✓							Tháng 7, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Sinh học Môi trường Hồ Nam và Trung tâm Phát triển Nông nghiệp Trung ương Việt Nam đã tổ chức lễ ký kết hợp tác phát triển kỹ thuật nông nghiệp. Sự hợp tác này là kết quả của việc Trường Cao đẳng Sinh học Môi trường Hồ Nam bắt đầu hợp tác quốc tế với Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang từ năm 2017. Đại diện phía Việt Nam, ông Trần Văn Khôi, đã giới thiệu sơ lược về Trung tâm Phát triển Nông nghiệp Trung ương và kinh nghiệm thành công của Việt Nam trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời, hai bên cũng đã nghe báo cáo về kết quả và tiến độ phổ biến dự án “Kỹ thuật nuôi trồng sinh thái bằng thảo dược nano phối hợp” do trường và Đại học Nông lâm Bắc Giang cùng phát triển.
55	2018	Trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam	Trung Bộ	Trung tâm Truyền bá Nông nghiệp Trung ương Việt Nam		✓							Hai bên đã xây dựng nền tảng hợp tác quốc tế “Trung Hoàn - Bắc Giang”: lần lượt ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác như “Nghiên cứu công nghệ trồng và chế biến hiệu quả cây trà dầu tại tỉnh Lương Sơn”, “Nghiên cứu công nghệ nuôi ếch bò mật độ cao”... Đồng thời, hai bên đã cùng xây dựng Trung tâm Hợp tác Nông nghiệp Trung - Việt và Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ Chăn nuôi Gà Sinh thái bằng Dược liệu Trung - Việt.
56	2024			Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang		✓		✓					

STT	Thời gian	Đối tác bên Trung gian	Thuộc vùng kinh tế TQ	Đối tác hợp tác nước ngoài	8 loại hình hợp tác theo luận GDDN Việt Nam								Nội dung hợp tác
					1	2	3	4	5	6	7	8	
57	2018	Trường Cao đẳng Nghề nghiệp Quảng Tây	Tây Bộ	Dự án nước ngoài về củ năng ở Quy Nhơn, Việt Nam của Công ty Trúc trại Quảng Tây				✓					Trường Cao đẳng Nghề nghiệp Quảng Tây đã tổ chức khóa đào tạo kéo dài 3 tháng về tiếng Việt và chương trình MBA cho hơn 40 cán bộ quản lý trung cấp được cử sang làm việc tại Dự án sản xuất ngoại Quy Nhơn của Nông trường Quảng Tây tại Việt Nam.
58	2018			Trường Cao đẳng Hữu nghị Viêng Chăn – Hà Nội	✓								Ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hữu nghị Viêng Chăn - Hà Nội, triển khai các hoạt động hợp tác như trao đổi cán bộ quản lý giáo dục, giao lưu giáo dục nghề nghiệp, trao đổi giáo viên ngôn ngữ hoặc chuyên ngành, liên kết chương trình đào tạo, công nhận tín chỉ và giao lưu văn hóa giữa giảng viên và sinh viên. Hai bên đã trao đổi 43 sinh viên giữa Việt Nam và Trung Quốc.
59	2024	Trường Cao đẳng nghề Thương mại và Ngoại thương Hà Bắc	Đông Bộ	Đại học Thanh Đông Việt Nam	✓								Thông qua việc cùng xây dựng phân viên ở nước ngoài và triển khai chương trình hợp tác đào tạo quốc tế “1+2+1”, hai bên sẽ có thêm nền tảng mới để hợp tác, góp phần đào tạo nhiều nhân tài chất lượng cao với tầm nhìn quốc tế. Trường Đại học Thanh Đông có lịch sử phát triển chưa lâu, nhưng đã dần thể hiện lợi thế chuyên môn trong các lĩnh vực y học, kỹ thuật và quản lý kinh tế, đồng thời đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thúc đẩy giáo dục quốc tế hóa. Trong lễ khai trương diễn ra ngay sau đó, Viện trưởng Lý Yển Pha và Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Hoa Lý đã cùng nhau khai trương “Học viện Đối Hả” được thành lập tại Trường Đại học Thanh Đông, Việt Nam.

- Theo Luật GDDN năm 2014 của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong GDDN, các hình thức hợp tác quốc tế trong GDDN được quy định tại Điều 47. Cụ thể là:
- Liên kết đào tạo.
 - Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở GDDN nước ngoài tại Việt Nam.
 - Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học.
 - Trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo.
 - Tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.
 - Mở văn phòng đại diện cơ sở GDDN của Việt Nam ở nước ngoài.
 - Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật. [5, tr. 27]